

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Dịch giả: **THÍCH DUY LỰC**

PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ CỦA THIỀN TÔNG

PHẬT PHÁP VỚI THIỀN TÔNG

(Tái bản lần thứ ba có chỉnh sửa)

- **PHẬT PHÁP VỚI THIỀN TÔNG**
- **ĐẠI HUỆ NGŨ LỤC**
- **THAM THIỀN CẢNH NGŨ**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI – PL 2558 – DL 2014**



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

thực hiện

Trụ sở: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Văn phòng giao dịch: Chùa PHỐ QUANG

64/3 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM

ĐT: (08) 3846 9721 - 3997 7100 - 0123 828 8338



PHẬT PHÁP VỚI THIỀN TÔNG

PHẬT PHÁP VỚI THIỀN TÔNG

Chữ Phật là tiếng Phạn gọi là Phật Đà dịch nghĩa là Giác Ngộ. Chữ Pháp là bao gồm tất cả hiện tượng vũ trụ, không gian, thời gian và số lượng, từ tất cả những điều con người đã hiểu biết được cho đến tất cả những điều con người chưa thể tìm hiểu được, “Hoặc có, hoặc không, hoặc chẳng có chẳng không, hoặc cũng có cũng không”, đều gọi là Pháp. Nghĩa là bất cứ sự vật gì do loài người biết được hay không biết được đều bao gồm trong chữ Pháp nên cũng gọi là Pháp Giới.

Nói giác ngộ là giác ngộ cái gì? Là giác ngộ tự tâm của chính mình. Tự Tâm cũng gọi là Tự Tánh cho nên người giác ngộ gọi là KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT cũng gọi là MINH TÂM KIẾN TÁNH.

Vậy Tự Tánh là gì? Bản thể của Tự Tánh cùng khắp không gian, thời gian siêu việt số lượng, chỗ bộ óc suy lường chẳng thể đến, nên dùng văn tự lời nói chẳng thể diễn tả, chỉ có thể tự tu tự chứng, để nó tự hiện ra mà thôi (*Phật Thích Ca có đích thân truyền pháp Thiền trực tiếp, theo đó tu hành sẽ đưa mình đến chỗ minh tâm kiến tánh*).

Mặc dù nói bộ óc chẳng thể suy lường, nhưng tập khí lâu đời của con người thì hay dùng bộ óc đi nghiên

cứu, tìm hiểu tất cả hiện tượng thế giới và những điều loài người chưa biết được. Nếu cứ theo tập khí của con người đi tìm hiểu mãi thì vĩnh viễn không thể giác ngộ Tự Tánh nên Phật Thích Ca phải dùng nhiều phương tiện khéo léo để chấm dứt cái tánh ham tìm hiểu và chấp thật của con người, khai thác một con đường bằng phẳng cho con người tự đi đến kiến tánh.

Con đường bằng phẳng của Phật Thích Ca khai thác ra là quét sạch tất cả tư tưởng chấp thật của loài người, cũng như chấp có là thật có, chấp không là thật không, chấp chơn là thật chơn, chấp giả là thật giả, cho đến chấp chúng sanh là thật có hoặc thật không, chấp Phật là thật có hoặc thật không, đều thuộc về tư tưởng chấp thật cả. Nói tóm lại những kinh Đại thừa liễu nghĩa của Phật đều dùng để phá sự chấp trước của con người để khai thác con đường bằng phẳng mà thôi.

Tôi nói như vậy thì người ta sẽ hỏi: “Nhà khoa học dùng bộ óc để nghiên cứu suy lường và thực nghiệm, phát minh ra đủ thứ máy móc để giúp cho cuộc sống con người được phong phú hơn, cho đến sự tìm hiểu tiến sâu vào thái không, vũ trụ bao la, đều nhờ tư tưởng chấp thật, nếu quét sạch tư tưởng chấp thật thì chẳng phải là muốn làm cho đời sống văn minh của loài người lui sụt hay sao?”.

Kỳ thực Phật Thích Ca khai thác con đường bằng phẳng mục đích là muốn đưa con người từ quốc độ

tương đối sang quốc độ tuyệt đối. Nếu vào được quốc độ tuyệt đối rồi thì tất cả tư tưởng chấp thật trước kia cho đến mọi tương đối trong vũ trụ pháp giới đều tự biến thành tuyệt đối. Lúc ấy cuộc sống của con người chẳng những được phong phú đầy đủ lại còn được chấm dứt tất cả khổ não do sự mâu thuẫn của tương đối sanh khởi.

Ví như phát minh xe hơi để giúp cho sự giao thông được tiện lợi nhưng xe hơi nhiều quá lại làm cho giao thông bị chướng ngại và tai nạn xe hơi ngày càng gia tăng. Khoa học phát minh nhiều thứ thuốc mới để chữa bệnh được mau lành nhưng những bệnh tật mới, vi trùng mới lại tăng thêm nhanh hơn sự tiến bộ của thuốc men. Tại sao vậy? Vì thức ăn thiên nhiên đã không còn, hàng ngày con người đều ăn những thứ thức ăn có liên hệ với thuốc hóa học, từ rau cải trái cây cho đến gia súc đều dùng thuốc kích thích cho chúng sanh tăng trưởng mau lẹ. Con người ăn những thứ thức ăn đó lại thêm sự tranh dành hưởng thụ vật chất cho cuộc sống làm cho thần kinh quá căng thẳng, cho nên phải sanh ra đủ thứ bệnh tật mới và vi trùng mới.

Máy điện toán thay thế cho bộ óc của con người và đủ thứ máy móc để thay thế tay chân của con người, sự làm việc của bộ óc và tay chân sẽ giảm bớt dần dần, con người cho là hạnh phúc, rốt cuộc sẽ đưa con người đến chỗ lười biếng và không biết làm việc gì cả...

Những điều kể trên đều do sự lợi và hại tương đối mà đưa đến kết quả như thế. Nếu con người cứ tiếp tục sống trong quốc độ tương đối mãi thì đến một ngày kia, khoa học sẽ phát minh một vũ khí lợi hại hơn bom nguyên tử gấp muôn triệu lần làm cho quả đất hủy diệt và không còn một sinh vật nào được tồn tại nữa.

Phật Thích Ca vì đã biết sự khoa học văn minh ngày càng phát triển không thể đem cho con người được hạnh phúc hơn, trái lại còn làm cho con người tăng gia nhiều khổ não chẳng thể tưởng tượng. Cũng như con người đua nhau tranh giành được sự hưởng thụ vật chất cho đầy đủ thì ngã chấp phải tăng cường, rồi đi đến giết hại lẫn nhau, từ trong gia đình anh chị em tranh giành với nhau, gia đình này với gia đình kia tranh giành với nhau, đoàn thể này với đoàn thể kia, chủng tộc này với chủng tộc kia, nước này với nước kia, từ chửi mắng đánh lộn đến xung đột đổ máu, cho đến chiến tranh thế giới làm cho con người, không kể ai, sớm muộn gì cũng phải tiếp tục hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp gánh chịu lấy cái vận mạng bi thảm như đã từng gánh chịu trong hai trận thế chiến của thế kỷ này.

Phật Thích Ca có bốn phận phải giải quyết tất cả đau khổ của chúng sanh, cho mọi người đều đạt đến tự do tự tại chân thật nên mới có sự thuyết pháp để chuyển hóa tư tưởng của con người và truyền dạy pháp

Thiền trực tiếp (*Nay gọi là Tổ Sư Thiền*). Nếu người nào chịu theo đó tu tập sẽ được tự đưa mình từ quốc độ tương đối đầy khổ nǎo tiến vào quốc độ tuyệt đối để hưởng cuộc sống phong phú đầy đủ và tự do tự tại.

Chữ Thiền là gì? Theo nghĩa thông thường phàm luyện tập cho tâm trí được thanh tịnh đều gọi là Thiền, nhưng Thiền Tông lại khác hẳn với tất cả Thiền khác, duy nhất thực hành theo pháp Thiền trực tiếp do Phật Thích Ca đích thân truyền dạy, chuyên chú trọng thực hành không cần lý luận, gọi là “Giáo Ngoại Biệt Truyền, Bất Lập Văn Tự, Trực Chỉ Nhân Tâm, Kiến Tánh Thành Phật”. Nói chung chỉ là “Từ NGHI đến NGỘ”. Chữ NGHI này Thiền Tông gọi là NGHI TÌNH.

Cơ bản thực hành của Thiền Tông có hai yếu tố, một là “TIN TỰ TÂM”, hai là “PHÁT NGHI TÌNH”.

1. THẾ NÀO LÀ TIN TỰ TÂM?

Phải tin bẩn thể và tác dụng của Tự Tâm mình cùng khắp không gian và thời gian, sẵn đủ tất cả năng lực, không thiếu sót một cái gì. Phật vì muốn tăng cường lòng tin Tự Tâm của mọi người, nên dùng đủ thứ phương tiện khéo léo, lấy sự vật trước mắt để chứng tỏ Thể Dụng của Tự Tâm con người vốn cùng khắp không gian và thời gian như sau:

Theo trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dùng cách vấn đáp để dẫn chứng cái năng thấy của con người

cùng khắp không gian và thời gian. Cái năng thấy ấy gọi là Kiến Tinh.

Phật hỏi A Nan: Người có con mắt mới thấy được ta. Ta có bàn tay mới làm nên nắm tay. Hai việc này có giống nhau chăng?

A Nan đáp: - Giống nhau.

Phật nói: - Không giống.

A Nan hỏi: - Tại sao vậy?

Phật nói: - Nếu ta không có bàn tay, thì cái năng làm đã mất nên không thể làm ra nắm tay. Còn người không có con mắt, vẫn còn có cái năng thấy, như người hỏi thử người mù trước mắt có thấy gì chăng, thì người mù sẽ đáp rằng thấy đèn tối.

A Nan nói: - Thấy đèn tối làm sao được gọi là thấy?

Phật vì muốn chứng tỏ sự thấy đèn tối cũng là do cái tánh năng thấy nên thí dụ thêm cho A Nan được rõ.

Phật hỏi: - Như người có con mắt ở trong phòng đèn tối cũng thấy trước mắt đèn tối so với cái thấy đèn tối của người mù, hai thứ đèn tối ấy có khác chăng?

A Nan đáp: - Không có khác.

Phật nói: - Vậy người mù bỗng được mắt sáng liền thấy rõ sắc tướng trước mắt phải là mắt thấy chăng?

A Nan đáp: - Phải.

Phật nói: - Vậy người có mắt ở trong phòng đèn tối

bỗng đốt lên cây đèn sáng cũng liền thấy sắc tướng trước mắt phải là cây đèn thấy chăng?

A Nan không thể trả lời.

Phật bảo A Nan: - Cây đèn có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là con mắt, chăng phải cây đèn. Con mắt có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là Kiến Tinh, chăng phải là con mắt. Vậy con mắt với cây đèn tác dụng giống nhau, đều chăng phải là năng thấy, cho nên người không có mắt vẫn có Kiến Tinh để thấy đèn tối. Sự thấy đèn tối chỉ là thiếu ánh sáng thôi, cũng như người có mắt mà thiếu ánh sáng cũng phải thấy đèn tối vậy.

Phật lại hỏi: - Nay người thấy ta, ta là sở thấy của người, còn cái Kiến Tinh năng thấy của người ở đâu? Người hãy dùng ngón tay chỉ ra từ mặt trời, mặt trăng, cho đến núi sông, đất đai, cây cối, nhà cửa, cái nào là Kiến Tinh của người?

A Nan nói: - Từ mặt trời, mặt trăng, cho đến cây cối, nhà cửa, tất cả đều gọi là vật chăng phải Kiến Tinh.

Phật nói: - Vậy tất cả vật không có Kiến Tinh để cho người chỉ thì người được phát minh tất cả vật đều không có Kiến Tinh phải chăng?

A Nan đáp: - Cũng không phải như vậy. Tại sao? Nếu nói hư không là Kiến Tinh thì không nên gọi là hư không. Nếu hư không không có Kiến Tinh thì làm sao thấy được hư không. Nếu nói cây cối là Kiến Tinh

thì không nên gọi là cây cối. Nếu cây cối không có Kiến Tinh thì làm sao thấy được cây cối.

Như thế không có chỗ để chỉ ra Kiến Tinh và tất nhiên không có lúc để chỉ được, thì chứng tỏ Kiến Tinh đã cùng khắp không gian và thời gian, nên không có chỗ nào và không có lúc nào có thể chỉ ra được.

Đoạn này là Phật Thích Ca dùng những sự vật trước mắt để chứng tỏ cái năng thấy của con người vốn cùng khắp không gian và thời gian, nên phải tin chắc rằng bản thể và tác dụng của tự tâm mình vốn là như thế.

Tại sao phải quét sạch tư tưởng chấp thật của bộ óc?

Vì cái biết của bộ óc có giới hạn và không đúng với thực tế, cũng như biết chỗ này không biết chỗ kia, có lúc biết có lúc không biết, còn cái biết của tự tâm (*Phật Tánh*) gọi là Chánh biến tri⁽¹⁾, bản thể và tác dụng cùng khắp không gian và thời gian không có chỗ nào lúc nào thiếu sót.

Vì không gian, thời gian mênh mông trống rỗng, cái biết cùng khắp đó rất khó diễn tả cho người lãnh hội được, nay tôi dùng cái biết cùng khắp cơ thể để diễn tả cho người ta dễ hiểu hơn.

⁽¹⁾ *Chánh biến tri*: Chánh là đúng với thực tế, biến là phổ biến không gian và thời gian, tri là biết, nghĩa là cái biết của bản thể Phật Tánh cùng khắp không gian và thời gian.

Nếu cái biết đã cùng khắp cơ thể thì không có chỗ búng.

Tại sao? Nếu có chỗ búng thì búng tay tay biết, búng đầu đầu biết, những chỗ không búng thì không biết, vậy làm sao nói cùng khắp cơ thể được?

Ấy là nói về cùng khắp không gian, còn nếu cùng khắp thời gian thì không có lúc búng. Tại sao? Vì lúc búng mới biết, lúc không búng thì không biết, vậy làm sao nói cùng khắp thời gian được?

Kỳ thật cái thần kinh cảm giác của lớp da cùng khắp cơ thể và luôn luôn như thế, chẳng có chỗ nào lúc nào không có cảm giác⁽¹⁾, trừ ra kẻ đã chết. Nhưng cái thói quen nhận thức của bộ óc chỉ cho chỗ búng mới biết, chỗ không búng thì không biết và lúc búng mới biết, lúc không búng thì không biết, cho nên không tin cái biết của Chánh biến tri vốn tự cùng khắp không gian và thời gian, không có chỗ nào lúc nào có thể thiếu sót.

Vì cái nhận thức của bộ óc sai lầm như thế nên phải quét sạch để cho cái biết của Bản Tâm được tự hiện ra.

Ví như con người vốn có tướng mạnh, bị mắc bệnh rồi thì mặt mũi hiện ra tướng bệnh. Khi tướng bệnh đã hiện ra thì tướng mạnh phải ẩn trong tướng bệnh,

⁽¹⁾ Cho dù ngủ mê, chết giặc, cái cảm giác của lớp da cũng không biến mất.

bị tướng bệnh che khuất, nên phải quét sạch tướng bệnh, thì tướng mạnh sẽ tự hiện ra. Nếu dùng tướng bệnh đi tìm tướng mạnh, thì tướng bệnh sẽ kéo dài mãi, vậy tướng mạnh làm sao có thể hiện ra được.

Tướng bệnh là dụ cho cái biết của bộ óc, tướng mạnh là dụ cho cái biết của bản tâm Phật Tánh. Cho nên muốn minh tâm kiến tánh phải quét sạch tất cả biết của bộ óc là lý này vậy.

Có người hỏi: Nếu quét sạch tất cả cái biết của bộ óc thì chẳng phải muốn làm cho con người thành kẻ khờ ngốc hay sao?

Đúng thế! Khi gần kiến tánh thì giống như kẻ khờ ngốc, nhưng nếu được kiến tánh rồi thì chuyển cái khờ ngốc thành đại Trí Tuệ, những cái biết của bộ óc liền biến thành cái biết của bản thể Phật Tánh gọi là Chánh biến tri vậy.

Đoạn trên đây là để tăng cường lòng tin, tin tự tâm.

Dưới đây là cách thực hành tham Tổ Sư Thiền.

2. THẾ NÀO LÀ PHÁT NGHI TÌNH?

Nghi là không hiểu, không biết, nếu một việc gì đã hiểu biết rồi thì hết Nghi, hết Nghi tức là không có Tham thiền. Tham thiền rất chú trọng cái Nghi, Thiền Tông gọi là Nghi Tình. Vậy chữ Tham tức là Nghi vậy.

Như thế làm sao được phát khởi Nghi Tình? Muốn khởi Nghi Tình phải nhờ câu thoại đầu. Ví như tham câu thoại đầu: “Khi chưa có trời đất, ta là cái gì?”, hỏi

thầm trong bụng cảm thấy không hiểu, không biết, gọi là Nghi Tình.

Tại sao gọi là tham thoại đâu? Thoại là một lời nói, khi chưa nỗi niệm muốn nói gọi là thoại đâu. Nói thoại đâu tức là khi một niệm chưa sanh khởi, nếu đã nỗi niệm muốn nói dù chưa nói ra miệng cũng gọi là thoại vĩ, chẳng phải là thoại đâu. Thoại đâu chính là chỗ vô thiêng minh.

Nay người Tham thiền phải Tham thoại đâu, cũng gọi là khán thoại đâu. Khán tức là nhìn, nhìn ngay chỗ vô thiêng minh, vô minh tức là mịt mù đen tối, không biết đó là cái gì. Vừa nhìn vừa hỏi: “Khi chưa có trời đất, ta là cái gì?”, càng hỏi càng cảm thấy không biết, ấy gọi là phát NGHI TÌNH.

Công phu cần phải ngày đêm liên tiếp không giây phút nào gián đoạn, Nghi Tình mới có thể thành khôi.

Nghi Tình được thành khôi mới có thể đạt đến kiến tánh, cho nên người tham thiền bất cứ đi, đứng, nằm, ngồi, lúc lao động bằng tay chân hay trí óc cho đến ăn cơm, đi cầu, nói chuyện, ngủ nghỉ đều phải luôn luôn có Nghi Tình. Có Nghi Tình mới được gọi là tham thiền.

Nói một cách khác tức là mượn cái không biết của bộ óc⁽¹⁾ để chấm dứt tất cả cái biết của bộ óc. Dù nói

⁽¹⁾ Cái không biết của bộ óc: Lúc tham thiền đề câu thoại đâu hỏi thăm trong tâm sanh khởi cái cảm giác không hiểu không biết, ngay khi ấy

chấm dứt, thực ra chẳng cần tác ý để chấm dứt, có Nghi Tình thì nó sẽ tự động chấm dứt tất cả biết.

Tại sao muốn chấm dứt cái sở biết của bộ óc? Bởi vì cái sở biết của bộ óc là tướng bệnh, cũng thuộc về cái biết của người mù. Ví như người mù chẳng thấy mặt trời mà đi hỏi người mắt sáng (*Người mắt sáng dụ cho người đã ngộ*), người mắt sáng nói:

“Mặt trời tròn và nóng”, lời của người mắt sáng nói tròn và nóng thì đúng, nhưng người mù chấp cái vật thể tròn và nóng là mặt trời thì sai rồi (*Nghĩa là Phật Tánh cần phải tự tánh tự thấy mới được*).

Tham thiền cần phải gìn giữ nghi tình. Muốn giữ nghi tình trước tiên cần phải chấm dứt cái “Tìm hiểu biết” và “Ghi nhớ biết” rồi chấm dứt luôn cái “Tùy duyên biết” (*Chẳng cần tìm hiểu cũng biết gọi là tùy duyên biết như ngồi, đi v.v...*) nên Lai Quá Thiền Sư nói lúc công phu đạt đến thoại đầu thì “Đi chẳng biết đi, ngồi chẳng biết ngồi”, ấy là cái tin tức báo cho mình biết sắp kiến tánh.

Lúc công phu đạt đến thoại đầu thì câu thoại tự mất chỉ còn Nghi Tình, khi ấy cái sở biết của bộ óc

cái tánh ham biết của tập khí lâu đời cũng tự mống khởi, như thế cái không biết với cái tánh ham biết hai cái trong bất tri, bất giác dung chạm nhau do đó liền tự thành Nghi Tình.

Cái không biết của Nghi Tình này khác với những cái không biết như của người khờ ngốc, bệnh tâm thần, ngủ mê, hôn trầm, chết giấc... Nay vì muốn cho người tham thiền được dễ hiểu nên nói cái không biết của bộ óc là cơ bản của Nghi Tình.

sạch hết, ngay khi đó đang tham thiền mà chẳng biết mình đang tham thiền, đang ăn cơm cũng chẳng biết mình đang ăn cơm, luôn cái chẳng biết này cũng không biết luôn. Công phu đến đây tức là đã tới thoại đầu, gần được kiến tánh.

Người đời thấy thiền giả như ngơ như ngốc, kỳ thực sẽ phát đại trí huệ. Cuối cùng Nghi Tình bùng nổ, thì cái không biết của bộ óc liền tan rã, đến đây cái biết và không biết của bộ óc đều sạch, tướng bệnh tiêu diệt rồi tướng mạnh (*Cái biết của Phật Tánh cũng gọi là Chánh biến tri*) thình lình hiện ra, gọi là kiến tánh thành Phật.

Tổ Sư nói: “Tri chẳng hai người, pháp chẳng hai thứ”. Sao nói Tri chẳng hai người? Bởi vì cái Tri của Phật Tánh chỉ có một⁽¹⁾, bản thể của nó cùng khắp không gian và thời gian, nếu thêm cái Tri của bộ óc (*Chẳng thể cùng khắp không gian, thời gian*) lại thành hai cái Tri, một cái cùng khắp, một cái không cùng khắp tức là hai người.

Sao nói pháp chẳng hai thứ? Bởi vì tất cả pháp do tâm tạo, tâm nếu không tạo thì chẳng có pháp, cho nên mỗi mỗi pháp đều chẳng có tự thể, chỉ do vọng tâm biến hiện. Cái bản thể của tâm đã cùng khắp

⁽¹⁾ *Bản thể của Phật Tánh chỉ có một*: Tự tánh vốn bất nhị cũng chẳng phải một. Ở đây nói bản thể Phật Tánh chỉ có một là giả thiết phương tiện để hoằng pháp. Nếu thật kiến lập một, át phải có hai, ba cho đến muôn ngàn và vô cùng tận.

không gian và thời gian thì pháp do tâm tạo ắt cũng phải cùng khắp không gian và thời gian, nên nói pháp chẳng hai thứ. Giả sử có một pháp bị chấp nhận là pháp thật, tức là pháp có hai thứ (*Một thật, một chẳng thật*). Cho nên nói phàm có hai pháp tương đối tức là tướng bệnh, tướng bệnh hiện ra thì tướng mạnh phải ẩn mất.

Cái Nghi của Thiền Tông là CHÁNH NGHI, do CHÁNH NGHI này làm nhân thì được phát minh cái bản thể của chính tâm mình là quả. Mình biết được chính mình mới có thể làm chủ cho mình, được làm chủ cho mình mới được gọi là tự do tự tại, chấm dứt tất cả khổ, và những cái khổ trước kia không bao giờ còn trở lại nữa.

Cái Nghi của nhà khoa học gọi là HỒ NGHI, do cái nghi này nên có thể phát minh những sự vật trên thế giới, và chỉ có cái giá trị của thế gian, vì nó không thể phát hiện cái bản thể của bản tâm mình nên không thể làm chủ cho mình, để đạt đến tự do tự tại được.

Nói Nghi là một, cái dụng lại khác, như muốn phát minh chính mình, hay sự vật thế gian đều phải nhờ chữ Nghi.

Tác dụng của “Nghi” thật vô cùng lớn, cái lãnh vực của nó cũng cùng khắp không gian và thời gian, văn hóa của loài người nếu không có “Nghi” thì không thể tiến bộ, tất cả sự vật của nhà khoa học phát hiện đều

phải nhờ “Nghi” cả, cho nên người tham thiền phải tin cái sức mạnh của “Nghi” này, sẽ đưa mình đến quốc độ tuyệt đối hưởng cuộc sống phong phú đầy đủ và vĩnh viễn tự do tự tại.

Ngài Lai Quả nói: Vô tham mới là Chân tham. Nói vô tham chẳng phải là không có tham mà là tự mình đang tham nhưng không biết mình tham cho nên mới gọi Vô tham là Chân tham.

Trước đời nhà Tống Trung Quốc, chư Tổ dùng pháp Thiền trực tiếp của Đức Phật Thích Ca truyền, sử dụng thủ đoạn đặc biệt khiến hành giả tham thiền khởi lên Nghi Tình mãnh liệt mà không biết mình đã đang tham thiền rồi, tức là ngay bước đầu tiên đã đạt tới cảnh giới vô tham là chân tham mà tự mình không biết.

Từ đời nhà Tống, quyển Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ra đời, những thủ đoạn của chư Tổ đều ghi hết trong đó, hành giả Tham thiền xem qua rồi thì dấu cho thủ đoạn của chư Tổ cao siêu cách mấy như đánh đậm, chửi mắng... cũng không thể tự phát khởi nghi tình. Sau đó chư Tổ bất đắc dĩ mới phải dạy Tham Công Án, Thoại đầu. Như thế người tham thiền muốn đạt tới cảnh giới chân tham là vô tham cần phải trải qua nhiều năm khổ công tu tập, cho nên người đời sau kiến tánh rất ít là vậy.

Ở trong Thiền Tông có một ngàn bảy trăm công án để tả về sức mạnh của chữ Nghi. Nay đề ra một công

án điển hình như sau:

Ngài Lâm Tế ở trong thiền hội của Ngài Hoàng Bá, trong hội có Thủ Tọa Mục Châu, người đã kiến tánh triệt để, một ngày kia gặp Lâm Tế hỏi:

- Ông ở đây bao lâu?
- Ba năm.
- Có hỏi pháp với Hòa thượng Hoàng Bá chưa?
- Chưa.
- Sao không đi hỏi?
- Vì không biết hỏi cái gì.
- Đi hỏi thử: Thế nào là đại ý của Phật Pháp?

Lâm Tế đến phòng Hoàng bá hỏi:

- Thế nào là đại ý của Phật Pháp?

Câu hỏi vừa dứt thì bị Hoàng Bá đánh đập đuổi ra. Ngay đó Lâm Tế đã phát Nghi Tình rất mạnh nhưng không biết đó là tham thiền.

Hôm sau Mục Châu hỏi Lâm Tế:

- Có đi hỏi Phật Pháp chưa?
- Có đi rồi?
- Hỏi như thế nào?

- Câu hỏi tôi vừa dứt thì bị đánh đập đuổi ra. Không biết lỗi ở chỗ nào? (Nghi Tình).

- Đi hỏi lần nữa thử coi.

Lâm Tế ráng đi hỏi lần nữa vẫn bị đánh đập đuổi ra. Hôm sau Mục Châu gặp hỏi:

- Có đi hỏi lần nữa không?
- Đi hỏi rồi.
- Kỳ này ra sao?
- Cũng bị đánh đập đuổi ra như kỳ trước.
- Đi hỏi thêm một lần nữa thử xem.
- Thôi! Thôi! Đã hỏi hai lần bị đánh đập như thế còn hỏi chi nữa.
- Theo thường lệ, việc gì cũng phải trải qua ba lần mới đúng. Cứ đi hỏi thêm một lần nữa đi.

Lâm Tế vâng lời ráng đi hỏi nữa. Kỳ này Hoàng Bá phát giận hơn hai kỳ trước và đánh mạnh hơn làm cho cái nghi của Lâm Tế mạnh đến mức chịu không nổi liền đến phòng Mục Châu nói:

- Tôi muốn đi nơi khác không muốn ở đây nữa.
- Muốn đi cũng được nhưng phải đến từ giã với Hòa thượng Hoàng Bá.

Lâm Tế đến từ giã Ngài Hoàng Bá, Hoàng Bá hỏi:

- Đi đâu?
- Chưa nhất định đi nơi nào.

Hoàng Bá nói:

- Khỏi cần đi chỗ khác. Đi đến chỗ Đại Ngu Thiên Sư thì sẽ có giúp ích cho ngươi.

Lâm Tế đi gặp Ngài Đại Ngu, Đại Ngu hỏi:

- Từ đâu đến?
- Từ Hoàng Bá đến.
- Hoàng Bá có dạy bảo gì chăng?

- Ba lần hỏi Phật Pháp, ba lần đều bị đánh dập đuổi ra. Không biết lỗi ở chỗ nào?

- Hoàng Bá vì người từ bi như thế, vậy mà còn nói lỗi ở chỗ nào?

Lâm Tế ngay đó hoát nhiên đại ngộ, “Ô” lên một tiếng rồi buột miệng nói:

- Phật Pháp của Hoàng Bá vốn không có nhiều.

Lâm Tế đã khai ngộ rồi liền trở về chỗ Hoàng Bá, Hoàng Bá hỏi:

- Có đi gặp Đại Ngu chưa?

- Có gặp rồi.

- Đại Ngu nói thế nào?

Lâm Tế kể lại lời Đại Ngu xong, Hoàng Bá nói:

- Đại Ngu sao nhiều chuyện quá! Sau này gặp sẽ cho một bạt tay.

Lâm Tế nói:

- Khỏi cần đợi sau này. Cho bạt tay liền ngay bây giờ.

Nói xong liền cho Hoàng Bá một bạt tay.

Hoàng Bá bị Lâm Tế bạt tay lại không nổi giận mà cười to lên tỏ vẻ rất mừng. Mừng cái gì? Mừng vì đã được một pháp tử để nối tiếp Huệ mạng Phật.



ĐẠI HUỆ NGỮ LỰC

Dịch giả: **THÍCH DUY LỰC**

LỜI DỊCH GIẢ

Đại Huệ Thiên Sư (1088-1163), đời thứ 12 phái Lâm Tế, là một Thiền Sư triệt ngộ, phương tiện cơ xảo rất xuất sắc, nổi tiếng từ lúc đương thời cho đến ngày nay. Các bậc sĩ phu, quan lại triều đình từ Thừa Tướng, Thượng Thư... đều quy y học Thiền với Ngài và có nhiều người đã được chứng ngộ.

Ngữ lục của ngài, chúng tôi dịch trực tiếp từ Chỉ Nguyệt Lục (Lịch sử Thiên Tông Trung Hoa) và từ Đại Tạng Kinh (Tập thứ 47), trong đó gồm các phần: Tiểu Sử, Phổ Thuyết, Cơ Duyên, Khám Xét và các Thư Giải Đáp về Thiền cho các sĩ phu. Vì số thư giải đáp quá nhiều nên chúng tôi lược bỏ một số thư hoặc đoạn trùng ý nghĩa. Ngữ lục của ngài cũng đã được dịch sang tiếng Anh, tên sách là THE LETTERS AND LECTURES OF ZEN MASTER TA HUI, do CHRISTOPHER CLEAREY dịch.

Tái bản lần này có bổ túc và sửa chữa vài điểm sai kỳ trước.

THÍCH DUY LỰC

TIỂU SỬ

Sư là người Tuyên Thành, họ Hy. Mẹ chiêm bao thấy một vị Tăng mặt đen mũi cao có thần hộ vệ đến phòng.

Mẹ hỏi: Ông ở đâu?

Tăng ấy đáp: “Ở núi cao lớn này”, sau đó mẹ Sư có nghén. Năm thứ 4 niên hiệu Nguyên Hựu, Vua Triết Tông đời Tống, Sư sanh giờ Tị, mồng 10 tháng 11, bạch quang thấu qua phòng, cả ấp đều cảm thấy kỳ lạ. Năm 16 tuổi sư xuất gia, 17 tuổi xuống tóc, rất ham việc của Thiền Tông, xem khắp Ngũ Lục của chư Tổ. Đối với năm phái của Thiền Tông Sư cảm thấy nghi ngờ: “Tại sao ban đầu chỉ có một Tổ Đạt Ma mà nay lại có nhiều môn phái như vậy?”

Sư tánh tình phong lưu thanh nhàn, năm 19 tuổi du phương. Ban sơ đến am Bôi Độ thuộc quận Thái Bình, Trụ trì tiếp đãi rất cung kính nói:

- Hôm qua mơ thấy Thần Già Lam bảo ngày mai có Thiền Sư Vân Phong đến, nên tiếp đãi tử tế.

Khi ấy có một tôn túc nghe rồi đem Ngũ Lục của Vân Phong cho Sư. Sư vừa xem qua liền tự tung được, vì thế người ta cho là hậu thân của Vân Phong.

Kế đó, Sư đi yết kiến Trình Thiền Sư ở Tuyên

Châu thỉnh ích về bài tụng của Tuyết Đậu. Trình chẳng nói một lời để Sư tự kiến tự thuyết. Sư ngay đó thấu đạt ý chỉ. Trình than rằng: “Cảo ắt là người tái lai”.

Rồi Sư qua Đại Dương gặp Nguyên Thủ Tọa, đến Động Sơn gặp Vi Hòa thượng và Kiên Thủ Tọa. Sư qua lại với thiền hội ba vị này rất lâu, biết hết tông chỉ của Tào Động. Nhưng thấy họ đang khi truyền thọ nhau phải dùng hương đốt trên cánh tay để biểu thị sự phó pháp chẳng vọng, trong bụng nghĩ thầm rằng: “Thiền mà có truyền thọ như thế đâu phải là cái pháp tự chứng tự ngộ của chư Phật chư Tổ”, rồi bỏ đi tham vấn các nơi.

Khi đến chỗ Sơ Hòa thượng chùa Phụng Thánh, gặp nhầm Sơ đang thương đường, Sư ra hỏi:

- Theo lời Hòa thượng nói “Kim Liên từ dưới đất nổi lên, Bảo Cái từ trên trời thòng xuống”, ấy là diệu dụng của thần thông hay là pháp tự vốn như thế?

Sơ đáp:

Kim Liên từ dưới đất nổi lên, Bảo Cái từ trên trời thòng xuống.

Sư nói:

- Loan phụng chẳng đậu cây gai góc, chim yến còn luyến Ổ thời xưa.

Sơ nói:

- Ba năm chẳng gặp nhau bèn có đủ thứ việc.

Sư hỏi:

- Chỉ như tăng vừa nói “Ngày xưa Thế Tôn, hôm nay Hòa thượng” lại là thế nào?

Sơ liền hét.

Sư nói:

- Một tiếng hét này còn chưa có chủ. Sơ quay đâu lấy cây gậy hơi chậm.

Sư nói:

- Linh cơ như điện chớp đâu nhọc để suy tư.

Rồi vỗ tay một cái, trở về chúng.

Sau đó đi tham bái Tâm Ấn Thuần Công, Thuần chỉ Sư đến Bảo Phong y chỉ Trạm Đường Chuẩn Công. Lúc Sư mới đến, tỏ ra cơ biện tung hoành.

Một hôm Trạm Đường hỏi:

- Lỗ mũi ngươi hôm nay vì sao mất hết nửa bên?

Sư đáp:

- Dưới cửa Bảo Phong.

Trạm Đường nói:

- Kẻ thiền bày đặt.

Một ngày kia ở chỗ tượng Thập Vương, Trạm Đường chỉ tượng hỏi: Ông quan này họ gì?

Sư đáp:

- Họ Lương (Trạm Đường họ Lương).

Trạm Đường dùng tay tự vò đầu nói:

- Chỉ tiếc họ Lương này thiếu cái nón.

Sư nói:

- Dù không có nón, lỗ mũi giống hệt.

Trạm Đường nói:

- Kẻ thiền bày đặt.

Sư đang xem kinh, Trạm Đường hỏi:

- Xem kinh gì?

Sư đáp:

- Kinh Kim Cang.

Đường hỏi:

- Pháp ấy bình đẳng chẳng có cao thấp, tại sao núi Vân Cư thì cao, núi Bảo Phong thì thấp?

Sư đáp:

- Pháp ấy bình đẳng chẳng có cao thấp.

Đường nói:

- Người làm được một đài tơ của Tọa chủ (Tọa chủ là Pháp Sư giảng kinh thuộc giáo môn).

Một hôm Sư đang đứng hầu, Trạm Đường nhìn thấy móng tay của Sư dài quá nên nói:

- Những miếng tre chìu đít trong nhà cầu chắc không phải ông rửa đâu?

Sau khi nghe lời dạy của Trạm Đường, Sư suốt đời không để móng tay nữa. Vừa mới dài ra một chút mà không cắt thì thấy Hòa thượng Trạm Đường xuất hiện ngay trên đầu ngón tay.

Một hôm Trạm Đường hỏi:

- Thượng tọa Cảo! Thiên ta ở đây người đều hiểu được, bảo ngươi nói cũng nói được, bảo ngươi làm bài tụng hoặc tiểu tham, phổ thuyết ngươi cũng làm được, chỉ có một việc còn chưa được, ngươi biết chăng?

Sư hỏi:

- Việc gì?

Đường đáp:

- Người chỉ thiếu một tiếng “Ô”. Nếu ngươi chẳng được tiếng “Ô” này, khi nói chuyện trong phòng ta thì có thiên, khi ra khỏi thì hết, khi thức tỉnh thì có thiên, vừa mới ngủ liền hết. Nếu như thế làm sao địch với sanh tử được?

Sư nói:

- Chỗ này chính là chỗ nghi của ông ta đây.

Khi Trạm Đường sắp tịch, Sư hỏi:

- Sau khi Hòa thượng tịch, ông ta phải y chỉ ai mới có thể liễu được việc lớn này?

Đường nói:

- Có ông Khắc Cần. Ta dù không biết ông ấy nhưng ngươi át phải y chỉ ông ấy mới có thể liễu được việc của ngươi.

Sau khi Trạm Đường tịch, Sư đến Kinh Nam yết kiến Trương Vô Tận (*Người đã kiến tánh*), xin bài tháp minh (*bài tán dương ghi ở tháp*).

Trương hỏi:

- Ông chỉ mang đôi dép cỏ từ xa đến như thế này?

Sư đáp:

- Ông ta hành cước từ mấy ngàn dặm đến gặp Tướng công.

Trương hỏi:

- Ông bao nhiêu tuổi?

Sư đáp:

- Hai mươi tám.

Trương lại hỏi:

- Con trâu bao nhiêu tuổi?

Sư đáp:

- Hai cái!

Trương lại hỏi nữa:

- Từ đâu học được cái giả dối này?

Sư đáp:

- Hôm nay thân gặp Tướng Công.

Trương cười nói:

- Hãy ngồi uống trà.

Vừa ngồi xuống, Trương hỏi:

- Từ xa đến có việc gì?

Sư đến gần nói:

- Hòa thượng Trạm Đường thị tịch. Sau khi hỏa táng, con mắt, răng và hột chuỗi chẳng hoại, xá lợi vô số. Xin đại thủ bút làm bài minh để khích lệ kẻ hậu học.

Trương nói:

- Có lời hỏi ông, nếu đáp được thì làm bài minh ghi tháp.

Sư nói:

- Xin Tướng công hỏi?

Trương nói:

- Nghe nói con mắt Trạm Đường chẳng hoại phải chẳng?

Sư đáp:

- Phải.

Trương nói:

- Ta chẳng hỏi con mắt này.

Sư hỏi:

- Tướng công hỏi con mắt gì?

Trương đáp:

- Con mắt kim cương.

Sư nói:

- Nếu nói con mắt kim cương tức là ở trên đầu bút của Tướng công.

Trương nói:

- Nếu vậy thì lão phu sẽ điểm ra ánh sáng khiến cho chiếu khắp thiên hạ.

Sư cảm tạ. Trương liền làm bài minh.



Sư đi yết kiến các thiền sư danh tiếng như Linh Nguyên, Thảo Đường, đều được họ tán thán. Thiền Sư

Giác Phạm xem bài tụng “Thập trí đồng chân” của sư:

“Lông rùa sừng thỏ trồng trong mắt.
Núi sắt ngay mặt thấy nguy nga.
Đông Tây Nam Bắc chẳng cửa vào.
Vô minh nhiều kiếp biến thành tro”.

Rồi than rằng: “Lạ thay, tôi phải công phu hai mươi năm cũng chỉ nói đến được chỗ này”.

Sư trước khi gặp Viên Ngộ (*Tức là Khắc Cân*) tự nghĩ rằng: “Lấy một hạ làm kỳ hạn. Nếu họ cũng vọng cho là ta đã đúng như các nơi khác thì ta sẽ tác bài Vô Thiền Luận để khỏi hao tinh thần, uổng qua ngày tháng”.

Khi đã gặp Viên Ngộ, Sư sớm chiều tham vấn. Viên Ngộ đem câu “Đông Sơn đi trên mặt nước” của Vân Môn cho Sư tham.

Sư trình qua 49 chuyến ngữ, Ngộ đều lắc đầu.

Một hôm Ngộ thăng tòa để ra lời của Vân Môn rằng:

- Thiên Ninh thì chẳng như thế! Nếu có người hỏi: “Thế nào là chỗ xuất thân của chư Phật?”

Chỉ đáp rằng:

“Gió nhẹ từ hướng Nam đến thì cung điện tỏa hơi mát”.

Sư liền hoát nhiên tỉnh ngộ, bạch với Ngộ.

Ngộ xét Sư dù chứng đắc, được tướng động chẳng

sanh, tiền hậu chấm dứt, nhưng còn ngồi chỗ trong sạch thanh tịnh, nên nói với Sư rằng:

- Người đến được mức này cũng chẳng phải dễ, chỉ tiếc rằng chết rồi không sống lại, vì chẳng nghi ngũ cù là bệnh lớn. Phải biết “Vực thẳm buông tay, thẳng tự thừa đương, tuyệt hậu tái tô (*Chết đi sống lại*), gạt ông chẳng được”. Người nên biết có đạo lý này.

Sư nói:

- Ông ta được chỗ chứng đắc hôm nay đã là sung sướng, đâu còn màng đến gì khác.

Ngô bảo Sư:

- Làm tri khách! Hàng ngày chuyên tiếp đãi những ông quan trí thức.

Sư mỗi ngày vào phuong truong ba bốn lần, mỗi khi Viên Ngộ đề ra câu hỏi: “Hữu cú vô cú, như tầm dựa cây, bỗng tầm khô cây ngã thì cú đi về đâu?”. Sư vừa mở miệng, Ngô liền nói: “Chẳng phải!”. Như thế trải qua nửa năm, trong tâm niệm niệm chẳng quên. Một hôm cùng dùng cơm với khách, Sư cầm đũa trong tay mà quên lùa cơm vào miệng. Ngô cười rằng:

- Ông này tham thiền như cây dương vàng bị co rút trở lại.

Sư nói:

- Lý này giống như con chó nhìn chảo dầu sôi, muốn ném, ném chẳng được, muốn bỏ, bỏ chẳng được.

Ngộ nói:

- Thí dụ này rất hay. Ấy tức là vòng kim cương, hạt có gai, nuốt chẳng được, ói chẳng được.

Một hôm Sư hỏi rằng:

- Nghe nói Hòa thượng có hỏi Sư Ông về lời này. Không biết khi ấy Sư ông nói chi?

Ngộ cười mà không đáp.

Sư nói:

- Khi ấy phải ở trong chúng hỏi. Bây giờ nói ra đâu có ngại gì?

Ngộ kể:

- Ta hỏi: “Hữu cú vô cú, như tầm dựa cây” ý chỉ thế nào? Sư Ông nói: “Miêu tả chẳng được, vẽ cũng chẳng thành”. Ta hỏi tiếp: “Khi tầm khô cây ngã” thì thế nào? Sư Ông nói “Cứ đi theo tới vậy!”

Sư ngay đó hoát nhiên đại ngộ nói:

- Ta hội rồi!

Ngộ bèn đề ra mấy công án đảo lộn để cật vấn. Sư trả lời không chút trệ ngại.

Ngộ nói:

- Nay mới biết ta không dối người.

Rồi phó pháp Lâm Tế Chánh Tông cho Sư.

Sư đã triệt ngộ, nhưng đối với công án “Mấy thiền

khách”⁽¹⁾ vẫn còn nghi nêu hỏi Viên Ngộ.

Ngộ nói:

- Thiên ta đây giống như biển lớn, ngươi nên đem biển lớn đỗ bờ mới được. Nếu chỉ đem bình bát đựng được một chút cho là đủ, là do ngươi khí lượng nhỏ hẹp, ta cũng chẳng có cách nào. Thật ra cũng ít có ngươi được đến chỗ điền địa như ngươi. Trước kia chỉ có Thượng tọa Cảnh được ngộ bằng như ngươi nhưng đã chết rồi.

Viên Ngộ cho Sư ngồi tọa phó, cầm cây gậy để khám xét thiền giả. Thiền giả từ các tòng lâm tấp nập quy tụ theo Sư học hỏi.

Sư xem kinh Hoa Nghiêm đến lời văn Bát Địa, thấu triệt được công án khi xưa hỏi Trạm Đường về nhân duyên Ương Khoát vâng lời Phật cứu sản nạn (*Sinh khó*)⁽²⁾. Trước kia Sư dùng lời này để hỏi Trạm

⁽¹⁾ Công án "Mấy thiền khách": Pháp Diễn Thiền Sư ngộ chưa triệt để. Thầy là Bạch Vân thiền sư dùng phương tiện rằng:

- Có mấy thiền khách từ Lư Sơn đến đều có chỗ ngộ nhập. Bảo y nói cũng nói được có lý do, đem những nhân duyên hỏi y, y cũng rõ được, bảo y hạ chuyển ngữ, y cũng hạ được, nhưng mà chưa dắc.

Pháp Diễn do đó đại nghi, tự nghĩ thầm:

- Đã ngộ rồi, nói cũng nói được, rõ cũng rõ được, tại sao lại chưa dắc ? Bèn tham cứu suốt ngày bỗng nhiên tỉnh ngộ, việc quý trọng xưa kia ngay đó buông sạch, liền được Bạch Vân ấn chứng. Sư sau này nói với người rằng:

- Ta do đó cả thân xuất mồ hôi trắng, liền rõ được thanh phong khúc dưới (Phá Mạt Hậu Lao Quan).

⁽²⁾ Nhân duyên Ương Khoát cứu sản nạn:

Ương Khoát đang đi khất thực, đến nhà sản nạn. Nhà ấy cầu Ương Khoát

Đường, Trạm Đường nói:

- Chính là gai đúng chỗ ngứa của ta. Lời này là pháp vàng với phẩn, chẳng hội như vàng, hội được như phẩn.

Sư hỏi:

- Há chẳng có phương tiện ư?

Đường đáp:

- Ta có cái phương tiện, chỉ e ngươi không hội.

Sư nói:

- Xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Đường nói:

- Ương Khoát rằng: "Ta mới nhập đạo chưa biết pháp này, đợi ta đi hỏi Thế Tôn". Nếu khi chưa đến chỗ Phật mà nhà họ đã sanh ra đứa con thì sao? "Ta từ pháp Hiền Thánh đến nay chưa từng sát sinh". Khi Ương Khoát đem lời này chưa đến nơi, nếu nhà họ đã sanh đứa con thì sao?

Sư cảm thấy mịt mù.

Đến bây giờ đọc kinh đến chỗ Bồ-tát lên đê thất địa chứng vô sanh pháp nhẫn rồi nói:

"Phật tử! Bồ Tát thành tựu nhẫn này tức thì đắc

cứu giúp, Ương Khoát nói:

- Tôi mới nhập đạo chưa biết pháp này, đợi tôi đi hỏi Thế Tôn đã.

Liên về hỏi Phật, Phật bảo:

- Người đến trước sản phụ nói: "Ta từ pháp Hiền Thánh đến nay chưa từng sát sanh" thì sẽ xong việc.

Ương Khoát nói y lời Phật, sản phụ nghe được liền sanh con dễ dàng.

nhập Bất Động Địa, bậc Bồ Tát thứ tám. Ấy là thâm hạnh Bồ tát, rất khó biết, chẳng sai biệt, lìa tất cả tướng, tất cả tướng, tất cả chấp trước, vô lượng vô biên, tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật đều chẳng thể đến, lìa những ôn ào tranh biện, tịch diệt hiện tiền. Ví như Tỳ Kheo thần thông đầy đủ, được tâm tự tại, lần lượt cho đến nhập Diệt Tận Định, tất cả động tâm ghi nhớ, tư tưởng phân biệt thấy đều ngưng nghỉ, Bồ Tát Ma Ha Tát này cũng như thế. Trụ nơi Bất Động Địa liền xả tất cả công dụng, hành pháp vô công dụng, thân khẩu ý nghiệp niệm niệm đều dứt. Trụ nơi báo hạnh, ví như có người trong mộng thấy thân rớt xuống sông vì muốn qua sông nên phát đại dũng mãnh, dùng đại phương tiện, do đại dũng mãnh và đại phương tiện đó liền được tỉnh ngộ, đã giác ngộ xong, tất cả việc làm đều hết, Bồ Tát cũng vậy, thấy thân chúng sanh trôi nổi giữa sông, vì muốn cứu độ, phát đại dũng mãnh, khởi đại tinh tấn, nhờ dũng mãnh tinh tấn đó được đến chỗ bất động địa này, đã đến đây rồi thì tất cả công dụng thấy đều ngưng nghỉ, hai hạnh tướng và hành đều chẳng hiện tiền. Khi ấy tâm của Bồ Tát Ma Ha Tát này đối với Phật tâm, Bồ Đề tâm, Niết Bàn tâm còn chẳng sanh khởi huống là sanh khởi những tâm thế gian”.

Sư xem đến đây hoát nhiên đánh túi vải (*Chứng ngộ triệt để*). Lời phương tiện của Trạm Đường bỗng nhiên hiện tiền.

Viên Ngộ làm trụ trì ở núi Vân Cư, thỉnh Sư làm Thủ tọa. Ngày Đông Chí, Sư thăng tòa, có Thiền Sư Nguyên ra hỏi:

- Khi trên lông mày treo kiếm là thế nào?

Sư Đáp:

- Máu tạt trời Phạm Thiên!

Ngộ đang ngồi dưới tòa giờ tay khen ngợi rằng:

- Câu hỏi rất hay, câu đáp lại hay hơn nữa!

Nguyên liền trở về chúng.



Sư mỗi lần nhập thất (*Nhập thất: để cho tăng chúng vào phòng thăm hỏi*), Viên Ngộ thường đến nghe. Một hôm nhập thất xong, Sư lên phương trượng, Ngộ hỏi:

- Nếu có một thiền giả được như lão tăng thì người sẽ đối đáp như thế nào?

Sư đáp:

- Vậy là may quá. Cũng như Tô Đông Pha nói: “Làm suốt đời đao phủ thủ mới được gặp một ông mập để chém”.

Ngộ cười ha hả rằng:

- Vậy thì người nhập thất cho ta, bức bách khiến ta leo vách tường xem!

Rồi Ngộ hỏi:

- Đạt Ma đến, đem gì truyền thọ?

· Sư Đáp:

- Đâu thể trọn cho là kiến giải hồ ly tinh.

Ngộ hỏi nữa:

- Năm đầu hổ, bắt đuôi hổ, thấu tông chỉ dưới câu thứ nhất, thế nào là câu thứ nhất?

Sư đáp:

- Đó là câu thứ nhì!

Ngộ thường nói với chúng:

- Gần đây thiền hội các nơi đều thành hang ổ. Dưới thiền hội núi Ngũ Tổ, Ta với Phật Giám, Phật Nhãnh ba người cùng nhau tham thiền. Nay đã thấy xuất hiện nhiều yêu quái. Dưới thiền hội Phật Giám có một hạng người làm con chó sủa, bồ câu kêu, khiến thiền hạ cười. Dưới thiền hội Phật Nhãnh cũng có một hạng người làm bộ vẻ nhìn dồn điền, cây cột, chỉ đông chỉ tây, giống như trước mắt thấy ma quỷ. Ở đây thì chẳng có hai thứ bệnh này.

Sư nói:

- Đập đá lửa, chớp tia sáng, làm cho nhiều người đuổi theo nghiệp thức, thầy vừa đề ra thì trò ngay đó hiểu liền, há chẳng phải là lọt vào hang ổ lớn của Phật pháp ư!

Ngộ bất giác le lưỡi, nói rằng:

- Chớ nên màng đến họ. Ở đây chỉ lấy chứng ngộ

làm tiêu chuẩn. Nếu chẳng chứng ngộ ta nhất định chẳng thả cho qua.

Sư nói:

- Chứng ngộ thì được. Nếu thầy vừa đề ra trò liền ngộ, cứ truyền nhau mãi như thế lấy đập đá lửa, chớp tia sáng, ấy là làm cho nghiệp thức mang mang đến ngày nào mới hết.

Ngộ liền ấn chứng cho.



LƯỢC SỬ CỦA SƯ

Sư ba mươi bảy tuổi ngộ đạo. Ở chùa mười mấy năm. Khi trụ trì Kính Sơn thiền hội rất hưng thịnh, hạng nhất trong thời ấy. Kế đó, vì nghịch với người cầm quyền đương thời, bị đày đến Hàng Dương mười năm rồi sau bị đày tiếp đến Mây Dương năm năm (*Chỗ son lam chương khi không thích hợp cho người ở*), nhưng Tăng tục vẫn tấp nập tìm đến hỏi đạo. Sau này được ân xá, Sư về trụ trì Dục Vương hai năm, trụ trì Kính Sơn thêm bốn năm, rồi từ chức về hưu ở Minh Nguyệt Đường ba năm.

Ngày mươi hai tháng bảy năm Quý Mùi, nhầm năm thứ nhất niên hiệu Long Hưng, Sư thị hiện có bệnh. Đến mồng chín tháng tám Sư từ giã tử chung rằng: “Ngày mai ta sẽ đi”. Đến canh năm, đích thân biên thơ tấu cho vua và cho cự sĩ Tía Nham. Thị giả Liễu Hiền xin ban cho bài kệ. Sư lớn tiếng hét:

- Không có kệ thì chết không được sao?

Rồi cầm bút viết:

*Sanh cũng như thế
Chết cũng như thế
Có kệ không kệ.
Có gì quan hệ.*

Xong liệng bút tịch ngay. Sư thọ bảy mươi lăm tuổi, tọa năm mươi tám hạ. Toàn thân thờ trong tháp bên cạnh Minh Nguyệt Đường. Ngũ Lục của Sư gồm một trăm tám mươi quyển, theo Đại Tạng Kinh lưu hành khắp nơi.



PHỐ THUYẾT

Lần đầu tiên chánh thức ra hoằng pháp, Sư thăng tòa đốt hương rằng:

- Nén hương này thấy được thì con mắt khô, ngửi được thì bộ óc nứt. Gặp quý thì giá bằng cõi ta bà, gặp tiện thì rẻ hơn đồng xu. Hôm nay trước mặt Trời Người đốt trong lư, dùng để thù đáp pháp nhũ của Ân Sư (*Là Viên Ngộ Đại Hòa thượng*).

Nói xong an tọa.

Đệ tử thượng thủ bạch dùi rằng:

- Chúng long tượng trong pháp hội nên quán Đệ Nhứt Nghĩa Đế v.v...

- Kế đó, trải qua nhiều lời giải đáp cho các Tăng tấp nập ra hỏi, nhưng vẫn còn nhiều Tăng dành ra hỏi nữa, Sư ra dấu cho tạm ngưng rồi nói:

- Giả sử cả đại địa đều nghiên thành vi trần, mỗi vi trần đều có một miệng, mỗi miệng đều đủ tướng lưỡi rộng dài, mỗi lưỡi đều đủ tướng âm thanh sai biệt, mỗi tướng âm thanh sai biệt đều có vô lượng lời nói sai biệt, mỗi lời nói đều có vô lượng lời nói sai biệt, mỗi lời nói đều có vô lượng diệu nghĩa sai biệt, có nạp Tăng nhiều như số bụi trần kể trên, mỗi tăng đều có miệng như thế, có lưỡi như thế, có âm thanh

như thế, có diệu nghĩa như thế, cùng một lượt đề ra muôn ngàn vấn nạn, mỗi vấn nạn đều khác biệt, chỉ cần sơn Tăng tằng hắng một tiếng thì nhất thời giải đáp xong. Ngay lúc ấy còn làm thêm vô lượng vô biên quảng đại Phật sự, mỗi mỗi Phật sự đều cùng khắp pháp giới, gọi là một lỗ chân lông hiện vô lượng thần biến, tất cả Phật đồng thời thuyết kinh, nơi vô lượng kiếp cũng chẳng tìm được bờ bến, dù được như thế đi, cho là môn đinh náo nhiệt thì được, nếu dùng chánh nhãn mà xem thì chính là nghiệp thức mang mang, chẳng có nguồn gốc để căn cứ. Theo cửa thiền của Tổ Sư, một chút cũng dùng không được, huống là bày đặt văn chương để hiển lộ biện tài, chẳng những chôn vùi truyền thống Thiền Tông từ xưa nay, mà còn làm cho nạp tăng cười bể lỗ mũi. Cho nên nói, một mảy may hệ niệm thì rơi vào tam ác đạo, tình thức bỗng sanh thì muôn kiếp bị trói, danh hiệu Thánh phàm đều là tiếng hư vọng, hình tướng xấu đẹp đều là ảo sắc. Người muốn tìm cầu lại thêm lao nhọc, nếu là nhảm chán lại thành họa lớn. Thủ xem Cổ Đức dạy bảo: “Cũng như binh khí của nhà nước bất đắc dĩ mới đem dùng, trên bốn phận của nạp Tăng vốn không có việc này”. Sơn Tăng hôm nay nói ra như thế cũng như không mộng mà thuyết mộng, trên da lành mà tự cắt thành sẹo. Kiểm điểm ra thực là đáng ăn gậy. Trong chúng có ai đáng mặt cầm gậy hạ độc thủ chăng? Nếu có thì xứng đáng báo được cái ơn chẳng thể báo, cùng

nhau thu nhiếp sự giáo hóa của vô vi. Nếu không thì lệnh này đảo ngược rồi vậy.

Rồi Sư bỗng cầm gậy lên rằng:

- Dùng kiếm Mạc Da (*Bảo kiếm*) hành chánh lệnh. Hoàn Vũ thái bình chém si ngoan (*Si mê và ngoan cố*). Xong, Sư hét một tiếng.

Tiếp đó, Sư kể chuyện:

- Có quan Thường Thị họ Vương thăm Ngài Lâm Tế, hai người cùng nhau đến tăng đường. Thường Thị hỏi:

- Cả nhà Tăng này có xem Kinh chǎng ? Lâm Tế đáp:

- “Chǎng xem Kinh”.

Thường Thị hỏi: - Có học thiền chǎng?

Lâm Tế đáp: Chǎng học thiền.

Thường Thị hỏi: - Kinh chǎng xem, thiền chǎng học, rốt cuộc làm việc gì?

Lâm Tế đáp: - Trọn bảo họ làm Phật làm Tổ.

Thường Thị hỏi: - “Mặt vàng dù quý, vào mắt thành bệnh, lại là thế nào?

Lâm Tế đáp: - “Ta nói ông chính là người tục”.

Xong, Sư (*Đại Huệ*) nói:

- Lão Lâm Tế cầm một cây bảo kiếm, sức mạnh khắp vũ trụ, hoành khắp thiên hạ. Vô cớ bị ông quan

này đánh nhẹ một cái liền thấy băng tan, ngói bể.
Xin nói thử ông quan này có gì hay?

Nghe bài tụng đây:

*Thế, xuất thế gian việc hi hữu
Phát minh cần nhờ người đã ngộ
Chỉ dùng bàn tay vá áo rách
Để chuyển Như Lai chánh pháp luân.*



Sư thăng tòa nói:

*Dại đạo chỉ ở trước mắt,
Lại nơi trước mắt khó thấy,
Muốn biết chân thể đại đạo,
Chẳng lia ngôn ngữ, thanh sắc.*

Rồi Sư giơ gậy rắng:

- Cái này là sắc.

Tiếp theo, Sư gõ thiền sàng rắng:

- Cái này là thanh. Sơn Tăng hôm nay miệng nhóp nhép là ngôn ngữ. Vậy cái nào là chân thể của đại đạo?

Kế đó, Sư hé lèn một tiếng rồi nói:

*Tức thấy này chẳng thấy nghe.
Chẳng còn thanh sắc để trình ông.
Trong đó nếu thấu vốn vô sự.
Thể dụng không ngại phân, chẳng phân.*

Nếu mà phân thì: “Mưa xuống ướt trên đất, mưa

tạnh mặt trời ra. Tháng thiếu hai mươi chín, tháng đủ có ba mươi". Nếu mà chẳng phân thì: "Kim Cang chà lưng ông Địa một cái liền lời xương". Cổ Đức nói: "Một câu cuối cùng mới đến lao quan. Đóng chặt quan ải chẳng thông phàm Thánh". Thế nào là một câu cuối cùng?

Sư tự nói tiếp:

- Chớ nên nói mơ.

Đoạn Sư gõ thiền sàng một cái, rồi xuống tòa.



Sư thị chúng rằng:

- Pháp chẳng thể kiến văn giác tri, nếu hành theo kiến văn giác tri ấy là kiến văn giác tri, chẳng phải cầu pháp. Đã lìa kiến văn giác tri rồi thì lấy cái gì gọi là pháp? Đến đây như người uống nước lạnh nóng tự biết, chỉ riêng kẻ thân chứng thân ngộ mới thấy được. Nếu người đã thật chứng ngộ thì khi cầm lên một sợi tóc ắt cả đại địa trong nhất thời đều được rõ ràng. Nhưng đời nay, chẳng những các sĩ phu thông minh lanh lợi mà ngay cả những kẻ thiền giả mỗi mỗi đều có hai thứ bệnh, nếu chẳng phải hôn trầm thì là tán loạn. Hôn trầm thì đọa vào hang quỷ dưới núi đen, tán loạn thì tâm thức lăng xăng, một niệm tiếp một niệm, tiền niệm chưa dứt hậu niệm lại tương tục. Chẳng biết dưới gót chân của mọi người đều có

“Một đại sự nhân duyên” như trời che khắp, như đất hứng khắp, chẳng hôn trầm chẳng tán loạn. Khi chưa có thế giới việc lớn này đã có, khi thế giới hoại việc lớn này chẳng hoại. Thường thường các sĩ phu phần nhiều tâm hay tán loạn, mà hiện nay các nơi lại có những bọn tà Sư, thấy các sĩ phu bị trấn lao chướng ngại, tâm chẳng yên ổn, liền dạy họ thiền Mặc Chiếu, dạy họ như tro lạnh cây khô, nói làm như thế sẽ được ngưng nghỉ. Thực ra có ngưng nghỉ được chẳng? Chẳng biết cái tâm như con khỉ này nếu không chết thì làm sao ngưng nghỉ được. Pháp Mặc Chiếu tà thiền này trước kia thịnh hành nơi tỉnh Phước Kiến. Khi ta mới đến Phước Kiến liền bài xích họ, vì họ làm đoạn dứt huệ mạng Phật, dù ngàn Phật ra đời cũng không cho sám hối. Trong đó có một nho sĩ tên Trịnh Thượng Minh, người rất thông minh, Phật Giáo, Đạo Giáo, Nho Giáo, tất cả đều thông suốt. Một ngày kia, ông ta đem một nén hương đến phòng ta, phần nộ lớn tiếng chất vấn (*Việc chất vấn này đã kể trong cuốn Đại Huệ Thiền Sư giải đáp về vấn đề Mặc Chiếu Tà Thiền*).

Huỳnh Đức Dụng hai anh em đến chùa thiết trai cúng dường, thỉnh sơn Tăng phổ thuyết, xiển dương tông chỉ để đền ơn Phật. Nhưng gọi cái gì làm tông chỉ? Lại tông chỉ làm sao xiển dương? Thời đại gần đây, Phật pháp suy yếu, tà sư thuyết pháp như hằng sa, mỗi mỗi tự lập môn phái, bày đặt các việc kỳ lạ,

xoay vòng nén bóp, làm mê hoặc kẻ hậu học, bọn này rất nhiều. Kẻ tham thiền đã không đủ pháp nhẫn để chọn lựa mà người làm thầy lại đạo nhẫn không sáng cho nên mới xảy ra việc như thế.

Trước kia ta với Nguyên Chiêu không quen biết, thấy bài tựa của ông ở phẩm Phạm Hạnh trong Kinh Hoa Nghiêm, tự nói ở nơi Phẩm Phạm Hạnh có chỗ ngộ nhập. Khi đó ta biết ông ấy chỉ ngộ được Vô Phạm Hạnh mà thôi, lại bị tà sư ấn chứng cho là triệt ngộ, nên nghĩ nếu gặp sau này ta sẽ tận sức cứu ông ấy. Đến khi gặp ở Trường Lạc, ta liền nói với ông ấy rằng: Cái của ông ngộ chính là cái mà Ngài Vĩnh Gia nói “Đoạn Diệt Không, phế nhân quả, mên mông mịt mù, chiêu tai họa” mà thôi. Rồi ta lấy Phẩm Phạm Hạnh để chứng minh chỗ sai của ông ấy rằng, Kinh nói: “Nơi thân vô sở thủ, nơi tu vô sở trước, nơi pháp vô sở trụ, quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng, chẳng kẻ tác nghiệp, chẳng kẻ thọ báo, đời nay chẳng lay động, kiếp kia chẳng biến đổi”. Vậy trong đó lấy pháp gì gọi là Phạm Hạnh, Phạm Hạnh từ đâu mà đến, thuộc về của ai, bản thể là người nào, do ai làm ra, ấy là có hay là không, là sắc hay phi sắc, là thọ, tưởng, hành, thức hay phi thọ, tưởng, hành, thức? Quán xét pháp phạm hạnh bất khả dắc như thế mà lại suy diễn cho rằng “Vô Phạm Hạnh là chân Phạm Hạnh”, ấy là phỉ báng Đại Bát Nhã, vào địa ngục như tên bắn.

Ta còn nói thêm với ông ấy rằng: Hiện nay bọn ta sư mõi mõi đều tự nói đắc Vô thượng Bồ Đề. Mỗi mõi đều bày đặt dị đoan để lừa gạt kẻ kia người nọ, đem nhân duyên nhập đạo của Cổ Đức vọng tự bày đặt, hoặc cho im lặng vô ngôn vô thuyết là việc trước không kiếp, (*Chưa có trời đất*), hoặc dạy người ngưng nghỉ đi, ngưng nghỉ đồng như gỗ đá; Lại còn sơ người ta nói “Ngồi trong hang quỷ dưới núi đen” nên dùng lời của Tổ Sư dẫn chứng rằng “Vì liễu liễu thường tri nên ngôn ngữ chẳng thể đến”. Vậy khi ngưng nghỉ đến như gỗ đá nếu chẳng phải tối mò vô tri thì lại tinh tinh lịch lịch (*Ôm chặt kiến giải*), đi, đứng, ngồi, nằm luôn luôn tự trói. Dạy người tu hành như thế, nói lâu ngày sẽ tự ngộ bản tâm; Hoặc cho lìa bỏ tình thức trần lao, lấy chẳng lập hang ổ làm cửa nẻo; Phàm công án của người xưa vừa đề ra thì hiểu liền hoặc là thầy hỏi “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, ông làm sao hiểu?” liền đáp “Hoà thượng hãy tĩnh tĩnh đi!” hoặc nói “Hoà thượng đi đâu đấy” hoặc nói “Không thể mũi tên lại thêm nhọn” hoặc nói “Lừa gạt bao nhiêu người” hoặc đề lại một lần “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Phàm hỏi về nhân duyên của người xưa đều hướng ngay chỗ đề khởi mà thừa nhận, hướng ngay chỗ lửa nhoáng, điện chớp mà hiểu, Thầy vừa đề xong trò cũng hiểu xong. Phàm có sở hỏi đều chẳng thọ nhận gọi là giải thoát tự tại, được đại an lạc. Hoặc cho “Tam giới duy

tâm, vạn pháp duy thức” làm chủ, lấy lời có chỗ tương tự của người xưa để chứng minh, cho mắt thấy tai nghe là chỗ đắc lực. Phàm chỗ thông vào đều cho thấy vật mà ngộ, nghe tiếng mà ngộ. Phàm có thi thiết đều bắt chước chỗ tương tự của người xưa.

Phàm gặp người hỏi, chỉ dính mắc chỗ câu hỏi mà đáp gọi là “Ngay đó hợp nghĩa vô sanh”, gọi là “Miên mật chẳng đọa tình trần”. Ví như Tăng hỏi Cổ Đức “Thế nào được ra khỏi tam giới?” thì nói “Đem tam giới lại đây để ta ra cho”, hoặc nói: “Gọi cái gì là tam giới”, hoặc nói “Hiểu được chỗ hỏi của Tăng này thì ra tam giới cũng chẳng khó”. Hoặc như tăng hỏi Pháp Nhãn “Thế nào là một giọt nước của Tào Khê” thì đáp rằng: “Là một giọt nước của Tào Khê”. Còn như Huệ Siêu hỏi Hòa thượng “Thế nào là Phật?” thì đáp rằng: “Ông là Huệ Siêu”. Dẫn chứng những lời như thế cho là toàn đúng hay toàn chẳng đúng.

Còn luận về công án Ngài Được Sơn lúc đêm thị chúng rằng: “Ta có một lời nói đợi khi trâu đực đẻ con thì nói với ngươi”. Rồi có Tăng ra thưa rằng: “Trâu đực đã sanh con rồi, chỉ là Hòa thượng không nói”. Được Sơn nói rằng: - “Đốt đèn lên”. Tăng ấy liền trở về trong chúng. Sau này ngài Pháp Đăng ra nói rằng: “Ấy là sanh trâu đực hay trâu cái”. Lại tự đáp rằng: “Sanh đôi”.

Khi bọn họ thương lượng, cũng cho là hiểu ngay lời

đó hợp nghĩa vô sanh, giải thích bậy rằng Ngài Được Sơn nói: “Ta có một lời nói đợi khi trâu đực sanh con”, ấy tức là đã nói ra rồi, cho nên Tăng này lãnh hội được liền ra nói: “Trâu đực đã sanh con rồi chỉ là Hòa thượng không nói”, cho là rất miên mật, chẳng lộ kiếm bén. Cho đến Ngài Pháp Đăng rằng: “Áy là sanh trâu đực hay trâu cái?” Tự đáp rằng: “Sanh đôi”, họ cũng cho rằng ấy cũng chỉ là hiểu ngay lời đó hợp nghĩa vô sanh. Lại luận bậy rằng: “Ngài Pháp Đăng tự hỏi” “Trâu đực hay trâu cái”, lại tự đáp rằng “Sanh đôi”, lời ấy chẳng có chút thiếu dư, Phật Nhãn cũng nhìn không thấy. Đem lời này cho là dùng đúng phá đúng, chẳng lộ kiếm bén, chẳng cần phí sức.

Lại nữa, như “Cổ Đức chỉ một cục đá hỏi người học rằng: - “Cục đá này ở trong tâm hay ở ngoài tâm?” Đáp rằng: - “Ở trong tâm”. Cổ Đức nói: - “Sao ông chấp trước quá, để cục đá ở trong tâm?” Bọn họ thương lượng rằng: “Chẳng nên dùng trong với ngoài để đáp. Nếu dùng trong, ngoài để đáp thì pháp có chút thừa rồi”. Nên đáp: “Tốt lắm một cục đá”, hoặc đáp: “Lãnh thọ lời hỏi này”, hoặc đáp: “Gọi cái gì làm một cục đá”, hoặc đáp: “Dạ, dạ”, hoặc đáp: “Ở trước pháp đường”, hoặc đáp: “Tạ Sư khai thị” hoặc đáp: “Hòa Thượng còn biết mắc cỡ chăng?” v.v... Phàm đáp những lời như thế chỉ dùng một câu bao gồm tất cả, gọi là miên mật, gọi là chẳng sai chạy. Bọn họ rất nhiều kiến giải như thế, hoặc cho là tất cả ngôn ngữ đều không dính dáng.

Phàm khi vừa nghe đề ra thì hai mắt mở lớn, giống như con nít bệnh tâm thần thấy ma thấy quỷ vậy. Chỉ ở nơi nhường mày ngó nhìn mà lãnh hội. Lại lấy lời của người xưa dẫn chứng bậy rằng: “Chẳng ngó nhìn tức sai lầm. Muốn suy lường thì kiếp nào mới được ngộ. Hết khi nghĩ đề ra thì cần phải dùng mắt ngó nhìn”. Chỉ lấy lời của người xưa nhắc lại một lần, gọi là chẳng lọt vào lời nói, cũng như những lời “Cây bách trước sân”, “Rửa chén bát đi”, “Ba cân mè”..., nếu qua được một cái thì tất cả đều qua được, chẳng cần phí sức. So với ánh sáng của lửa nhoáng điện chớp chỉ thêm được một cái nhường mày nháy mắt mà thôi. Bọn họ mỗi mỗi tự cho là đã được truyền tâm ấn của Tổ Sư. Bọn này thật là phỉ báng người xưa biết bao!



Sư thị chúng rằng:

- Người xưa nói: “Đại trí không phân biệt, đại dụng không lý sự, như mặt trăng hiện nơi ngàn sông, như làn sóng tùy theo dòng nước”. Nhưng cái nào là cái không phân biệt của đại trí, cái nào là cái không lý sự của đại dụng? Có phải hỏi một đáp mười, biện tài như suối chảy là đại trí chẳng? Có phải “Thô ngôn với tế ngữ đều quy đệ nhất nghĩa” hay là “Lật ngã thiền sàng, hét tan đại chúng”, hoặc là “Quay đầu bỏ đi, do dự liền đánh” v.v... Là đại trí chẳng? Nếu mà kiến giải như thế, chớ nói làm một ông Tăng, muốn làm nô lệ dưới cửa ông Tăng cũng còn chưa thể được.

Thiện tri thức! Kẻ thực chứng thực ngộ mà đối với đại pháp còn chưa sáng tỏ, khi dạy người vẫn khó tránh khỏi đem cái chỗ tự chứng, tự ngộ của mình để dạy bảo người, làm mù mắt người, huống là kẻ chưa chứng ngộ, học lời nói của người khác, làm mù mắt người là điều chắc chắn vậy. Việc này rất là khó. Người đại căn khí đến chỗ này còn không có chỗ để đặt chân, huống là bọn ma tiểu căn vô tri, làm sao dám mở miệng khoa trương bậy bạ. Các ông thử suy nghĩ kỹ xem trong tâm mình thực đến chỗ bất nghi (*Triệt ngộ*) chưa? Nếu thực chưa đến mà ta lại thả cửa cho qua, làm như vậy là tạo tội địa ngục. Nên biết thí chủ mười phương đem hạt gạo cọng cài cúng dường các ông là muốn các ông đạo pháp thành tựu, đồng đến Phật thừa. Nếu các ông chỉ cầu phước báu đời sau, đạo pháp không thành thì làm sao tiêu được? Các ông đã quyết tâm kế thừa cửa thiền này cần phải tâm cảnh nhất như mới có ít phần tương ứng. Chớ nên nghe ta nói vậy liền nhắm mắt, bộ dạng như kẻ chết, cho là tâm cảnh nhất như, bày đặc như vậy làm sao được! Các ông muốn chân thật đến chỗ tâm cảnh nhất như, đem thức thứ tám một dao cắt dứt, chỉ giữ tình, ngoài ra đều chẳng mang đến.

Hòa thượng Nham Đầu có nói: “Vừa có sở trọng liền thành hang ổ”. Các người suốt đời tham cứu việc này, kẻ vô sở đặc thì khỏi nói rồi, nhưng khi đó nhiều người cứ ngồi trong hang ổ, suốt đời không ló đầu ra

cũng không biết quấy. Có kẻ thì ở trên lời nói của Cổ Đức được chút mùi vị, đem ngữ cú kỳ diệu làm hang ổ; Có kẻ thì trong kinh giáo nghĩa cú được mùi vị, lấy kinh giáo làm hang ổ; Có kẻ thì trên công án cổ nhân được mùi vị, đem những lời nói vấn đáp thường phật của cổ nhân làm hang ổ; Có kẻ thì trên tâm tánh mình được mùi vị, lấy "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức" làm hang ổ; Có kẻ thì ở chỗ nín lặng vô ngôn vô thuyết được mùi vị, đem bế tai nhắm mắt ngồi trong hang quỷ chẳng lay động làm hang ổ; Có kẻ thì trong việc ứng dụng hàng ngày được mùi vị, đem nhường mày nháy mắt nhắc nhở tinh giác làm hang ổ; Có kẻ nói pháp chẳng ở trên lời nói, chẳng ở trên tình thức, chẳng ở chỗ cử chỉ động tác, nhận lầm nghiệp thức là Phật tánh, ở đây được mùi vị, đem "Đánh lửa đá, ánh sáng điện chớp" làm hang ổ. Những cái hang ổ nói trên đều là do được mùi vị mà có sở trọng. Nếu người không có khí phách đại trượng phu, cứ theo chỗ sở trọng của mình cho là kỳ lạ, huyền diệu, yên ổn cứu cánh giải thoát, chẳng tự biết quấy. Cứ chấp cái tư tưởng như thế dấu cho Phật ra đời cũng cứu không nổi. Trong giáo môn gọi là si ám hoặc (*Hoặc: Mê hoặc*). Tại sao vậy? Vì si nên chấp tà làm chánh, vì ám nên dọa nỗi sở trọng mà chẳng thể lay động. Nếu ở nơi tâm vô sở khởi, ở nơi pháp vô sở trụ thì tự nhiên vô sở trọng. Vô sở trọng thì vô dục vô y, nơi pháp tự tại.

Hôm nay các ông muốn công phu được tương ứng cũng không khó, chỉ cần ở nơi tâm bình đẳng vô sở nhiễm trước. Thế nào là nhiễm trước? Cũng như sanh khởi chúng sanh tưởng, Phật tưởng, thế gian tưởng, xuất thế gian tưởng, cầu xuất ly tưởng, cầu Phật trí tưởng v.v... đều gọi là nhiễm trước. Nếu đang khi tâm nhiễm trước muốn khởi mà chưa khởi, dũng mãnh tinh tấn một cái nhảy ra, thì tâm này sáng tỏ độc thoát, vừa cảm thấy như vậy liền chuyển hướng lên trên thì tự nhiên nơi nào, chỗ nào cũng đều hiển bày sáng tỏ. Được đến chỗ điền địa này rồi cũng không được màng đến, nếu màng đến thì có sở trọng, vừa có sở trọng thì tâm này bị "Xì hơi". Như thế chỉ gọi là tâm xì hơi chẳng gọi là tâm bình đẳng. Nói bình đẳng là thiện với ác đẳng, thuận với nghịch đẳng, lý với sự đẳng, phàm với thánh đẳng, hữu lượng với vô lượng đẳng, thể với dụng đẳng... cái đạo lý này chỉ có kẻ chứng mới biết. Các ngươi nếu chưa chứng thì phải tự chứng lấy. Chứng rồi mới được gọi là chân xuất gia. Nếu tự tâm chưa chứng mà hướng ngoài tâm thủ chứng, ấy gọi là kẻ xuất gia ngoại đạo, chẳng thể làm hạt giống Phật.

Tâm này quảng đại chẳng có ngần mé, vô lượng vô biên. Hằng sa chư Phật thành đẳng chánh giác, sơn hà đại địa vạn tượng sum la đều chẳng ở ngoài tâm này. Tâm này hay đặt danh hiệu cho tất cả, mà tất cả chẳng thể đặt danh hiệu cho nó. Chư Phật chư

Tổ vì tùy thuận sự diên dảo của chúng sanh, bất đắc dĩ đặt ra những tên gọi là Chân Như Phật Tánh, là Bồ-dề Niết-bàn. Cưỡng lập danh hiệu mỗi mỗi sai biệt là vì kiến giải chấp trước của chúng sanh có đủ thứ sai biệt nên mới lập những danh hiệu sai biệt này, khiến chúng sanh ngay chõ sai biệt mà nhận lấy cái tâm chẳng sai biệt này, chớ chẳng phải tâm này có sai biệt vậy.

Tăng hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là Phật?

Tổ nói:

- Tức Tâm là Phật.

Ông nếu thực chứng thực ngộ thì đâu có sai biệt, ông nếu không ngộ, chỉ cầu kiến giải kỳ lạ, chẳng thực chứng thực ngộ, chẳng ngộ tâm này là Phật, thì chính bốn chữ “Tức Tâm là Phật” cũng thành nhân duyên sai biệt vậy. Lời Phật muốn dùng thí dụ để hiển bày tâm này, rốt cuộc cũng chẳng có thí dụ nào mà thí dụ được. Nay nói quảng đại là đã làm hạn chế nó rồi, huống chi muốn dùng cái tâm có ngần mé để nhập vào cái cảnh giới quảng đại này, dẫu cho nhập được thì cũng như dùng vỏ sò để đóng nước biển, nước tuy đầy vỏ sò cũng chẳng được bao nhiêu. Nước biển trong sò dù rất ít, nhưng khi chưa vào sò vẫn vốn là cái nước vô hạn lượng, chỉ vì tâm lượng của ông nhỏ hẹp, cho đầy sò là đủ, nên cái cảnh giới vô hạn đó đã

phải tùy theo cái sức đựng nhỏ hẹp của ông tự cho là đầy đủ mà thôi, chẳng phải nước biển chỉ có bấy nhiêu đâu! Nên Phật nói: “Ví như biển lớn chẳng từ bỏ dòng nước nhỏ, dù con muỗi hay A Tu La uống nước đó đều được sung mãn”. Nước dụ cho tâm, con muỗi và A-tu-la dụ cho lớn nhỏ sai biệt. Trên tâm thể này vốn chẳng số lượng sai biệt, hễ ông chẳng khởi tri kiến để nhận lấy mỗi mỗi sai biệt của tâm này tức là biết được tâm này vậy. Bậc Thánh xưa còn không cho chấp tâm này là thật, vậy ngoài tâm ra đâu còn vật gì thật để làm chướng nạn cho ông? Nay Ta ngỏ lời dài dòng cũng là sự bất đắc dĩ, vì muốn dẫn dắt đứa bé đáng thương như mẹ mến con nên mới có những lời dây dưa nhắc ông. Nhưng chớ ghi nhớ lời Ta cho là đúng vì hôm nay Ta nói như thế, ngày mai lại không nói như thế. Ông vừa như thế thì Ta lại không như thế. Khi ông không như thế thì Ta lại như thế. Ông hướng vào đâu mà tìm chỗ ở của Ta? Chính Ta cũng chẳng tự biết chỗ ở, người khác làm sao tìm được?

Cái cửa ải này rất là sống động, kẻ chết cái tâm hiện hành mới có thể vào được. Nhưng người hành giả hiện nay lại đem ít phần tinh tấn tụng kinh lễ Phật, giữ giới thân khẩu ý, cho là tu hành để mong cầu chứng đắc, thực ra đâu có dính dáng gì! Cũng như người si mê cúi đầu chạy về phương Tây mà muốn lấy vật ở phương Đông thì càng chạy càng xa, càng gấp

càng trẽ. Đây là pháp môn vô lậu vô công dụng, nếu sanh khởi mảy may tâm thủ chứng là trái ngược rồi, sao lại muốn nhờ một chút công hạnh hưu vi để thỏa mãn sự mong cầu? Vì người xưa được thấu suốt nên nói: “Ta ngồi đó xem ông tham cứu, Ta đứng đó xem ông tham cứu”. Đâu từng bảo ông bày đặt này nọ, tích chứa công đức, mong cầu thành đạo? Dẫu cho ông mong cầu được thành, thành rồi sẽ hoại, chỉ tự làm lao nhọc mà thôi.

Ông chớ nên nghe ta nói như thế rồi liền phế bỏ nhân quả làm nghiệp địa ngục. Tự tánh bình thường vô sự gọi là vô tri kiến, vô Phật pháp, đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ nghỉ, đây là vô tu chứng, đây là vô công dụng, nhưng chớ nên hiểu lầm nhé!

Muốn gánh vác việc này phải là kẻ cứng cỏi như gang sắt đúc thành mới được. Những kẻ tiểu cẩn tiếu khí đâu thừa nhận. Cũng như Lâm Tế ba lần hỏi Hoàng Bá về đại ý của Phật pháp, sau này được Đại Ngu điểm phá bỗng nhiên đại ngộ, bất giác “Ồ” lên một tiếng “Phật pháp của Hoàng Bá không có nhiều”. Đại Ngu nói: “Ông vừa hỏi có lỗi hay không lỗi mà nay lại nói Phật pháp của Hoàng Bá vốn không có nhiều. Ông thấy cái gì mà nói như thế?” Lâm Tế gõ hai gõ vào nách Đại Ngu. Đại Ngu bèn gạt ra rồi nói: “Thầy ông là Hoàng Bá không dính dáng với ta”.

Các ngươi tham thiền có ai được như thế chưa? Đối với việc này Vân Am Hòa thượng tung rỗng:

*Bỗng nói Hoàng Bá pháp chẳng nhiều
 Trương phu đâu thể tự chống trái
 Hai gõ dưới nách tò tin tức
 Chẳng từ Hoàng Bá phó chúc đây.*

Còn Thủ Đoan Hòa thượng tụng rằng:

*Một tay đánh ngã Hoàng Lạc Lâu
 Một chân đá nhào Anh võ Châu
 Lúc có ý khí thêm ý khí
 Chỗ chẳng phong lưu cũng phong lưu.*

Theo hai bài tụng của hai ông già này là đủ tư cách kể thừa dòng Lâm Tế, rất đáng làm con cháu của Ngài. May mắn xưa nay có sẵn thể cách như thế, tại sao không màng đến xem kỹ đó là đạo lý gì? Việc này như mặt trời giữa trời xanh, đâu có gì che khuất, mà các nơi lại có thứ thiền “Vô sò” bày đặt kỳ lạ, đủ thứ sai biệt quanh co, có nói lời này lời nọ, nói khám phá lời kia, nói chẳng bị dính mắc v.v..

Lại có một bọn chấp lời trong kinh Lăng Nghiêm, trong Tông Cảnh Lục nói: “Mắt thấy tai nghe đều là tâm, chẳng phải pháp khác”. Lại lấy bài kệ tỏ ngộ của Thiền Quốc Sư (*Nhị Tổ của tông Pháp Nhãn*):

**“*Phong đinh Thông Huyền chẳng phải nhân gian,
 Ngoài tâm chẳng pháp, đầy mắt núi xanh*”.**

Dùng để dẫn chứng, gọi là việc dưới gót chân, gọi là cơ sở, gọi là chỗ miên mật. Lãnh hội như thế cho

là tốt. Nếu cứ lanh hội như thế há chẳng phải là nhận vật làm tâm ư! Đã là tâm (*Mindh*) sao lại còn muốn nhận nó làm chi? Bọn này tự hủy bỏ chánh nhân, trở lại hành theo lối ma, thật đáng thương xót!



KHÁM XÉT

Sư ở núi Vân Cư làm Thủ Tọa. Một hôm đến xã Tây Tích, có một Ông Tăng gặp Sư thưa rằng:

- Vì xem bài tụng “Người nữ xuất định” của Sư mà có chỗ ngộ nhập, nên đặc biệt đến cầu Thủ Tọa án chứng.

Sư nói:

- Người đi đi, chẳng phải!

Tăng hỏi:

- Tôi còn chưa nói chỗ thấy của tôi, tại sao nói chẳng phải?

Sư cứ khoát tay liên hồi:

- Người đi đi! Đi đi! Chẳng phải, chẳng phải!

Tăng ấy lù mù lui ra.



Sư hỏi Tăng:

- Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, người làm sao lãnh hội?

Tăng đáp: Lãnh.

Sư nói:

- Lãnh cái tiên linh bảy đời trong nhà ngươi!

Tăng liền hét.

Sư nói:

- Vừa nói lanh, nay lại hét, có dính dáng gì đến “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật” đâu!

Tăng chẳng thể trả lời. Sư đánh đập đuổi ra.



Sư hỏi Tăng:

- Ta hôm kia ở chỗ ngươi có một câu hỏi. Ngươi hôm kia đã đáp ra rồi, tại sao hiện nay cứ ngủ hoài vậy?

Tăng đáp:

- Phải! Phải!

Sư hỏi:

- Nói cái gì?

Tăng đáp:

- Không phải! Không phải!

Sư đánh luôn hai gậy rồng:

- Một gậy đánh ngươi nói phải, một gậy đánh ngươi nói không phải.



Sư ở trong thất, thường hỏi chư Tăng:

- Gọi là cây gậy thì nghịch, chẳng gọi là cây gậy thì trái, không cho nói, không cho nín, không được ở

nơi ý căn suy lường, không được cho là vô sự, không được theo lời thầy thừa đương (*Lãnh nhận*), không được im lặng giây lâu, không được lê bái như người nữ, không được dạo quanh thiền sàng, không được quay đầu bỏ đi. Tất cả đều không được. Nói mau đi! Nói mau đi!

Có Tăng muốn nói, Sư liền đánh đập đuổi ra. Thời đó ít có người thấu được cơ xảo này.

Có Tăng nghe lời kể trên, liền giựt cây gậy. Sư nói:

- Đoạt gậy thì cho người đoạt, nhưng ta gọi là nắm tay thì nghịch, chẳng gọi là nắm tay thì trái, vậy người làm sao đoạt? Rồi người có thể nói: "Xin Hòa thượng buông nắm tay ra!" ta tạm buông đi, nhưng ta gọi là cột trụ thì nghịch, chẳng gọi là cột trụ thì trái, thì người làm sao mà đoạt? Ta gọi là sơn hà đại địa thì nghịch, chẳng gọi là sơn hà đại địa thì trái, thì người làm sao mà đoạt?

Khi ấy, có Châu Phong trưởng lão rắng:

- Tôi xem "Lời cây gậy" của Hòa thượng cũng như ông quan tịch thâu tài sản nhà họ rồi, lại còn muốn nhà họ nạp đủ tiền thuế.

Sư nói:

- Người thí dụ rất hay. Ta muốn người nạp thuế thật, người không có tiền nạp thì phải tìm cách tự tử, hoặc nhảy xuống sông hoặc nhảy vào lửa mới có thể

chết được. Chết rồi lại từ từ sống lại. Xưng ngươi là Bồ-tát thì hoan hỷ, kêu ngươi là ăn trộm thì tức giận, ngươi vẫn là người xưa kia. Cho nên Cổ Đức nói: "Vực thẳm buông tay, thẳng tự thừa đương, tuyệt hậu tái tô, dối ông chẳng được". Đến chỗ này mới khé ngô được "Lời cây gậy".

Lại có một Tăng nghe rồi nói:

- Xin Hòa thượng buông cây gậy xuống thì sẽ nói với Hòa thượng.

Sư buông xuống, Tăng quay đầu bỏ đi. Sư kêu:

- Thị giả! Nhớ ông Tăng này.



Lại nữa, Sư đề ra hỏi một Tăng, Tăng nói:

- Sợ con rùa trong lu chạy trốn sao!

Sư xuống thiền sàng tóm chặt Tăng ấy, rồi hỏi:

- Lời này của ai? Nói mau đi!

Tăng đáp:

- Thực chẳng dám dối ngài. Ấy là Trúc Am Hòa thượng bảo tôi nói như thế.

Sư đánh luôn mấy gậy, rằng:

- Rõ ràng bạch cho các nơi.



Sư lại đề ra hỏi Di Quang, Quang nói:

- Trưởng lão bày đặt nhiều như mè, như cát.

Sư hỏi:

- Người là trưởng lão thứ mấy?

Quang đáp:

- Hôm nay đánh bại lão tặc này rồi.

Sư liền ấn chứng cho.



Thị giả Cận Lễ hầu Sư lâu năm, âm thầm tham thoại đầu “Cây gậy” nhưng chẳng ngộ nhập. Một hôm xin khai thi, Sư nói:

- Ta nói một thí dụ cho ngươi, cũng như đem trái vải rất ngon lột vỏ bỏ hột, rồi đưa tới miệng ngươi mà ngươi không biết nuốt.

Lẽ bất giác bật cười rằng:

- Hòa thượng, nếu nuốt là tai họa.

Hôm sau Sư hỏi tiếp:

- Hôm qua ngươi nuốt trái vải rồi lại không biết mùi vị u?

Lẽ đáp:

- Nếu biết mùi vị lại càng thêm tai họa.

Sư liền ấn chứng.



Sư vừa thấy Tăng vào, liền nói:

- Chẳng phải! Di ra đi!

Tăng liền ra, Sư nói:

- Người lớn như vậy lại bị lời nói xoay chuyển.

Kế đó một Tăng khác đi vào, Sư cũng nói:

- Chẳng phải! Đi ra đi!

Tăng ấy lại tiến đến trước mặt. Sư nói:

- Đã nói với người chẳng phải, còn đến gần để tìm cái gì?

Liền đánh đậm đuổi ra.

Rồi một Tăng khác vào nói:

- Hai Tăng hồi nãy không hiểu ý Hòa thượng.

Sư cúi đầu “Hứ” một tiếng. Tăng ngạc nhiên. Sư đánh đậm rằng:

- Người lại hiểu được ý của lão Tăng!



Sư vừa thấy Tăng vào liền nói:

- Người chẳng hiểu! Đi ra đi!

Tăng liền đi ra. Kế đó Tăng khác vào, Sư cũng nói:

- Người chẳng hiểu! Đi ra đi!

Tăng đi ra. Rồi một Tăng nữa vào, Sư hỏi:

- Hai Thượng tọa hồi nãy, một người biết năm không biết buông, một người biết buông không biết năm. Người phân biệt được chăng?

Tăng đáp:

- Tất cả lãnh thọ rồi.

Sư hỏi:

- Sau khi lãnh thọ rồi, có tin tức tốt nào khác chăng?

Tăng vỗ tay một cái rồi đi ra.

Sư nói:

- Đέ ba mươi năm sau ngộ đi!



Sư hỏi Tăng:

- “Khi giữa đường gặp người đạt đạo, chẳng đem nói nín đói đáp” thì thế nào?

Tăng trân trọng (*Tù giã*) đi ra. Sư ha hả cười to.

Kế đó một Tăng đến, Sư hỏi:

- Ta vừa hỏi Tăng ấy: “Khi giữa đường gặp người đạt đạo, chẳng đem nói nín đói đáp” thì thế nào? Tăng ấy trân trọng đi ra. Người nói nó hiểu hay không hiểu?

Tăng muốn vấn tín (*Cháp tay xá*), Sư liền đánh đập đuổi ra.



Sư hỏi Tăng:

- Chẳng làm bạn với vạn pháp là người gì?

Tăng Đáp:

- Hắn chẳng mặt mũi.

Sư nói:

- Vừa mới có một Tăng nói như thế bị đánh đập đuổi ra rồi.

Tăng do dự muốn nói, Sư liền đánh.

Sư hỏi Tăng: Công án “Trên cây” của Hương Nghiêm⁽¹⁾, ngươi hiểu như thế nào?

Tăng đáp:

- Đối với gió xuân hót chim Cu.

Sư hỏi:

- Thượng tọa Hổ Đầu rằng: “Chẳng hỏi việc trên cây, việc dưới cây, nói cho một câu đi” lại là thế nào?

Tăng đáp:

- Vừa mới đáp Hòa thượng rồi.

Sư hỏi:

- “Đối với gió xuân hót chim Cu” hót là lời trên cây hay lời dưới cây?

Tăng muốn đối đáp, Sư liền đánh.



Tăng hỏi Sư:

- Con tham thiền chẳng được, bệnh ở chỗ nào?

Sư đáp:

⁽¹⁾ Công Án “Trên cây” của Hương Nghiêm:

Hương Nghiêm thượng đường hỏi:

- Một người ở trên cây miệng ngậm nhánh cây, chân chẳng đứng trên cây, tay cũng chẳng nắm cây, dưới cây có người hỏi đạo. Nếu đáp thì phải té bỗng, nếu không đáp thì chẳng thỏa ý người hỏi. Vậy phải làm thế nào?

Chúng không ai trả lời được. Rồi có Thượng Tọa Hổ Đầu ra nói:

- Chẳng hỏi việc trên cây, việc dưới cây, xin Hòa thượng nói cho một câu đi.

Hương Nghiêm cười ha hả rồi thôi.

- Bệnh ở chỗ này.

Tăng hỏi:

- Con vì sao lại tham chǎng được?

Sư nói:

- Thằng mờ mắt đái dầm! Ta đánh cho ngươi đi.



Sư hỏi Tăng: Công Án “Quốc Sư ba lần gọi Thị giả”⁽¹⁾, ý chỉ thế nào?

Tăng đáp:

- Cá lội thì nước lụt.

Sư nói:

- Chớ ỉa bậy.

Tăng không mở miệng được, Sư liền đánh.



Sư hỏi Tăng:

- Mã Tổ nói: “Từ khi nước Hồ làm loạn, ba mươi năm chưa từng thiếu muối tương”⁽²⁾ là thế nào?

⁽¹⁾ *Huệ Trung Quốc Sư một hôm kêu*: Thị giả. Thị giả cũng "Dạ". Như thế kêu ba lần, Thị giả "dạ" ba lần. Quốc Sư nói: Tưởng ta cô phụ ngươi, ai dè ngươi cô phụ ta.

⁽²⁾ *Công án "Ba mươi năm chǎng thiếu muối tương"*:

Mã Tổ ngộ rồi, từ giã thầy là Tổ Hoài Nhượng về Giang Tây hoằng pháp. Năm sau, Hoài Nhượng sai Tăng đi khám xét thử, dặn Tăng ấy đợi khi Mã Tổ thương đường thì ra hỏi:

- Làm cái gì?

Tăng vâng theo lời, khi đến hỏi thì Mã Tổ đáp rằng:

- Từ khi nước Hồ làm loạn, ba mươi năm chưa từng thiếu muối tương.

Tăng về trình lại. Hoài Nhượng rất khen ngợi.

Tăng đáp:

- Tùy nhà họ phong phú hay tiết kiệm.

Sư nói: “Tùy nhà họ phong phú hay tiết kiệm”, lời này rất tốt, nhưng chỉ là ngươi không hiểu.

Tăng do dự, Sư liền đánh.

Tăng thỉnh ích về Công án “Cảnh Giáp Sơn”⁽¹⁾.

Câu hỏi chưa dứt, Sư liền hét - Tăng cảm thấy mờ mịt - Sư nói: Người hỏi gì? Tăng muốn nói, Sư liền đánh đậm hét: Đi ra!



Sư hỏi Tăng:

- Đạo chẳng cần tu, nhưng chớ ô nhiễm. Thế nào là cái đạo không ô nhiễm?

Tăng đáp:

- Con không dám nói.

Sư hỏi:

- Tại sao ngươi không dám nói?

Tăng đáp:

- E sợ ô nhiễm.

Sư lớn tiếng kêu:

- Thị giả! Đem thùng hốt rác và cây chổi lại đây.

⁽¹⁾ Công án “Cảnh Giáp Sơn”

Giáp Sơn thượng đường răng:

- Trước mắt không pháp, pháp ở trước mắt, không phải pháp trước mắt, chẳng phải tai mắt có thể đến, các ngươi xem thử coi?

Tăng mờ mịt, Sư liền đánh đập đuổi ra.

Sư hỏi Tăng:

- Vì nhất thiết trí, trí thanh tịnh, vô nhị vô nhị phần, vô biệt vô đoạn, làm sao lãnh hội?

Tăng đáp:

- “Vì nhất thiết trí, trí thanh tịnh, vô nhị vô nhị phần, vô biệt vô đoạn”, con chỉ lãnh hội như thế.

Sư nói:

- Ôm con mèo lại đây.

Tăng chẳng biết nói chi. Sư liền hét: Đi ra!



Sư hỏi Tăng:

- Còn nhớ thoại đầu ch้าง?

Tăng đáp:

- Không nhớ.

Sư hỏi:

- Người đến đây làm việc gì?

Liền đánh đập.



Sư hỏi Tăng:

- Ngũ Tổ nói: “Con chó không Phật tánh của Triệu Châu cũng hơn con mèo mười vạn lần” là thế nào?

Tăng đáp:

- Gió thổi qua thì cỏ nằm rạp.

Sư nói:

- Người không được nói bậy, vậy làm sao lãnh hội?
Tăng nín thinh.

Sư nói:

- Bạn bắt chước lời người khác.
Liền đánh đập đuổi ra.



Sư vừa thấy Tăng vào, liền nói:

- Cụ già Thích Ca tới.

Tăng đến gần, Sư nói: "Không phải", rồi đánh đập đuổi ra.

Kế đó một Tăng khác vào, Sư cũng nói:

- Cụ già Thích Ca tới.

Tăng liền chắp tay vấn tín (*Hỏi thăm sức khỏe*) Sư.
Rồi đi ra. Sư nói:

- Giống như chân thật.



Tăng mới vào, Sư liền nói:

- Chư Phật Bồ Tát, súc sinh trâu, ngựa, cây bách
trước sân, mè ba cân, cục cút khô, người là một thằng
ăn trộm!

Tăng nói:

- Lâu nay đã biết Hòa thượng có cơ xảo này.

Sư nói:

- Ta đã vô cớ vào đám cỏ hoang mà người có mùi
cút thối cũng chẳng biết.

Tăng quay đầu bỏ đi.

Sư nói:

- Khổ thay Phật đà.



Sư hỏi Thị giả:

- Có bao nhiêu người nhập thất (*Hồi đạo và trình chô ngộ*)? Mấy người nói được, mấy người nói không được?

Thị giả đáp:

- Ông ta cứ xem thôi.

Sư bỗng giơ tay, hỏi rằng:

- Tay ta giống tay Phật chăng?

Thị giả đáp: “Trời lạnh, xin Hòa thượng xả tay áo xuống”, rồi định bỏ đi.

Sư liền đánh cho một gậy, rằng:

- Đây là thương người hay phạt người?



Tăng hỏi Sư:

- Không biết con chết rồi đi về đâu?

Sư hỏi lại:

- Người hiện nay là sanh hay là tử?

Tăng đáp:

- Sanh cũng không nói, tử cũng không nói.

Sư nói:

- Người làm được nô lệ của Tiệm Nguyên⁽¹⁾.

Tăng do dự, Sư liền đánh đuổi ra.

Rồi một Tăng khác vào, Sư hỏi:

- Tăng vừa rồi đã chịu một lần bại trận, người biết chẳng?

Tăng đáp:

- Biết.

Sư cũng đánh đuổi ra.



Sư hỏi Tăng:

- Nham Đầu qua cửa Đức Sơn hỏi: "Là phàm hay

⁽¹⁾ Công án "Hỏi sanh tử" của Tiệm Nguyên:

Tiệm Nguyên là Thị giả của Đạo Ngô. Một hôm hầu thầy đi diều một thí chủ vừa chết. Sư vỗ quan tài hỏi thầy:

- Sanh ư? Tử ư?

Ngô đáp:

- Sanh cũng chẳng nói, tử cũng chẳng nói.

Sư hỏi: - Tại sao chẳng nói?

Ngô đáp: - Chẳng nói! Chẳng nói!

Khi về, ở giữa đường Sư nói: - Bây giờ Hòa thượng phải nói cho tôi.

Nếu không nói, tôi sẽ đánh Hòa thượng.

Ngô đáp: - Đánh thì cứ đánh, nói thì chẳng nói.

Sư bèn đánh.

Về đến thiền viện rồi, Ngô bảo Sư đi nơi khác, e sợ Tri sự biết rồi không tiện. Sư lẽ bái từ giã, ẩn ở một chùa nơi thôn quê. Trải qua bao năm, khi nghe đồng tử tụng kinh Phổ Môn đến chỗ: "Người nên dùng thân Tỳ-kheo độ thì hiện thân tỳ kheo", bỗng nhiên đại ngộ. Liền dắt nhang lẽ bái thầy rắng:

- Nay mới biết Tiên sư quá từ bi. Tại mình chẳng hội lại trách Tiên sư.

Khi ấy thì Đạo Ngô đã tịch. Sư đến Thạch Sương cầu sám hối, rồi được Thạch Sương ấn chứng (Thạch Sương là đại đệ tử của Đạo Ngô).

là thánh”. Đức Sơn liền hét. Nham Đầu lẽ bái. Ý này thế nào?

Tăng đáp:

- Tin tức rất tốt.

Sư hỏi:

- Tốt ở chỗ nào?

Tăng liền hét.

Sư nói:

- Cái hét này của Ngươi còn chưa có chủ. Đi ra!



Sư hỏi Tăng:

- Như thế cũng chẳng được, không như thế cũng chẳng được, như thế không như thế đều chẳng được, ý ngươi làm sao?

Tăng đáp:

- Đều được.

Sư nói:

- Bỏ hẳn cây đào ngọt, tìm hái trái lê chua.



Sư hỏi Tăng:

- Ngươi nói thiền còn thọ giáo hay không?

Tăng đáp:

- Muôn dặm một cây sắt.

Sư nói:

- Nhưng mà trong Viện Quan Âm có Di Lặc.

Tăng do dự, Sư liền đánh.

Sư hỏi Tăng:

- Tên gì?

Tăng đáp:

- Pháp Như.

Sư hỏi:

- Chánh điện, pháp đường là như chǎng?

Tăng đáp:

- Như.

Sư nói:

- Lão Tăng bị người khám phá.

Tăng do dự, Sư liền đánh.



Trưởng Lão Ô Long đi thăm Phùng Tế Xuyên.

Xuyên hỏi:

- Xưa kia có ông quan hỏi: Đại Thánh Tứ Châu hà tánh (*Họ gì*)? Thánh đáp: Tánh Hà (*Họ Hà*). Quan hỏi: Trụ Hà Quốc (*Ở nước nào*)? Thánh đáp: Trụ Hà Quốc (*Ở nước Hà*). Ý này thế nào?

Long đáp: Đại Thánh vốn chẳng phải họ Hà cũng chẳng phải người nước Hà.

Xuyên cười rằng:

- Đại Thánh quyết định họ Hà, ở nước Hà.

Hai người cãi nhau mấy lần, rồi gửi thơ cho Sư xin phán đoán công án này.

Sư nói:

- Có sáu mươi gậy, đem ba mươi gậy đánh Đại Thánh không nên nói họ Hà, đem ba mươi gậy đánh Tế Xuyên chẳng nên nói Đại Thánh quyết định họ Hà. Còn trưởng lão Ô Long thì bảo “Tự lãnh” rồi đi ra.

Sau này Sư cùng Tế Xuyên đi đến Minh Am, thấy trên vách tường vẽ bộ xương người. Tế Xuyên làm bài tụng rằng:

Xác ở chỗ này, nay người ở đâu
Mới biết nhất linh (*Linh tánh*) chẳng ở túi da.
Sư không chịu rồi làm bài tụng khác rằng:

Ngay hình hài này tức là người ấy
Nhất linh túi da. Túi da nhất linh.



Thị Lang Trương Tử Thiệu đến, gặp Sư đang thương đường. Có Tăng hỏi:

- Công án “Đại Diện vì Hàn Văn Công đuổi Thủ Tọa”⁽¹⁾ ý chỉ thế nào?

⁽¹⁾ Công án “Đại Diện vì Hàn Văn Công đuổi Thủ Tọa”:

Một hôm Hàn Văn Công đến thăm Đại Diện hỏi: Sư bao nhiêu tuổi. Sư giơ sợi chuỗi lên hỏi: “Hiểu không?” Công đáp: “Không hiểu”. Sư nói: “Ngày đêm 108”. Công không rõ liền về. Hôm sau lại đến gặp Thủ Tọa trước cửa, để công án hôm qua hỏi: “Ý chỉ thế nào?” Thủ tọa cắn răng 3 cái. Công đi vào gặp Sư hỏi nữa, Sư cũng cắn răng 3 cái. Công nói: “Phật pháp vốn chẳng có hai thứ”. Sư hỏi: “Tại sao vậy?” Công đáp: “Vừa mới hỏi thủ tọa, cũng cắn răng như thế”. Sư kêu Thủ Tọa lại hỏi: Phải là người đáp như thế chăng? Thủ Tọa nói: “Phải”. Sư liền đánh đập đuổi khỏi thiền viện.

Sư đáp:

- Cá chim leo cây trúc, một ngày một ngàn dặm.

Tăng thưa:

- Con chưa rõ, xin Sư từ bi khai thị.

Sư nói:

- Còn muốn gáo nước thối thứ nhì sao!

Tăng hỏi:

- Cũng như thủ tọa cắn răng ba cái, lỗi ở chỗ nào?

Sư đáp:

- Lỗi ở chỗ cắn răng.

Tăng nói:

- Xin chớ báng Thủ Tọa.

Sư hỏi:

- Người thấy lý lẽ gì mà nói như thế?

Tăng đáp:

- Ai biết khói dọn từ nơi xa, có chỗ riêng biệt cho suy lường.



Sư nói:

- Người chớ báng Kính Sơn (*Đại Huệ*) chứ!

Tăng hỏi:

- Hôm nay nếu Thị Lang hỏi Hòa thượng bao nhiêu tuổi thì thế nào?

Sư đáp:

- Nói với y một trăm hai mươi tuổi.

Tăng hỏi:

- Vậy được gọi là báng Kính Sơn chǎng?

Sư đáp:

- Người lại báng Thị Lang rồi.



Tăng hỏi Sư:

- Như người ở trên cây, miệng cắn nhánh cây, tay chǎng nắm cây, chân chǎng đạp cây, chưa rõ còn có phần để đáp lời chǎng?

Sư nói:

- Đáp lời rồi!

Tăng hỏi:

- Con hỏi lời trên cây, tại sao Hòa thượng lại đáp dưới cây?

Sư đáp:

- Chỉ vì người ở dưới cây hỏi.

Tăng hỏi:

- Gạt được con mắt đại chúng chǎng?

Sư đáp:

- Rõ ràng gạt không được.

Tăng hỏi:

- Nếu như cây chưa sanh chưa có tin tức gì thì Hương Nghiêm hướng vào chỗ nào mà được câu thoại đầu này?

Sư đáp:

- Hướng trong thùng sơn đen của ngươi mà được.

Tăng hỏi:

- Cũng như Hòa thượng nói “Gọi là cây gậy thì nghịch, chẳng gọi là cây gậy thì trái”, vậy còn có chỗ để dạy người hay không?

Sư đáp:

- Không.

Tăng nói:

- Thế thì thành vọng lập.

Sư nói:

- “Vọng lập”.

Rồi nói tiếp:

- Như người trên cây, miệng cắn nhánh cây, tay chẳng nắm cây, chân chẳng đạp cây, dưới cây có người hỏi “Ý Tổ Sư từ Án Độ đến?” Đáp thì bỏ thân mất mạng, chẳng đáp thì trái sự hỏi của họ. Khi Hương Nghiêm vừa đề ra như thế thì có Thượng tọa Hổ Đầu ra trước chúng rằng: “Chẳng hỏi việc trên cây, việc dưới cây xin Hòa thượng nói cho một câu đi?”.

Sư kể đến đây rồi tự nói:

- “Hiểm” (Nguy hiểm).

Rồi kể đến việc Hương Nghiêm cười ha hả, Sư cũng nói: “Hiểm”.

Sư nhấn mạnh thêm rằng:

- Kính Sơn hay hiểm này, có một hiểm như trời trùm khắp, như đất hứng khắp, còn một hiểm thì lạnh lẽo chẳng dính dáng, nay có kẻ nào phân biệt được chẳng? Nếu phân biệt được chẳng những đích thân thấy Hương Nghiêm (*Kiến Tánh*) cũng khiến Thượng tọa Hổ Đầu chẳng có chỗ an thân lập mạng. Nếu không phân biệt được, thì Kính Sơn đem công án đã sẵn, cho các ngươi một lời chú giải: “Gọi là cây gậy thì nghịch, chẳng gọi là cây gậy thì trái”.



CƠ DUYÊN

Truyền Châu Giáo Trung Di Quang thiền sư ban sơ y chỉ Viên Ngộ, kế đó đi yết kiến Phật Tâm, sau đi tham vấn Sư.

Sư hỏi:

- Cái sở dắc của ngươi lúc ở chỗ Phật Tâm nay kể ra thử xem!

Quang đáp:

- Phật Tâm kể công án của Phổ Hóa rồi nói rằng: “Ta thì chẳng phải vậy! Nếu ta vừa nghe câu “Khi tất cả đều chẳng phải như thế là thế nào?” thì liền đánh ngay xương sống dấu cho phân thân khắp nơi”.

Sư nói:

- Ý ngươi thế nào?

Quang đáp:

- Con không chịu Phật Tâm thêm cái ghi chú ở sau chót.

Sư nói:

- Ấy chính là lấy bệnh làm pháp.

Quang quả quyết không tin.

Sư nói:

- Người hãy xem xét kỹ lại.

Rốt cuộc Quang vẫn không chịu.

Trải qua một tuần, Quang bỗng nhớ lời của thiền sư Hải Ân đã nói: “Tiếng sét quá lớn thay, giọt mưa lại không có”, thình lình thông suốt, đến bạch Sư. Sư đem công án của Huỳnh Sa về “Lời nói chưa triệt ngộ” để hỏi Quang. Quang đáp xong, Sư nói:

- Người dù được tiến thêm một bước nhưng vẫn còn chưa. Cũng như người đốn cây, hẽ một dao ngay gốc cây thì mạng cǎn dứt liền. Người lại hướng trên nhánh mà chặt thì làm sao dứt mạng cǎn được? Nay thiền Sư các nơi đều có kiến giải như thế, đâu có ích lợi gì! Thực ra được tâm ấn chính truyền của Dương Chi chỉ có ba bốn người mà thôi.

Quang nổi giận bỏ đi. Hôm sau, Sư hỏi:

- Người còn nghi chăng?

Quang đáp:

- Không có gì để nghi.

Sư nói:

- Cũng như người xưa gặp nhau, khi chưa mở miệng đã biết hư thật, hoặc vừa nghe lời nói liền biết sâu cạn, lý này thế nào?

Quang ngơ ngác.

Sư bảo tham công án “Hữu cú, vô cú”.

Sư qua chùa Vân Môn, Quang theo hầu. Một hôm, Quang hỏi Sư:

- Con đến chỗ này không được triệt ngộ là bệnh ở chỗ nào?

Sư đáp:

- Bệnh người rất hiếm, thầy thuốc bó tay. Tại sao? Vì người khác chết rồi chẳng thể sống, nay người sống rồi chưa từng chết. Muốn đến chỗ đại an lạc, cần phải chết một lần mới được.

Quang do đó càng nghi thêm.

Một hôm vào thất tham vấn, Sư hỏi:

- Ăn cháo rồi, rửa bát rồi, bỏ hẳn thuốc ky, nói ra một câu xem?

Quang nói:

- Nút bể.

Sư oai hùng hét rằng:

- Người lại nói thiền nữa.

Quang ngay đó đại ngộ.

Sư đánh trống báo cho chúng rằng:

Lông rùa nhặt được thật vui thay.

Cửa ải muôn lớp ngay đó khai.

Cuộc đời sung sướng là hôm nay.

Nói chi ngàn dặm gấp ta đây.

Quang cũng trình bài tụng rằng:

Bức bách dương cơ sấm sét cao.

Tu Di kinh sơ dấu Bắc Đầu.

Làn sóng mênh mông khắp thiên hạ.

Nhặt được lô mũi thất lạc khẩu.

Phúc Châu Tây Thiền Đỉnh Nhu Thiền sư lúc trẻ thi đậu tiến sĩ, đến tuổi hai mươi lăm ngẫu nhiên đọc Kinh Di Giáo, rồi buột miệng than “Không dè xưa nay bị cái mũi nhà Nho làm hại”. Ý muốn xuất gia, người mẹ không cho nói sấp đến ngày đám cưới.

Nhu bỏ đi theo Bảo Thọ Lạc xuất gia làm Tỳ-kheo, rồi đi khắp nơi tham học với các Sư danh tiếng. Sau tự cất một cái am ở đỉnh núi Cương Phong, suốt ba năm không xuống núi.

Phật Tâm Tài mời ra làm Thủ Tọa ở chùa Đại Thừa. Nhu có dạy học giả về nhân duyên “Tức tâm tức Phật”. Lúc ấy Sư (*Đại Huệ*) vừa ở chùa Dương Đảo. Sư Di Quang là bạn thân của Nhu, nói với Nhu rằng:

- Chủ chùa cơ xảo khác với các nơi, nên đi tham vấn.

Nhưng Nhu không nghe, Quang bày kế gạt Nhu đi. Khi đến, gặp lúc Đại Huệ đang cho chúng vào phòng hỏi đạo, Nhu cũng theo chúng cùng vào.

Sư hỏi:

- Lời “Tức tâm tức Phật” làm sao hiểu?

Nhu trả lời. Sư mắng rằng:

- Kiến giải của ngươi như thế mà dám làm thầy cho người sao?

Rồi đánh trống tập chúng phổ thuyết, phê bình những điểm Nhu cho là trọng yếu thảy đều là tà kiến.

Nhu tự nghĩ chỗ sai lầm của mình vừa chảy nước mắt mà nghĩ thầm trong bụng: “Cái sở đắc của ta đã quấy vạy cái ý chỉ truyền từ Ấn Độ thực ra là thế nào?”

Một hôm Sư hỏi rằng:

- Trong không thả ra, ngoài không cho vào, chính ngay lúc đó là thế nào?

Nhu tính mở miệng, Sư đem gậy đánh luôn mấy cái trên lưng, Nhu do đó đại ngộ hô to rằng:

- Hòa thượng! Đã nhiều rồi vậy.

Sư lại đánh thêm một gậy, Nhu lê bái. Sư cười rằng:

- “Hôm nay mới biết ta chẳng dối người”.

Rồi ấn chứng bằng một bài kệ.



Ngọc Tuyền Đàm Ý Thiền sư với Dục Vương Tôn Phát Thiền sư đều tham học với Viên Ngộ, tự cho là đến cùng tột. Ý ra hoằng pháp tại Tường Vân, tỉnh Phúc Kiến, Phác phụ giúp, pháp hội rất hưng thịnh. Khi Sư đến Phúc Kiến, biết việc họ chưa xong, sợ di hại cho người học, gửi thơ khiếu họ đến. Ý đang do dự, Sư thăng tòa chỉ ra cái quấy của họ, Ý mới đến yết kiến. Sư xét sở chứng của Ý rồi nói:

- Kiến giải của ngươi như thế mà dám nói pháp của Viên Ngộ lão nhân ư!

Ý bèn về từ chức Viện chủ, cùng Phác đến y chỉ Sư.

Một hôm Sư hỏi Phác về công án của Tam Thánh với Hưng Hoá (*Hai đệ tử của ngài Lâm Tế*) về lời “Xuất bất xuất, vi nhân bất vi nhân” rằng:

- Người nói hai ông này còn có chỗ xuất thân hay không?

Phác đánh trên đầu gối Sư một cái. Sư nói:

- Cái đánh này của ngươi là vì bệnh vực cho Hưng Hoá hay cho Tam Thánh. Nói mau! Nói mau!

Phác do sự muốn đáp. Sư đánh một gậy ngay sau lưng rồi nói:

- Người không được quên một gậy này.

Một hôm Phác được nghe một Tăng vào phòng Sư hỏi đạo. Sư hỏi Tăng:

- Đức Sơn thấy Tăng vào cửa liền đánh, Lâm Tế thấy Tăng vào cửa liền hét, Tuyết Phong thấy Tăng vào cửa liền hỏi “Là cái gì?” Mục Châu thấy Tăng vào cửa liền nói “Công án săn sàng: - “Cho ngươi ba mươi gậy”. Như bốn ông lão này còn có chỗ dạy người hay không?”

Tăng đáp:

- Có.

Sư bảo:

- Đáp.

Tăng do dự. Sư liền hét đuổi ra.

Phác nghe xong bỗng tinh ngộ.



Một hôm Ý vào phòng Sư. Sư bảo:

- Ta muốn một người chẳng hiểu thiền làm Quốc sư.

Ý nói:

- Tôi làm được Quốc Sư rồi.

Sư hét đuổi ra.

Trải qua một thời gian, Sư nói với Ý rằng:

- Chỗ Hương Nghiêm ngộ chẳng ở bên tiếng tre,
chỗ Câu Đế ngộ chẳng ở trên ngón tay.

Ý cũng tinh ngộ.



Văn Thiện Đạo Khiêm Thiền Sư ban sơ y chỉ
Viên Ngộ, sau theo Sư ở chùa Tuyên Nam. Khi Sư trụ
trì Kính Sơn, khiến Khiêm đem thơ đi Trường Sa cho
cư sĩ Tín Nham.

Khiêm tự nghĩ: “Mình tham thiền hai mươi năm
còn chưa có chỗ ngộ nhập, nay lại phải đi đường
xa xôi, thật uổng qua ngày tháng”. Ý muốn không
đi. Người bạn thân là Tôn Nguyên (*Đã kiến tánh*)
hét rằng:

- Chẳng lẽ đi đường tham thiền không được sao?
Thôi ta với ông cùng đi.

Khiêm bất đắc dĩ lên đường, mà vừa đi vừa chảy
nước mắt, nói với Nguyên rằng:

- Tôi tham thiền lâu năm mà không có chỗ
đắc lực. Nay lại đi đường bôn ba đâu thể được tương
ứng vậy?

Nguyên nói:

- Nay ông đối với những cái đã đắc được ở các nơi, những cái đã ngộ được, những lời của Viên Ngộ, Diệu Hỷ nói với ông v.v... đều đừng có màng đến. Đọc đường những việc tôi có thể làm tôi sẽ làm dùm cho ông. Chỉ có năm việc làm dùm không được, ông phải tự mình ứng phó.

Khiêm hỏi:

- Năm việc nào?

Nguyên đáp:

- Mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, kéo cái tử thi đi trên đường.

Khiêm ngay đó lãnh ngộ.

Khi Khiêm gởi thơ xong trở về. Sư ở trên đình Bán Sơn nhìn thấy liền nói:

- Ông này luôn cả xương tủy đều thay đổi rồi vậy.

Khiêm nghe rồi nói:

- Chỗ khám nghiệm của ông già không thua Phật Thích Ca.

PHỤ LỤC LỜI KHAI THỊ CỦA KHIÊM THIỀN SƯ

Khiêm rằng:

- Thời giờ trôi nhanh hãy cố gắng công phu. Công phu chẳng có gì khó, chỉ cần buông xuống là được. Chỉ đem những cái đã có trên tâm thức nhất thời buông xuống ấy là công phu chân chính giản dị. Nếu có công phu nào khác đều là si cuồng chạy bên ngoài.

- Sơn Tăng thường nói:

- "Đi, đứng, ngồi, nằm quyết định chẳng phải, kiến, văn, giác, tri quyết định chẳng phải, suy lường phân biệt quyết định chẳng phải, ngôn ngữ vấn đáp quyết định chẳng phải". Thủ cắt tuyệt bốn đường dây này xem. Nếu không cắt tuyệt, quyết định không thể ngộ. Nếu bốn đường dây này cắt tuyệt đối với những công án như: "Tăng hỏi Triệu Châu: - "Con chó có Phật tánh hay không?" Triệu Châu đáp: "Không". Hoặc hỏi: "Thế nào là Phật?" Văn Môn đáp: "Cục cứt khô" v.v... chắc chắn sẽ ha hả cười to.



Tiến Phước Ngộ Bổn Thiền sư y chỉ Sư đã lâu mà không được ứng khả, bèn muốn bỏ đi. Sư nói với Bổn rằng:

- Người hãy quyết tâm tham cứu. Nếu có sở đắc, không cần mở miệng ta đã biết rồi.

Lúc ấy có một Tăng nghe Bổn nhập thất, cố ý nói với Bổn rằng:

- Ông Bổn tham thiền nhiều năm, mỗi ngày chỉ nói được một câu "Không hiểu".

Bổn giận nói:

- Cái thằng quỷ này! Tao cho mày biết, khi mày chưa sanh, tao đã ba lần từ chức trong chùa rồi.

Từ đó, Bổn thêm dũng mãnh tham công án "Con chó không có Phật tánh". Một hôm gần canh ba Bổn dựa cột chánh điện đang ngủ mê, bất giác chữ "Không" tự ra nơi miệng, bỗng nhiên đốn ngộ. Ba

ngày sau, Sư từ Châu Thành về, Bổn đến phòng Trụ trì, chân vừa bước vào, chưa kịp mở miệng, Sư liền nói:

- Râu xồm Bổn! Lần này mới thật là triệt ngộ.

Kế đó Bổn qua thăm ông Khiêm nơi chùa Kiến Vương, gặp Khiêm đang kể bài tụng của thiền sư Bảo Ninh về nhân duyên Ngũ Thông Tiên Nhân rằng:

Tử vô lượng kiếp chưa từng ngộ.

Sao lại bất động đến tận trong.

Chớ nói Phật pháp không có nhiều.

Khổ thay Cồ Đàm “Một thông kia”.

Khiêm nói thêm:

- Ta rất thích câu “Sao lại bất động đến tận trong”. Đã là bất động thì làm sao đến? Xem bậc cổ nhân đã ngộ rồi, tùy nghi nói ra tự nhiên gãi nhầm chỗ ngứa của người.

Bổn hỏi:

- Vì sao lại nói: - Khổ thay Cồ Đàm “Một thông kia”?

Khiêm đáp:

- Khi mày chưa sanh, tao đã ba lần từ chức trong chùa rồi vậy.

Đến đây, hai người nhìn nhau cười to.

Sự vấn đáp của bạn đồng tham rất có ích lợi, cũng như ấn chứng tờ khế ước chẳng sai, cho đến trong tâm rõ ràng sáng tỏ khiến người đời sau được tưởng

nhớ mô phạm ngàn xưa.

Dục Vương Phật Chiếu Đức Quang Thiền sư ban sơ y chỉ Quang Hoá Cát thiền sư. Một hôm Quang vào phòng trụ trì, Cát hỏi:

- Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?

Quang ngơ ngác, từ đó phát khởi nghi tình, suốt đêm không ngủ. Hôm sau đến phòng trụ trì thỉnh ích:

- Hôm qua đội ơn Hòa thượng ban cho câu hỏi: “Đã chẳng phải tâm, lại chẳng phải Phật, cũng chẳng phải vật, rốt cuộc là cái gì?” Mong Hòa thượng từ bi khai thị!

Cát oai hùng hét rằng:

- Sa Di này! Còn muốn ta chú thích cho ngươi sao?

Liền đem gậy đánh đập đuổi ra.

Quang do đó được ngộ. Kế đó đi tham vấn các tôn túc danh tiếng, nhưng tự cảm thấy không thỏa mãn. Lúc Sư trụ trì chùa Dục Vương, Quang đi y chỉ. Sư ở trong phòng hỏi Quang:

- Gọi là cây gậy thì trái, không gọi là cây gậy thì nghịch, không cho nói, không cho nín.

Quang muốn đáp, Sư liền đánh. Quang hoát nhiên đại ngộ. Tất cả sở dắc trước kia ngay đó tan rã.



Ngạn Sơn Năng Nhân Tổ Nguyên thiền sư ban sơ

đi tham học Tuyết Phong Dự, Phật Tâm Tài đều đã khế cơ. Sau y chỉ Sư nơi chùa Vân Môn. Lúc đêm đang ngồi, bỗng thấy một Tăng khơi tim đèn mới chứng ngộ triệt để, có bài kệ rằng:

*Khoi lên tim đèn là lửa
Nhiều kiếp vô minh chiếu phá
Về chùa gấp được Thánh Tăng
Thiếu chút trước mặt lướt qua
Không lướt qua, là cái gì?
Mười lăm năm trước rất kỳ lạ
Chỉ là cái này y như cũ.*

Sư tặng cho bài kệ rằng:

*Vực thẳm muôn trượng dám buông thân
Đứng dậy như trước vẫn y nguyên
Khát uống đòi ăn vốn vô sự
Đâu kể người xưa phi người xưa.*



Tưởng Sơn Thiện Trực Thiền Sư ban sơ tham vấn Sư nơi Hồi Ngạn Phong. Một hôm Sư hỏi:

- Thượng tọa là người xứ nào?

Trực đáp:

- Người An Châu.

Sư hỏi:

- Ta nghe người An Châu hay vật lộn phải không?

Trực bèn làm thế như vật lộn.

Sư nói:

- Người Hồ Nam ăn cá, sao lại người Hồ Bắc mắc xương.

Trực nhào lộn một cái rồi đi ra.

Sư nói:

- Ai dè trong tro lạnh có một hạt đậu chín nở.



Bình Giang Tư Thọ Ni Vô Trước Diệu Tống Thiền Sư là cháu gái của thừa tướng Tô Công Tụng. Khi hơn ba mươi tuổi, từ bỏ việc thế gian đi tham khấp các Tôn túc, chánh tín đã đầy đủ.

Lúc Sư trụ trì Kính Sơn, Tống đến y chỉ kiết hạ, nghe Sư thăng tòa kể công án Dược Sơn tham Thạch Đầu, Mã Tổ thì hoát nhiên đốn ngộ. Khi Sư xuống tòa, Phùng Tế Xuyên theo Sư vào phòng nói:

- Tôi hiểu được công án của Hòa thượng vừa kể rồi.

Sư hỏi: Cư sĩ hiểu như thế nào?

Xuyên đáp: Thế ấy cũng không được, Su Lu Sa Bà Ha, chẳng thế ấy cũng không được, tức Ly Sa Bà Ha, thế ấy chẳng thế ấy đều không được, Su Lu tức Ly Sa Bà Ha.

Sư kể lại cho Tống nghe. Tống nói:

- Đã thấy Quách Tượng chú thích Trang Tử. Kẻ biết được lại nói là Trang Tử chú thích Quách Tượng.

Sư thấy lời của Tống kỳ lạ nên đề ra công án “Nham Đầu với bà già” để hỏi.

Tổng đáp bài kệ rằng:

Một lá thuyền nhỏ trôi mênh mông.

Chèo ghe phân biệt tiếng âm thanh.

Núi mây trăng nước đều buông bỏ.

Chỉ được Trang Tử “Bướm mộng” dài.

Sư liền thôi.

Tế Xuyên nghi sự ngộ của Tổng chưa triệt. Sau đi Vô Tích gặp Tổng hỏi về công án “Một bà sanh bảy đứa con, sáu đứa chẳng gấp tri âm. Chỉ một đứa này cũng không được, bèn bỏ trong nước”, xong rồi nói:

- Thầy Đại Huệ nói Ni Sư hiểu được, không biết hiểu như thế nào?

Tổng nói:

- Những lời kể trên đều là chân thật.

Tế xuyên ngạc nhiên.

Một hôm Tổng vào phòng trụ trì, Sư hỏi:

- Người xưa không ra khỏi phòng sao lại đi ăn bánh ở xã khác được?

Tổng nói:

- Hòa thượng tha lỗi cho Diệu Tổng, Diệu Tổng mới dám trả lời.

Sư nói:

- Ta tha lỗi cho ngươi, ngươi thử nói xem.

Tổng nói:

- Diệu Tổng cũng tha lỗi cho Hòa thượng.

Sư nói:

Còn việc ăn bánh mà!
Tổng hét một tiếng rồi đi ra.



Cư sĩ Trương Cửu Thành khi chưa đậu làm quan, trong tâm ngưỡng mộ các cư sĩ đã kiến tánh, nên đi tham học với Bảo Ân Minh, hỏi về cương yếu nhập đạo.

Minh nói:

- Việc này chỉ cần đề câu thoại đầu, niệm niệm liên tục, lâu ngày thuần thực, khi thời tiết đến, tự nhiên sẽ chứng nhập.

Rồi cho công án “Cây bách trước sân” bảo Thành tham mãi. Thành tham đã lâu không thấy gì, từ giờ đến tham vấn Thiện Quyền Thanh Công.

Thành hỏi:

- Việc này mọi người đều có phần, mỗi mỗi đều săn sàng phải chăng?

Thanh Công đáp:

- Phải!

Thành hỏi:

- Tại sao tôi không có chỗ nhập?

Thanh Công lấy xâu chuỗi trong túi ra rồi chỉ xâu chuỗi hỏi:

- Cái này của ai?

Thành suy nghĩ không thể đáp. Thanh Công bỏ chuỗi vào túi rồi nói:

- Của ông thì cứ lấy đi. Vừa qua suy nghĩ thì chẳng thể của ông rồi.

Thành ngơ ngác.

Một đêm đi câu, đang đê câu thoại đâu, nghe tiếng con éch kêu, bỗng nhiên ngộ, nói kệ rằng:

Mùa xuân đêm trăng một tiếng éch.

Đụng bể càn khôn chung một nhà.

Chính ngay lúc đó ai hiểu được.

Trên đỉnh chân đau có Huỳnh Sa

(Huỳnh Sa qua đỉnh núi, đụng đá đau chân được ngộ)

Đến sáng đi tham vấn Pháp Ân Nhứt, hỏi đáp rất khé hợp. Nhân dám giỗ có trai tảng tại chùa Minh Tịnh, chủ Tảng Duy Thượng vừa gặp liền giơ hai tay, Thành liền hét, Thượng bạt tai Thành, Thành bước tới, Thượng liền nói:

- Trương Cửu Thành sao lại phỉ báng Đại Bát-nhã.

Thành nói:

- Chỗ thấy của tôi chỉ như thế. Hòa thượng (*Duy Thượng*) lại là thế nào?

Duy Thượng đem công án “Mã Tổ thăng tòa, Bá Trượng cuốn chiếu” để hỏi Thành. Lời chưa dứt, Thành liền xô ngã bàn, Thượng hô to:

- Trương Cửu Thành giết người!

Cửu Thành đứng lên hỏi một Tăng kế bên:

Ngươi lại là thế nào?

Tăng ấy ngạc nhiên. Thành liền đánh rồi nhìn
Thượng rắng:

- Tổ Di không xong, liên lụy con cháu.

Thượng cười to.

Thành trình bài kệ rắng:

Nhân duyên cuốn chiêu rất lạ kỳ.

Các nơi nghe nói đều nhướng mày.

Bàn ghế xô ngã, người tan rã.

Xưa nay ngày thơ chặng bị lửa.

Thành thi đậu Trạng Nguyên rồi đi tham vấn
Thượng nữa.

Thượng nói:

- Phù Sơn Viện Giám nói: “Dẫu cho ngươi
vào được cửa Phản Dương rồi mới đến cửa Phù Sơn
cũng chưa thể thấy được lão Tăng nữa”. Vậy ông cho
là thế nào?

Thành hét Tăng thị giả rắng:

- Sao không trả lời?

Tăng ấy ngạc nhiên. Thành đánh Tăng ấy một bạt
tai nói:

- Trong hang con cóc quả thật không có con rồng.

Một hôm Thành đi thăm Thủ Tọa Quy. Mới gặp,
Quy liền hỏi:

- Nghe nói học sĩ nghe tiếng con éch kêu mà có chõ ngộ nhập phải chăng?

Thành hỏi:

- Ở đâu được tin tức này?

Quy đáp:

- Công án săn sàng. Giấu làm chi!

Thành hô to:

- Lửa cháy rồi.

Quy nhìn Tăng kể bên. Thành nói:

- Cháy đến gót chân ông rồi.

Quy nói:

- Tưởng người có chõ hay, rốt cuộc chỉ có thế mà thôi.

Một ngày kia, Thành cùng Quy ngồi hơ lửa. Quy bỗng cầm đũa bếp nói:

- Không được gọi là đũa bếp, rốt cuộc gọi là gì?

Thành giật đũa bếp rồi đá ngã lò lửa, xong đi ra.

Lúc ấy Sư trụ trì Kính Sơn. Có người truyền ngữ yếu của Sư cho Thành, Thành xem rồi than rằng “Thiền tông còn có người xuất sắc. Tiếc chưa được gặp!” Năm sau Thành đến Kính Sơn tham vấn. Một hôm cùng Phùng Tế Xuyên bàn về “Cách vật”, khi ấy có mặt Sư, Sư nói:

- Thành chỉ biết có cách vật mà không biết có vật cách.

Thành mờ mịt không hiểu gì. Sư cười to. Thành hỏi:

- Sư có thể khai thị chăng?

Sư đáp:

- Trong tiểu thuyết có ghi một người nhà Đường với An Lộc Sơn mưu phản. Người ấy trước kia làm Thái thú Tây Thục có để lại một bức tượng. Khi Đường Minh Hoàng đến Tây Thục, thấy bức tượng liền nổi giận, sai quan hầu dùng kiếm chém đầu bức tượng. Lúc ấy thái thú ở tỉnh Thiểm Tây, đầu bỗng rơi xuống đất.

Thành nghe xong đón ngộ ý chỉ, đề chữ trên vách rằng:

Tử Thiệu cách vật, Đàm Hối vật cách.

Muốn biết nhất quán (Bất nhị) hai cái ngũ bách.

Sư liền ấn chứng cho.

Một hôm khác, Thành hỏi Sư:

- Tiền bối đã đắc xong, tại sao còn muốn bàn luận về Tứ Liệu Giản của Lâm Tế?

Sư nói:

- Cái sở đắc của ông chỉ có thể nhập Phật, không thể nhập ma. Đâu thể bỏ qua Tứ Liệu Giản ư!

Thành kể chuyện “Khắc Phù hỏi Lâm Tế đến chỗ nhân và cảnh đều đoạt cảm thấy vui mừng” thì Sư nói: - Ta thì không như thế.

Thành hỏi:

- Ý của Sư thế nào?

Sư nói:

- Đánh sập thành Thái Châu, giết cả Nguyên Tế.

Thành ngay đó được đại ngộ.

Thành thường nói với người ta rằng:

“Tôi mỗi lần nghe nhân duyên của ông già Kính Sơn như ngàn nhà muôn cửa, chẳng cần đá một chân thì mở ra hết. Cái đại sự cuối cùng của tôi đã nhờ ông già Kính Sơn mới được liêu triệt”.

Thành với Tâm Xuân đạo nhân bàn về hai câu “Không lo niệm khởi, chỉ e giác chậm”, rồi Thành có bài kệ rằng:

Niệm là tặc tử, giác là tặc thủ.

Giết chết tặc thủ, tặc tử về đâu.

Đại lộ bằng phẳng, một mình ta đi.

Bắc Yên, Nam việt, Liêu Đông, Lũng Tây.

Buông tay liền đến, lo gì nghi gì.

Thần kiềm cầm tay, ánh sáng chói rọi.

Yêu mị ma quỷ không dám nhìn tôi.

Ay gọi Chân Giác xưa nay săn sàng.

Sư nói tiếp:

Nói giác nói niệm, trớ tráu làm mặt.

Vô niệm vô giác, chỗ nào đoán mò.

Khởi là ai khởi, giác là ai giác.

Cửa nẻo mở toang, thái hư trống rỗng.

Thẳng tay tiến hành, chẳng mang ai.

Xưa nay săn sàng, lúc nào làm.

Thành lấy Kinh Hoa Nghiêm làm thiện tri thức
chuyên tâm tu hành, chẳng lo cho con cháu.



Cư sĩ Lý Hán Lão ham mê Tổ Sư Thiền nhiều năm. Nghe Sư bài xích Mặc Chiếu là tà thiền, trong tâm nghi ngờ lại nổi giận, đến thăm Sư để quan sát kỹ. Gặp lúc Sư đang khai thị cho chúng, kể công án “Cây bách trước sân” của Triệu Châu, Sư nói rằng:

Trước sân có cây bách.

Hôm nay nói lần nữa.

Đập tan cửa Triệu Châu.

Đặc biệt tìm ngôn ngữ

Xin hỏi đại chúng: “Đã đập tan cửa Triệu Châu tại sao lại nói đặc biệt tìm ngôn ngữ?”

Giây lâu lại nói:

Ban sơ tưởng là sậy ngắn dài.

Đột rồi mới biết đất không bằng.

Cư sĩ bỗng lãnh ngộ, nói với Sư:

- Nếu không có câu chót của lão Sư thì chắc phải uống qua một đời này.



THƯ ĐÁP VỀ PHÁP YẾU

(1)

THƯ ĐÁP LÝ HIẾN THẦN -1-

Phật nói:

Nếu người muốn biết cảnh giới Phật.

Ý căn thanh tịnh như hư không.

Xa lìa vọng tưởng và chấp thủ.

Khiến tâm khắp nơi đều vô ngại.

Cảnh giới Phật chẳng phải cảnh giới có tướng Phật bên ngoài. Ấy là cảnh giới của Thánh trí tự giác vậy. Nếu muốn biết cảnh giới này, chẳng nhờ trang nghiêm tu chứng mà được, phải ở nơi ý căn tẩy sạch các thứ ô nhiễm phiền não từ vô thi đến nay, khiến cho trống rỗng như hư không, xa lìa những chấp thủ trong ý thức và những vọng tưởng hư ngụy chẳng thật. Ý căn nếu như hư không thì Diệu Tâm vô công dụng này tự nhiên khắp nơi chẳng chướng ngại.

THƯ ĐÁP LÝ HIẾN THẦN -2-

Đã học đạo này, trong mười hai thời, nơi tùy duyên tiếp vật không cho ác niệm tương tục, hoặc khi sơ sót khởi một niệm ác phải gấp kéo đầu trở lại. Nếu để mặc nó tương tục không dứt, chẳng những chướng đạo, cũng gọi là người không trí tuệ.

Khi xưa Quy Sơn hỏi Đại An:

- Người trong mười hai thời việc làm thế nào?

An đáp:

- Chăn trâu.

Sơn nói:

- Người chăn như thế nào?

An đáp:

- Một phen vào lúa mạ, liền kéo mũi trở về.

Sơn nói:

- Người là người chăn trâu chân thật.

Người học đạo kiềm chế ác niệm nên như Đại An chăn trâu thì lâu ngày tự thuần thục vậy.

THƯ ĐÁP LÝ HIẾN THẦN -3-

“Cung người ta chớ cầm, ngựa người ta chớ cưỡi, việc người ta chớ biết”. Lời này dù tầm thường cũng có thể làm trợ duyên để đi vào đạo. Hàng ngày thường nên tự kiểm điểm từ sáng đến tối đã làm việc gì tự lợi, lợi tha (*Lợi mình, lợi người*)? Nếu cảm thấy hơi nghiêng một bên thì phải tự cảnh sách, chẳng nên khinh thường.

Xưa kia thiền sư Đạo Lâm kết am trên cây tung nơi núi Tần Vọng, người thời ấy gọi Ngài là Hòa thượng “Ố chim”. Khi Bạch Cư Dị làm quan Thị Lang ở Tiền Đường, có vào núi thăm Sư Ông thưa:

- Chỗ ở của Sư rất nguy hiểm.

Sư nói:

- Lão Tăng có gì nguy hiểm. Thị Lang càng nguy hiểm hơn.

Dị hỏi:

- Đệ tử trấn thủ giang sơn có gì nguy hiểm?

Sư đáp:

- Cùi lửa lẩn lộn, tánh thức chẳng ngừng, há chẳng phải nguy hiểm ư!

Dị lại hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp:

- Việc ác chớ làm, việc thiện phụng hành.

Dị nói:

- Con nít ba tuổi cũng biết nói như thế.

Sư đáp:

Con nít ba tuổi dù nói được nhưng ông già tám mươi hành chẳng được.

Dị liền lẽ bái cáo từ.

Nay muôn ít phí tâm lực chớ màng đến con nít nói được hay nói chẳng được, ông già tám mươi hành được hay hành chẳng được, hễ việc ác chớ làm thì xong. Lời này tin hay không tin xin nghĩ kỹ!



Vô minh của người đời tuy đang hiện hành, nếu

làm thiện thì phước dù chưa đến cũng hơn người không liêm sỉ mang danh thiện mà làm ác. Trong Kinh nói: “Nhân địa chẳng chân thì chiêu quả quanh co”. Hễ trực tâm, trực hành, thẳng đến Vô thượng Bồ đề mới gọi là việc làm của đại trượng phu chân thật. Việc từ trần sa kiếp chỉ ở hiện nay, nếu hiện nay hội được thì việc trần sa kiếp tức thời tan rã. Nếu hiện nay chẳng hội thì lại trải qua trần sa kiếp nữa, cũng chỉ như thế thôi. Cái pháp như thế xưa nay thường vậy, chưa từng có một chút dời đổi.

Việc trần lao trong thế gian như mắt xích nối nhau không dứt. Hễ giảm bớt được thì cứ bớt, vì tập khí từ vô thi đã quá quen thuộc, nếu không ra sức chống lại thì lâu ngày bất tri bất giác lún đầu xuống sâu, đến khi lâm chung ắt tay chân rối loạn. Nếu muốn khi lâm chung không rối loạn thì phải từ cuộc sống hàng ngày hiện nay làm việc gì cũng phải không rối loạn mới được.

Có một hạng người sáng thì xem kinh, niệm Phật, sám hối, tối thì tạo khẩu nghiệp chửi mắng người, hôm sau lễ Phật sám hối như cũ. Từ đầu năm đến cuối năm, mỗi ngày làm thời khóa như thế, ấy thực là quá ngu si. Không biết chữ sám là tiếng Phạn, chữ hối là tiếng Hán, nghĩa là phải đoạn dứt cái tâm tương tục. Hễ sám rồi thì dứt hẳn, chẳng còn tạo tội nữa. Theo ý Phật nên sám hối như thế, người học đạo phải biết đúng như vậy.

Người học đạo trong mươi hai thời, tâm, ý, thức thường nên yên tĩnh. Lúc rảnh cũng nên yên tĩnh, khiến thân tâm chẳng buông lung. Tập lâu thành quen thuộc, tự nhiên thân tâm hướng về đạo.

Nhưng yên tĩnh Ba La Mật chỉ để trị bệnh vọng giác tán loạn của chúng sanh mà thôi. Nếu chấp ở nơi yên tĩnh cho là cứu cánh thì sẽ bị lọt vào tà thiền Mặc Chiếu.



Bát Nhã là tiếng Phạn, dịch là Trí tuệ. Chưa có người đã thấu rõ Bát Nhã lại còn tham, sân, si, ái, cũng chưa có người đã thấu rõ Bát Nhã mà lại còn độc hại chúng sanh, vì làm những việc này là trái nghịch Bát Nhã, đâu thể gọi là Trí tuệ.



Hằng ngày đem việc sanh tử thường để trong niệm thì tâm trí đã chánh. Tâm trí đã chánh thì khi ứng dụng hàng ngày tùy duyên làm việc, chẳng phí sức buông bỏ tà ác. Chẳng tà ác thì chánh niệm độc thoát, chánh niệm độc thoát thì lý tùy sự biến, lý tùy sự biến thì sự đắc lý dung, sự đắc lý dung thì ít phí sức lực. Khi vừa cảm thấy ít phí sức lực tức là chỗ đắc được trong việc học đạo này. Chỗ đắc được ít phí sức vô cùng. Chỗ ít phí sức là chỗ đắc lực vô cùng.



Việc này cho người thông minh lanh lợi gánh vác,

nhưng nếu ý thông minh lanh lợi thì chẳng có phần để gánh vác. Kẻ thông minh lanh lợi dù dễ nhập đạo mà khó nơi bảo nhiệm, vì chõ nhập cạn mà sức yếu. Vì người thông minh lanh lợi vừa nghe thiện tri thức nói ra liền đem tâm ý thức lãnh hội ngay vậy. Nếu cứ lãnh hội như thế là tự làm chướng ngại, suốt kiếp không khi nào được ngộ, vì ma quỷ bên ngoài gây họa còn có thể trị, còn chính tự tâm mình chướng ngại thì vô phương trị.

Chứng Đạo Ca rằng: “Tổn pháp tài, diệt công đức, tất cả đều do tâm, ý, thức” là nghĩa này vậy.

KHAI THỊ LÝ HIẾN THẦN -4-

Học giả rộng xem nhiều sách vốn để nuôi dưỡng và lợi ích cho tánh thức. Nay ngược lại, chỉ ghi nhớ lời người xưa chứa trong bụng cho là sự nghiệp, dùng để đàm luận, mà chẳng biết ý thuyết giáo của bậc Thánh. Cũng như suốt ngày đếm tiền của người khác, tự mình lại chẳng có được nửa xu. Xem đọc kinh giáo của Phật cũng vậy nên nhìn thấy mặt trăng mà quên ngón tay, chớ nên y văn giải nghĩa.

Cổ đức nói:

*Phật thuyết tất cả pháp,
Vì độ tất cả tâm.
Ta chẳng tất cả tâm,
Đâu cần tất cả pháp.*

Kẻ có chí khí xem kinh, đọc sách nên theo cách như thế mới thể hội được ít phần của bậc thánh.

KHAI THỊ LÝ HIẾN THẦN -5-

Phật nói: “Chẳng nên ở nơi một pháp, một việc, một thân, một quốc độ, một chúng sanh mà thấy Như Lai. Nên cùng khắp tất cả nơi mà thấy Như Lai”.

Phật nghĩa là giác, ở nơi tất cả chỗ thường giác. Nói thấy khắp nghĩa là thấy bốn nguyên tự tánh thiên chân Phật của chính mình, không có một lúc nào, một chỗ nào, một pháp nào, một sự nào, một việc nào, một thân nào, một cõi nước nào, một chúng sanh giới nào mà không khắp. Chúng sanh mê cái này mà luân chuyển trong ba cõi (*Dục, Sắc và Vô sắc giới*), chịu các thứ khổ. Chư Phật ngộ cái này mà vượt khỏi ba cõi, thọ sự vui thù thăng niêm mầu. Nhưng khổ vui đều không có thực thể, chỉ vì có mê ngộ sai biệt mà có các đường khổ vui khác nhau đó thôi. Cho nên Ngài Đỗ Thuận (*Sơ Tổ tông Hoa Nghiêm*) nói: “Pháp thân luân chuyển trong năm đường (*Trời, người, súc sanh, ngã quỉ, địa ngục*) gọi là chúng sanh. Lúc chúng sanh hiện thì pháp thân chẳng hiện vậy”.

KHAI THỊ LÝ HIẾN THẦN -6-

Thiện ác đều từ tự tâm sanh khởi. Thủ nói xem: Lìa đi, đứng, ngồi, nằm, suy nghĩ phân biệt ra, lấy cái gì làm tự tâm? Tự tâm từ đâu mà khởi? Nếu biết

được chỗ khởi của tự tâm thì vô biên nghiệp chuường nhất thời tan rã, các thứ thù thắng không cầu mà tự đến vậy.

Thêm nữa, biết được chỗ đi, chỗ đến mới gọi là người học Phật. Biết kẻ sanh tử là ai? Biết kẻ thọ sanh tử là ai? Kẻ chẳng biết chỗ đi, chỗ đến là ai? Kẻ bỗng biết được chỗ đi, chỗ đến lại là ai? Khán thoại đầu này, con mắt ngơ ngơ hiểu không được, trong bụng trồi lên hụp xuống, trong tâm giống như một đống lửa, lại là ai? Nếu muốn biết, chỉ cần hướng vào chỗ “Hiểu không được” mà nhận lấy. Nếu nhận được rồi mới biết sanh tử vốn chẳng dính dáng gì cả. Lại nói, phàm xem kinh giáo và nhân duyên nhập đạo của Cổ Đức tâm chưa sáng tỏ, cảm thấy mê muội, không mùi vị, giống như đang cắn cục sắt, ngay đó chính là lúc nên dụng công phu, không được buông bỏ, ấy là chỗ ý thức ngưng vận hành, suy nghĩ chẳng thể đến, tuyệt phân biệt, bất lý lẽ. Bình thường nếu có thể nói được đạo lý, phân biệt được chỗ hành, đều là việc bên tình thức. Nhiều người thường hay nhận giặc làm con, cần phải biết việc này vậy.



THƯ ĐÁP HUỲNH BÁ THÀNH

(2)

Cỗ đức nói:

Tìm trâu theo dấu tích.

Học đạo phải vô tâm.

Dấu còn thì trâu còn.

Vô tâm đạo dễ tìm.

Nói vô tâm chẳng phải như gỗ đá vô tri, ấy chỉ là gặp duyên thấy cảnh, tâm đều chẳng lay động. Đối với các pháp chẳng chấp thật, tất cả nơi trong sạch vô chướng ngại, chẳng chỗ ô nhiễm cũng không trụ nơi chẳng ô nhiễm. Quán xét thân tâm như mộng, như huyễn cũng không trụ nơi cảnh hư vô, mộng huyễn. Đến được cảnh giới này mới gọi là chân vô tâm, chẳng phải cái vô tâm của miệng nói. Nếu chưa được chân vô tâm, chỉ căn cứ theo lời nói thì so với tà thiền Mặc Chiếu đâu có khác gì!

Hễ được gốc, chớ lo ngọn. Tẩy sạch được tâm này là gốc, đã được gốc thì mỗi mỗi ngôn ngữ, mỗi mỗi trí tuệ hàng ngày tùy duyên tiếp vật. Thất điên bát đảo, hoặc giận hoặc vui, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc thuận hoặc nghịch, đều là ngọn vậy. Nếu ở nơi tùy duyên được tự giữ Bản giác thì chẳng thiếu chẳng dư.

KHAI THỊ HUỲNH BÁ THÀNH

Người học đạo ứng dụng hàng ngày, cảnh không thì dễ mà tâm không thì khó. Nếu cảnh không mà tâm chẳng không thì tâm bị cảnh lôi kéo. Nếu tâm không thì cảnh tự không. Nếu tâm đã không mà còn muốn khởi niệm thứ hai để không cái cảnh, ấy là tâm này chưa không, lại bị cảnh đoạt. Nếu bệnh này chẳng trừ thì sanh tử không lý nào thoát ly được.

Như Bàng Uẩn trình kệ Mã Tổ rằng:

Mười phương đồng tự hội.

Mỗi mỗi học vô vi.

Đây là nơi tuyển Phật.

“Tâm không” thi đậu về.

Tâm này đã không rồi thì ngoài tâm đâu còn vật gì để cần không nữa! Suy nghĩ kỹ đi.

THƯ ĐÁP LA MẠNH BÁCH

(3)

Sự chướng đạo của tâm, ý, thức còn quá hơn rắn độc, cọp dữ. Tại sao vậy? Vì rắn độc, cọp dữ còn có thể trốn tránh, còn những người thông minh lanh lợi lấy tâm, ý, thức làm hang ổ, đi đứng nằm ngồi chưa từng có khoảnh khắc xa lìa nó, lâu ngày bất tri bất giác cùng nó kết thành một khối, cũng chẳng phải muốn thành một khối vì từ vô thi đến nay đã đi con đường này quá quen thuộc, dù bỗng khám phá được

cái hại của nó nhưng muốn xa lìa cũng chẳng thể được. Cho nên nói:

“Đối với rắn độc, cọp dữ còn có thể trốn tránh nhưng với tâm, ý, thức thực chẳng có chỗ để trốn tránh”.

THƯ ĐÁP TỪ ĐÔN LẬP (4)

Bậc sĩ phu phần nhiều dùng cái tâm có sở đắc để cầu cái pháp vô sở đắc. Thế nào là tâm có sở đắc? Đó là tâm thông minh lanh lợi, suy nghĩ tính toán. Thế nào là pháp vô sở đắc? Đó là cái chỗ suy nghĩ chẳng đến, tính toán chẳng được, thông minh lanh lợi không có chỗ dùng. Thấy chẳng? Trên hội Pháp Hoa, Xá Lợi Phất ba phen ân cần thưa hỏi mà khi đó Phật Thích Ca không có gì để mở niêng, rốt cuộc Ngài tận lực cũng chỉ có thể nói: “Pháp này chẳng phải suy nghĩ phân biệt có thể hiểu được”. Đây là cây dùi để mở cửa phương tiện, hiển thị chân thật tướng, là việc cùng tốt của Phật Thích Ca. Xưa kia thiền sư Tuyết Phong cũng vì thiết tha về việc này mà ba phen đến Đầu Tử, chín lần đến Động Sơn. Vì nhân duyên không khé hợp, sau đến thiền hội Đức Sơn.

Một hôm Phong hỏi Đức Sơn rằng:

- Tông phong từ xưa nay dùng pháp nào khai thị người?

Đức Sơn nói:

- Tông ta không có ngữ cú, cũng chẳng có một pháp để khai thị người.

Phong hỏi:

- Việc trong Thiền Tông từ xưa nay, người học như con còn có phần hay không?

Đức Sơn cầm gậy đánh xuống rằng:

- Nói cái gì?

Tuyết Phong ngay dưới gậy liền vỡ tung được thùng sơn đen (Ngô). Theo đó mà xem thì biết trong cửa này, thông minh lanh lợi, phân biệt tính toán một chút cũng dùng không được. Cổ đức có nói: "Bát Nhã như đống lửa lớn, gần nó ắt bị đốt cháy mắt mày, tính toán suy tư ắt rơi vào ý thức".

Chứng Đạo Ca nói:

Tổn pháp tài diệt công đức.

Tất cả đều do tâm, ý, thức.

Cho nên biết tâm, ý, thức chẳng những chướng đạo, mà còn khiến người điên đảo làm điều bất thiện nữa. Nếu đã có tâm muốn thấu đáo đạo này, cần phải có chí quyết định chẳng đến được chỗ đại thôi nghỉ, đại giải thoát, thề suốt đời không lui sụt.

Thực ra Phật pháp chẳng có nhiều, tu lâu khó đắc là vì việc trong trần lao của người đời như mắt xích nối nhau không dứt, kẻ ý chí hạ liệt thường cam chịu làm bạn với chúng, bất tri bất giác bị chúng lôi kéo đi tuột, ngoại trừ những người thực có huệ căn, có

nguyệt lực mới chịu dứt hẳn trần lao.

Chứng Đạo Ca nói: “Thực tánh của vô minh tức là Phật tánh, thân huyền hóa này tức là Pháp thân. Nếu giác được pháp thân thì chẳng có một vật, bốn nguyên là Tự Tánh Thiên Chân Phật”.

Nếu suy nghĩ như thế, thình lình nhập vào chỗ suy nghĩ chẳng thể đến, thấy được cái “vô nhất vật” của Pháp thân, tức là chỗ ra khỏi sanh tử của hành giả. Đoạn trước nói: “Pháp vô sở đắc chẳng thể dùng tâm có sở đắc để cầu” là nghĩa này vậy.

Bậc sĩ phu trong cuộc sống, suốt đời suy lường tính toán, vừa nghe thiện tri thức thuyết pháp vô sở đắc trong tâm liền nghi hoặc, e sợ lọt vào KHÔNG. Diệu Hỷ (*Đại Huệ*) mỗi khi gặp thấy thì hỏi họ rằng: “Kẻ e sợ lọt vào KHÔNG đó còn có thể KHÔNG được chẳng?” Người đời thường trăm phần trăm mịt mù không rõ vì hàng ngày cứ đem suy nghĩ tính toán làm nhà cửa, chợt nghe nói không có chỗ để suy nghĩ thì cảm thấy hoang mang mịt mù, chẳng có chỗ dựa. Không biết ngay nơi chẳng có chỗ dựa đó tức là chỗ an thân lập mạng của chính mình.

Đạo hữu Đôn Lập trước kia gặp gỡ ở Di Môn; Khi ấy tuổi trẻ khoẻ mạnh, đã biết có đại sự nhân duyên này (*Từ NGHI đến NGỘ*) nhưng vì rộng học nhiều sách, noi kinh sử đã nhập vào quá thâm sâu, thông minh quá lố, lý lẽ quá nhiều, định lực thì quá ít, bị việc làm hàng ngày lôi kéo, nên đối với việc “Dưới gót

chân” (*Tham thiền*) chẳng thể đạt đến miên mật. Nếu chánh niệm hiện tiền mãi mãi, cái tâm thống thiết việc sanh tử không biến đổi, thì trải qua ngày tháng lâu dài ắt chõ lạ tự quen, chõ quen tự thành lạ vậy.

Lại, chõ nào là chõ quen? Ấy là thông minh lanh lợi, suy nghĩ tính toán. Chõ nào là chõ lạ? Ấy là Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật tánh, chõ suy tư cắt tuyệt, chõ suy nghĩ đo lường chẳng thể đến, chõ không thể dùng tâm sắp đặt.

Hễ khi thời tiết đến, hoặc ở nơi nhân duyên nhập đạo của Cổ Đức, hoặc khi đang xem kinh, hoặc đang làm việc hằng ngày đối với những thiện những bất thiện, những thân tâm tán loạn, những cảnh giới thuận nghịch hiện tiền v.v... đang khi ấy nếu được tâm ý thức tạm ngưng nghỉ, bỗng nhiên “Đập bể ống khóa” (*Kiến tánh*) cũng chẳng phải việc khó.

THƯ ĐÁP ĐẶNG TỬ LẬP (5)

Gần đây các tòng lâm thường đem lời vấn đáp kỳ lạ của người xưa làm nhân duyên sai biệt để mê hoặc học giả mà không căn cứ vào thực tế. Chư Phật thuyết pháp chỉ e người nghe không hiểu, dẫu cho có thuyết lời vi ẩn cũng dẫn chứng thí dụ khiến chúng sanh dễ ngộ nhập.

Cũng như Tăng hỏi Mã Tổ:

Thế nào là Phật?

Tổ nói:

- Tức Tâm là Phật.

Nếu ở đây ngộ nhập thì đâu có gì sai biệt. Nếu ở đây chẳng ngộ thì ngay câu “Tức Tâm là Phật” này liền thành nhân duyên sai biệt.

Người tham thiền xem kinh giáo và nhân duyên vào đạo của Cổ Đức cần phải để rỗng rang cái tâm của mình, chẳng nên hướng lên trên danh tự, nghĩa cú mà cầu huyền diệu, cầu ngộ nhập. Nếu khởi cái tâm này tức là tự chướng cái chánh tri kiến của chính mình, thì suốt kiếp cũng chẳng có chỗ ngộ nhập.

Bàng Sơn nói: “Ví như dùng kiếm chém hư không, không kể trúng hay không trúng, hãy chú ý nhé!”.

Duy Ma Cật nói: “Pháp siêu việt nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý”. Muốn triệt ngộ pháp này, trước tiên cần phải ngăn trừ nơi cửa lục căn không để cho có chút lỗi lầm. Cái gì là lỗi lầm? Đó là bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp dính mắc mà không thể xa lìa, lại ở nơi ngôn túc của Cổ Đức và kinh điển cầu tri kiến, tìm giải hội. Nếu như có thể ở trong kinh điển và nhân duyên vào đạo của Cổ Đức mà không khởi một niệm nào khác, ngay đó trở về tự tánh thì đối với cảnh giới mình, cảnh giới người đều như ý, tự tại vậy.

Đức Sơn thấy Tăng vào cửa liền đập, Lâm Tế thấy Tăng vào cửa liền hét. Tôn túc các nơi gọi đó là

“Ngay đó nhắc nhở, thảng tay phó chúc”. Nhưng Diệu Hỷ (*Đại Huệ*) lại gọi là dính sơn dính sình, dấu cho ngay nơi một gãy một hét mà toàn thân gánh vác được đã là một kẻ không phải là đại trượng phu, bị họ tạt một gáo nước thối ngay đầu rồi, huống là ở nơi một gãy một hét mà cầu kỳ lạ, tìm diệu hội ư! Ấy là kẻ trong xấu hổ lại thêm xấu hổ.

THƯ ĐÁP LŨ THUẤN NGUYÊN (6)

Xưa kia Đô Úy Lý Văn Hòa tham vấn thiền sư Thạch Môn Từ Chiếu, ngộ được tông chỉ của Lâm Tế, có làm bài kệ rằng:

*Học đạo, tâm cứng như sắt,
Thảng tay, trong lòng vững chắc.
Chụp ngay Vô thương Bồ Đề,
Tất cả thị phi chẳng mang.*

Lành thay lời này, có thể giúp cho học vấn sáng tỏ, phát ra đại dụng vậy. Còn bảo Phật là thuốc của chúng sanh, chúng sanh bệnh lành thì thuốc cũng vô dụng. Nếu bệnh lành còn giữ thuốc thì chỉ có thể nhập cảnh giới Phật, mà chẳng thể nhập cảnh giới ma, vẫn còn là bệnh. Bệnh này với bệnh chúng sanh chưa lành đâu có khác. Hễ bệnh lành thì thuốc cũng bỏ, Phật, ma đều quét thì mới có thể đổi với đại sự nhân duyên này có chút phần tương ứng.

Phật là kẻ đã liễu sự trong cõi chúng sanh, chúng sanh là kẻ bất liễu sự trong cõi Phật. Muốn được như một thì phải đem Phật với chúng sanh buông xả một lượt, vậy mới không có sự liễu với sự bất liễu.

Cố Đức nói:

*Hã ở nơi sự thông vô sự,
Thấy sắc nghe tiếng khởi mù diếc.*

Con người dù biết được đạo lý thế gian hư vọng chẳng thật, song đến khi đối cảnh gặp duyên, sự thực bỗng hiện trước mắt, muốn không tùy thuận nó nhưng vẫn phải bị nó lôi kéo đi. Bởi vì tập khí từ vô thi đến nay, chỗ quen đã quá quen, chỗ lạ thì quá lạ, nên tuy tạm biết được rõ, song đạo lực chẳng thăng được nghiệp lực.

Vậy thế nào là chỗ quen của nghiệp lực? Thế nào là chỗ lạ của đạo lực?

Thật ra đạo lực và nghiệp lực vốn chẳng cố định, chỉ cần xem chỗ hiện hành hàng ngày có tham ái hay không mà thôi. Nếu có tham ái thì nghiệp lực thăng đạo lực. Nghiệp lực thăng thì khi gặp cảnh duyên liền bị kẹt, gặp cảnh duyên bị kẹt thì chỗ nào cũng dính mắc, chỗ nào cũng dính mắc thì gặp khổ, vui đều là khổ. Cho nên Phật Thích Ca nói với Di Lặc rằng: “Nếu ngươi cho sắc, không đoạt nhau (*Sanh diệt lẩn nhau*) nơi Như Lai Tạng thì Như Lai Tạng tùy theo sắc, không mà cùng khắp pháp giới, thế nên mới có

những hiện tượng gió thổi thì động, hư không thì tĩnh, mặt trời hiện thì sáng, mặt trời lặn thì tối. Vì chúng sanh mê muội, bỏ bản giác theo cảnh trần, nên sanh khởi trần lao mà có tướng thế gian". Ấy là nghiệp lực thắng đạo lực.

LƯỢC GIẢI:

Sắc không đoạt nhau nơi Như Lai Tạng:

Tại sao nói sắc, không đoạt nhau? Như ban ngày thấy sáng khắp hư không, ban đêm thấy tối khắp hư không, đó là sáng tối tự sanh diệt đoạt nhau chẳng dính dáng với hư không. Hư không chưa từng sáng tối. Hư không dụ cho Như Lai Tạng. Do nghiệp lực sanh khởi trần lao mới thấy có gió động tĩnh, mặt trời sáng tối v.v... lăng xăng đoạt nhau trong Như Lai Tạng mà chẳng dính dáng với Như Lai Tạng. Như Lai Tạng chưa từng dính mắc trần lao.

Phật Thích Ca lại nói: "Ta có cái diệu minh bất sanh bất diệt hợp với Như Lai Tạng thì Như Lai Tạng chỉ có diệu giác sáng tỏ chiếu khắp pháp giới. Thế nên một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, khắp mười phương cõi đạo tràng chẳng động, thân gồm mười phương hư không, nơi đâu sợi lông hiện Phật sát, ngồi trong hạt bụi chuyển pháp luân". Đây là chỗ hiện hành đạo lực thắng nghiệp lực.

Dù nói như thế nhưng sự thật cả hai đều là hư vọng. Nếu bỏ nghiệp lực mà chấp đạo lực thì tôi dám bảo rằng người này chẳng hội được phương tiện tùy

nghi thuyết pháp của chư Phật. Tại sao vậy? Như Phật Thích Ca nói: “Nếu chấp pháp tướng túc là dính mắc ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu chấp phi pháp tướng cũng là dính mắc ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Do đó chẳng nên chấp pháp cũng chẳng nên chấp phi pháp”. Đoạn trên tôi nói: “Đạo lực và nghiệp lực vốn chẳng cố định” là nghĩa này vậy.

Nếu là bậc đại trượng phu, mượn đạo lực làm công cụ để phá trừ nghiệp lực, nghiệp lực đã trừ thì đạo lực cũng hư vọng. Nên nói: “Chỉ dùng giả danh tự dẫn dắt chúng sanh”. Lúc chưa khám phá thì khó lăm, còn sau khi khám phá rồi thì có gì khó dễ đâu!

Bàng Uẩn nói:

*Phàm phu chí lượng hẹp,
Vọng nói có khó dễ.
Lìa tướng, như hư không,
Khế hợp chư Phật trí.
Giới tướng cũng như không,
Kê mê tự tác trì.
Gốc bệnh chẳng nhổ sạch,
Chỉ là dùa hi hi.*

Muốn biết gốc bệnh chẳng? Chẳng phải vật gì khác mà chỉ là cái chấp khó chấp dễ vọng sanh lấy bồ đồ. Cái gốc bệnh này nhổ không sạch, thì phải chìm nổi trong biển sanh tử chẳng có ngày ra.

Xưa Tú tài Trương Chuyết vừa bị bậc tôn túc điểm đúng căn bệnh, liền hỏi và nói:

*Dứt trừ phiền não càng thêm bệnh,
Hướng đến Chân Như cũng là tà.
Tùy thuận thế duyên vô quái ngại
Niết Bàn sanh tử bằng không hoa.*
(Hoa đốm trên không)

Muốn được thăng túc, chẳng nghi Phật, Tổ, chẳng nghi sanh tử, chỉ cần để cho tấm lòng trống rỗng, việc đến thì tùy duyên ứng phó, mà tâm định như nước trong lặng, chiếu soi như gương sáng tỏ. Nếu tướng thiện ác, xấu đẹp nào đến, trốn một mảy may không được, vậy mới tin biết cái cảnh giới vô tâm tự nhiên bất khả tư nghì.

NGUY CÔNG THỈNH THĂNG TÒA (7)

Sư khai thị:

- Muốn biết pháp chẳng? Ấy là Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh. Muốn biết bệnh chẳng? Ấy là tham sân, tà kiến, vọng tưởng, điên đảo. Mặc dầu như thế, nhưng lìa điên đảo vọng tưởng thì chẳng có Chân Như, Phật Tánh, lìa tham sân, tà kiến thì chẳng có Bồ Đề, Niết Bàn. Như thế phân là đúng hay là chẳng phân là đúng? Nếu phân thì còn một bỏ một, cái bệnh càng nặng. Nếu chẳng phân thì Chân Như, Phật Tánh mơ hồ, rõ cuộc làm sao nói rõ cái lý lẽ “Trừ bệnh chẳng trừ pháp”.

Có người vừa nghe những lời kể trên liền nói:

"Tức pháp là bệnh, tức bệnh là pháp. Hễ có ngôn thuyết đều chẳng phải nghĩa thật. Nếu thuận theo Chân Như thì vọng tưởng, đên đảo, tham sân, tà kiến thấy đều là pháp. Nếu thuận theo đên đảo thì Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn thấy đều là bệnh". Nếu có kiến giải như thế thì chẳng những không đủ tư cách mặc đồ tu, mà muốn làm nô lệ cho Tọa chủ cũng không thể được. Tại sao? Như Cố Đức nói: "Nếu có một pháp hơn pháp Niết Bàn, ta nói cũng như mộng huyễn". Nếu được ở trong mộng huyễn, như thực mà chứng, như thực mà giải, như thực mà tu, như thực mà hành, dùng cái pháp như thực đó khéo tự điều phục, rồi khởi tâm đại bi làm mọi phương tiện để điều phục tất cả chúng sanh, mà đối với chúng sanh chẳng có cái tư tưởng điều phục hay không điều phục, cũng chẳng nghĩ rằng đó là vọng tưởng, đên đảo, tham sân, tà kiến; chẳng nghĩ rằng đó là Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, chẳng nghĩ rằng đó là "Trù bệnh chẳng trừ pháp", chẳng nghĩ là "Còn một bở một", "Phân hay chẳng phân". Nếu chẳng có những suy nghĩ như thế thì được nhứt đạo trong sạch, bình đẳng, giải thoát.

THƯ ĐÁP TĂNG THIÊN DU (8)

Phụ thư hỏi:

Lúc tôi ở Trường Sa được thư của Lão sư Viên Ngộ nói: "Ông lúc tuổi già tham thiền sở đắc rất là kỳ vĩ".

Tôi nhiều lần nghĩ đến điều đó, nay đã tám năm rồi, thường hận chưa được đích thân nghe lời dạy bảo. Thật biết bao nuối tiếc!

Tôi từ áu niên đã phát tâm tham lẽ các bậc tri thức, cúi đầu đánh lẽ hỏi đến việc này. Từ tuổi trưởng thành về sau, bị việc hôn nhân và quan chức sai khiến nên việc dụng công chẳng được thuận nhất. Từ đó đến ngày nay, tuổi đã già rồi, đối với điều chưa được học hỏi thường tự hổ thẹn, thở than, lập chí phát nguyện nếu chẳng ngộ thì thôi, bằng ngộ thì phải thân chứng đến chỗ đại thôi nghỉ của người xưa mới thôi. Tâm này tuy chưa từng có một niệm lui sụt, nhưng tự biết công phu chưa được thuận nhất, có thể nói là chí nguyện lớn mà lực lượng nhỏ vậy.

Trước đây tôi có thống thiết thỉnh cầu Lão Sư Viên Ngộ khai thị, Lão Sư đã dạy cho tôi sáu đoạn pháp ngữ. Đoạn đầu tiên chỉ thẳng việc này, sau nêu ra hai công án “Núi Tu Di”⁽¹⁾ và “Buông xuống đi”⁽²⁾ của Văn Môn và Triệu Châu. Ngài bảo suốt ngày âm thầm thường giữ nghi tình, lâu ngày ắt được ngộ nhập. Tâm Ngài từ bi thiết tha đến thế, ngặt vì tôi quá ngu dại.

⁽¹⁾ Công án “Núi Tu Di”:

Có vị tăng hỏi Văn Môn: “Chẳng khởi một niệm có lỗi hay không ?”
Sư đáp “Lỗi bằng núi Tu Di”.

⁽²⁾ Công án “Buông xuống đi”:

Có vị tăng hỏi Triệu Châu: “Lúc một vật chẳng đem đến thì thế nào?”
Sư đáp: “Buông xuống đi”.

Nay may mắn các việc trần duyên của tư gia đều xong cả, rảnh rang không bận việc gì, cũng chính là lúc tôi thống thiết tự cố gắng để thỏa mãn đền đáp lại cái chí nguyện ban đầu. Nhưng còn hận chưa được gởi gửi để nghe lời Ngài dạy bảo.

Một đời bê bối đã cặn kẽ trình bày, chắc Ngài có thể soi thấu được tâm này, nồng mong nhận được lời răn nhắc.

Hàng ngày tôi phải dụng công như thế nào, ngõ hầu chẳng lạc vào lối khác, ngay thẳng khế ngộ tự tánh?

Nói ra như thế cảm thấy rất hổ thẹn, nhưng tỏ lòng thành thật chẳng dám giấu giếm. Xin Ngài lượng tình thương xót cho.

Kính bái.

THƯ ĐÁP TẶNG THIÊN DU -I-

Theo thư ông đã trình bày, từ ấu niên cho đến lúc làm quan, ông đã từng tham lẽ các bậc đại Tông Sư. Thời tráng niên ông bị khoa cử, hôn nhân, quan chức chi phối, lại bị các sự hiểu biết và thói quen xấu xa thắt thế nên công phu không thể thuần nhất được, và ông cho đó là một cái tội lớn. Ông lại hay thiết tha nghĩ đến thế gian vô thường, các pháp hư huyễn, không có chút gì gọi là vui mà chuyên tâm muốn tham cứu một đoạn đại sự nhân duyên này. Như thế rất hợp lòng tôi.

Song đã là kẻ sĩ, sống nhờ lộc Vua thì khoa cử, hôn nhân, quan tước là những điều ở thế gian không ai tránh khỏi, cũng không phải là cái tội của ông. Vì một chút tội nhỏ mà sanh lòng lo sợ lớn, nếu chẳng phải do nhiều kiếp từ vô thi đến nay đã từng thân cận bậc Thiện Tri Thức chân chánh, huân tập sâu xa chủng trí Bát Nhã thì đâu được như thế. Nhưng điều mà ông cho là cái tội lớn đó, Hiền Thánh cũng chẳng tránh được. Song, đã biết đó là pháp hу hуễn, chẳng phải cứu cánh, mà hồi tâm vào trong cửa này, dùng nước trí Bát Nhã (*Nghi tình*) rửa sạch cầu nhiễm, ngay dưới chân cắt đứt tất cả tâm phan duyên không cho tương tục nữa là đủ rồi, không cần nhớ trước nghĩ sau vậy. Đã nói hу hуễn thì lúc làm cũng hуễn, lúc thọ cũng hуễn, lúc mê cũng hуễn, lúc giác cũng hуễn, quá khứ, hiện tại, vị lai thảy đều là hуễn. Hôm nay biết lỗi thì dùng thuốc hуễn để trị cái bệnh hуễn. Nếu bệnh lành át thuốc cũng bỏ, người thì vẫn y như cũ, chỉ là người xưa kia thôi⁽¹⁾. Nếu đặt ra có người thật, có pháp thật, ấy là kiến giải của tà ma ngoại đạo vậy. Mong ông hãy suy xét kỹ!

Chỉ cần tham mãi như thế thì luôn luôn ở trong thắc tịnh. Nhất là không được quên hai công án: “Núi Tu Di” và “Buông xuống đi”. Chỉ cần trong tâm

⁽¹⁾ Bệnh là mê, hết bệnh là ngộ, ngộ rồi mà chẳng trụ nơi ngộ nên nói đồng như chưa ngộ, nghĩa là vẫn như người thuở xưa vậy.

chân thật tham cứu đi! Việc đã qua không cần lo sợ, cũng không cần suy nghĩ, vì suy nghĩ, lo sợ đều là chướng đạo.

Chỉ cần phát đại thệ nguyện được gấp bậc Thiện Trí Thức, ngay dưới một lời liền dứt sanh tử, chứng ngộ Vô Thương Chánh Đẳng Chánh Giác, nối huệ mạng Phật, hầu đền đáp thăm ân to tát của chư Phật.

Nếu như thế thì lâu ngày không có lý gì mà không ngộ. Phải biết Thiện Tài Đồng Tử lúc ở trước Ngài Văn Thủ phát tâm trải qua một trăm mươi thành, tham vấn năm mươi ba vị Thiện Tri Thức, sau cùng đến chỗ Đức Di Lặc, trong khoảnh búng ngón tay tức thì quên hết các pháp môn đã dắc từ các bậc Thiện Tri Thức trước (*Nghĩa là ngộ*). Lại y theo lời Đức Di Lặc dạy, nghĩ muốn thân cận Ngài Văn Thủ. Ngay lúc ấy Ngài Văn Thủ từ xa duỗi cánh tay mặt qua một trăm mươi do tuần đến xoa đầu Thiện Tài và bảo: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Nếu lìa tín căn thì tâm yếu kém, lo âu, ăn năn, công hạnh chẳng được đầy đủ, lui sụt sự cần mẫn tinh chuyên. Đối với một thiện căn tâm sanh trụ trước, được ít công đức bèn cho là đủ là chẳng khéo phát khởi hạnh nguyện, chẳng được Thiện Tri Thức nhiếp hộ, cho đến chẳng thể biết rõ pháp tánh như vậy, chỉ thú như vậy, pháp môn như vậy, sở hành như vậy, cảnh giới như vậy. đối với những năng lực như cái biết cùng khắp, cái biết đủ thứ, cái biết triệt để, thấu triệt

thâm sâu, diễn giải, phân biệt, ngộ giải, chứng đắc, thảy đều chẳng được”.

Ngài Văn Thủ dạy Thiện Tài như thế, Thiện Tài ngay dưới lời nói này liền thành tựu vô lượng pháp môn, đầy đủ vô lượng quang minh đại trí, vào cửa Phổ Hiền. Ở trong một niệm thấy hết các vị Thiện Tri Thức số nhiều như vi trần trong tam thiên đại thiêng thế giới và được thân cận, cung kính, cúng dường, thọ giáo, được trí “Niệm chẳng quên”, trang nghiêm giải thoát. Nơi một lỗ chân lông đi một bước cho đến vào tất cả quốc độ bằng lỗ chân lông của Ngài Phổ Hiền, siêu việt số thế giới cõi Phật nhiều như vi trần, bất khả thuyết, bất khả thuyết, đồng như Phổ Hiền, đồng như chư Phật, cõi đồng, hạnh đồng và giải thoát tự tại cả thảy đều đồng, không hai không khác. Lúc ấy, mới có thể chuyển ba độc tham, sân, si thành ba Tụ Tịnh Giới^(*), chuyển sáu thức thành sáu thần thông, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển vô minh thành đại trí. Những điều kể trên chỉ ở tại một niệm chân thật cuối cùng của đương nhân mà thôi.

Như thế, Thiện Tài ở chỗ Đức Di Lặc trong khoảnh khắc búng ngón tay còn có thể bỗng quên

(*) Ba tụ tịnh giới:

- 1- Nhiếp Luật nghi giới.
- 2- Nhiếp Thiện pháp giới.
- 3- Nhiều ích hữu tịnh giới.

Tam muội sở chứng của các Thiện Tri Thức, huống là những ác nghiệp, tập khí hư ngụy từ vô thi ư! Nếu cứ cho các tội đã làm khi trước là thật thì cảnh giới trước mắt hiện nay cũng phải thật có, cho đến quan chức, phú quý, ân ái thảy đều là thật. Đã là thật thì địa ngục, thiên đàng cũng là thật, phiền não vô minh cũng là thật, người tạo nghiệp cũng thật, người chịu quả báo cũng thật, pháp môn đã chứng cũng thật. Nếu kiến giải như thế thì tận đời vị lai cũng không có người vào Phật thừa và các phương tiện của chư Phật, chư Tổ trái lại trở thành vọng ngữ cả.

Theo lời ông nói, lúc gởi thơ này ông đã đốt hương lễ bái trước Phật, Tổ và từ xa hướng về am này cúi lạy rồi mới gửi. Ông thành tâm chí thiết đến thế, chúng ta tuy cách nhau không xa mà chưa có dịp giáp mặt đàm luận, hôm nay ý tự nhiên nghĩ, tay tự nhiên viết, bất giác dông dài như thế này, đó chẳng qua là cũng xuất phát từ lòng chí thành, chẳng dám có một lời một chữ dối gạt nhau. Nếu như tôi dối ông là cũng tự dối mình vậy.

Tôi còn nhớ Thiện Tài tham kiến Bà-la-môn Tối Tịch Tịnh được “Chí thành giải thoát”. Chư Phật, Bồ Tát quá khứ, hiện tại, vị lai đối với Vô lượng Bồ Đề đã không lui sụt, hiện không lui sụt, sẽ không lui sụt, phàm hễ cầu điều gì cũng được thành tựu viên mãn là đều do “Chí thành” mà được. Ông đã cùng với ghế trúc, bồ đoàn làm bạn, chẳng khác nào Thiện Tài gấp

Bà La Môn Tối Tịch Tịnh. Lúc gởi thư đến Vân Môn⁽¹⁾ này, ông còn đối trước Phật, Tổ và từ xa lẽ lạy rồi mới gửi, và tha thiết muốn nhận được thư của tôi, đó là sự chí thành tột bực vậy. Hễ tin nhau thì hấy thực hành công phu như thế, tương lai nhất định sẽ thành tựu viên mãn Vô thượng Bồ Đề không sai vây.

THƯ ĐÁP TĂNG THIÊN DU -II-

Ông xuất thân dòng phú quý mà chẳng bị phú quý trói buộc, nếu chẳng phải đời trước gieo trồng chủng trí Bát Nhã thì đâu thể được như vậy. Chỉ e ông quên ý này, bị thông minh lanh lợi chướng ngại, dùng cái tâm có sở dắc để cầu pháp vô sở dắc, nên chẳng thể ở nơi nguồn gốc cho một dao cắt đứt ngay đó thôi nghỉ như cổ nhân vậy. Bệnh này chẳng riêng sĩ phu, mà Tăng sĩ tham học lâu năm cũng mắc phải. Họ phần nhiều không chịu ở nơi ít phí sức làm công phu, chỉ dùng ý thức thông minh so đo, suy nghĩ để hướng ngoại tìm cầu, nên dù chợt nghe thiện tri thức trước mặt khai thị về việc bốn phận vượt ra ngoài phạm vi ý thức thông minh so đo, suy nghĩ, thì cũng để thoảng qua mất. Lại tưởng Cổ Đức có pháp thật cho người.

Ngài Nham Đầu (828-887) nói: “Buông vật là cao, chạy theo vật là thấp”. Phải biết cương yếu của Thiền Tông cần nên biết cú (Ngữ). Thế nào là cú? Khi chẳng

⁽¹⁾ Lời Ngài Đại Huệ tự xưng, vì Ngài trụ trì tại Chùa Vân Môn.

nghĩ điều gì là chánh cú, cũng gọi là lịch lịch (*Rõ ràng*), cũng gọi là tinh tinh, cũng gọi là “Thế ấy”. Đem cái “Thế ấy” đó để phá tan tất cả thị phi nhưng mới nói “Thế ấy” thì chẳng phải thế ấy rồi, cho nên gấp cú quét cú, gấp phi cú quét phi cú, giống như một đống lửa hồng, đụng gì cũng cháy, đâu thể có chỗ dựa.

Sĩ phu thời nay phần nhiều đem suy nghĩ, so đo làm nơi nương náu, mới nghe lời nói “thế ấy” bèn cho là lọt vào “Ngoan không”. Khác chi chỉ vì nghi sợ ghe chìm mà đã vội nhảy xuống nước trước để bị chết đuối. Thật rất đáng thương xót!

Gần đây, tôi có đến Giang Tây gặp Lữ Cư Nhân, Cư Nhân từ lâu, đã lưu tâm đến Tổ Sư Thiền này và cũng mang cùng một bệnh ấy. Ông ta đâu chẳng phải là người không thông minh ư!

Tông Cảo tôi có hỏi ông ta:

- Ông sợ rơi vào không, vậy ông có biết được người sợ đó là không hay là chẳng không? Thủ nói xem!

Ông ta ngẫm nghĩ muốn tìm câu trả lời, lúc ấy tôi liền hét cho một tiếng, cho đến ngày hôm nay ông ta vẫn còn mờ mịt, dò xét mặt mũi chẳng được. Đó là vì trước kia đã ôm cái tâm cầu ngộ, tự làm chướng nạn, chứ chẳng do việc gì khác. Nay Ông hãy thực hành Công phu tham Thiền như thế, lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ được đến nơi.

Nếu muốn đem tâm chờ ngộ, đem tâm chờ thôi
nghỉ thì dù tham mãi đến Di Lặc hạ sanh cũng chẳng
thể ngộ, cũng chẳng thể thôi nghỉ, trái lại càng thêm
mê muội mà thôi.

Hòa thượng Bình Điền nói:

Thần quang bất muội

Vạn cổ huy du

Nhập thử môn lai

Mạc tồn tri giải

Dịch nghĩa:

Thần quang chẳng phải sáng tối

Luôn luôn chiếu soi vạn cổ

Những ai muốn nhập cửa này

Cần phải quét sạch tri giải

Cố Đức nói: “Việc này chẳng thể dùng hữu tâm cầu, chẳng thể dùng vô tâm đắc, chẳng thể dùng ngữ ngôn tạo, chẳng thể dùng im lặng thông”. Trên đây là những lời tha thiết bậc nhất để dạy bảo hậu học mà thường thường người tham thiền chỉ đọc qua rồi thôi, không chịu xét nét kỹ lưỡng xem đó là đạo lý gì. Nếu là người có chí khí, vừa nghe nói đến liền ngay đó đem bảo kiếm Kim Cương Vương chém một nhát đứt bốn sợi xiềng xích này (*Bốn sợi xiềng xích là hữu tâm, vô tâm, nói, nín*) như vậy thì đường sanh tử đứt, đường phàm thánh cũng đứt, so đo suy nghĩ cũng đứt, đắc thất thị phi cũng đứt, dưới gót chân người ấy sạch

tron không còn gì để nắm. Há chẳng khoái thay! Há chẳng sướng thay!

Xưa kia Hòa thượng Quán Khê lúc đầu tiên đến tham học Lâm Tế (? – 867). Lâm Tế vừa thấy Ngài, liền xuống thiền sàng, thình lình chụp ngực Ngài. Quán Khê buột miệng nói: “Lãnh rồi, lãnh rồi!”. Lâm Tế biết Ngài đã ngộ liền buông ra và cũng không nói thêm một tiếng nào. Ngay lúc ấy Quán Khê làm sao suy nghĩ so đo mà trả lời được? Từ xưa đến nay thật ít có ai nêu được cái gương như thế, mà người đời nay lại sơ xót chẳng để ý đến việc này, Quán Khê lúc đầu nếu sẵn tâm đợi ngộ, chờ chứng đợi thôi nghỉ, thì đừng nói bị Lâm Tế chụp ngực liền ngộ, dù cho có trói quách ông ta lại, dắt đi giáp vòng tứ thiên hạ cũng chẳng thể được ngộ, cũng chẳng được thôi nghỉ.

Những cái thường hay so đo sấp đặt ấy là tình thức tùy theo sanh tử trôi nổi cũng là tình thức, sợ hãi kinh hoàng cũng là tình thức. Thế mà nay người tham học chẳng biết đó là bệnh mà lại cứ mãi mê lặn hụp trong đó, trong kinh gọi đó là “Tu hành theo thức, chẳng theo tri”, do đó che khuất cái “Bản địa phong quang”, cái “Bản lai diện mục”. Nếu một khi buông xuống được những so đo suy nghĩ, bỗng nhiên trượt chân dẫm nhầm lỗ mũi (*Kiến Tánh*) thì tình thức tức là chân không diệu trí, chẳng còn trí khác để đắc. Nếu có sở đắc sở chứng nào khác thì không đúng

rồi. Như người lúc mê thì gọi phương Đông làm phương Tây, đến khi ngộ thì chính phương Tây ấy tức là phương Đông, chẳng có phương Đông nào khác. Cái chân không diệu trí này tuổi thọ bằng với hư không. Trong hư không kia liệu có một vật nào làm chướng ngại nó được chăng? Dù chăng bị một vật chướng ngại mà nó cũng không ngại các vật qua lại trong đó. Cái chân không diệu trí này cũng vậy, những sanh tử, phàm thánh, nhơ sạch, dính nó một chút cũng chăng được, dù dính nó chăng được mà nó cũng không ngại sanh tử, phàm thánh qua lại trong đó. Như thế mà tin được nổi, thấy được suốt mới là người ra vào sanh tử được đại tự tại, mới có ít phần tương ứng với hai công án “Buông xuống đi” và “Núi Tu Di”. Nếu không thì cứ gánh vác tòa núi Tu Di đi hành cước khắp nơi, kể rõ cho người mắt sáng đi!

THƯ ĐÁP TĂNG THIÊN DU -III-

Bàng Uẩn⁽¹⁾ nói:

Chỉ cần bỏ hết các thứ hiện có.

Đừng đem vào cái mà mình không có.

Hành được hai câu này thì một đời tham học tất đã xong vậy.

Ngày nay có bọn ngoại đạo trọc đầu, mắt mình chưa sáng mà cứ dùng cái lời chết cứng để dạy người

⁽¹⁾ Bàng Uẩn: đệ tử tại gia của Mã Tổ.

thôi đi nghỉ đi. Nếu thôi nghỉ như thế đến ngàn Phật ra đời cũng thôi nghỉ chẳng được, lại càng khiến cho tâm mê muội. Họ còn dạy người tùy duyên ứng phó, mặc chiểu quên tâm, quên tâm mặc chiểu, chiểu đi chiểu lại, ứng tới ứng lui, lại càng thêm mê muội không biết đến lúc nào mới xong. Thực là làm mất hết phương tiện của Tổ Sư, làm chỉ dạy người, khiến người uổng qua một đời. Họ còn dạy người việc này chớ màng đến, cứ như thế nghỉ đi, nghỉ được đến tình niệm chẳng sanh, đến lúc ấy chẳng phải mờ mịt vô tri mà ngay đó là tinh tinh rõ ràng. Bọn này thật độc hại, làm mù mắt người, chẳng phải việc nhỏ. Tôi thấy họ chẳng xem họ là con người. Bọn họ tự mình mắt chẳng sáng (*Chưa ngộ*), chỉ đem lời trong kinh sách ra y theo đó dạy người (*Đạo vào văn tự*). Cái ấy làm sao dạy được. Nếu tin bọn họ thì muôn kiếp tham chẳng được, vì Tổ Sư Thiền là “Bất lập văn tự”.

Tôi bình thường không phải không dạy người tọa thiền hướng vào chỗ tĩnh lặng để làm công phu, nhưng đó là tùy bệnh cho thuốc, chớ thật ra không có gì để chỉ thị người. Cũng như Hòa thượng Hoàng Bá (?-850) nói:

“Thiền Tông ta từ trước trao truyền đến nay chẳng từng dạy người cầu tri, cầu giải”. Nói hai chữ học đạo cũng chỉ là lời tiếp dẫn mà thôi. Song, đạo cũng không thể học, ý тоan học đạo lại trở thành mê đạo. Đạo chẳng phương sở, gọi là tâm Đại thừa. Tâm

này chẳng ở trong, ngoài và chính giữa, thật không có nơi chốn, nhất là không được khởi tri giải. Chỉ nói với ông rằng chỗ tình lượng hiện tại là đạo, tình lượng nếu sạch thì tâm thể trùm khắp mười phương. Đạo này thiên chân vốn không danh tự, chỉ vì người đời chẳng biết mà mê theo tình thức. Do đó, chư Phật ra đời nói rõ việc này, sợ người không rõ nên phương tiện đặt tên là đạo, không nên chấp thật danh tự mà sanh tri giải.

Nay giờ đề cập đến, đó là bọn mắt mù dùng lời bậy bạ để hại người, vì họ nhận lầm mắt cá làm minh châu, là kẻ dạy người chấp lấy danh tự mà sanh tri giải. Kẻ dạy người tùy duyên ứng phó, đó là kẻ chấp lấy cái giác chiếu soi mà sanh tri giải. Kẻ đem lời chết cứng dạy người thôi đi nghỉ đi, đó là người giữ lấy cái không tịch quên tâm mà sanh tri giải. Dù thôi nghỉ đến vô giác vô tri giống như gỗ đá mà đương lúc ấy chẳng phải mờ mịt vô tri, đó cũng là kẻ nhận lầm lời nói phương tiện mở trói mà sanh tri giải. Kẻ dạy người tùy duyên quán chiếu đừng cho ác giác sanh khởi, đó là kẻ nhận lấy tình thức của hài cốt mà sanh tri giải. Kẻ dạy người chỉ cần phóng khoáng tự tại chớ màng đến việc sanh tâm động niệm vì niệm khởi niệm diệt vốn không có thật thể, nếu chấp là thật thì tâm sanh tử sanh khởi, đó là kẻ giữ lấy cái thể tự nhiên cho là pháp cứu cánh mà sanh tri giải. Các bệnh kể trên chẳng phải lỗi của

người học đạo, mà đều do các Tông Sư mắt mù chỉ dạy tâm bậy mà thôi.

Ông đã tự ở nơi thanh tịnh, giữ cái tâm hướng đạo kiên cố chân thật, chớ lo công phu thuần nhất hay không thuần nhất. Chớ nên đem ngôn cú của người xưa chất thành cái tháp, hết lớp này đến lớp khác, uổng dụng công phu không biết đến lúc nào mới xong. Chỉ cần chú tâm ở một chỗ, khi thời tiết nhân duyên đến thì tự nhiên nghi tình bùng vỡ, muốn không ngộ cũng chẳng được.

Hỏi: - Chẳng khởi một niệm có lỗi hay không?

Đáp: - Lỗi bằng núi Tu Di!

Hỏi: - Lúc một vật chẳng đem đến là thế nào?

Đáp: - Buông xuống đi!

Chỗ này cái nghi chẳng phá vỡ thì phải ở chỗ này tham mãi, chớ nên tự sanh nhánh lá. Nếu ông tin được lời tôi thì cứ như thế tham đi, chẳng còn Phật pháp nào khác để dạy người.

Bằng tin không nổi:

**Mặc tình hỏi khắc người thiên hạ
Một hờ nghi thêm một hờ nghi.**

THƯ ĐÁP TĂNG THIÊN DU -IV-

Đọc kỹ thư mới biết ông trong bốn oai nghi (*Di, đứng, ngồi, nằm*) không có lúc nào công phu gián đoạn. Chẳng bị công vụ bận rộn đoạt mất, lúc ở trong

dòng thác lũ của thế sự cũng luôn tự tinh giác, không buông lung, đạo tâm càng ngày càng kiên cố. Như thế rất hợp lòng tôi.

Nhưng trần lao thế gian như lửa cháy hừng hực biết đến bao giờ mới tắt, phải ngay trong chỗ nào động mà chẳng quên việc tham cứu. Trước kia để tâm chỗ tĩnh lặng thì nay phải dụng tâm ở chỗ nao động. Nếu ở chỗ nao động chẳng đắc lực thì có khái nào chưa từng dụng công phu nơi tĩnh lặng.

Việc ông tự than: “Do có ác duyên kiếp trước mà nay phải chịu quả báo này”. Thế thì không đúng, nếu ông nghĩ thế là chướng đạo vậy.

Cố Đức nói:

*Theo dòng nhận được tánh
Chẳng buồn cũng chẳng vui.*

Duy Ma Cật nói: “Ví như cao nguyên đất khô chẳng sanh hoa sen mà nơi bùn lầy ẩm thấp mới mọc hoa này”.

Phật nói: “Tự tánh chẳng giữ chân như tùy duyên mà thành tựu tất cả pháp”. Lại nói: “Tùy duyên mà cảm ứng khắp mọi nơi mà thường ở tại tòa Bồ Đề”. Như vậy há dối người ư!

Nếu cho chỗ tĩnh lặng là phải, chỗ nao động là chẳng phải, ấy là hoại tướng thế gian mà cầu thực tướng, lìa sanh diệt mà cầu tịch diệt. Ngay lúc thích tĩnh lặng, ghét nao động chính là lúc nên dụng công

phu. Bỗng nhiên ở chỗ náo động dụng ngã cái tin tức của lúc tĩnh lặng (*Võ nghi tình*) thì cái sức mạnh hơn lúc ngồi im lặng trên bồ đoàn gấp vạn ức lần. Hãy nghe lấy lời tôi, chắc chắn không lừa gạt ông đâu!

Lại nữa, ông lấy hai câu của Bàng Uẩn làm châm ngôn trong lúc đi đứng nằm ngồi là tốt nhất. Nếu đang lúc náo động mà sanh lòng chán ghét đó là tự làm nhiễu loạn tâm mình. Nếu lúc động niệm chỉ cần nhớ đến hai câu của Bàng Uẩn thì như lúc bệnh nóng được uống thuốc mát vậy. Ông là người đại trí tuệ, đã đủ niềm tin quyết định dụng công trong chỗ tĩnh lặng lâu ngày rồi, nên tôi mới dám nói lời này. Còn đối với người khác tôi không nên nói. Nếu nói lời này với kẻ tăng thượng mạn nghiệp thức mang mang, ắt sẽ làm nặng thêm gánh ác nghiệp cho họ.

Các thứ bệnh trong thiền môn, ở thư trước tôi đã trình bày, không biết ông đã lý hội kỹ càng chưa ?

THU ĐÁP TĂNG THIỀN DU -V-

Thư ông nói rằng:

- Ngoài dứt các duyên, trong tâm không lay động là cửa phương tiện có thể vào đạo. Mượn cửa phương tiện để vào đạo thì được, nếu nấm phương tiện chẳng buông thì trở thành bệnh.

Thực đúng như lời ông nói, sơn Tăng này đọc xong vui mừng biết bao. Ngày nay Tông Sư ở các nơi, nấm lấy phương tiện chẳng buông cho là pháp thật

dùng để chỉ dạy người, thế nên làm mù mắt người chẳng ít. Do đó sơn Tăng cần phải phân biệt tà chánh để cứu giúp họ. Thời gian gần đây, ma mạnh pháp yếu, người chấp “Trạm nhập hợp trạm”^(*) cho là cứu cánh nhiều không thể kể xiết, còn người nắm phương tiện chẳng buông làm Tông Sư cũng nhiều như hằng sa. Sơn Tăng lúc gần đây thường đem hai hạng người này nói với thiền giả. Thật chính là đúng như thư ông đã nói vậy, nếu chẳng phải ông lưu tâm trong Bát Nhã, niệm niệm không gián đoạn, thì không thể nào thấu suốt cái phương tiện đặc biệt của chư Thánh thuở xưa.

Ông đã nắm được cái cán rồi, đã nắm được cán trong tay rồi còn lo gì mà chẳng bỏ cửa phương tiện để vào đạo ư! Chỉ cần thực hành công phu như thế này: Như xem những ngôn cú sai biệt trong kinh điển và Ngữ lục của người xưa cũng chỉ thực hành công phu như thế. Nhưng những công án “Núi Tu Di”,

(*) Trong kinh Lặng Nghiêm nói: “Trạm nhập hợp trạm” là bờ bến của thức ấm. Thức gọi là Trạm Liễu (*Trong lặng sáng suối*), dù cho đã diệt sanh diệt, thì tánh thức nhập vào chỗ cội gốc trong lặng, mà hợp với trạm nhiên, có nhập có hợp, tức là bờ bến của Thức Ấm.

Vì Trạm Nhập là Thức Ấm, Trạm Xuất là Hành Ấm, Chân Tánh chẳng gọi là Trạm Nhập là vì cùng khắp pháp giới, nên chẳng có xuất nhập, nay nói Trạm Nhập là dần dần đi vào, cho đến nhập vô sở nhập, mới đến chỗ chẳng sanh diệt vậy.

Xuất nhập ly hợp là pháp tương đối, cứu kính là pháp tuyệt đối nên Ngài Đại Huệ quở người chấp Trạm Nhập Hợp Trạm cho là pháp cứu kính là Tông Sư mắt mù.

“Buông xuống đi”. “Con chó không Phật Tánh”⁽¹⁾, thoại đầu “Cây gậy”, “Một hớp hết nước Tây Giang”⁽²⁾, “Cây bách trước sân”⁽³⁾..., cũng chỉ thực hành công phu như thế. Vậy không được sanh cái tri giải nào khác, cầu cái đạo lý nào khác để làm tài năng khéo léo. Ông có thể ở trong lúc công việc vội gấp mà luôn luôn thực hành công phu như thế, nếu đạo nghiệp không thành tựu thì Phật pháp không linh nghiệm vậy. Xin ông hãy nhớ cho!

Thư ông nói ban đêm chiêm bao thấy đốt nhang vào thất của sơn Tăng rất thong thả. Về việc này ông không nên cho là mộng, mà hãy cho là nhập thất chân thật.

Cũng như công án Xá Lợi Phất hỏi Tu Bồ Đề:

- Trong mộng nói sáu Ba La Mật so với lúc thức nói là đồng hay là khác.

Tu Bồ Đề đáp:

- Nghĩa này rất thâm sâu, tôi không thể nói,

⁽¹⁾ Con chó không Phật Tánh:

Tăng hỏi: Triệu Châu: “Con chó có Phật Tánh hay không?”.

Sư đáp: “Không”.

⁽²⁾ Một hớp uống hết nước Tây Giang:

Bàng Uẩn hỏi Mã Tổ: “Ai là người chẳng cùng vạn pháp làm bạn?”.

Mã Tổ đáp: “Đợi khi ông một hớp uống hết nước Tây Giang ta sẽ nói cho nghe”.

⁽³⁾ Cây bách trước sân:

Tăng hỏi Triệu Châu: “Thế nào là ý của Tổ Sư từ Ấn Độ sang?”.

Sư đáp: “Cây bách trước sân”.

trong hội này có đại sĩ Di Lặc, ông hãy qua hỏi Ngài⁽¹⁾.

Ôi! Thật quá lòng vòng.

Ngài Tuyết Đậu nói:

- Khi ấy nếu chẳng bỏ qua thì nên theo đó cho một dùi. Ai tên Di Lặc? Ai là Di Lặc? Liền thấy băng tan ngói bể.

Ôi! Tuyết đậu cũng lòng vòng quá.

Có người hỏi:

- Cũng như Tăng Thiên Du lúc mới mộng thấy vào thất của sơn Tăng, thử nói xem lúc mộng với lúc thức là đồng hay là khác?

Sơn Tăng bèn nói với họ rằng:

- Ai là người vào thất? Ai là người vào thất? Ai là người mộng? Ai là người nói về việc mộng? Ai là người chẳng cho là mộng? Ai là người thật vào thất?
Ôi! Cũng lòng vòng quá đi.

⁽¹⁾ Công án Xá Lợi Phất hỏi Tu Bồ Đề về việc trong mộng so với lúc thức:
Xá Lợi Phất hỏi Tu Bồ Đề:

- Trong mộng nói sáu Ba La Mật so với lúc thức nói là đồng hay là khác?

Tu Bồ-đề đáp:

- Nghĩa này rất thâm sâu, tôi không thể nói. Trong hội có đại sĩ Di Lặc, ông hãy qua hỏi Ngài.

Xá Lợi Phất qua hỏi Di Lặc, Di Lặc nói:

- Ai là Di Lặc? Ai tên Di Lặc?

THƯ ĐÁP TĂNG THIÊN DU -VI-

Thư đến tôi đọc kỹ mấy lượt, đều thấy ông có tấm lòng sắt đá, lập chí quyết định chẳng chịu lôi thôi. Tham thiền được như thế thì đến ngày lâm chung cũng có thể cùng Diêm Vương đối địch. Đó là chưa nói đến chuyện mở to con mắt trên đảnh (*Khai ngộ*), nǎm chuôi kiếm Kim Cương vương ngồi trên đảnh Tỳ Lô (*Triệt ngộ*).

Tôi đã từng nói với các đạo hữu rằng:

- “Ngày nay người học đạo chỉ cầu mau có hiệu quả mà chẳng biết thế là lầm. Trái lại họ còn nói: “Vô sự ít duyên, tĩnh tọa thể cứu là uổng qua thời giờ, chẳng bằng xem vài quyển kinh, niệm vài tiếng Phật, trước Phật lễ vài lạy sám hối những tội lỗi bình sanh đã tạo cốt để khỏi bị ăn gậy sắt của Diêm Vương”. Đây là việc làm của kẻ ngu. Bọn đạo gia ngày nay toàn dùng tâm vọng tưởng, quán tưởng tinh hoa của nhát nguyệt, suốt sáng chiêu hớp khí trời mà còn có thể lưu hình hài ở lại đời, chẳng bị lạnh nóng làm bứt ngặt. Huống là chuyển tâm này hoàn toàn vào trong Bát Nhã ư!”

Bậc Thánh xưa có nói rõ ràng: “Ví dụ côn trùng Thái Mạc (*Vô cùng nhỏ*) chỗ nào cũng đậu được kể cả hư không, duy chẳng thể đậu trên ngọn lửa. Chúng sanh cũng thế, chỗ nào cũng có thể duyên, duy chẳng

thể duyên trên Bát Nhã. Ví như niệm niệm chẳng thối sơ tâm, đem cái tâm thức duyên theo trần lao thế gian (*Tập khí*) mình trở lại đặt trên Bát Nhã để dụng công, đời này dẫu chưa thấu triệt thì đến lúc lâm chung nhất định cũng chẳng bị nghiệp ác kéo đi lưu lạc vào ác đạo. Đời sau vừa lọt lòng sẽ theo nguyễn lực đời này mà quyết định được ở trong Bát Nhã, săn sàng thọ dụng. Đây là việc chắc chắn không nên nghi ngờ”.

Việc trong phạm vi chúng sanh chẳng cần học vì tập khí con người từ vô thi đã thuần thực, đường lối cũng đã quen, thì tự nhiên ham chấp lấy nó, khó mà bỏ được. Nay cần phải dụng công để trừ sạch nó đi!

Tâm xuất thế gian học Bát Nhã, từ vô thi đến nay bị chống trái, nên khi chợt được nghe bậc thiện tri thức nói đến nó thì tự nhiên chẳng lý hội được. Vậy cần phải quyết chí dùng Bát Nhã để đối trị tập khí.

Bát Nhã và tập khí không bao giờ cùng chung được. Có tập khí thì không có Bát Nhã, có Bát Nhã thì không có tập khí. Nếu ở đây (*Nghi tình*) được đi sâu vào thì tập khí chẳng trừ mà tự trừ và các tà ma ngoại đạo cũng tự nhiên chạy trốn mất. Công phu lâu ngày thì chỗ lạ (*Nghi tình*) trở thành quen, chỗ quen (*Tập khí*) trở thành lạ. Làm đúng như vậy thì chỗ thực hành công phu hàng ngày năm được cán, dần dần cảm thấy ít phí sức, ấy là chỗ đắc lực rồi vậy.

THƯ ĐÁP LÂU KHU MẬT

(9)

Chẳng biết sau khi chia tay chỗ ứng duyên hàng ngày ông có bị ngoại cảnh lôi kéo chăng? Đối với những vấn kiện chất trên bàn làm việc có thể gạt qua một bên chăng? Khi gặp người tiếp vật có bị lay động chăng? Ở nơi tịch tĩnh có nỗi vọng tưởng chăng? Đối với tham thiền có tạp niệm xen vào chăng?

Phật nói:

*Tâm chăng vọng lấy pháp quá khứ
Cũng chăng tham dám việc vị lai
Ở nơi hiện tại vô sở trú
Liễu đạt tam thế đều không tịch.*

Việc quá khứ hoặc thiện hoặc ác chớ nên suy lường, suy lường thì chướng đạo. Việc vị lai chớ nên tính toán, tính toán ắt cuồng loạn. Việc hiện tại ở trước mắt hoặc thuận hoặc nghịch cũng chớ nên để ý, để ý thì trong tâm bị nhiễu loạn. Cuộc sống hàng ngày tùy duyên ứng phó, tất cả chỉ xem là tạm thời thì sẽ thích ứng tự nhiên.

Gặp cảnh giới nghịch còn dễ tu, gặp cảnh giới thuận mới là khó. Lúc nghịch ý ta chỉ cần một chữ nhẫn chốc lát liền qua được, lúc cảnh giới thuận thì thật là chăng có chỗ để tránh, vì cảnh giới thuận ý, mình ham thích như nam châm hút sắt dính chặt một chỗ. Vật vô tình còn vậy huống là vô minh hiện hành, toàn thân sống trong đó. Gặp cảnh giới này

nếu chẳng có trí tuệ thì bất tri bất giác bị nó lôi kéo vào lưới ma, muốn tìm đường ra thật là khó. Cho nên bậc thánh xưa có nói: “Nhập được thế gian thì xuất thế gian không còn dư”, tức là đạo lý này vậy.

Gần đây có một số người tu hành lạc mất phương tiện, luôn luôn nhận vô minh hiện hành là nhập thế gian, bèn đem pháp thế gian cưỡng cho là việc “Xuất thế gian không còn dư”. Thật đáng thương xót! Duy Ma Cật có nói: “Phật vì những kẻ tăng thương mạn mà thuyết pháp lìa dâm, nộ, si là giải thoát. Nếu những người không phải tăng thương mạn thì Phật nói tánh dâm, nộ, si tức là giải thoát”. Nếu tránh được lỗi này thì ở nơi cảnh giới thuận nghịch chẳng có tướng khởi diệt, ấy mới lìa được tên gọi tăng thương mạn. Như thế mới có thể cho là nhập được thế gian và xuất thế gian không còn dư. Những điều nói trên đều là chỗ Diệu Hỷ tôi đã từng trải qua, hiện nay cũng chỉ tu hành như thế. Mong ông thừa lúc cơ thể còn khéo mạnh cũng nhập tam muội này.

KHAI THỊ KHÔNG HUỆ **(10)**

Dù được thân tâm yên tĩnh vẫn cần phải nỗ lực, chớ nên hướng vào chỗ yên tĩnh mà sanh tâm thích thú. Trong giáo môn nói đó là hầm sâu giải thoát rất đáng sợ hãi. Cần phải như hồ lô xoay chuyển trên mặt nước, tự do tự tại chẳng bị dính mắc, vào dơ vào

sạch chẳng ngại chẳng chìm, mới được ở dưới cửa thiền có chút phần thân cận. Nếu chỉ ôm chặt được “Đứa bé không khóc” thì đâu có tác dụng gì!

KHAI THỊ NGHIÊM TỬ KHAM (11)

Ngài Lâm Tế nói: “Nếu ngươi luôn luôn ngưng được cái tâm cầu thì so với Phật Thích Ca chẳng khác”. Lời này chẳng phải dối người. Như Thất Địa Bồ Tát, cái tâm cầu Phật trí chưa đầy đủ còn bị gọi là phiền não. Thực là chẳng có chỗ để sắp đặt, dính mắc một chút vật gì bên ngoài cũng không được.

Mấy năm trước có một vị cư sĩ họ Hứa chỉ nhận được cái cửa bên ngoài, bèn gửi thư đến trình kiến giải rằng: “Üng dụng hàng ngày nơi trống rỗng, chẳng có một vật để đối đãi, mới biết vạn pháp trong tam giới tất cả vốn là không có. Buông xuống hết thực là an lạc sung sướng”. Do đó ta khai thị cho một bài kệ rằng:

*Chớ luyến chõ thanh tịnh
Thanh tịnh khiến người mê
Chớ luyến chõ sung sướng
Sung sướng khiến người cuồng
Như nước theo đồ đựng
Tùy vuông, tròn, dài, ngắn
Buông xuống, không buông xuống
Lại xin suy nghĩ kỹ*

*Tam giới và vạn pháp
Có quê nào để về?
Nếu cứ chấp như thế
Việc này rất chống trái
Báo cho Hứa cư sĩ
Người nhà tự làm hại
Mở rộng thiên thánh nhân
Chẳng cần sự mong cầu.*

KHAI THỊ CHÂN NHƯ (12)

Tâm chẳng tìm cầu, chẳng vọng tưởng, chẳng duyên các cảnh thì ngay chỗ nhà lửa trần lao này tức là chỗ giải thoát ra khỏi tam giới.

Phật chẳng nói sao: “Nơi tất cả cảnh vô y, vô trụ, vô phân biệt, thấy rõ pháp giới quảng đại an lập, liễu đạt tất cả pháp thế gian bình đẳng bất nhị nên Viễn Hành Địa Bồ Tát dùng sức trí huệ của mình tự động siêu việt tất cả nhị thừa, dù được cảnh giới Phật mà thị hiện trụ cảnh giới ma, dù siêu việt đạo ma mà hiện hạnh pháp ma, dù thị hiện hạnh đồng như ngoại đạo mà chẳng bỏ Phật Pháp, dù thị hiện tùy thuận tất cả thế gian mà thường hành tất cả pháp xuất thế gian”. Đây là chân phương tiện trong nhà lửa trần lao vậy.

Người học Bát Nhã nếu bỏ phương tiện này tùy thuận trần lao, ắt phải bị ma nhiếp trì. Lại còn ở nơi

cánh tùy thuận gượng nói đạo lý rằng: “Phiền não tức Bồ Đề, vô minh tức Đại trí”. Chân thì đuổi theo có, miệng thì đàm luận không, thật chẳng biết tự trách mình bị nghiệp lực lôi kéo, lại còn dạy người xóa bỏ nhân quả. Bọn này bị tà ma ác độc xâm nhập tâm can, muốn ra khỏi trần lao cũng như tạt dầu để cứu hỏa. Thật đáng thương xót! Nên biết đã triệt ngộ rồi mới có thể nói: “Phiền não tức Bồ Đề, vô minh tức Đại trí”. Trong diệu tâm vốn quảng đại, tịch diệt, trong sạch, sáng tỏ cũng như hư không chẳng có một vật gì có thể làm chướng ngại. Vậy thì chữ Phật cũng còn là vật bên ngoài, huống chi còn có vô minh, phiền não để làm đối đãi ư!

THƯ ĐÁP TỪ ĐÔN TẾ (13)

Việc này rõ như ban ngày, trong tréo, sáng sủa, không biến, không động, không thêm, không bớt, chỗ tiếp xúc hàng ngày ở ngay mỗi người đều ứng hiện rõ ràng, nắm giữ nó thì không được, buông xả nó thì thường còn thênh thang vô ngại, bát ngát rỗng không, như trái hồ lô thả trên mặt nước, lôi kéo nó chẳng được, cột trói nó chẳng được. Các bậc đắc đạo từ xưa đến nay được nó rồi, vào trong biển sanh tử trôi lên hụp xuống toàn thể thọ dụng không thiếu, không dư, như chiết cây chiên đàn thì mỗi nhánh đều là chiên đàn, vậy sanh tử trần lao từ đâu mà sanh khởi! Lúc

thu nhận kết quả lại dính mắc vào chỗ nào?

Đã không có chỗ dính mắc thì Phật là huyền, pháp là huyền, tam giới, thập nhị xứ, thập bát giới đều rỗng không. Đến được chỗ này thì một chữ Phật còn không dính dáng. Vậy Chân Nhu, Phật Tánh, Bồ-đề, Niết-bàn chỗ nào mà có? Nên Bố Đại Sĩ nói: “Sợ người sanh đoạn kiến, mới tạm lập giả danh”. Người học đạo không hiểu, cứ trong nhân duyên học đạo của cổ nhân cầu huyền cầu diệu, cầu kỳ lạ, tìm tri giải, chẳng thể “Thấy trăng quên ngón” ngay đó một dao cắt dứt.

Cũng như ngài Vĩnh Gia nói:

*Trong nắm tay không chấp có thật,
Tâm cảnh tương sanh vọng kiến lập.*

Cứ ở trong trần lao vọng sanh kiến chấp, tự trói buộc mình Như Lai nói là kẻ đáng thương xót. Hòa thượng Nham Đầu nói: “Người chỉ cần vô dục, vô y, tức là Phật”. Thực ra chỉ có một cục thịt do cha mẹ sanh, nếu một hơi thở không đến liền biến thành vật khác. Ngoài cục thịt này ra đâu còn cái gì khác. Vậy lấy gì làm kỳ lạ, huyền diệu, lấy gì làm Bồ Đề, Niết Bàn, lấy gì làm Chân Nhu, Phật Tánh? Bậc sĩ phu muốn tham cứu việc này, không hướng theo thực tế, lại ở trên công án người xưa cầu tri cầu giải, dẫu cho tri cùng, giải tận, biết hết cả đại tạng giáo điển, khi ngày cuối cùng sanh tử đến thì một chút cũng dùng không được.

Còn có một số người mới vừa nghe thiện tri thức kể việc này, lại đem tâm ý thức so sánh suy lường rằng: “Nếu như thế chẳng phải lọt vào “Không” chẳng?”. Đối với những người này, Diệu Hỷ bất đắc dĩ nói với họ: “Ông chưa từng được “Không” lấy gì để sợ, như đi ghe chưa chìm đã vội nhảy xuống nước”. Thấy họ chưa hiểu nên tôi không tiếc khẩu nghiệp nói dài dòng thêm: “Cái sợ lọt vào không đó còn có thể “Không” được chẳng?” Nghĩa “Không” là hiển bày sự dụng: Mắt ông nếu chẳng không thì lấy gì để thấy sắc, tai ông nếu chẳng không thì lấy gì để nghe tiếng, mũi ông nếu chẳng không thì lấy gì để ngửi mùi, lưỡi ông nếu chẳng không thì lấy gì để nếm vị, thân ông nếu chẳng không thì lấy gì để cảm giác, ý ông nếu chẳng không thì lấy gì để phân biệt vạn pháp.

Phật nói: “Vô, nhẫn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, vô sắc thanh hương, vị, xúc, pháp, vô thập nhị xứ, thập bát giới, cho đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, và Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh, tất cả pháp của Phật thuyết và kẻ thuyết pháp này, kẻ nghe pháp này, kẻ thuyết ra như thế, kẻ thọ cái thuyết như thế, thấy đều chẳng có”. Được như thế rồi gọi là không ư? Gọi là bất không ư, gọi là Phật ư, gọi là Bồ Tát ư, gọi là Thanh Văn ư, gọi là Duyên Giác ư, gọi là Bồ Đề, Niết Bàn ư, gọi là Chân Như, Phật Tánh ư?

Nếu tự cho ta thông minh lanh lợi chẳng bị người gạt thì xin thử hướng vào chỗ này xem xét cho đúng.

Nếu xem xét ra thì được ở trong am cũng như ở ngoài cửa, còn xem xét chẳng ra thì rất kỵ khoa trương nói lời quá lố. Kẻ đại trượng phu muốn tham cứu việc đại sự nhân duyên này cần phải không màng đến thể diện, tâm dũng mãnh đứng thẳng, chớ chiêu theo tình cảm, đem chỗ nghi của mình dán lên trên trán, hàng ngày tự như thiểu nợ người muôn triệu, bị người đòi nợ đuổi theo, chẳng có gì để trả nợ, sợ bị người sỉ nhục, không muốn gấp cũng phải gấp, không muốn bận rộn cũng phải bận rộn, không việc gì lớn hơn việc này, như thế mới có phần tương ứng. Suốt ngày suốt đêm, lúc uống trà ăn cơm, lúc vui lúc giận, chỗ sạch chỗ dơ, chỗ vợ con tụ tập, chỗ tiếp khách, chỗ làm việc, chỗ con cái cười gã, đều là thời tiết cảnh giác để làm công phu.

Xưa kia Lý Văn Hòa làm Thừa tướng trong phủ quý tham thiền được đại ngộ, Dương Văn Công làm quan chức Hàn lâm tham thiền được ngộ, Trương Vô Tận Đốc Sứ tỉnh Giang Tây cũng tham thiền được ngộ, chỉ ba ông này đủ làm mô phạm “Chẳng hoại tướng thế gian mà chứng thực tướng” vậy. Đâu cần phải bỏ vợ con, từ quan chức, ăn mặc cực khổ, tránh náo động cầu vãng lặng, vào trong hang quỷ ngồi thiền như cây khô rồi mới được ngộ đạo?

Bàng Uẩn nói:

*“Hết tự vô tâm nơi vạn vật
Đâu sợ vạn vật thường nhiễu quanh*

*Trâu sắt không sợ sư tử rống
 Giống như người gỗ thấy con chim
 Bản thể người gỗ vốn vô tình
 Con chim gặp người cũng không sợ
 Tâm cảnh như nhu chỉ thế này
 Lo gì Bồ-dề đạo chẳng thành”.*

Ở trong trần lao thế tục được không quên việc sanh tử, dù chưa thể kiến tánh nhưng cũng gieo được hạt giống Bát Nhã thâm sâu, kiếp khác ra đời cũng ít phí sức, cũng không đến nỗi lưu lạc trong ác đạo, hơn người đắm nhiễm trần lao chẳng cầu giải thoát, cứ nói việc này không dễ gì. Người đời phần nhiều có kiến giải như thế, thật đáng thương xót!

KHAI THỊ TĂNG THÚC TRÌ (14)

Cố Đức nói: “Từ xưa nay vốn chẳng có pháp để cho người, chỉ vì người chỉ đường mà thôi”. Lại nói: “Hễ có sở đắc là chó sói kêu, vô sở đắc là sư tử rống”. Phật là người thông suốt, trong bốn mươi chín năm thuyết pháp hơn ba trăm sáu mươi hội, tùy căn tánh chúng sanh mà dẫn dắt họ, nên ở trong mươi pháp giới giảng thuyết một âm, chúng sanh tùy loại mỗi mỗi đều được lợi ích. Ví như gió Đông thổi qua một cái thì muôn ngàn bông hoa cùng rộ nở, Phật thuyết pháp cũng như thế. Nếu có ý noi mươi pháp giới để làm lợi ích cho là có ta thuyết pháp, cho là có chúng

sanh được độ, vậy thành có ngã chấp rồi. Như Xá Lợi Phất ở trên hội Bát-nhã hỏi Văn Thủ rằng:

- Chư Phật có giác ngộ pháp giới chăng?

Văn Thủ đáp:

- Không, Xá Lợi Phất! Chư Phật còn bất khả đắc thì làm sao có Phật mà giác ngộ pháp giới! Pháp giới cũng bất khả đắc thì làm sao có pháp giới cho chư Phật giác ngộ!

Xem qua sự vấn đáp của hai Ngài thì đâu từng trụ vào chỗ nào. Từ xưa chư Phật, chư Tổ thuyết pháp đều có thể cách như thế, chỉ vì con cháu sau này thất lạc Tông, chỉ, mỗi mỗi tự lập môn phái, tác yêu tác quái mà thôi.

THƯ ĐÁP HÚA THỌ NGUYÊN

(15)

Ông đủ lòng tin chân chánh, lập chí chân chánh, đó là nền tảng để thành Phật làm Tổ vậy.

Kể quê mùa này lấy hai chữ Trạm Nhiên đặt làm danh hiệu cho ông, như nước Trạm Nhiên (*Lóng trong*) chẳng động thì hư minh tự chiếu, chẳng nhọc tâm lực. Pháp thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài Trạm Nhiên, không mảy may sót lọt. Chỉ dùng cái ấn này ấn định hết thấy chỗ, không gì phải, không gì chẳng phải, mỗi mỗi đều giải thoát, mỗi mỗi đều minh diệu, mỗi mỗi đều chân thật, lúc dùng cũng Trạm Nhiên, lúc không dùng cũng Trạm Nhiên.

Tổ Sư nói: “Hễ có tâm phân biệt so đo cái tự tâm hiện lượng thì thấy đều là mộng”. Nếu tâm thức tịch diệt, chẳng có chút động niệm, gọi là chánh giác. Giác đã chánh thì hàng ngày trong mười hai thời thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm giác, phân biệt, đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh thấy đều Trạm Nhiên, cũng chẳng tự khởi tưởng diên đảo, có tưởng, không tưởng thấy đều thanh tịnh. Đã được thanh tịnh, lúc động thì hiển bày cái dụng của Trạm Nhiên, lúc bất động thì quy về thể của Trạm Nhiên. Thể dụng tuy khác mà Trạm Nhiên là một, như chiết cây chiên đàn thì mỗi nhánh đều là chiên đàn.

Ngày nay có một bọn tà sư “Đặt điều”, sự ngộ của họ chẳng thật, cứ dạy người nghiệp tâm tĩnh tọa, ngồi đến bất hơi thở. Bọn này thật đáng thương xót!

Ông hãy thực hiện công phu như lời tôi chỉ dạy. Kẻ quê mùa này có dạy ông như thế cũng chỉ là chuyện bất đắc dĩ, nếu thật có việc thực hiện công phu như thế tức là làm nhiệm ô ông. Tâm này vốn chẳng thực thể thì làm sao thu nghiệp được? Thu nghiệp rồi đặt ở chỗ nào? Đã không có chỗ đặt thì vô thời, vô tiết, vô cổ, vô kim, vô phàm, vô thánh, vô đắc, vô thất, vô tịnh, vô loạn, vô sanh, vô tử, cũng không có cái tên Trạm Nhiên, cũng không có cái thể Trạm Nhiên, cũng không có cái dụng Trạm Nhiên, cũng không có người nói Trạm Nhiên, cũng không có người nhận lời nói Trạm Nhiên.

KHAI THỊ TRẦN MINH TRỌNG (16)

*“Phật thuyết tất cả pháp
Vì độ tất cả tâm ;
Ta chẳng tất cả tâm
Đâu cần tất cả pháp”.*

Pháp vốn vô pháp, tâm cũng vô tâm, tâm pháp đều không, là tướng chân thật. Hiện nay người học đạo phần nhiều sợ lọt vào không, kiến giải như thế là lầm nhận phương tiện, cho bệnh là thuốc, rất đáng thương xót! Nên Bàng Uẩn nói: “Ngươi chớ sợ lạc vào không. Lạc vào không cũng chẳng phải xấu”. Lại nói: “Nguyễn không những gì mình đã có, chớ nhận những gì mình đã không”. Nếu thấu rõ được lời này thì vô biên ác nghiệp vô minh ngay đó tan rã. Cả Đại Tạng giáo điển do Phật thuyết cũng chú giải câu này không được.

Hành giả nếu đủ lòng tin quyết định biết được có pháp đại giải thoát như thế, chỉ ở chỗ biết được đó “Bất chợt đụng nhầm quan khiếu”⁽¹⁾ thì một lời của Bàng Uẩn với cả Đại tạng của Phật thuyết chẳng hai chẳng khác, chẳng trước chẳng sau, chẳng xưa chẳng nay, chẳng thiếu chẳng dư, cũng chẳng thấy có tất cả pháp, cũng chẳng thấy có tất cả tâm, mười phương

⁽¹⁾ Quan khiếu: Thừa lúc hở cơ mà vào được.

thế giới mênh mông trống rỗng. Cũng chớ cho là không, nếu cho là không thì có kẻ thuyết không, có kẻ nghe thuyết không, có tất cả pháp để nghe, có tất cả tâm để chứng. Đã có nghe có chứng thì trong có tâm năng chứng, ngoài có pháp sở chứng, nếu bệnh này chẳng trừ, giáo môn gọi là chấp “Có ta thuyết pháp”. Cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Như kinh nói: “Nếu chấp pháp tướng tức dính mắc ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu chấp phi pháp tướng cũng dính mắc ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả”. Ở trên nói “Trong có tâm năng chứng, ngoài có pháp sở chứng” tức là đạo lý này vậy.

Có một Phật tử tên Trần Thuần biết thân là vọng, biết pháp là huyền, ở nơi mộng huyền khán công án “Con chó không Phật tánh”, bỗng khi rửa mặt “Đụng nhầm lỗ mũi” (*Tỉnh ngộ*) đã viết thư đến trình kiến giải về thiền như: “Cop mới sanh ba ngày, sức mạnh đã nuốt con trâu”. Chỗ trình kiến giải của ông ấy tuy còn hơi dính mắc nhưng cơ bản đã chánh, dù đại pháp chưa rõ, cũng chỉ là cái bệnh của người mới nhập đạo mà thôi. Nếu được biết việc này rồi gạt qua một bên, lại đem diệu môn của chư Phật, chư Tổ nhất thời cắt đứt, hướng về phía bên Oai Âm Vương để làm công phu, mới có thể ở nơi pháp được tự tại vậy.

Phật nói: “Nếu chỉ tán thán Phật thừa thì chúng sanh lặn hụp nơi biển khổ”. Đã tin biết việc như thế, nên dùng sở chứng của mình để khuyến sung thêm rồi

mới chẳng bị pháp trói buộc, chẳng cầu pháp giải thoát, như thế cũng được, chẳng như thế cũng được, như thế chẳng như thế đều được. Phàm có ngữ cú, phàm có thọ dụng đều như “Tráng sĩ xuất chiêu” chẳng nhờ tha lực, như tên đã lìa cung không thể trở về, ấy chẳng phải cố tình mà vì pháp vốn như thế. Được đến chỗ này rồi mới có thể nói những việc vô thiện, vô ác, vô Phật, vô chúng sanh. Nếu đại pháp chưa rõ mà nói những lời như thế, ắt dọa vào chỗ ngài Vĩnh Gia nói: “Trống rỗng không, xóa nhân quả; Mênh mênh mông mông chiêu tai họa”. Việc này nên biết.

Hễ được gốc chớ lo ngọn, huân tập lâu ngày thuần thực khỏi lo công phu chẳng thành khối. Gắng tham đi!

KHAI THỊ TRỊNH THÀNH TRUNG (17)

Hiện nay người chưa rõ tâm địa thì phải rằng. “Thế giới từ đâu sanh khởi? Sau này lại hướng chỗ nào mà tiêu diệt? Lại thế giới có trước hay là con người có trước?” Nếu nói thế giới có trước thì Cổ Đức chẳng nên nói “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Nếu nói con người có trước, vậy thế giới chưa có, con người cư trú ở chỗ nào? Như thế, nói thế giới có trước cũng không phải, nói con người có trước cũng không phải. Nếu đại pháp được rõ thì chẳng cần suy lường mà tự nhiên rõ ràng.

THƯ ĐÁP VƯƠNG ĐẠI THỤ (18)

Chẳng biết sau khi từ biệt nhau hàng ngày ông thực hiện công phu như thế nào? Nếu như đã từng ở trên lý tánh được mùi vị, trong kinh giáo được mùi vị, trên lời nói Tổ Sư được mùi vị, chỗ mắt thấy tai nghe được mùi vị, chỗ đi đứng nằm ngồi được mùi vị, chỗ tâm nghỉ, ý tưởng được mùi vị thì tất cả mùi vị đó đều chướng ngại sự tham thiền. Nếu muốn thôi nghỉ triệt để thì hãy chớ mang đến những chỗ mùi vị đã được trước kia, mà hướng vào chỗ không thể mò bắt, chỗ không có mùi vị, xem đó là cái gì? Nếu xem xét chẳng được, mò bắt chẳng được, càng không có cách để nắm, ý thức, nghĩa lý đều chẳng thông, như gỗ đất, ngôi đá..., khi ấy chớ nên sợ lọt vào không. Đây là chỗ buông thân xả mạng của hành giả. Lưu ý! Lưu ý!

THƯ ĐÁP LÝ TỰ BIẾU (19)

Ông muốn Diệu Hỷ này viết thư khai thị cho ông chỗ cốt yếu thì ngay cái niệm cầu khai thị chỗ cốt yếu ấy đã là đút đầu vào chỗ trói buộc rồi. Chẳng nên trên đầu lại mọc thêm đầu. Dù nói vậy nhưng có hỏi thì phải có đáp. Xin ông hãy đem hết các thứ đã đắc được ngày trước như nhờ tự xem kinh giáo, nhờ khán thoại đầu, hoặc nhờ người dạy bảo khai thị, mà được

mùi vị hoan hỷ, đều nhất thời buông hết, y như trước vẫn là trăm điều chẳng biết trăm điều chẳng hội, giống như đứa bé ba tuổi có thức tánh mà chưa biết dùng. Lại hướng vào chõ trước kia chưa khởi một niệm cầu khai thị cốt yếu đó mà khán. Khán đi khán lại, cảm thấy càng không mùi vị, trong tâm càng không yên ổn, lúc ấy càng phải tiến lên. Chõ này chính là “Chõ cắt đứt đỉnh đầu” của ngàn Thánh (*Sắp ngộ*). Thường thường người học đạo phần đông đến chõ này lại thối lui. Ông nếu tin nổi chỉ cần hướng vào chõ trước khi chưa khởi một niệm cầu khai thị cốt yếu đó mà khán. Khán đi khán lại, hốt nhiên như nằm mơ thức dậy. Việc này không sai.

THƯ ĐÁP TRƯƠNG DƯƠNG THÚC (20)

Trong mọi hành vi của lão cư sĩ đều đã thâm hợp với đạo, nhưng chưa thể đến được chõ bùng vỡ cuối cùng. Nếu hàng ngày ứng duyên chẳng mất công phu, dù chưa được “Ồ” lên một tiếng (*Kiến Tánh*) thì lúc lâm chung Diêm Vương còn phải chắp tay đầu hàng huống là một niệm tương ứng u!

Diệu Hỷ tuy chưa đích thân gặp mặt, nhưng biết ông làm việc lớn nhỏ tùy nghi, không thái quá, không bất cập, như thế tức là chõ hợp với đạo. Đến đây chẳng cần cho là trần lao, chẳng cần cho là Phật pháp. Phật pháp, trần lao đều là việc bên ngoài, cũng

chớ nên cho là việc bên ngoài. Chỉ cần hồi quang phản chiếu xem những cái suy nghĩ kể trên từ đâu mà có? Lúc làm việc có hình thái gì? Khi làm việc đã xong, thỏa mãn ý mình chẳng có thiếu sót, đang lúc ấy là nhờ ân lực của ai? Thực hiện công phu như thế như người học bắn lâu ngày chầy tháng tự nhiên bắn trúng đích vậy.

Chúng sanh điên đảo mê mìne mà theo vật, tham đắm một chỗ hương vị của dục lạc mà cam tâm chịu vô lượng khổ. Mỗi ngày lúc chưa mở mắt ra, lúc chưa bước xuống giường, lúc nửa thức nửa ngủ, tâm thức đã lảng xăng theo vọng tưởng trôi nổi rồi. Làm thiện tạo ác, tuy chưa phát lộ, nhưng lúc chưa bước xuống giường, thiên đường địa ngục ở trong tâm đã nhất thời thành tựu rồi, đâu cần đợi đến lúc phát ra. Phật nói: “Tất cả các căn đều do tự tâm hiện ra. Thế giới, thân, tâm đều từ tướng vọng tưởng biến hiện như suối chảy, như giống mầm, như đèn đuốc, như gió thổi, như mây bay, biến đổi từng sát na, loạn động như khỉ vượn, ham hối thối như ruồi, nhặng, chẳng nhảm chán như lửa gấp gió. Tập khí hư nguy từ vô thi như cái bánh xe quạt nước v.v...” Nếu hiểu thấu được bèn gọi là cái trí vô ngã vô nhân. Phải biết thiên đường, địa ngục chẳng ở nơi khác, chỉ ở trong tâm người hành giả lúc nửa ngủ nửa thức, lúc chưa bước xuống giường, chứ không phải từ bên ngoài đến. Khi phát hay chưa phát, khi giác hay chưa giác đều cần phải

tham cứu. Lúc tham cứu cũng chớ nên cố dùng sức, nếu cố dùng sức ắt phí sức vậy. Tam Tổ nói: “Động ngưng thì trở về ngưng, cái ngưng ấy lại càng thêm động”. Cho nên hàng ngày trong trần lao, khi vừa biết dần dần ít phí sức tức là chố đắc lực của hành giả, chố thành Phật làm Tổ của hành giả, chố biến địa ngục thành thiên đường của hành giả, chố ngồi yên ổn của hành giả, chố ra khỏi sanh tử của hành giả, chố giúp vua trị nước của hành giả, chố bệnh nặng được lành của hành giả, chố để phước đức cho con cháu của hành giả. Đến chố này rồi nói Phật, nói Tổ, nói tâm, nói tánh, nói huyền, nói diệu, nói lý, nói sự, nói tốt, nói xấu, tất cả việc tương đối đều là việc bên ngoài. Những chuyện như thế còn thuộc bên ngoài, huống là làm những việc mà bậc thánh xưa thường quở sao? Làm việc tốt còn không cho là tốt, há lại cho làm việc không tốt ư? Nếu tin nổi lời này thì lời ngài Vĩnh Gia (665-713) nói:

***Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền
Nói nín, động tịnh tự an nhiên.***

Chẳng phải là lời nói dối vậy.

Hãy y theo đây thực hành chẳng bao giờ thay đổi thì dù chưa chứng ngộ, chưa thấy được Bản lai diện mục của chính mình, nhưng chố lạ (*Nghi tình*) đã thành quen, chố quen (*Tập khí*) đã thành lạ rồi. Hãy ghi nhớ lấy!

THƯ ĐÁP LÝ BỈNH (tự Hán Lão)

(21)

PHỤ THƯ HỎI - I -

Bỉnh gần đây được vào thất thân cận, nhờ Ngài khích lệ và khai phá ám muội cho, bỗng có tinh ngộ.

Con tự xét căn cơ thấp kém, một đời học hỏi, hiểu biết đều lọt vào tình thức (*Kiến chấp*), buông cái này bắt cái kia như mở dây xích này lại buộc dây xích khác. Ngày nay nhờ Ngài bỗng được mở trói, vui mừng biết bao! Nếu chẳng phải Đại Tông Sư rủ lòng từ bi thì đâu được như thế.

Từ khi được mở trói thì mặc áo ăn cơm, dắt con bồng cháu mỗi mỗi vẫn y như cũ nhưng tình cảm trói ngại đã quên và cũng chẳng cho là kỳ lạ. Ngoài ra, những tập khí xưa, nghiệp chướng cũ tự nhẹ bớt dần dần.

Lời dặn của Ngài con chẳng dám quên. Song nghĩ lại, con mới được vào cửa, đại pháp chưa thấu, ứng cơ tiếp vật, gặp việc chưa thể vô ngại, nên con rất mong được Ngài dạy bảo thêm, khiến cho tiến tới để khỏi làm hổ thẹn giáo pháp của Ngài.

THƯ ĐÁP LÝ BỈNH - I -

Đọc thư ông viết: "Từ khi mở trói mặc áo ăn cơm, dắt con bồng cháu mỗi mỗi y như cũ, nhưng tình cảm trói ngại đã quên, cũng chẳng cho là kỳ lạ. Ngoài ra

những tập khí xưa nghiệp chướng cũ cũng tự nhẹ bớt dần dần”. Biết được ông như vậy, tôi cảm thấy rất hoan hỉ. Đây là học Phật có hiệu nghiệm vậy.

Nếu chẳng phải bậc đại trượng phu ngộ một cái liền siêu việt số lượng, thì chẳng thể biết nhà mình quả thật có cái diệu dụng chẳng thể truyền. Nếu không được như thế thì hại chữ NGHI, NGỘ trong Pháp môn, đến tận cùng vị lai cũng chẳng thể tiêu hoại. Dẫu cho miệng tôi bằng hư không, cây cỏ ngói đá đều phát ra ánh sáng trợ giúp tôi thuyết pháp cũng chẳng làm gì được, mới tin rằng việc nhân duyên này chẳng thể truyền, chẳng thể học, cần phải tự chứng tự ngộ mới đến triệt để. Ông nay “Nhất ngộ đã quên sở đắc” thì đâu còn gì để nói nữa.

Phật nói:

*Chẳng chấp ngôn thuyết của chúng sanh
Tất cả hữu vi đều hư vọng
Dù chẳng y theo lời ngôn ngữ
Nhưng cũng chẳng chấp vô ngôn thuyết.*

Trong thư ông nói đã quên tình cảm trói ngại cũng chẳng cho là kỳ lạ, ấy là âm thầm phù hợp với lời Phật. Thuyết này gọi là Phật thuyết. Lià thuyết này gọi là tà ma thuyết.

Sơn Tăng trước kia có đại nguyện: “Thà đem thân này thay tất cả chúng sanh chịu khổ địa ngục, chứ không bao giờ dùng miệng này lấy Phật pháp vị nhân tình mà làm mù mắt tất cả chúng sanh”.

Ông đã đến nơi diền địa này, tự biết việc này chẳng từ người khác mà được, vậy cứ y như trước đâu cần hỏi nữa. Đại pháp rõ hay chưa rõ? Ứng cơ ngại hay chẳng ngại? Nếu còn nghĩ vậy thì chẳng phải như trước rồi.

Trước kia thấy ông hoan hỉ quá nên chẳng dám nói trăng ra, e ngại kẹt trong lời nói. Nay sự hoan hỉ đã qua mới dám chỉ ra việc này. Ông được đến mức này chẳng phải là dễ nhưng vẫn cần phải sanh tâm hổ thiện mới được.

Thường thường kẻ lợi căn thượng trí khi chứng đắc cảm thấy chẳng phí sức liền sanh tâm cho là dễ quá, chẳng chịu tu hành. Phần nhiều bị cảnh giới trước mắt lôi kéo đi, làm chủ chẳng được, lâu ngày dài tháng mê muội mà chẳng thể trở về. Đạo lực không thăng nghiệp lực thì nhất định sẽ bị bọn ma nghiệp trì. Lúc lâm chung cũng chẳng đắc lực. Hãy nhớ lấy cho.

Lời nói hôm trước: “Lý thì đốn ngộ, theo ngộ cùng tiêu. Sự thì tiệm trừ lần lần mới hết”. Đi, đứng, ngồi, nằm, chờ nên quên mất. Ngoài ra đủ thứ lời sai biệt của cổ nhân đều chẳng thể cho là thật cũng chẳng thể cho là giả. Lâu ngày thuần thực tự nhiên âm thầm khế hợp bản tâm vậy. Chẳng cần cầu kỳ lạ thù thăng nào khác.

Xưa kia Hòa thượng Thủy Lạo hỏi Mã Tô
(709 - 788):

- Thế nào là ý của Tổ Sư từ Ấn Độ đến?

Tổ nói:

- Lại gần đây ta nói cho nghe.

Thủy Lạo vừa đến gần định lễ bái, bị Mã Tổ dùng chân đá nhào, Thủy Lạo bất giác đứng dậy vỗ tay cười ha hả.

Tổ hỏi:

- Người thấy đạo lý gì mà cười?

Thủy Lạo đáp:

- Muôn ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, hôm nay bị đá một trận thì biết được nguồn gốc sát đáy.

Mã Tổ cũng không nói gì thêm.

Tuyết Phong (822-908) biết Cổ Sơn cơ duyên đã thuần thục. Một hôm Ngài bỗng chụp ngay ngực Cổ Sơn hỏi rằng:

- Cái gì vậy?

Cổ Sơn ngay đó liễu ngộ, luôn cả cái tâm liễu cũng mất luôn chỉ mỉm cười và khoát tay mà thôi.

Tuyết Phong hỏi:

- Ông được đạo lý sao?

Cổ Sơn lại khoát tay nói:

- Hòa thượng! Đâu còn có đạo lý nào nữa.

Tuyết Phong liền thôi.

Thuở xưa, Thiền Sư Đạo Minh đuổi theo Tổ Huệ

Năng đến Đại Du Lãnh để đoạt y bát. Ngài Huệ Năng để y bát trên tảng đá nói:

- Y này là biểu tín (*Vật tiêu biểu để làm tin*), há có thể dùng sức tranh giành ư? Ông cứ lấy đi.

Đạo Minh tận sức giở lên không nổi mới kinh hãi thưa:

- Tôi nay cầu pháp chứ chẳng vì cầu y bát, xin hành giả khai thị.

Tổ Huệ Năng nói:

- Chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác, ngay lúc ấy cái gì là Bản Lai Diện Mục của Thượng tọa?

Đạo Minh ngay đó đại ngộ, toàn thân xuất mồ hôi, rơi lệ đánh lẽ rằng:

- Ngoài mật ý mật ngữ kể trên, còn có ý chỉ nào nữa chẳng?

Tổ Huệ Năng nói:

- Nay ta vì ngươi nói ra thì chẳng phải mật ý rồi. Ngươi nếu tự phản chiếu diện mục mình thì mật ở bên ngươi. Nếu ta nói được thì chẳng phải là mật vậy.

Đem ba công án kể trên so với cái ngộ của ông, hay dở thế nào xin ông tự đoán xem. Đâu còn có đạo lý kỳ lạ gì khác nữa. Nếu còn có cái khác thì chẳng thể gọi là ngộ rồi. Chỉ cần biết làm Phật chớ đừng lo Phật chẳng biết nói. Xưa nay những người đắc đạo, tự mình đã viên mãn, đều dùng cái của mình sẵn có tùy cơ tiếp vật như gương sáng trên đài, ngọc sáng trong

tay, nam đến thì hiện hình nam, nữ đến thì hiện hình nữ, mà chẳng cần tác ý vậy. Nếu có tác ý ắt có pháp thật cho người rồi. Ông muốn thấu rõ đại pháp, ứng cơ vô ngại, hãy cứ vẫn y như trước, chẳng cần hỏi người, lâu ngày sẽ tự gật đầu vậy. Lời tôi nói khi chia tay xin chép lại để cạnh chõ ngồi. Ngoài ra chẳng có lời khác để thuyết, dẫu có thuyết, đối với bốn phận của ông cũng thành lời thừa rồi. Nói lòng vòng nhiều quá, nay tạm gạt qua một bên đi!

PHỤ THƯ HỎI - II -

Vừa được lời đáp khai thị đã thấu ý chỉ thâm sâu. Bỉnh tự thấy có ba điều hiệu nghiệm. Một là gấp việc nghịch thuận tùy duyên ứng phó, chẳng lưu lại trong lòng. Hai là tập khí lâu đời chẳng cần dứt trừ mà tự nó nhẹ dần dần. Ba là đối với công án của Cổ Đức trước kia cảm thấy mờ mịt, nay lại thấy rõ ràng, không còn ám muội nữa.

Thư trước nói đại pháp chưa rõ là vì sơ rằng được ít cho là đủ nên muốn được khuyếch sung (*Mở rộng*) thêm, chứ đâu dám cầu kiến giải thù thắng nào khác. “Tẩy trừ tập khí” hiện hành, lý ấy chẳng phải không! Lời dạy của Ngài, con rất khâm phục.

THƯ ĐÁP LÝ BỈNH -II-

Được thư sau thấy có tiến thêm, chẳng biết gần đây được tùy duyên phóng khoáng, như ý tự tại chẳng? Trong tứ oai nghi chẳng bị trần lao dính mắc chẳng?

Thức ngủ, nhị biên được như một chǎng? Chỗ “vẫn y như cũ” có dời đổi chǎng? Tâm sanh tử còn tương tục chǎng?

Chỉ cần tẩy sạch làm phàm tình, thực chǎng có thánh giải khác. Ông đã được ngộ, khai mở chánh nhãnh, tin tức sở đắc xưa bỗng quên mất thì đắc lực hay chǎng đắc lực như người uống nước lạnh nóng tự biết vậy. Nhưng trong cuộc sống hàng ngày nên y theo lời dạy của Phật: “Một là tu tập trừ các trợ nhân; Hai là chơn tu nạo sạch chánh tánh (*Tánh dâm dục*)⁽¹⁾; Ba là tinh tấn xoay ngược hiện nghiệp”. Đây là chân phương tiện trong vô phương tiện, chân tu chứng trong vô tu chứng, chân thủ xả trong vô thủ xả của người xong việc (*Đã ngộ*). Cổ Đức nói: “Lớp da đã lột hết, chỉ còn một chân thật”. Cũng như nhánh lá của cây chiên đàn róc sạch hết, chỉ còn lại cây chiên đàn chân thật. Ấy là lý cùng tột của ba việc “Trừ các trợ nhân, nạo sạch chánh tánh và xoay ngược hiện nghiệp” vậy. Ông thử nghĩ xem, lời nói như thế đối với bốn phận của người đã xong việc mặc dù như cây quạt trong mùa đông, song e miền Nam khí trời lạnh, nóng bất thường nên thiếu nó chǎng được. Một tiếng cười.

⁽¹⁾ Chánh tánh (*Tánh dâm dục*):

Chúng sanh đều dùng dâm dục làm chánh nhân để sanh ra sinh mạng nên gọi tánh dâm dục là chánh tánh.

THƯ ĐÁP LÝ BÌNH -II-

Lúc Phú Quý Thân ở Tam Cù có thư đến hỏi đạo, nhân đó bất đắc dĩ tôi buông lời phương tiện chẳng ít. Nhưng ông ta vẫn kẹt nơi Mặc Chiếu, chắc chắn đã bị bọn tà sư dẫn vào hang quỉ.

Nay tôi được thư kế tiếp, biết ông ta vẫn còn chấp tĩnh tọa cho là tốt. Ông ta cố chấp như thế làm sao tham được Tổ Sư Thiền? Lần này đáp thư, tôi không tiếc khẩu nghiệp, dài dòng thông thiết phá chấp cho ông ta, nhưng chẳng biết ông ta có chịu quay đầu lại khán câu thoại đầu hay không.

Bậc Thánh xưa nói: “Thà có thể phá giới như núi Tu Di, quyết chẳng để bị tà sư huân một tà niệm nhỏ như hạt cải vào trong tàng thức, như đổ dầu vào trong bún thì không làm sao lấy ra được”. Ấy là tình trạng của ông ta vậy.

Nếu ông có gặp ông ta thì hãy đọc thử thư tôi đáp cho ông ta nghe. Theo đó mà làm phương tiện cứu vớt ông ta. Trong Pháp Tứ Nhiếp của Bồ Tát, đồng sự nhiếp là mạnh nhất, ông nên khai triển pháp môn này khiến ông ta tăng cường lòng tin “Tin tự tâm”, như vậy chẳng những tiết kiệm được một nửa sức Sơn Tăng, mà cũng khiến ông ta chịu xa lìa hang ổ cũ vậy.

THƯ ĐÁP GIANG THIẾU MINH

Đời người một trăm năm, thời gian có là bao. Ông xuất thân từ nhà nghèo hèn tiến lên quan chức, ấy là

có phước nhất thế gian. Ông lại biết hổ then hồi tâm hướng về đạo, học pháp xuất thế gian để thoát ly sanh tử, ấy là người khéo lựa chọn nhất trên đời. Cần phải quyết tử dụng công phu, chẳng màng đến việc khác, chẳng để cho người khác chi phối, tự làm chủ cho mình. Chỗ cuối cùng được chứng tỏ rõ ràng mới là bậc đại trượng phu đã xong việc thế gian và xuất thế gian vậy.

Liên tiếp mấy ngày ông cùng với Lý Hán Lão đàm luận về đạo, lành thay! Lành thay! Cho ông ta là đã dứt được tâm rong ruổi tìm cầu, đến chỗ “Đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt”, ngay chỗ muôn ngàn sai biệt thấy được chân tay cổ nhân, chẳng bị phương tiện văn tự của cổ nhân trói buộc. Sơn Tăng thấy ông ta như thế chẳng hề bảo ông ta một chữ, vì e làm trở ngại ông ta. Đợi khi ông ta muốn nói chuyện với Sơn Tăng, lúc ấy mới cùng ông ta giải rõ việc này. Chứ chẳng phải ngưng luôn đâu. Người học đạo nếu tâm tìm cầu chẳng dứt thì dấu có cùng họ giải rõ việc này cũng vô ích, vì họ là kẻ ngu si, cuồng loạn chạy ở vòng ngoài.

Cổ Đức nói: “Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy chẳng ướt áo nhưng cũng được thấm nhuần”. Ông thường qua lại hầu chuyện với Lý Hán Lão, tôi rất mong, rất mong!

Ông chớ nên đem lời dạy của Cổ Đức ra bày đặt bậy bạ. Như Nam Nhạc nói với Mã Tổ rằng: “Ví như

trâu kéo xe, nếu xe chẳng đi thì đánh xe là phải hay đánh trâu là phải?" Mã Tổ nghe xong ngộ ngay. Về mấy lời này, Tông Sư các nơi chẳng hội được, lại đoán mò bậy ba, dù thuyết pháp như sấm sét cũng chỉ là hiểu theo lời nói. Ấy là phỉ báng Tổ Sư. Xem thư ông gửi Châu Phong, ông tự ý đặt điều chú giải cho Như Lai Thiền là Tổ Sư Thiền, Sơn Tăng đọc qua bất giác bật cười.

Bài tụng gửi đến kỳ này xem kỹ thấy khá hơn hai bài tụng trước, nhưng từ nay hãy ngưng hẳn, nếu cứ tụng đi tụng lại mãi thì đến chừng nào mới xong. Như Lý Hán Lão, ông ta há chẳng biết làm kệ tụng sao, tại sao ông ta không làm một chữ? Vì là người biết pháp nên sợ phạm pháp mà thôi! Ông ta ngẫu nhiên lộ ra một đầu sợi lông thì tự nhiên gãi nhầm chỗ ngứa của Sơn Tăng. Như câu "Gặp người khắp nơi, gạt trước mặt"⁽¹⁾ trong bài tụng Xuất Sơn Tướng, đáng làm thuốc điểm nhãn cho tòng lâm. Một ngày nào đó ông sẽ tự thấy, chẳng cần Sơn Tăng nói trắc ra.

Gần đây, tôi thấy ông bỗng nhiên thay đổi và rất nỗ lực về việc này, nên tôi viết thơ này hơi dài dòng.

⁽¹⁾ "Gặp người khắp nơi, gạt trước mặt": Cổ Đức nói: "Người học chẳng thấy được ý của chư Tổ thì phải bị chư Tổ lừa gạt. Cũng như người không qua được sông hồ thì bị sông hồ chướng ngại vậy".

THƯ ĐÁP PHÚ QUÍ THÂN - I-

(23)

Lúc tuổi trẻ ông đã biết phát lòng tin hướng đến Tổ Sư Thiền, nhưng về tuổi già bị tri giải làm chướng nên chưa có chỗ ngộ nhập, ngày đêm mong muốn biết phương tiện thể cứu đạo này. Ông đã có lòng chí thành, tôi đâu dám từ nan.

Theo lời thỉnh của ông, tôi nói ra ít lời sau đây. Chỉ cái tâm cầu ngộ nhập này tức đã là tri giải chướng đạo rồi, lại còn tri giải nào làm chướng ngại ông nữa? Thực ra gọi cái gì là tri giải? Tri giải từ đâu mà đến? Người bị chướng ngại là ai? Chỉ một câu này điên đảo có ba:

Một là tự nói bị tri giải làm chướng.

Hai là tự nói chưa ngộ, cam dành làm kẻ mê.

Ba là ở trong mê đem tâm chờ ngộ.

Ba thứ điên đảo này là cội gốc sanh tử. Cần phải chờ sanh một niệm, ngay đó tâm điên đảo bắt, mới biết không có mê để phá trừ, không có ngộ để chờ đợi, không có tri giải để làm chướng, như người uống nước lạnh nóng tự biết, lâu ngày tự nhiên không còn những kiến giải này. Chỉ cần nhìn ngay chỗ cái tâm hay biết tri giải đó khán xem còn chướng được hay không? Trên cái tâm hay biết tri giải đó còn có những kiến giải kể trên hay không?

Từ xưa, các bậc đại trí huệ, đều lấy tri giải làm bè

bạn, dùng tri giải làm phương tiện. Ở trên tri giải thực hành lòng từ bình đẳng, ở trên tri giải làm các Phật sự như rồng gấp nước, như hổ ở núi, chẳng bao giờ lấy đó làm bức dọc. Chỉ vì các Ngài biết được chỗ khởi của tri giải. Đã biết được chỗ khởi của tri giải thì chính tri giải này tức là nơi giải thoát, cũng là chỗ thoát sanh tử. Đã là nơi giải thoát sanh tử thì cái tri giải đó bản thể vốn là tịch diệt. Tri giải đã tịch diệt thì kẻ năng biết tri giải đó chẳng thể không tịch diệt. Vậy Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật tánh cũng chẳng thể không tịch diệt. Theo lý này suy ra thì còn có vật nào có thể làm chướng ngại, và nhầm vào đâu để cầu ngộ nhập.

Phật nói:

*Các nghiệp từ tâm sanh,
Nên nói tâm như huyền.
Nếu lìa tâm phân biệt,
Ất đường sanh tử tuyệt.*

Tăng hỏi Hòa thượng Đại Châu:

- Thế nào là Đại Niết Bàn?

Sư đáp:

- Chẳng tạo nghiệp sanh tử.

Tăng hỏi:

- Thế nào là nghiệp sanh tử?

Sư đáp:

- Cầu đại Niết Bàn là nghiệp sanh tử.

Cố Đức nói: “Người học đạo có một niệm chấp

thật sanh tử, tức là rơi vào ma đao, một niệm khởi các kiến chấp tức sa vào ngoại đạo”.

Duy Ma Cật nói: “Chúng ma ưa sanh tử, Bồ Tát ở nơi sanh tử mà chẳng nhiễm, ngoại đạo ưa các kiến chấp, Bồ Tát ở nơi các kiến chấp mà chẳng động”. Như thế chúng ta người lấy tri giải làm bè bạn, dùng tri giải làm phương tiện, ở trên tri giải thực hiện lòng từ bình đẳng, ở trên tri giải làm các Phật sự, là người thực hành đúng theo lời dạy của Phật, Tổ. Tại sao? Chỉ vì bậc Thánh liễu đạt thời gian tánh không, sanh tử Niết Bàn vốn là tịch diệt.

Người chưa đến được chỗ này chẳng nên nghe theo lời bậy bạ của bọn tà Sư dẫn vào hang quỉ, ở đó nhắm mắt nỗi vọng tưởng. Gần đây chánh pháp suy đồi, bọn này nhiều như mè, như lúa, cũng như một người mù dẫn cả bọn mù cùng nhau vào hầm lửa. Thật đáng thương xót! Mong ông thảng thắn chờ theo bọn này. Nếu theo bọn này, dù tạm thời giữ được cái xác thân này chẳng bị lay động, lại cho là đạo cứu cánh, nhưng tâm thức vẫn lăng xăng trôi nổi như bụi trần. Dẫu cho tâm thức tạm ngưng thì cũng như đá đè cỏ, vậy muốn đến chỗ cứu kính an lạc của Vô thượng Bồ-đề làm sao mà được. Xưa kia, tôi cũng từng bị bọn này làm lầm, về sau nếu tôi không gấp được thiện tri thức chân chánh thì phải uổng qua một đời. Nay mỗi khi nghĩ đến, tâm không thể nhẫn được, nên chẳng tiếc khẩu nghiệp mà tận sức cứu vãn cái tệ đoan này.

Ngày nay, người biết quấy nếu muốn ngay đó lãnh hội cần phải nơi một niệm này được bùng vỡ, mới liều thoát được sanh tử, mới gọi là ngộ nhập, nhưng không được giữ cái tâm chờ bùng vỡ. Nếu cứ giữ cái tâm chờ bùng vỡ thì không bao giờ bùng vỡ được. Chỉ cần đem những vọng tưởng như tâm điên đảo, tâm suy nghĩ phân biệt, tâm tham sống sợ chết, tâm tri kiến hiểu biết, tâm ưa tịnh chán động v.v... nhất thời buông xuống, ngay chỗ buông xuống đó khán công án:

“Tăng hỏi Triệu Châu:

- Con chó có Phật tánh hay không?

Triệu Châu đáp:

- Không”.

Xem tại sao Triệu Châu nói “Không”?

Một chữ KHÔNG này là lợi khí để đập tan những ác tri ác giác. Nhưng chẳng được dùng bộ óc tìm hiểu cho là có hay không, chẳng được cho là đạo lý, chẳng được dùng ý cẩn suy nghĩ tính toán, chẳng được hướng theo cái nheo mày nhướng mắt để lãnh hội, chẳng được hướng trên lời nói để so đo, chẳng được bỏ vàng vào trong cái vỏ vô sự, chẳng được hướng chỗ đề khởi của Chư Tổ để hội ngộ, chẳng được theo văn tự để dẫn chứng. Chỉ cần suốt ngày đêm đi, đứng, ngồi, nằm luôn luôn tự hỏi: “Con chó có Phật tánh hay không? Tại sao Triệu Châu nói “Không”? Hằng ngày thử thực hiện công phu như thế xem, không bao lâu

sẽ tự thấy hiệu nghiệm phần nào. Việc một bước ngàn dặm cũng có thể được vậy.

Cố Đức nói: “Ý Tổ Sư ở đây rất linh động, không vật nào có thể hạn chế nó được. Nếu là cuộc sống hàng ngày mà có chỗ xu hướng khác thì cũng như là nước tìm sóng, càng tìm càng xa vây”.

THƯ ĐÁP PHÚ QUÍ THÂN -II-

Được biết, những ngày gần đây ông lấy đại sự nhân duyên (*Công phu tham thiền*) này làm điều tâm niệm, dũng mãnh, tinh tấn, thuần nhất không tạp, lòng tôi xiết bao vui mừng.

Ông có thể suốt ngày trong lúc làm việc, công phu đã được tương ứng chưa? Hai lúc thức và ngủ đã được nhất như chưa? Nếu chưa được thì không nên luôn luôn chìm đắm trong không tịch. Người xưa gọi đó là làm việc trong nhà quỉ dưới núi đen, công phu như thế đến tận đời vị lai cũng không có ngày thoát.

Hôm qua được thư, tôi thầm nghĩ ông say đắm việc nhập định vắng lặng, đến khi hỏi Trực Cát (*Ban đồng tham*) thì mới biết quả đúng như điều tôi tiên đoán.

Nói chung, người trôi lăn nhiều ở chốn thế gian, từ lâu đã dính chặt trần lao, bỗng nhiên được người chỉ bảo hướng vào chỗ tĩnh lặng làm công phu, chợt được trong tâm vô sự, liền nhận đó là cứu cánh an lạc. Chứ không biết là như đá đè cổ, tuy tạm cảm

thấy thanh tịnh, nhưng đâu ngờ gốc rễ vô minh vẫn còn, biết đến ngày nào mới chứng được tịch diệt viên mãn. Muốn được cái tịch diệt chân chánh hiện tiền cần phải ở trong sự sanh diệt lăng xăng nhảy một cái ra khỏi (*Tỉnh ngộ*). Khi ấy chẳng động một mảy lông (*Chẳng cần tác ý*) cũng có thể quay nước sông dài thành tô lạc, biến đất cát thành vàng ròng, ứng cơ tiếp vật tự do tự tại, tự lợi, lợi tha việc nào cũng xong.

Bậc thánh xưa gọi đó là Vô tận tang dà la ni môn, Vô tận tang thần thông du hí môn, Vô tận tang như ý giải thoát môn. Những việc này chẳng phải là bậc đại trượng phu thì đâu thể làm được. Nhưng cũng chẳng phải do tạo tác mà được, vì vốn là vật sẵn đủ trong tâm ta. Mong ông quyết tâm tinh tấn, nhất định sẽ đến chỗ này. Khi hoát nhiên đại ngộ, trong tâm rõ ràng như trăm ngàn nhật nguyệt, mười phương thế giới trong một niệm thấu rõ mà không có một mảy may nghĩ tưởng nào khác thì mới được cùng cứu cánh tương ưng. Nếu được như thế thì chẳng những đắc lực trên đường sanh tử mà ngày sau, khi ông được lên cầm quyền, lại còn có thể giúp vua cai trị hơn cả Nghiêu, Thuấn. Điều này chắc chắn như chỉ tay trên bàn tay vậy.

THƯ ĐÁP PHÚ QUÍ THÂN -III-

Thư Ông nói: "Người sơ cơ được chút công phu tinh tọa cũng là khá", lại nói: "Chẳng dám có kiến

chấp về tinh lặng". Phật nói: "Ví như có người bịt lỗ tai rồi cất tiếng la to, tự họ không nghe cũng tưởng người khác không nghe như họ vậy". Thật chỉ tự làm chướng nạn mà thôi.

Người tham thiền nếu tâm sanh tử chưa vỡ, hằng ngày trong mười hai thời mờ mờ mịt mịt như người chết hồn chưa tan, đâu có thì giờ rảnh để ý đến tinh lặng hay náo động?

Trên hội Niết Bàn, tên đồ tể Quảng Ngạch buông đao liền thành Phật, đâu phải là thực hiện công phu trong tinh lặng mà được. Ông ta há chẳng phải là người sơ cơ ư? Ông thấy việc này, cho rằng người đời nay chẳng có khả năng như vậy, rồi lại gán cho ông ấy là Cổ Phật thị hiện. Nếu có kiến giải như thế là do chẳng tin tự tâm, cam chịu làm người hạ liệt mà thôi.

Trong Thiền Tông ta chẳng luận kẻ sơ cơ hậu học, cũng chẳng luận người tiền bối lão tham. Nếu muốn chân thật yên tĩnh, cần phải tâm sanh tử vỡ, chẳng do làm công phu trong tinh lặng. Hễ tâm sanh tử vỡ thì tự yên tĩnh vậy. Điều bậc Thánh xưa gọi là phương tiện tịch tĩnh chính là cái này, chỉ tại bọn tà Sư đời mạt pháp chẳng hội lời nói phương tiện của bậc Thánh xưa đó thôi. Ông nếu tin được lời của Sơn Tăng, thử hướng ngay chỗ náo động khán câu thoại đâu xem, không kể ngộ hay không ngộ, chính ngay lúc tâm rối loạn hãy cứ đề câu thoại đâu hỏi mãi, khi ấy còn thấy tĩnh hay không, còn thấy dắc lực hay

không? Nếu thấy đắc lực thì chẳng cần buông xả gì cả. Khi tinh tọa chớ để hôn trầm và tán loạn. Nếu cảm thấy hai thứ bệnh này hiện tiền chớ nên dùng sức diệt trừ, chỉ cần đề câu thoại đâu hỏi tiếp thì ngay đó hai bệnh tự hết. Công phu lâu ngày mới biết chỗ ít phí sức chính là chỗ đắc lực, cũng chẳng cần làm công phu trong tinh lặng, ngay chỗ náo động này chính là công phu vậy.

Khi Lý Hán Lão mới gặp Sơn Tăng ở Tuyền Nam, thấy Sơn Tăng cực lực bài bác Mặc Chiếu tà thiền làm mù mắt người. Ông ta bất bình nửa nghi nửa giận, bỗng nghe Sơn Tăng nói câu thoại đâu “Cây bách trước sân”, ông ta hốt nhiên đậm vỡ thùng sơn đen, ở trong một tiếng cười đã hoàn toàn xong việc (*Ngô*), mới tin lời của Sơn Tăng không một mảy may đổi gạt, cũng chẳng phải tranh giành nhân ngã, liền đổi trước Sơn Tăng sám hối. Ông ta hiện đang còn ở nơi ấy, mời ông đến đó hỏi xem có phải hay không.

Thượng tọa Đạo Khiêm đã đi Phước Kiến, không biết đã đến đó chưa? Ông ấy tham thiền nếm nhiều cay đắng, cũng đã từng mất hơn mười năm nhập khô thiền (*Tinh tọa như cây khô*). Những năm gần đây, ông ấy mới được chỗ an lạc (*Ngô*). Khi gặp, xin hỏi thử ông ấy: “Phải thực hiện công phu như thế nào?” Trước kia ông ấy đã đi lầm đường tất sẽ thương xót kẻ lầm đường, tôi nghĩ rằng ông ấy sẽ thành thật thổ lộ hết cho ông biết vậy.

THƯ ĐÁP TRẦN QUÝ NHẬM -I-

(24)

Thư ông tự nói căn tánh rất ngu độn mà muôn lưu ý đoạn đại sự nhân duyên này, nếu thật như vậy tôi sẽ mừng cho ông.

Hiện nay bậc sĩ phu phần nhiều đối với việc này (*Tham Tổ Sư Thiền*) chẳng thể ngay đó thấu thoát, chỉ vì căn tánh quá linh lợi, tri kiến quá nhiều, vừa nghe Tông Sư mở miệng liền dùng bộ óc lãnh hội ngay, không phát khởi nghi tình nên vĩnh viễn không thể chứng ngộ. Thật không bằng kẻ độn căn, đầu óc đơn giản, không có nhiều tri kiến này nọ, nên được ngay nơi một cơ một cảnh hoặc một ngôn một cú hoát nhiên khám phá (*Đại ngộ*). Cái ngộ này dù Đại Sư Đạt Ma có xuất hiện dùng trăm món thần thông muôn chướng ngại người này cũng chẳng được, chỉ vì người này không có đạo lý gì để chướng. Người căn tánh linh lợi, trái lại bị cái linh lợi làm chướng, chẳng thể dẹp ngay, phá ngay được. Đối với việc này, dẫu cho dùng thông minh linh lợi học được đi nữa thì trên việc bốn phận của chính mình (*Tham thiền*) lại càng không đắc lực. Cho nên Ngài Nam Tuyền nói: “Ngày gần đây Thiền Sư rất nhiều mà không tìm ra một người si độn” là vậy. Ngài Chương Kính nói: “Chí lý bất lời, người đời chẳng biết, lại cưỡng tập việc khác, cho là công phu. Chẳng biết tự tánh vốn chẳng

phải là cảnh trần, mà là cái mông đại giải thoát vi diệu, có cái giác chiếu soi không nhiễm không ngại, ánh sáng cùng khắp không gian thời gian, xưa nay chưa từng biến đổi, giống như mặt trời xa gần đều chiếu, tuy đến các vật mà chẳng cùng tất cả hòa hợp. Diệu minh sáng tỏ chẳng nhờ tu tập, chúng sanh chẳng rõ nên chấp lấy cảnh tượng bên ngoài, giống như dụi mắt vọng thấy hoa đốm trên không, trải qua nhiều kiếp uổng tự lao nhọc. Nếu được phản chiếu thì Bản thể tự tánh hiện khắp không gian thời gian, không thấy có người thứ hai, khi ấy hành vi tạo tác đều ở trong Thật Tướng”.

Ông tự nói căn tánh ngu độn, thử như thế phản chiếu xem cái biết ngu độn đó có ngu độn hay không? Nếu chẳng hồi quang phản chiếu mà chỉ giữ lấy cái ngu độn rồi tự sanh phiền não, thật là ở trên huyền vọng chồng thêm huyền vọng. Chỉ cần tin tôi, hễ biết được căn tánh ngu độn thì nhất định là không ngu độn. Tuy không chấp lấy cái ngu độn này mà cũng chẳng được bỏ cái ngu độn này để tham. Lấy, bỏ, lợi, độn tại người chớ chẳng tại tâm. Tâm này cùng với Tam thế chư Phật một thể không hai, nếu có hai thì pháp chẳng bình đẳng vậy. Thọ giáo truyền tâm đều là hư vọng, cầu chân thật tìm thật càng thấy so le. Chỉ cần biết cái tâm thể vốn bất nhị thì quyết định chẳng còn ở trong phạm vi của lợi độn, lấy, bỏ, ngay khi đó một dao cắt đứt dây trói như thấy mặt trăng

quên ngón tay. Nếu còn chần chờ suy trước tính sau, ấy là trên “Nắm tay không” mà sanh kiến giải chấp thật, trong pháp căn cảnh vọng lập méo mó, trong thân ngũ ám vọng tự trói buộc, không biết đến bao giờ mới hết.

Những năm gần đây, có một bọn tà sư thuyết Thiền Mặc Chiếu, dạy người suốt ngày đêm mọi việc đều chớ màng đến, cứ thôi đi, nghỉ đi, im lặng không cho lên tiếng, e sợ lọt vào cảnh trước mắt (*Chấp cảnh*). Thường thường sĩ phu bị thông minh linh lợi sai khiến nên phần đông ghét chố náo động, bỗng được bọn tà sư dạy bảo tĩnh tọa, cảm thấy ít phí sức, liền cho đó là đúng, lại chẳng biết cầu diệu ngộ, chỉ cho Mặc Chiếu là cùng tột. Tôi chẳng tiếc khẩu nghiệp ra sức cứu vãn cái tệ đoan này. Nay cũng có chút ít người biết quấy, xin ông hãy hướng đến chố nghi tình chẳng vỡ mà tham, đi, đứng, nằm, ngồi chẳng được buông bỏ.

Tăng hỏi Triệu Châu:

- Con chó có Phật tánh hay không?

Triệu Châu đáp:

- Không.

Tại sao Triệu Châu nói “Không”?

Một chữ KHÔNG này chính là một cây dao cắt đứt cái tâm nghi sanh tử. Cái cán dao này chính người đương sự tự cầm trong tay, bảo người khác hạ thủ giùm chẳng được, phải chính mình hạ thủ mới được.

Nếu xả được tánh mạng thì mới có thể quyết liệt hạ thủ. Nếu chẳng buông xả được thì cứ ở chỗ NGHI chẳng vỡ mà tham cứu, bỗng nhiên một ngày nào đó dám chịu xả mạng thì ngay đó xong việc (*Kiến Tánh*). Khi ấy, mới tin rằng lúc tĩnh lặng tức là lúc náo động, lúc náo động tức là lúc tĩnh lặng, lúc nói tức là lúc nín, lúc nín tức là lúc nói, chẳng cần hỏi người, cũng tự nhiên chẳng bị bọn tà sư mê hoặc. Mong thay! Mong thay!

“Thuở xưa, Châu Thế Anh có lần gửi thư hỏi Ngài Chân Tịnh rằng:

- Phật pháp thâm diệu, hằng ngày nên dụng tâm thế cứu như thế nào? Xin Ngài từ bi chỉ dạy”.

Chân Tịnh đáp:

- Phật pháp huyền diệu không hai, nhưng nếu chưa đến chỗ huyền diệu thì có cao thấp đối đai nhau. Nếu như đến được chỗ huyền diệu thì người ngộ tâm ắt biết đúng như thật, tức là Tự tâm vốn đã thành Phật, tự tại như thật, an lạc như thật, giải thoát như thật, thanh tịnh như thật mà hàng ngày chỉ dụng tự tâm. Tự tâm linh động, nắm được liền dùng, chớ hỏi nó là phải hay không phải, đem tâm suy nghĩ liền không phải vậy.

Tâm không suy nghĩ thì mỗi mỗi thiền chân, mỗi mỗi minh diệu, mỗi mỗi như hoa sen chẳng dính bùn. Cái tâm thanh tịnh siêu việt tất cả, do mê tự tâm nên làm chúng sanh, ngộ tự tâm nên thành Phật, mà

chúng sanh tức Phật, Phật tức chúng sanh, do mê ngộ nên có chúng sanh và Phật.

Ngày nay, người học đạo phần đông chẳng tin tự tâm, chẳng ngộ tự tâm, chẳng được thọ dụng sự minh diệu của tự tâm, chẳng biết tự tâm vốn an lạc giải thoát, lầm cho ngoài tâm có thiền, có đạo, vọng lập kỳ lạ, vọng sanh lấy bỏ, tuy có tu hành mà rơi vào cảnh giới đoạn kiến của ngoại đạo và thiền tịch tịnh của Nhị thừa, chỗ gọi là: “Tu hành sơ đọa hố đoạn thường”.

Nói kẻ đoạn kiến là đoạn diệt bản tánh diệu minh của tự tâm, cứ ở ngoài tâm chấp không mà mắc kẹt vào thiền tịch tịnh.

Nói kẻ thường kiến là chẳng ngộ tất cả pháp không, chấp thật các pháp hữu vi thế gian cho là cứu cánh.

Bọn tà sư dạy sĩ phu nghiệp tâm tĩnh tọa, mọi việc chớ màng cứ thôi đi, nghỉ đi, há chẳng phải là đem tâm thôi tâm, đem tâm nghỉ tâm, đem tâm dụng tâm đó sao? Nếu tu hành như thế thì làm sao chẳng rơi vào cảnh giới đoạn kiến, thiền tịch tịnh của ngoại đạo và Nhị thừa, làm sao phát hiện được cái huyền diệu của tự tâm nhiệm màu sáng suốt, thọ dụng sự an lạc thanh tịnh giải thoát. Cần phải người đương sự tự chứng tự ngộ, tự nhiên chẳng bị lời nói của Cổ Đức xoay chuyển mà còn có khả năng chuyển được lời nói của Cổ Đức.

Như viên ngọc quý Ma Ni trong sạch vùi trong bùn sinh, dù trải qua trăm ngàn năm cũng chẳng bị ô nhiễm vì bản thể của nó vốn tự trong sạch. Tâm này cũng vậy, khi mê dù bị trần lao mê hoặc mà bản thể tâm này chưa từng mê hoặc, như hoa sen chẳng dính bùn vậy. Nếu bỗng ngộ tâm này vốn đã thành Phật, cứu cánh tự tại, an lạc như thật, các thứ diệu dụng cũng chẳng từ bên ngoài đến, vì nó vốn sẵn tự đầy đủ. Phật nói: "Không có pháp nhất định tên là Vô Thương Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có pháp nhất định để cho Như Lai thuyết". Nếu xác định bản thể của nó thật có sự việc như thế thì lại chẳng đúng. Do sự bất đắc dĩ, nhân vì mê ngộ, lấy bỏ, mà nói ra đủ thứ đạo lý, ấy là lời phương tiện đối với người chưa đến chỗ huyền diệu đó thôi. Kỳ thật bản thể không có đạo lý nào.

Xin Ông hãy dung tâm như thế này: Hàng ngày trong mười hai thời chẳng được chấp sanh tử Phật đạo là thật có, cũng chẳng được chấp sanh tử Phật đạo là thật không, chỉ cần khán câu thoại đầu, thiết yếu là chẳng nên dùng ý căn để suy lường, chẳng nên ở trên ngôn ngữ để tìm hiểu, chẳng nên ở chỗ nói năng để nhận lấy, cũng chẳng nên hướng vào chỗ "Đá khoáng điện chớp" để lãnh hội, chỉ cần để câu thoại đầu hỏi mãi, cũng chẳng được đem tâm chờ ngộ, chờ thôi nghỉ, nếu đem tâm chờ ngộ, chờ thôi nghỉ thì càng không dính dáng gì!

THƯ ĐÁP TRẦN QUÝ NHẬM -II-

Ông nói: “Sau khi được thư của Sơn Tăng, mỗi khi gặp náo động chẳng có chỗ trốn tránh, thường tự kiểm điểm mà chưa thấy công phu đắc lực”. Ông đâu biết ngay cái chỗ trốn tránh chẳng được đó đã là công phu rồi, nếu còn muốn kiểm điểm nữa lại càng xa xôi.

Thuở xưa, ngài Lão Hoa Nghiêm nói: “Phật pháp ở chỗ đi, đứng, nằm, ngồi, chỗ uống trà ăn cơm, chỗ nói năng thăm hỏi, chỗ làm việc hàng ngày. Hễ khởi tâm động niệm lại chẳng đúng vậy”. Chính đương lúc ông trốn tránh chẳng được đó, rất kỵ khởi tâm động niệm để kiểm điểm.

Tổ sư nói:

*Phân biệt nếu chẳng sanh
Hư minh tự chiếu soi.*

Bàng Cư sĩ nói:

*Hàng ngày việc không khác
Duy ta tự hài hòa
Mỗi mỗi chẳng lấy bỏ
Noi noi đừng chống trái
Quan chức quý là ai?
Núi non bắt trần ai.
Thần thông cùng diệu dụng
Gánh nước và bồ cát.*

Bậc thánh xưa nói: “Hễ có tâm phân biệt, so đo, thấy tự tâm có số lượng, thấy đều là mộng”. Xin hãy khẩn thiết ghi nhớ lấy!

Lúc trốn tránh chẳng được, không nên có tâm toan tính, lúc tâm chẳng toan tính thì hết thảy đều sẵn sàng, cũng chẳng cần màng đến lanh lợi hay ngu độn, việc lợi độn trọn chẳng dính dáng, cũng chẳng can hệ đến việc tịnh loạn. Chính đương lúc trốn tránh chẳng được, hốt nhiên đánh mất cái túi vải (*Ngộ*), bất giác vỗ tay cười lớn. Nhớ lấy! Nhớ lấy!

Việc này nếu dùng một mảy may công phu thủ chứng thì như người lấy tay nắm bắt hư không, chỉ tự lao nhọc mà thôi. Lúc lao động thì cứ lao động, muốn tĩnh tọa thì cứ tĩnh tọa, nhưng chẳng nên chấp tĩnh tọa làm cứu cánh. Ngày nay bọn tà sư phần nhiều lấy tĩnh tọa Mặc Chiếu làm pháp cứu cánh gây hại người hậu học biết bao. Sơn Tăng chẳng sợ kết oán, tận sức bài xích Thiền Mặc Chiếu mong cứu vãn cái tệ doan đài mạt pháp để báo ơn Phật.

THƯ ĐÁP TRIỆU ĐẠO PHU (25)

Thư ông gửi đến mỗi mỗi tôi đều biết hết.

Phật dạy: “Người phát tâm đều sẽ thành Phật”. Tâm này chẳng phải là tâm trần lao vọng tưởng thế gian, mà là cái tâm Vô thượng Bồ Đề. Nếu phát tâm này đều sẽ thành Phật.

Nho sĩ học đạo phần đông tự tạo ra chướng ngại là do không có lòng tin quyết định.

Phật nói:

*Tin là gốc đạo, mẹ công đức.
Nuôi dưỡng tất cả các pháp thiện
Phá trừ lưới nghi thoát dòng ái
Hiển bày vô thương đạo Niết Bàn.*

Còn bảo:

*Tin hay tăng trưởng trí công đức
Tin hay đưa đến quả Như Lai.*

Trong thư, ông tự cho độn căn chưa thể triệt ngộ, tạm gieo hạt giống Phật trong tâm diền, lời này tuy thiển cận song cũng đã gieo nhân sâu xa, ông chỉ cần tin chắc tự tâm ắt không bị ai gạt.

Ngày nay, người học đạo thường thường ở chỗ nêu hoãn lại gấp, chỗ nêu gấp lại hoãn.

Bàng uẩn nói:

*Ngay lúc rắn vào đáy quần vải
Còn hỏi Tông Sư thời tiết gì?*

Việc hôm qua, hôm nay còn có chỗ không nhớ, huống là việc đã qua kiếp khác, đâu thể không quên mất ư? Nếu quyết muốn kiếp này được thấu triệt đến chỗ chẳng nghi Phật, chẳng nghi Tổ, chẳng nghi sanh, chẳng nghi tử, thì phải đủ lòng tin tự tâm, đầy đủ chí quyết định, niệm niệm như cứu lửa cháy đầu. Thực hành công phu như thế nếu vẫn còn chưa thấu triệt thì lúc ấy mới có thể nói là độn căn. Bằng chưa gì hết mà tự nói: “Tôi độn căn chẳng thể trong đời này triệt ngộ mà chỉ có thể gieo giống Phật để kết duyên thôi”. Đó là người không đi mà muốn đến. Thật hết sức vô lý!

Tôi thường nói với những người tin đạo này rằng: “Dần dần cảm thấy trong cuộc sống hàng ngày chõ ít phí sức chính là chõ học Phật đắc lực vậy”. Chõ đắc lực của mình, người khác chẳng biết được, muốn đem ra trình cho người xem cũng chẳng được. Lục Tổ nói với Đạo Minh rằng: “Nếu ông phản chiếu cái Bản Lai Diện Mục của chính mình thì mật ý đều ở bên ông vậy”. Mật ý đó là chõ đắc lực hàng ngày. Chõ đắc lực tức là chõ ít phí sức vậy.

Việc trần lao thế gian buông cái này bắt cái kia vô cùng vô tận, trong bốn oai nghi chưa từng lìa bỏ, vì từ vô thi đến nay đã kết duyên với nó rất sâu dày, còn trí huệ Bát Nhã từ vô thi đến nay cùng nó kết duyên thiển cận, nên khi chợt nghe bậc tri thức nói thì hình như cảm thấy khó hội. Nếu từ vô thi đến nay duyên trần lao cạn, duyên Bát Nhã sâu thì đâu có gì khó hội. Chỉ cần chõ sâu trước kia nay khiến cho cạn, chõ trước kia cạn nay khiến cho sâu, chõ lạ khiến cho quen, chõ quen khiến cho lạ, vừa biết nổi niệm suy nghĩ việc trần lao cũng chẳng cần ra sức bài trừ. Chỉ cần ngay chõ suy nghĩ đó, nhè nhẹ đề lên câu thoại đầu thì không phí nhiều sức lại đắc lực vô cùng. Xin ông hãy tham cứu như thế, đừng đem tâm chờ ngộ, để cho nó bỗng nhiên tự ngộ đi!

Lý Hán Lão với ông mỗi ngày gặp nhau, ngoài việc đánh cờ, có còn nói đến việc này chăng? Nếu chỉ

đánh cờ mà chưa từng nói đến việc này thì nên ngay chỗ thắng bại chưa phân hấy hất tung bàn cờ, lại hỏi ông ta đòi cho được một việc kia (*Thoại đầu*). Nếu đòi chẳng được mới quả thực là kẻ độn cǎn. Thôi tạm bỏ qua việc này.

THƯ GỬI TRƯỞNG ÍCH CHI (26)

Chúng sanh hằng ngày hiện hành vô minh, nên hễ thuận với vô minh thì sanh hoan hỷ, còn nghịch với vô minh thì đâm ra phiền não. Phật, Bồ Tát chẳng phải thế, các Ngài lại dựa vào vô minh làm Phật sự. Vì chúng sanh lấy vô minh làm nhà cửa, nghịch với vô minh là phá nhà cửa của chúng sanh, nên Phật, Bồ Tát thuận với vô minh là để theo chỗ chấp trước của chúng sanh mà dẫn dụ họ.

Ngài Vĩnh Gia nói:

*Vô minh thật tánh tức Phật tánh
Huyền hóa không thân tức pháp thân.*

(*Dịch nghĩa: Thật tánh của vô minh tức là Phật tánh, Sắc thân huyền hóa này tức là pháp thân*). Là cái đạo lý này vây.

THƯ GỬI TRIỆU SƯ TRỌNG (27)

Cái đạo lý này hướng lên trên sự việc tìm thì nhanh, còn nếu hướng xuống ý căn suy nghĩ tính toán

thì càng cách xa vậy. Do đó, ông già Thích Ca trên hội Pháp Hoa chỉ độ được đứa bé gái tám tuổi, trên hội Niết Bàn chỉ độ được một gã đồ tể, trên hội Hoa Nghiêm chỉ độ được một đồng tử.

Xem cách thức thành Phật của ba người đó, họ có từng hướng ra ngoài để cầu chứng đắc, cực khổ siêng năng tu hành gì đâu? Phật cũng chỉ nói: “Nay ta vì ông bảo nhậm việc này”, chẳng hề hư dối vậy. Chỉ nói “Vì người bảo nhậm” mà thôi, chứ chẳng nói có pháp có thể truyền để cho ông hướng ra ngoài tìm cầu rồi sau đó mới thành Phật.

May mắn có được thể cách như thế, tại sao không tin? Ví như lập tức tin nổi, chẳng hướng ra ngoài tìm cầu, cũng chẳng chấp có chứng đắc ở trong tâm, thì bất cứ chỗ nào lúc nào cũng được giải thoát. Sao vậy? Vì đã không hướng ra ngoài tìm cầu thì trong tâm lặng lẽ yên tĩnh, vì đã chẳng chấp có chứng đắc trong tâm thì ngoại cảnh u nhàn.

THƯ GỬI LÝ BÁ HÒA (28)

Sợ hãi sanh tử mà gốc nghi nhổ chẳng hết thì trăm kiếp ngàn đời trôi theo nghiệp mà thọ báo, trôi lên hụp xuống chẳng có lúc dừng. Tốt nhất là mạnh dạn một phen nhổ sạch gốc nghi, bèn có thể chẳng rời tâm chúng sanh mà thấy tâm Phật. Nếu có nguyện lực từ đời trước, gặp bậc Thiện tri thức chân

chánh dùng phương tiện khéo léo dẫn dắt thì có gì mà khó!

Thấy chẳng? Cố Đức có nói: “Sông hồ chẳng có tâm làm chướng ngại người, Phật, Tổ chẳng có ý gạt gẫm người. Chỉ tại đương nhân qua chẳng được, chớ chẳng nên nói sông hồ làm chướng ngại người. Ngôn giáo của Phật, Tổ tuy chẳng gạt gẫm người, song chỉ vì người học đạo nhận lầm phương tiện, ở trong một ngôn, một cú, cầu diệu cầu huyền, cầu đắc, cầu thất, do đó mà thấu triệt chẳng được, chớ chẳng nên nói Phật, Tổ gạt gẫm người. Như người mù chẳng thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng là lỗi của người mù chớ chẳng phải lỗi của mặt trời mặt trăng”.

Đây là học cái đạo lìa tướng văn tự, lìa tướng phân biệt, lìa tướng ngôn ngữ vậy.



THIÊN SƯ BÁC SƠN

THAM THIỀN CÀNH NGŨ

Dịch giả: THÍCH DUY LỰC

TỰA

Cảnh ngủ là tinh giác, hoặc gọi là kinh sợ. Ví như có kẻ trộm dòm ngó nhà cửa, chủ nhân ban đêm đốt đèn ngồi dang hoàng giữa nhà, tăng hăng ra tiếng, kẻ trộm sợ hãi chẳng dám lén vào. Nếu vừa ngủ quên thì kẻ trộm thừa cơ lén vào cướp đoạt của cải, cho nên giữ thành trì nghiêm ngặt ban đêm vọng gác đánh mõ cầm canh, bỗng có biến động thì cũng không sao, vì đã có phòng bị trước.

Con người có cái họa lớn sanh tử là giác mộng dài muôn kiếp chẳng tinh, huống sáu căn làm môi giới cho giặc hăng ngày cướp của báu trong nhà. Nếu chẳng phải đắng Đại giác dùng lời thông thiết cảnh tỉnh thì suốt đời say sưa trong giấc mộng biết đến ngày nào mới tỉnh ngộ. Chẳng những lúc ngủ làm chủ chẳng được, mà ngay cả ban ngày mở mắt nói mơ rất nhiều. Cho nên Đại sư Bác Sơn nương sức bi nguyện đến làm Đại Vương dùng một vị Già Đà trị bệnh nghiệp diên cuồng cho mọi người. Do đó, có khai thị năm chương Cảnh Ngũ về thiền bệnh rất đơn giản thắng tắt; Cái bệnh trong xương tủy của người tham thiền đều được nói qua. Lời khai thị hạ thủ công phu trong sách này rất khẩn yếu, thật là một quyển sách mới thiết yếu cho cửa Thiền, cũng là thuốc tiên cứu thế.

Thiền cũng là giả danh không có thật thể, làm sao

có bệnh? Bởi vì người tham thiền phần nhiều khởi lên chấp tình lâm hiểu, bị tâm ý thức đánh lừa sát hại, chẳng hướng lên trên cơ cảnh tìm, lại nhầm vào trong học giải kiềm, hoặc bị ngôn túc nhân làm chướng ngại tâm, hoặc bị chết chìm trong tử thủy, hoặc ngồi ở trong cái vỏ vô sự, chẳng phải tâm linh lợi chết chẳng được, bèn là tâm si chấp chuyển chẳng được, cho nên mang căn khó cắt dứt, sanh diệt rõ ràng, toàn thân đều là bệnh của ta, chứ chẳng phải thiền có bệnh. Thậm chí thành cuồng trước ma, Phật cũng chẳng thể cứu, đây là bệnh nghiệp, chứ chẳng phải thiền bệnh. Giả sử cho chết được các thứ tâm, mà chẳng chịu hạ thủ công phu cùng với lý pháp thân tương ưng, chẳng từng đạp lên trên cái ngạch cửa hướng thượng, ngồi ở trong thùng cơm khinh an tự tại, cái khinh an này chính là thiền bệnh. Cho nên có vị Tăng hỏi Cố Đức:

- Thế nào là thanh tịnh Pháp thân?

Cố Đức đáp:

- Nguồn gốc của vô lượng bệnh lớn.

Lời này như gai gốc nuốt vào mửa ra thật khó. Cố nhân từ trong chân tham thật ngộ, bệnh qua một phen rồi cho các Ngài duỗi tay tiếp độ chẳng loạn hạ kim, dùi (Châm chùy), cần phải gặp người tuyệt khí tức, biết ngứa ngáy mới chịu chẩn bệnh. Thế nên, biết bệnh mới trừ được bệnh, chữa mình rồi sau mới chữa người, đúng là “Người bệnh lâu năm trở thành thầy thuốc”.

Đại sư Bác Sơn từ trước đến nay tham cứu đạo này

rất là dung thông, ngôn cú nào của Ngài cũng đều từ trong kinh nghiệm chứ chẳng phải cố làm ra lời huyền diệu cao siêu, khiến cho người chẳng biết, mà là cảnh giới thân chứng, thật tu thường ngày, thấy đến, nói đến, làm đến, dùng đến. Nghĩa lý tinh minh biện tài vô ngại, vì thế Ngài nói sâu sắc về thiền bệnh như cầm cái gương ngọc của Cung Tân soi thấy gan mật của quần thần một mảy lông trốn cũng chẳng được. Xưa nay người ngồi giường Thiền tự xưng Thiện tri thức nói Thiền hay như Sư thật là hiếm có. Nhưng Thiền bệnh rất khó nói, nói cũng chẳng làm sao hết được. Bệnh tức là bệnh của Pháp thân, Pháp thân vô số bệnh đâu có cùng tốt. Người cứu bệnh Pháp thân, lấy bệnh làm phương thuốc hay, lấy bệnh làm cơm nước thường dùng trong nhà, lấy bệnh làm áo lót, là do mình dùng hay hoặc không hay mà thôi; cố nhơn du hí ở trong bệnh để làm Phật sự. Bởi vì thấy rõ Pháp thân vô chủ bệnh tự lành ngay, cho nên Động Sơn nói: "Lão Tăng lúc xem chẳng thấy có bệnh"; Chỉ do vọng tưởng chấp trước nên thiền bệnh đua nhau sanh. Xưa, Phật nói ma sự của Ngũ ấm trong kinh Lăng Nghiêm và biến kế của ngoại đạo tức là việc trong Thiền bệnh của người thời nay. Vậy chấp tức thành ma, kế tức là ngoại đạo, chẳng chấp chẳng kế cũng chưa là bệnh. Vì thế nói: "Chẳng khởi tâm cho là thù thắc thì gọi là cảnh giới lành, nếu cho là chứng thánh thì liền rơi vào bầy tà". Kinh Pháp Hoa nói: "Có một vị Đạo sư biết rành đường thông bít hiểm nạn cho nên có thể dẫn dắt những người kia đến bảo

sở". Vậy quyển sách này của Đại sư chính là chiếc thuyền cho đời mạt pháp, là con đường tắt cho kẻ sơ tâm, chẳng những hữu ích cho ngày nay cũng bổ ích cho tương lai. Người quyết chí muốn tham thiền hạ thủ công phu cầu đại ngộ chịu xem kỹ sách này thì biết làm cách nào để cho nghi tình phát chẳng khởi liền phát khởi, gốc bệnh chưa phá liền phá, như vạch cát bày ngọc, cho người tự lấy, như vẹt màn sương mù thấy bầu trời khiến cho người chẳng mê, như ở trong bước đường cùng có đường xuất thân, trong câu chết (Tử cú) có câu cứu sống người, như hạt châu tròn lăn trên mâm, chẳng trệ một lời. Diệu dụng của sách này như thế, mọi người biết y theo dây dụng tâm thì có thể ngồi hoặc ngủ kiến đạo chẳng tốn nhiều tiền giày cỏ mà thẳng đến ruộng đất đại an lạc, cùng với Phật Tổ đồng thở chung một lỗ mũi. Người lấy dây tự cảnh tĩnh rồi cảnh tĩnh người; Lại lấy dây tự chữa lành bệnh rồi chữa lành bệnh cho người, cũng gọi là Hiện tại y vương, khiến cho mạng mạch Tổ Sư lưu thông, quốc mạch cùng huệ mạch đều kiên cố, ngõ hầu chẳng phụ phương tiện nguyện lực của Đại Sư từ bi chỉ dạy.

Niên hiệu Vạn Lịch năm Tân Hợi (1611)

Tháng Mạnh Thu

Tín Châu, đệ tử Lưu Sùng Khánh

Kính đề

LƯỢC TRUYỆN TÁC GIẢ

Hòa thượng Bác Sơn (1575-1630), họ Sa, tên Đại Hy, tự là Vô Di, người đời thường gọi Ngài là Thiền sư Vô Di. Sư năm 16 tuổi phát chí xuất gia, đến chùa Ngõa Quan ở Kim Lăng nghe giảng kinh Pháp Hoa, cảm khái than: “Cầu điều đó ngay nơi mình, há có thể đuổi theo câu văn mà được ư! ”

Sư bèn bỏ đi đến Kiến Vô lỗ Pháp sư Ngũ Đài Thông cao tóc xuất gia. Đầu tiên tu tập Chỉ quán. Sư ngồi tu dưới cội tùng chẵng biết ngày đêm, muỗi mòng bu đầy trên thân như cắn cây khô, bên trong chẵng biết có thân tâm, bên ngoài chẵng thấy có núi sông đại địa, trải qua năm năm, dù lạnh dù nóng cũng không ngừng nghỉ.

Sau đó, Sư đến Pháp sư Hồng, ở núi Siêu Hoa thọ giới Tỳ kheo, nghe nói Đại sư Thọ Xương Huệ Kinh ở núi Nga Phong xiển dương pháp của Tào Động, Sư qua yết kiến, thấy ngài Thọ Xương đầu đội nón lá, vác cuốc giống như người nhà nông, tâm bèn sanh nghi. Sư bỏ đi về đất Mân (*Phước Kiến*) ở núi Bạch Vân Phong ba năm, viết thư trình sớ đắc lên Thọ Xương. Thọ Xương viết thư phúc đáp rằng: “Đó chẵng phải là đệ nhứt nghĩa”. Sư mới biết mình lầm, bèn đốt thư đi. Sư càng để tâm vào tông thừa, xem lời của Thuyền Tử nói:

“Chỗ ẩn thân không tung tích, chỗ không tông tích chớ ẩn thân”, nghi tình liền phát khởi, đến nỗi quên ngủ quên ăn trải qua hơn một năm. Một hôm Sư xem Truyền Đăng Lục thấy Triệu Châu bảo Tăng rằng: “Phải ra ngoài ba ngàn dặm gặp Thiện tri thức mới được”. Sư bất giác tỉnh ngộ, như bỗng được gánh nặng ngàn cân, tự cho rằng đại ngộ, chạy đến yết kiến Thọ Xương, Thọ Xương chẳng công nhận. Sư mới hổ thẹn, từ đó y chỉ Thọ Xương nổ lực cầu đạo đến nỗi thân hình khô héo, mặt mũi nám đen, còn da bọc xương mà tinh thần chẳng lùi.

Một hôm, Thọ Xương nhận lời Ngọc Sơn thỉnh muốn Sư cùng đi, Sư từ chối. Thọ Xương nói: “Hôm nay có người thuyết pháp cho ông nghe chóng làm cho ông ngộ”. Sư mới chịu đi. Dọc đường luận về chỉ thú ngũ vị quân thần, Sư nói lưu loát chẳng ngừng, Thọ Xương đều công nhận, rồi hỏi lại Sư: “Như lời Phật Ăn nói: “Con kiến biết tìm chỗ tanh đến, ruồi xanh hay đến chỗ thối tha” là thuộc về quân vị hay thần vị?”

Sư đáp:

- Thuộc về thần vị.

Thọ Xương quở:

- Sẽ có người cười ông.

- Tại sao trước nói phải mà bây giờ nói chẳng phải?

- Một chẳng phải thì tất cả chẳng phải.

Đến Ngọc Sơn, Sư ngồi kiết già trên tảng đá, bỗng nghe tượng Hộ Pháp Già Lam ngã xuống đất, trong tâm hoát nhiên, vội làm kệ tụng trình Thọ Xương:

**Ngọc Sơn dù nhứt ngôn
Tâm hưu ngũ lộ tuyệt
Kỳ đà huyền giải hội
Như phất thang nghiêu tuyết
Một ba tỳ kim châm
Hảo nhân duyên thời tiết
Mai nhụy đỉnh khô chi
Đào hoa khai cửu nguyệt
Xúc mục như hưu biện biệt
Cấp thủy than dầu phao thám can
Nịch sát vô hạn anh hùng khách.**

Dịch nghĩa:

*Ngọc Sơn dạy một lời
Tâm dứt, ngũ ngôn bắt
Bao nhiêu hiểu huyền diệu
Như tuyết gấp nước sôi
Kim vàng không lỗ tròn
Nhân duyên thời tiết tốt
Cành khô sanh hoa mai
Hoa đào nở tháng chín
Dầu ghềnh nước đổ ném gậy dò
Chìm chết vô hạn anh hùng khách.*

Thọ Xương nói: “Một đến nhiều cửa, lại đến cửa. Bởi vì tâm tri giải tuyệt mà mạng cǎn chưa dứt”.

Sư càng tự cố gắng, ở riêng trong Tông thửa
 Dương ngày đêm chẳng ngủ nghỉ. Một hôm, Sư đi cầu
 xí thấy người leo cây bèn ngộ chí đạo, chạy đến
 yết kiến Thọ Xương, vừa vào cửa liền lê bái. Thọ
 xương hỏi:

Ngày gần đây như thế nào?

Sư đáp:

- Có con đường sống chẳng cho người biết.
- Vì sao chẳng cho người biết?
- Chẳng biết, chẳng biết.

Thọ Xương nhắc lại công án: “Bà già đốt am đuối
 Tăng” và hỏi “Thủ đoạn của bà già như thế nào?”

Sư đáp: “Vàng ròng thêm màu mà thôi”.

Thọ Xương lại cử câu: “Rồng gầm, cọp rống”, bảo
 Sư làm kệ tụng, Sư liền cầm bút lập tức viết:

**Sát hoạt tranh hùng các hữu kỳ
 Mơ hồ nhục nhãnh hạt năng tri
 Thổ quang bất toại thời lưu ý
 Ý cựu xuân phong trực mã đê.**

Dịch nghĩa:

*Giết cứu tranh hùng đều diệu kỳ
 Mơ hồ mắt thịt đâu thể hay
 Nói ra chẳng toại lòng ai cả
 Du xuân gió mát vẫn y xưa.*

Thọ Xương cười, nói:

- Ông hôm nay mới biết ta chẳng dối gạt ông.

Sư hỏi:

- Về sau còn có việc gì nữa hay không?
- Lão Tăng chỉ biết mặc áo ăn cơm.
- Há không có phương tiện ư?
- Ông về sau được ngồi mặc áo, không còn tính toán là đủ rồi.

Thợ Xương bèn nói kệ truyền pháp:

**Bốn nhiên thanh tịnh hằng như nhiên
 Khế chứng đa sanh trị hữu duyên
 Xúc mục hồn dung gai chí diệu
 Thông thân tác dụng tổng hư huyền.
 Ngũ tông cực tắc cơ tề quán
 Tâm tạng tinh vi lý cộng viên
 Bất ngại cổ kim phàm thánh sự
 Như Lai thiền hợp Tổ Sư thiền.**

Dịch nghĩa:

*Xưa nay thanh tịnh hằng như nhiên
 Khế chứng nhiều đời gấp hữu duyên
 Chạm mắt hồn dung đều chí diệu
 Toàn thân tác dụng thảy hư huyền.
 Năm tông cực tắc cơ đồng quán
 Ba tạng tinh vi lý cũng viên
 Chẳng ngại xưa nay việc phàm thánh
 Như Lai thiền hợp Tổ Sư thiền.*

Lại phó chúc thêm: “Hãy lấy vô tâm tương tục làm chánh dụng, tận pháp hành trì, đền đáp cái ơn

chẳng thể báo đáp bằng cách làm lợi ích cho người chánh tín có duyên". Lúc ấy Sư mới hai mươi bảy tuổi.

Sư qua Nga Hồ thọ giới Bồ tát, ở lại sáu tháng rồi trở về đất Mân, nhận lời mời thỉnh đến Viện Tổ Ân ở Tín Châu, sau đó Sư dời về Bác sơn, Nga Hồ nghe Sư ở Bác Sơn, bèn trao cho Sư cái nghi quỹ thọ giới để làm Luật sư. Từ đó Thiên Luật song hành, tông phong rất hưng thịnh. Miền Bắc đến Yên Đô (*Bắc Kinh*), miền Nam đến tận Giao Chỉ (*Việt Nam*), người nghe tiếng Sư mỗi năm tìm đến có hàng ngàn.

Sư đã từng nhận lời mời đến chùa Thiên Giới ở Kim Lăng (*Nam Kinh*) thuyết pháp. Chùa ấy rộng đến mấy mươi dặm, có thể dung nạp mấy trăm vạn người, lúc ấy nón giày vân tập chùa thành ra nhỏ. Tổn phí cơm nước mỗi ngày hơn bạc vạn mà mỗi người chỉ được ăn một chén cơm với vài cọng rau mà thôi.

Niên hiệu Sùng Trinh năm Canh Ngọ (1630), Sư từ Kim Lăng trở về, tự nói: "Ta xuất thế quá sớm thì tạ thế cũng sớm". Sư bèn sai đệ tử xây tháp. Kiết hạ, Sư trước tác Tông Giáo Thông Thuyết một quyển, trình bày hết những điều huyền ảo, sách viết chín tháng mới xong. Sư bèn thị hiện có chút bệnh, đến nửa đêm ngày 17; Sư gọi Thủ tọa Trí Mẫn đến bên giường dặn dò áo nghĩa Tông thừa rồi cười.

Thủ tọa hỏi:

- Hòa thượng an chẳng?

Sư đáp:

Được chút thọ dụng.

- Còn có cái chǎng bệnh chǎng?
- Nóng làm sao ấy!
- Đến đi tự tại thế nào?

Sư đòi bút, viết bốn chữ lớn “Rõ Ràng Phân Minh”, rồi ném bút, ngồi tịch. Sư thọ 56 tuổi đời, 41 tuổi đạo.

Pháp tôn là Hoằng Hàn, Hoằng Dũ gom góp Ngũ Lục của Sư làm thành bộ Quang Lục ba mươi lăm quyển lưu hành ở đời (*Xem Tục Tạng Kinh*).

Năm sau, ngày 21 tháng 10 năm Tân Vị (1631) đem toàn thân Sư nhập tháp trên ngọn Thê Phụng Lãnh ở phía Tây của chùa. Sư để lại ngôn thuyết Pháp thân chia làm chín loại, trong đó bộ THAM THIỀN CẢNH NGŨ là kinh nghiệm của chính Sư đã trải qua, vì người phát tâm Tối thượng thừa, chỗ đau châm thêm mũi dùi, lúc trượt thì đưa gậy cho nấm, thật đáng là linh đơn thay xương đổi cốt vậy.



CHƯƠNG I

CẢNH NGỮ KHAI THỊ NGƯỜI MỚI PHÁT TÂM THAM THIỀN

Tham thiền đầu tiên cần phải phát tâm phá vỡ sanh tử cho vững chắc, thấy rõ thế giới, thân tâm thảy đều là giả duyên không có chủ thể. Nếu chẳng phát minh cái lý vĩ đại sẵn có thì tâm sanh tử chẳng vỡ. Tâm sanh tử đã chẳng vỡ thì làm sao trừ được con quỷ vô thường giết người trong mỗi niệm chẳng dừng. Hãy đem một niệm này làm viên ngói gõ cửa, tương tự như ngồi trong đống lửa lớn muốn cầu thoát ra, đi bậy một bước chẳng được, dừng lại một bước chẳng được, sanh một niệm khác chẳng được, mong người khác cứu chẳng được. Ngay lúc ấy chỉ cần chẳng màng đến lửa lớn, chẳng màng đến thân mạng, chẳng mong người cứu, chẳng sanh niệm khác, chẳng chịu tạm dừng, chạy thẳng đến trước, chạy được thoát mới là tay tài giỏi.

Tham thiền quý ở chỗ khởi NGHI TÌNH. Cái gì là NGHI TÌNH? Như sanh chẳng biết từ đâu đến, chẳng được chẳng nghi chỗ đến. Từ chẳng biết đi về đâu, chẳng thể chẳng nghi chỗ đi. Cửa ải sanh tử chẳng phá vỡ ắt nghi tình liền phát, treo ở trên lông mày, buông cũng chẳng xuống đuối cũng chẳng đi. Bỗng một mai đậm vỡ khói nghi, hai chữ sanh tử trở thành

cái đồ tầm thường trong nhà. Cố Đức nói: “Nghi lớn ngô lớn, nghi nhỏ ngô nhở, chẳng nghi chẳng ngô”.

Tham thiền đem chữ TỬ dán trên trán, coi cái thân tâm máu thịt này như đã chết, chỉ có một niệm muốn tham cứu hiện tiền. Một niệm này như thanh Ỷ thiên trường kiếm, nếu chạm nhầm lưỡi bén thì chẳng thể được, nếu bỏ bê để lụt ắt là kiếm ấy từ lâu không dùng.

Tham thiền sợ nhất là say đắm cảnh tịnh; cảnh tịnh khiến người ta kẹt trong không tịch mà chẳng hay chẳng biết. Cảnh động người ta chán, cảnh tịnh phần nhiều chẳng sanh chán. Do vì người tu hành luôn ở trong chõ ồn ào, nên một khi được cùng với cảnh tịnh tương ứng như ăn kẹo ăn mật, như người mệt mỏi lâu thích ngủ, đâu thể tự biết ư?

Ngoại đạo khiến thân tâm đoạn diệt hóa làm đá cứng cũng từ cảnh tịnh mà vào. Bởi vì lâu ngày chầy tháng không đó lại không, tịch đó lại tịch, rơi vào vô tri cùng với gỗ đá đâu khác. Chúng ta hoặc ở nơi cảnh tịnh chỉ muốn phát minh một đoạn đại sự dưới y áo (*Kiến Tánh*), chẳng biết ở tại tịnh cảnh mới được, ở trong đại sự cầu tướng tịnh ấy trọn chẳng thể được, đây gọi là được vậy (*Kiến Tánh rồi thì động tịnh đều chẳng sanh*).

Tham thiền phải ở trong đó mạnh dạn tiến tới, chẳng gần gũi nhân tình. Nếu theo tình ứng đối thì công phu hạ thủ chẳng tiến, chẳng những hạ thủ

chẳng tiến mà lâu ngày chầy tháng ắt chắc chắn trở thành ông thầy chạy theo dòng thế tục.

Người tham thiền ngược lên chẳng thấy trời, cúi xuống chẳng thấy đất, thấy núi chẳng phải là núi, thấy nước chẳng phải là nước, đi chẳng biết đi, ngồi chẳng biết ngồi, ở giữa ngàn người muôn người chẳng thấy có một người, khắp thân trong ngoài chỉ là một khối nghi, có thể nói là khuấy đục thế giới, khối nghi chẳng vỡ thề chẳng thôi nghỉ. Đây là công phu khẩn yếu.

Thế nào là khuấy đục thế giới? Cái lý vĩ đại vốn sẵn có từ vô lượng kiếp đến nay chìm chìm lặng lặng chưa từng động đến, cần phải chính dương nhân phấn chấn tinh thần, xoay trời chuyển đất, tự có một đoạn thọ dụng ba đào dậy sóng.

Tham thiền chẳng sợ chết chẳng được sống, mà chỉ sợ sống chẳng được chết. Nếu quả cùng với NGHÌ TÌNH kết tại một chỗ, thì cảnh động chẳng đợi khiển trừ mà tự trừ, vọng tâm chẳng đợi tịnh mà tự tịnh, cửa sáu căn tự nhiên rỗng rang khoát đạt, điểm nhầm liền đến, gọi tới liền ứng, lo gì chẳng sống ư?

Công phu tham thiền được tiến, như mang gánh nặng ngàn cân buông cũng chẳng xuống, tương tự như tìm vật quan trọng bị đánh mất, nếu tìm không ra lòng quyết chẳng chịu thôi. Trong ấy chỉ cần chẳng nên sanh chấp, sanh trước, sanh kế. Chấp thành bệnh, trước thành ma, kế thành ngoại đạo. Nếu được

nhứt tâm nhứt ý như tìm vật bị đánh mất thì ba thứ lỗi trên không có dính dáng, chõ gọi là: “Sanh tâm động niệm liền trái pháp thể”.

Tham thiền, lúc cử khởi thoại đâu cần phải rõ ràng sáng suốt như mèo bắt chuột. Cổ nhân nói: “Chẳng chém được đứa mọi, thế chẳng thôi”. Bằng không thì ngồi trong hang quỷ hôn hôn trầm trồ luống qua một đời có ích gì!

Lúc mèo bắt chuột, nó mở to đôi mắt, bốn chân sẵn sàng chỉ muốn chụp chuột đưa vào miệng, đâu cho có gà chó bên cạnh nó cũng chẳng thèm ngó tới. Người tham thiền cũng vậy, chỉ tức tối muốn rõ cái lý này, đâu có tám cảnh thay nhau hiện ra trước mắt cũng chẳng màng đến, vừa có niệm khác, chẳng những chuột mà mèo cũng chạy mất.

Tham thiền một ngày phải thấy công phu ngày đó, nếu lơ láo qua ngày thì trải qua trăm kiếp ngàn đời cũng chưa có ngày xong, Bác Sơn tôi thuở trước cắm một cây hương, thấy cây hương tàn, bèn nói: “Công phu y như trước, không có thêm bớt, một ngày mấy cây hương? Một năm bao nhiêu cây hương?” Và nói: “Tắc bóng dễ qua, thời giờ chẳng đợi người, đại sự chưa sáng, ngày nào mới xong”. Do sự thống thiết này, càng thêm cố gắng.

Tham thiền chẳng nên ở trên công án cổ nhân suy nghĩ giải thích, đâu cho mỗi mỗi đều lãnh hội được đi nữa, cũng với chính mình cũng không dính

dáng gì cả. Trái lại chẳng biết, một lời một câu của cổ nhân như đống lửa lớn, đến gần chẳng được, chạm đến chẳng được, huống là ngồi nằm trong ấy ư? Lại ở trong ấy phân đại phân tiểu, luận thượng luận hạ, chẳng tán thân mất mạng hầu như ít có.

Việc này chẳng cùng giáo thừa hợp, cho nên người tu tập Đại thừa lâu năm còn chẳng hiểu chẳng biết, huống các hàng Tiểu thừa, Thanh văn, Duyên giác; Tam hiền, Thập thánh há chẳng thông giáo, nghe nói đến một việc này hàng Tam Hiền vỡ mật, Thập địa hồn kinh, Bồ tát Đắng giác thuyết pháp như mây như mưa độ bất khả tư nghì chúng sanh nhập vô sanh pháp nhẫn còn bị gọi là sở tri ngu cùng với đạo toàn trái, hà huống là những người khác ư? Bởi vì việc này từ địa vị phàm phu chóng đồng Phật thể. Người rất khó tin, người tin là pháp khí, người chẳng tin thì chẳng phải pháp khí. Người tu hành muốn vào Tông thừa này đều phải từ cửa TIN mà vào. Một chữ TIN có cạn, có sâu, có tà, có chánh, chẳng thể biện.

Cạn nghĩa là phàm nhập pháp môn, ai nói chẳng tin, song chỉ tin pháp môn mà chẳng tin tâm mình.

Sâu thì các Bồ tát thừa còn chẳng đủ niềm tin, như Hoa Nghiêm Sớ nói: “Thấy có người hay thuyết pháp, có chúng nghe pháp là chưa vào cửa tin”. Như nói: “Tức tâm tức Phật”, ai nói chẳng tin, đến khi hỏi: Ông là Phật chẳng? Thì lắc đầu từ chối, thừa dương chẳng nổi. Kinh Pháp Hoa nói: “Tất cả cùng nhau suy

nghĩ chẳng thể lường Phật trí". Vì sao? Vì có tâm suy nghĩ, bởi niềm tin chẳng đủ mà thôi.

Tà, chánh: Tự tâm tức Phật gọi là chánh tín, ngoài tâm chấp có pháp gọi là tà tín. "Tức Phật" cần phải tham cứu cho sáng tỏ tự tâm. Và phải đích thân dãm đến, tới chỗ chẳng nghĩ mới gọi là chánh tín. Còn như mập mờ lầm lạc đoán mò chỉ nói: "Tức tâm tức Phật" thật chẳng biết tu tâm, gọi là tà tín.

Cố nhân hái đào cũng định, cuốc đất cũng định, lúc làm công việc gì cũng định, đâu phải ngồi lâu đè nén khiến tâm chẳng khởi sau đó mới định ư? Nếu như thế tức là tà định, chẳng phải ý chánh của Thiền.

Lục Tổ nói: "Na Già thường tại định, không có lúc nào chẳng định", cần phải thấy suốt bản thể mới cùng định này tương ứng. Ông già Thích Ca từ Đâu Suất xuống hoàng cung, vào Tuyết Sơn thấy sao mai mọc, khai thị đại chúng như huyền, chưa từng xuất định này. Bằng không, ắt bị cảnh động nhận chìm, đâu thể gọi là định.

Trong cảnh động tìm chỗ khởi chẳng thể được, trong cảnh tĩnh cũng tìm chỗ khởi chẳng thể được. Động tĩnh đã không có chỗ khởi thì lấy cái gì làm cảnh? Hiểu được ý này thì tất cả đều là một thể định tràn đầy không thiếu.

Tham thiền chẳng được đắm nhiễm thế pháp. Trong Phật pháp còn đắm nhiễm một điểm cũng chẳng thể được, hà huống thế pháp ư? Nếu thoại đầu

thật sự hiện tiền, đạp trên băng chǎng thấy lạnh, đạp trên lửa chǎng thấy nóng, trong rừng gai góc ngang nhiên đi thẳng qua chǎng thấy có chướng ngại, mới có thể ở trong thế pháp hoành hành tự tại. Băng không thì đều bị cảnh duyên chuyển; Muốn được công phu thành một phiến đến năm lừa cũng chưa được mộng thấy.

Tham thiền chǎng nên chạy tìm trên văn cú ghi nhớ ngũ ngôn, chǎng những vô ích mà còn làm chướng ngại công phu, khiến công phu chân thật trở thành duyên lụ, muốn được chỗ tâm hành bất há có thể được ư?

Tham thiền sợ nhứt là tỷ lượng, đem tâm suy lý lời Phật lời Tổ đối với đạo càng xa, hạ thủ đến Phật Di Lặc ra đời cũng không dính dáng. Nếu là người nghi tình chóng phát lấp bít hư không chǎng biết có danh tự hư không, như ngồi ở trong núi bạc, vách sắt chỉ muốn được một con đường sống. Nếu chǎng được con đường thì làm sao được an ổn. Chỉ cần như thế hạ thủ đi, thời tiết đến thì tự có sự đảo lộn.

Gần đây có một bọn tà sư dạy người học chǎng cân hạ thủ công phu. Lại nói: "Cổ nhân chưa từng hạ thủ công phu". Lời này rất độc làm mê lầm kẻ hậu sanh, vào địa ngục mau như tên bắn.

Bài minh Tọa thiền của Thiền sư Đại Nghĩa nói:

***Chớ nói tin đạo, chǎng cần tham,
Cổ Thánh nhắc hoài là chỉ nam.***

*Tuy nhiên gác cũ nhàn diền địa,
Một phen tiến đến được hay chưa.*

Nếu chẳng cần tham cứu mà nói đắc lý, đó là Di Lặc trời sanh, Thích Ca tự nhiên, bọn người này bị gọi là người đáng thương xót. Bởi vì tự mình chẳng từng tham cứu, hoặc thấy cổ nhân một hỏi một đáp liền lanh ngô bèn đem thức tình để hiểu rồi dối gạt người, hoặc gặp một phen bệnh nặng kêu khổ suốt ngày, những điều hiểu biết bình thường đều chẳng dùng được, hoặc đến lúc mạng chung như con cua bị bỏ vào nồi nước sôi tay chân rối loạn, ăn năn đâu kịp.

Thiền sư Hoàng Bá nói:

*Xuất trần việc ấy vốn phi thường,
Nắm chặt đầu dây giữ lập trường.
Chẳng phải một phen sương thầm lạnh,
Hoa mai chi dễ thường mùi hương.*

Lời này rất thân thiết, nếu đem bài kệ này luôn luôn cảnh sách thì công phu tự nhiên tấn tới, như đường dài trăm dặm, bước đi một bước thì ngắn đi một bước, còn nếu đứng một chỗ chẳng chịu đi thì dẫu nói được sự nghiệp của quê nhà rõ ràng minh bạch cũng chẳng bao giờ đến nhà, thử hỏi sẽ được cái gì?

Tham thiền khẩn yếu nhất là chữ Thiết. Chữ Thiết rất có sức mạnh. Chẳng thiết ắt lười biếng sanh. Lười biếng sanh thì phóng túng buông lung tâm ý. Nếu dụng tâm chân thiết thì buông lung lười biếng

làm sao sanh được. Phải biết, một chữ Thiết này chẳng lo chẳng đến chõ ruộng đất cổ nhân, chẳng lo tâm sanh tử chẳng vỡ. Bỏ một chữ Thiết này, cầu Phật pháp nào khác đều là si cuồng chạy ở ngoài lề, há có thể nói là đồng với hạ thủ công phu ư?

Một chữ THIẾT chẳng những lìa lối mà ngay đây lập tức vượt cả ba tánh thiện, ác, vô ký. Một câu thoại đầu, dụng công rất thiết thì chẳng nghĩ thiện, dụng tâm rất thiết thì chẳng nghĩ ác, dụng tâm rất thiết thì chẳng rơi vào vô ký. Thoại đầu thiết thì không tán loạn, thoại đầu thiết thì không hôn trầm, thoại đầu hiện tiền thì chẳng rơi vào vô ký.

Một chữ THIẾT là câu rất thân thiết, dụng tâm thân thiết ắt không kẻ hở, cho nên ma chẳng thể nhập vào, dụng công thân thiết chẳng sanh tính toán có, không v.v... ắt chẳng rơi vào ngoại đạo. Người tham thiền đi chẳng biết mình đi, ngồi chẳng biết mình ngồi, nghĩa là thoại đầu hiện tiền, nghi tình chẳng vỡ, chẳng biết có thân tâm, hà huống biết có đi, có ngồi!

Tham thiền sợ nhất là suy nghĩ làm thơ, làm kệ, làm văn, làm phú v.v... Thơ kệ thành ắt gọi là thi Tăng, văn phú hay ắt gọi là văn tự Tăng, cùng với tham thiền không dính dáng gì cả. Hễ gặp cảnh duyên nghịch thuận làm động niệm tâm người, liền phải phát giác và đề khởi thoại đầu chẳng theo cảnh duyên chuyển mới được. Hoặc nói: “Chẳng cần kíp”.

Ba chữ này gây rất nhiều lầm lạc cho người, người học cần phải xét kỹ.

Tham thiền, người ta phần nhiều sợ rơi vào không. Thoại đầu hiện tiền đâu phải là không. Chỉ cái người sợ không này bèn không chẳng được, hà huống là thoại đầu hiện tiền.

Tham thiền, nghi tình chẳng vỡ như đi trên vực sâu, tự bước trên băng mỏng, mảy may đánh mất chánh niệm thì tán thân mất mạng, vì nghi tình chẳng vỡ, cái lý vĩ đại chưa sáng, một hơi thở ra chẳng hít vào là qua đời khác, bị trung ấm kéo dắt không khỏi đi theo nghiệp thức thay đầu đổi mặt mà chẳng hay chẳng biết. Do đó, trên nghi lại càng thêm nghi, đè khởi thoại đầu, chẳng rõ quyết định phải rõ, chẳng vỡ quyết định phải vỡ, ví như bắt kẽ trộm, cần phải có tang vật mới được.

Tham thiền, chẳng được đem tâm chờ ngộ, như người đi đường đứng ở trên đường chờ đợi đến nhà ăn không bao giờ đến nhà mà chỉ cần đi thì đến nhà. Nếu đem tâm chờ ngộ thì chẳng bao giờ ngộ, mà chỉ cần bức bách khiến cho ngộ. Nếu khi đại ngộ như hoa sen chợt nở, như đại mộng chợt tỉnh. Bởi vì mộng chẳng chờ tỉnh, ngủ mùi rồi tự tỉnh; Hoa chẳng đợi nở, thời tiết đến tự nở; tâm chẳng đợi ngộ, lúc nhân duyên hội hợp thì tự ngộ. Tôi nói: “Lúc nhân duyên tự hội hợp, quý ở chỗ thoại đầu chân thiết bức bách khiến cho ngộ, chờ chẳng phải chờ ngộ đâu!” Lại lúc

ngộ như vẹt mây mù thấy trời xanh rộng rãi không nương gá (Vô y), trời xoay đất chuyển lại là một cảnh giới đặc biệt.

Tham thiền cần phải KHẨN, CHÁNH, MIÊN MẬT và DUNG HOÁT.

Thế nào là KHẨN? Mạng người ở trong hơi thở, đại sự chưa rõ, một hơi thở ra chẳng hít vào, đường trước mịt mờ chưa biết về đâu, chẳng được chẳng khẩn. Cố Đức nói: “Như dây gai thấm nước, một bước khẩn cấp một bước”.

Thế nào là CHÁNH? Người học cần phải đủ con mắt trạch pháp, ba ngàn bảy trăm Tổ sư đều là gương mẫu cho người tham thiền. Nếu sai mảy may ắt vào lối tà. Kinh nói: “Chỉ một việc này thật, cái thứ hai nào khác chẳng phải chân”.

Thế nào là MIÊN MẬT? Lông mày cùng hư không kết chặt, kim châm không lọt, nước rưới chẳng thấm, chẳng để hở một mảy may. Nếu có một kẻ hở bằng mảy lông ắt ma cảnh thừa chỗ sơ hở chen vào. Cố Đức nói: “Một giây phút nào thoại đầu chẳng hiện tiền thì y như người chết”.

Thế nào là DUNG HOÁT? Thế giới rộng một trượng thì gương xưa rộng một trượng. Gương xưa rộng một trượng thì lò lửa rộng một trượng. Quyết chẳng cầu chấp trụ ở một chỗ như nắm chặt đầu con rắn chết, cũng chẳng rơi vào hai đầu, tự tại thênh thang. Cố Đức nói: “Tròn đồng thái hư, không thiếu

không dư”. Người thật sự đến chỗ dung hoát thì trong chẳng thấy có thân tâm, ngoài chẳng thấy có thế giới, mới được chỗ nhập đầu.

Khẩn mà chẳng chánh ắt uống dụng công. Chánh mà chẳng khẩn ắt chẳng thể nhập. Đã nhập cần phải miên mật mới được tương ứng. Đã tương ứng, cần phải dung hoát mới thành hóa cảnh.

Tham thiền chẳng được có một mảy lông niệm khác, đi, đứng, nằm, ngồi chỉ đề khởi câu thoại đầu bốn tham phát khởi nghi tình, tức tối muốn tìm đến chỗ tận cùng. Nếu có mảy lông niệm khác, người xưa nói là “Tạp độc nhập tâm”, chẳng những tổn thương thân mạng, mà còn tổn thương huệ mạng, người học chẳng thể chẳng thận trọng.

Tôi nói: Niệm khác nghĩa là chẳng những pháp thế gian mà cho đến trừ cái tình này ra, tất cả những việc tốt trong Phật pháp cũng đều là niệm khác. Lại, chẳng những việc ở trong Phật pháp mà cho đến ở trong tâm thể, giữ nó, buông nó, chấp nó, hóa nó, cũng đều là niệm khác (*Mất chánh niệm*).

Tham thiền, phần đông đều nói: “Tham chẳng được”, thì cứ ngay chỗ tham không được hãy tham đi, như người chưa biết đường hãy tìm đường, chứ chẳng nên nói “Tìm chẳng được đường”, bèn thôi sao! Như tìm được đường rồi thì quý ở chỗ đi đến nhà mới thôi, chẳng được đứng ở trên đường chẳng chịu đi thì đâu có ngày đến nhà.

Tham thiền, tham đến chõ chẳng thể dụng tâm, chõ vực sâu muôn trượng, chõ sơn cùng thủy tận, chõ tận cùng khu ốc, như con chuột chun vào sừng trâu tự có sự dội ngược (*Ngô đạo*).

Tham thiền sợ nhất là cái tâm linh lợi, tâm linh lợi là thuốc ky của tham thiền, phạm nhầm một chút dù cho thuốc hay hiện tiền cũng chẳng thể cứu được. Nếu thật là người tham thiền, mắt như mù, tai như điếc, lúc tâm niệm vừa mồng khởi như đụng nhầm núi bạc vách sắt; như thế, công phu mới được tương ứng.

Tham thiền được chân thiết, đem thân tâm cùng thế giới luyện được như thanh sắt, chỉ đợi nó bỗng nổ tung ra, rồi cần phải gom lại thành đống mới được.

Tham thiền chẳng sợ sai lầm mà chỉ sợ chẳng biết mình quấy. Dẫu cho đang đi ở chõ sai lầm, nếu chịu có một niệm biết quấy, ấy là nền tảng thành Phật làm Tổ, là con đường trọng yếu ra khỏi sanh tử, là vũ khí lợi hại để phá lưới ma. Đại sư Thích Ca ở trong mỗi pháp của ngoại đạo đều có chứng qua, mà chẳng ngồi ở trong hang ổ ấy, đem bốn chữ “Biết quấy liền bỏ” đi từ phàm phu đến địa vị đại thánh. Ý này chẳng những ở trong pháp xuất thế mà ở trong pháp thế gian hẽ có đánh mất chánh niệm, chỉ cần phí bốn chữ “Biết quấy liền bỏ” thì làm được một con người tốt đẹp trong trắng.

Nếu ôm chặt lấy chỗ sai lầm cho là đúng, chẳng chịu biết quấy, dẫu cho Phật sống hiện tiền cứu người ấy cũng chẳng được.

Tham thiền chẳng nên tránh huyên náo cầu tịch lặng, nhắm mắt ngồi trong hang quỷ làm kế sống. Người xưa gọi là ngồi dưới núi đen tối, ngâm trong nước chết; giúp được cái gì. Chỉ cần ở trên cảnh duyên mà tham cho được, mới là chỗ dắc lực. Một câu thoại đầu ở trên lông mày, trong sự đi ngồi, mặc áo, ăn cơm, tiếp tân đai khách, chỉ cần rõ cái chỗ rơi của một câu thoại đầu này, một mai lúc rửa mặt rờ nhẵn cái lỗ mũi nguyên lai rất gần, bèn được ít phí sức (*Tỉnh lực*).

Tham thiền sợ nhất là nhận thức thần làm Phật sự, hoặc nhương mày chớp mắt, xoay đầu ngó lại, cho là có ít nhiều kỳ đặc. Nếu nhận lấy thức thần làm việc chánh thì làm tội tớ cho ngoại đạo cũng chẳng được.

Tham thiền cần phải chỗ tâm hành diệt, điều thiết yếu chẳng nên đem tâm nghiên cứu, suy lý cơ duyên vấn đáp v.v... Nên ngài Động Sơn nói: "Tham cứu diệu lý thì đánh mất tông chỉ của Thiền, làm cho cơ dụng linh động trở thành ám muội; Hạng người này không đủ tư cách nói chuyện với nhau. Nếu được triệt ngộ thì mọi tam muội từ trong tự tâm lưu xuất, suy nghĩ tạo tác ắt cách xa, khác nào như trời với đất".

Tham thiền chẳng sợ tham chẳng được, tham chẳng được cần phải tham cho kỳ được mới là công phu. Cổ Đức nói: “Không cửa là cửa giải thoát, không ý là ý đạo nhân, quý ở chỗ thể hội được chỗ vào. Nếu tham chẳng được bèn đánh trống rút lui thì dẫu trăm kiếp ngàn đời cũng không làm sao tham được”.

Nghi tình phát khởi buông chẳng xuống, ấy là lên đường; Đem hai chữ SANH TỬ dán trên trán, như cọp dữ đuổi đến, nếu chẳng chạy thẳng về nhà ắt tán thân mất mạng, còn có thể dừng chân ư?

Tham thiền chỉ ở trên một tắc công án dụng tâm, chẳng nên giải hội ở trên tất cả công án. Dẫu có thể giải được thì cũng chỉ là giải chứ chẳng phải là ngộ. Kinh Pháp Hoa nói: “Pháp này chẳng phải suy nghĩ phân biệt có thể đến”. Kinh Viên Giác Nói: “Đem tâm suy nghĩ đo lường cảnh giới Viên giác Như Lai như đem lửa đom đóm đốt núi Tu Di, trọn không thể được”. Ngài Động sơn nói: “Toan đem tâm ý học huyền tông, như muốn đi về hướng Tây mà quay mặt về hướng Đông”. Người nghiên cứu giải thích công án cần phải dưới da có máu, biết hổ thẹn mới được.

Tham thiền đề khởi thoại đầu, chỉ biết nghi tình đập chẳng vỡ ắt không có niệm thứ hai. Quyết chẳng nên nhầm trên kinh sách dẫn chứng kích động thức tình; tình thức bị kích động ắt vọng niệm nổi lên, muốn được đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, làm sao được!

Đạo, chẳng nên rời dù trong khoảnh khắc, nếu rời thì chẳng phải đạo. Công phu chẳng nên gián đoạn dù trong khoảnh khắc, nếu gián đoạn thì chẳng phải công phu. Người chân chánh tham cứu như lửa cháy lông mày, tự lửa cháy đầu đâu có rỗi rảnh để việc khác làm động niệm. Cố Đức nói: “Như một người địch với muôn người, đối diện đâu cho nháy mắt”. Lời này rất thiết yếu đối với người tham thiền, cần phải biết vậy.

Tham thiền, tự mình tham chưa triệt ngộ, chỉ nên lo giải quyết cho xong việc tham cứu của mình, chẳng nên dạy người, như người chưa đến kinh thành mà nói cho người khác nghe về việc trong kinh thành, chẳng những đối người mà cũng là đối mình vậy.

Tham thiền ngày đêm chẳng dám biếng trễ, như Đại sư Từ Minh ban đêm buồn ngủ Ngài dùng mũi dùi đâm vào mình, và nói: “Người xưa vì đạo quên ăn bỏ ngủ, còn ta nay là người gì?”

Cố nhân vẽ một vòng tròn bằng phấn, đạo lý chẳng rõ, chẳng bước chân ra ngoài. Người thời nay buông lung tình ý, đi chơi lêu lổng cho đó là hoạt bát, thật đáng tức cười.

Tham thiền hoặc được khinh an, hoặc có tinh phát, chẳng nên cho đó là ngộ. Bác Sơn tôi đương thời khán câu “Không tung tích” của Hòa thượng Thuyền Tử, một hôm nhân xem Truyền Đặng Lục thấy ngài Triệu Châu dặn ông Tăng rằng: “Phải đi ra

ngoài ba ngàn dặm tìm gặp Thiện tri thức mới được”, bất giác tôi đánh mất cái túi vải như buông gánh nặng ngàn cân, tự cho là đại ngộ. Đến khi gặp ngài Bảo Phương, tôi mới biết mình như thanh gỗ vuông tra vào lỗ tròn, nên rất hổ thẹn. Nếu sau khi ngộ chẳng gặp đại Thiện tri thức, dẫu được an lạc tự tại cũng chưa phải xong.

Ngài Bảo Phương khuyến khích tôi bằng bài kệ:

*“Lấy không để quét không thì công rất lớn,
Lấy có để tìm có thì đức càng nhỏ”.*

Không nên dùng sự hiểu biết của mình để phi báng Tổ Sư.

Chỗ được tiện nghi tức là mất tiện nghi.

Đây là câu đầu sào trăm thước tiến bước, người tham thiền cần phải xét kỹ. Tôi thường nói với người học: “Tôi được hai chữ chẳng phải của ngài Bảo Phương thọ dụng bất tận”.

Tham thiền chẳng được cho là đạo lý, cứ miệt mài tham đi mới phát khởi được nghi tình. Nếu cho là đạo lý thì không tiến tới được, chẳng những việc mình chẳng thấu triệt mà nghi tình cũng chẳng phát khởi. Như có người hỏi: “Vật đựng trong rương là vật gì?” Thật chẳng thấy vật người kia chỉ! Người kia lấy chẳng phải là phải, nên chẳng thể phát nghi. Lại chẳng những chẳng khởi nghi mà còn cho vật kia là vật này, cho vật này là vật kia. Hiểu lầm như thế,

nếu chẳng mở rương ra đích thân thấy qua một phen thì suốt đời cũng chẳng thể nói chắc được.

Tham thiền chẳng nên cho là vô sự, phải tức tối muốn sáng tỏ lý này. Nếu cho là vô sự thì suốt một đời chỉ là người vô sự, một việc lớn dưới y áo chẳng bao giờ xong; như người tìm vật bị đánh mất, tìm ra mới thôi. Nếu tìm chẳng ra bèn bỏ vào cái vỏ vô sự, không có ý tìm nữa thì dấu cho vật bị đánh mất có hiện tiền cũng lầm qua trước mặt, bởi vì không có ý tìm vật vậy.

Tham thiền chẳng nên cho là đá nhoáng ánh chớp. Nếu ánh sáng đầu cửa chợt có chợt không thì giúp được việc gì? Cần phải đích thân thật sự bước đến thấy một phen mới được. Nếu thật sự đắc ý, như giữa thanh thiên bạch nhật thấy cha mẹ mình, không có cái vui thế gian nào hơn được.

Tham thiền, chẳng được nhầm dưới ý căn tính toán; suy nghĩ tính toán khiến công phu chẳng được thành phiến, chẳng thể phát khởi được nghi tình. Bốn chữ “Suy nghĩ tính toán” làm chướng chánh tín, chướng chánh hạnh và chướng con mắt đạo. Người học đối với nó phải như sanh oan gia mới khá.

Tham thiền, chẳng được nhầm ở chỗ nêu lên Tông sư mà dùng trí giải để lãnh hội. Nếu dùng trí giải để lãnh hội thì lầm lạc, chẳng tương ứng với việc tham cứu. Chỉ cần phát khởi nghi tình, tham cho triệt, không có chỗ lãnh hội bằng tri giải, như lầu gác trong

hư không tự tại vô ngại. Bằng không, nhận giặc làm con, nhận tớ làm chủ. Cổ Đức nói: “Chớ đem cái yên lừa cho là cái quai hàm của cha” là nghĩa này vậy.

Tham thiền, chẳng được cầu người nói trăng ra. Nếu nói trăng ra thì hoàn toàn của người khác chứ không dính dáng gì với mình. Như người hỏi đường đến Trường An, chỉ có thể hỏi đường, chứ chẳng nên hỏi việc ở Trường An. Người kia có nói rõ ràng mọi việc ở Trường An, trọn là cái việc của người kia thấy chứ chẳng phải người hỏi đường đích thân thấy. Nếu chẳng cố gắng tham cứu mà cầu người nói trăng ra, cũng giống như vậy.

Tham thiền, chẳng phải niệm công án, niệm tới niệm lui có gì dính dáng, niệm đến lúc ngài Di Lặc hạ sanh cũng không dính dáng, sao chẳng niệm A Di Phật còn có lợi ích hơn. Chẳng những bảo chẳng cần niệm mà phải luôn luôn đề khởi thoại đầu, như khán chữ VÔ thì ở trên chữ Vô khởi nghi tình, như khán CÂY BÁCH thì ở trên CÂY BÁCH khởi nghi tình, như khán MỘT QUI VỀ CHỖ NÀO thì ở trên QUI VỀ CHỖ NÀO khởi nghi tình. Nghi tình phát khởi thì tận mười phương thế giới là một khối nghi, chẳng biết có thân tâm cha mẹ sanh. Toàn thân là một khối nghi, chẳng biết có mười phương thế giới, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, đập lại thành một khối; chỉ đợi khối nghi kia tự vỡ như thùng đứt dây day, gấp Thiện tri thức, chẳng đợi mở miệng; Đại sự xong xuôi mới

võ tay cười lớn; nhìn lại sự niêm công án thật giống như chim Anh vỗ học nói, nào có dính dáng gì đến đại sự.

Tham thiền chẳng nên đánh mất chánh niệm, dù trong khoảnh khắc. Nếu đánh mất chánh niệm tham cứu ắt bị cuốn theo dị đoan, quên quay trở lại. Như người tĩnh tọa chỉ thích tịch lặng, lấy cái thuần thanh tuyệt điểm cho là Phật sự, đây gọi là mất chánh niệm, vì rơi vào trong tịch lặng. Hoặc nhận lấy cái hay giảng, hay nói, hay động, hay tịnh là Phật sự, đây cũng gọi là mất chánh niệm, vì niệm thức thần. Hoặc lấy sự đè ép vọng tâm không cho mồng khởi là Phật sự, đây cũng gọi là mất chánh niệm, vì đem vọng tâm đè vọng tâm như đá đè cỏ, lại như lột bẹ chuối, hết lớp này đến lớp khác, không biết đến ngày nào mới xong. Hoặc quán tưởng thân tâm như hư không, chẳng khởi niệm như tường vách, đây gọi là mất chánh niệm, vì ngài Huyền Sa nói: "Nghĩ muốn ngưng tâm thức niệm, nghiệp sự về không tức là rơi vào phái ngoại đạo chủ trương không vong như người chết hồn chẳng tan".

Tham thiền, nghi tình phát khởi, lại cần phải đập cho vỡ, nếu đập chưa vỡ, phải xác thật chánh niệm phát đại dũng mãnh, ở trong khẩn thiết lại càng khẩn thiết mới được. Ngài Kính Sơn nói: "Bậc đại trượng phu muốn cứu cánh một đoạn đại sự nhân duyên này phải là hạng người đập vỡ da mặt, tánh

tình nóng nảy, dựng đứng xương sống, chẳng thuận
nhân tình, đem cái chỗ nghi xưa nay của mình dán ở
trên trán như thiếu nợ người muôn trăm quan tiền bị
người đòi ngặt không có tiền để trả, chỉ sợ bị người sỉ
nhục, sự kiện này không gấp cũng phải gấp, không
vội cũng phải vội, không lớn cũng phải lớn thì mới có
phân xu hướng (*Ngô*).



CHƯƠNG II

BÌNH LUẬN CẢNH NGỮ CỦA CỔ NHÂN KHAI THỊ

Ngài Triệu Châu nói: Ba mươi năm chẳng tạp dụng tâm, trừ mặc áo ăn cơm là tạp dụng tâm.

BÌNH: Chẳng phải chẳng dụng tâm mà là chẳng dụng tạp tâm, chỗ gọi là: “Để tâm một chỗ không việc nào chẳng xong”.



Ngài Triệu Châu nói: Ông chỉ cần tham cứu lý đạo, ngồi khán hai ba mươi năm, nếu chẳng hội, cứ chặt đầu lão Tăng đi!

BÌNH: Triệu Châu sao gấp quá vậy! Mặc dầu như thế, năm tháng dài tìm một người hai ba mươi năm tâm không đổi khác cũng khó có.



Ngài Triệu Châu nói: Lão Tăng lúc mươi tám tuổi đã biết phá sạch gia sản.

Lại nói: Ta thuở xưa bị mười hai thời sai sứ, hiện nay sứ được mười hai thời.

BÌNH: Ở trên gia sản làm kế sống thì bị mười hai thời sai sứ. Phá được gia sản thì sai sứ được mười hai thời. Chợt có một vị Tăng hỏi: “Cái gì là gia sản?” Bác Sơn tôi đáp: “Cởi bỏ cái dày da đi, ta sẽ nói cho ông nghe”.

Ngài Triệu Châu nói: Nếu ông cả một đời chẳng rời Tòng lâm, chẳng nói năm năm, mười năm, không có người gọi ông làm người câm, về sau, Phật cũng không làm gì được ông.

BÌNH: “Chẳng nói” tức là chẳng tạp dụng tâm. Nếu chẳng nhầm dưới y áo tham cứu lý thì rất cách xa vậy.



Thiên Thai Thiều Quốc Sư nói: Dẫu cho đáp thoại, biện luận như sông dài cũng chỉ thành cái tri kiến diên dảo. Nếu chỉ quý đáp thoại, biện luận thì có gì khó đâu, chỉ e vô ích đối với người, trở lại thành tự dối.

BÌNH: Người bây giờ học được một bụng, bình thường hỏi đi đáp lại, đem Phật pháp làm trò đùa, chẳng những vô ích, phần nhiều thành tội lỗi, mà nay phóng tung ngữ ngôn rỗng tuếch cho là tông thừa. Xem lời của cổ nhân nói, da mặt dày bao nhiêu!



Quốc Sư nói: Sở học trước kia của các Thượng tọa biện luận, vấn đáp, ghi nhớ, nói đạo lý rất nhiều, vì sao cái tâm nghi chẳng dứt, nghe nói phương tiện đặc biệt của cổ nhân mà chẳng hội, chỉ vì nhiều hư dối mà ít chân thật.

BÌNH: Biện luận, ghi nhớ đều thuộc về duyên lỵ, gốc sanh tử chẳng chặt đứt, làm sao hội được ý của cổ

nhân, vì thế nói: Lời huyền diệu kẹt nơi đầu tâm, trở lại thành ra duyên lự; Lý chân thật ở trước mắt lại trở thành cảnh danh tướng.



Quốc Sư nói: Thượng tọa chi bằng từ dưới gót chân nhất thời nhìn rõ xem đó là đạo lý gì, có bao nhiêu pháp môn làm Thượng tọa nghi, cầu giải thích mới biết sở học trước kia chỉ là cội nguồn sanh tử, làm kế sống trong ngũ ấm, thập bát giới, vì thế cổ nhân nói: “Chẳng thoát ra kiến, văn, như mò trăng đáy nước”.

BÌNH: Kiến, văn, duyên lự, người nào chẳng có, song cần phải có sự chuyển biến lớn lao mới được. Nếu chẳng cùng với công phu tương ứng, xuyên suốt qua cung thủy tinh thì trọn chẳng dính dáng. Cổ Đức nói: “Tri giải nhập vào tâm như đổ dầu vào bún không làm sao lấy ra được, phải nén thận trọng”.



Thiền sư Thiệu Nham nói: Nay chư nhân giả! Hôm nay Quốc chủ đến thỉnh chỉ muốn chư nhân giả minh tâm, ngoài ra không có đạo lý nào khác. Chư nhân giả có minh tâm chưa? Phải chẳng là lúc ngũ ngôn nói cười, lúc nín thinh im lặng, lúc tham tâm Thiện tri thức, lúc đạo bạn thương lượng, lúc du ngoạn sơn thủy, lúc tai mắt bất đùi cảnh là tâm của ông chẳng? Những kiến giải như trên đều là chỗ

chấp của ma mị, đâu phải minh tâm?

BÌNH: Nói chẳng phải, nín chẳng phải, thấy nghe chẳng phải, lìa thấy nghe cũng chẳng phải, làm sao hôi? Chỉ cần thiền giả chờ năm băt bậy bạ là tốt.



Ngài Thiệu Nham nói: Còn có một bọn người lìa vọng tưởng trong thân ra, riêng nhận mười phương thế giới bao hàm nhật nguyệt, thái hư là bốn lai chân tâm, đây cũng là chỗ chấp của ngoại đạo, chứ chẳng phải minh tâm.

BÌNH: Đây gọi là Thiên Không ngoại đạo, lại đâu có được thân tâm nhứt như, ngoài thân không thừa ư? Chính người tham thiền ngày nay chẳng từng gặp Thiện tri thức, tự mình làm chủ tể, phần nhiều rơi vào kiến chấp này.



Lại nữa, chư nhân giả muốn hội chẳng? Tâm không “Phải”, cũng không “Chẳng phải”. Ông tính chấp nhận có thể được sao?

BÌNH: Hai thứ trước đều là bệnh, lỗi ở tại hai chữ chấp nhận. Đoạn này là thuốc, chỉ cần không chấp nhận “Phải” và “Chẳng phải” thì bệnh liền lành.



Thiền sư Thoại Lộc nói: Đại phàm, tham học vị tất học vấn thoại là tham học, vị tất học giảng thoại là tham học, vị tất học đại ngữ là tham học, vị tất học

bietet ngữ là tham học, vị tất hiểu rõ ngôn ngữ kỳ đặc trong kinh luận là tham học. Nếu tham học như vậy, mặc cho ông thông đạt đến mức nào đi nữa, đối với Phật pháp nếu không thấy rõ ràng (*Kiến Tánh*) thì gọi đó là bọn Càn Huệ. Đâu chẳng nghe: “Thông minh chẳng địch nổi sanh tử, càn huệ há thoát khỏi cái khổ luân hồi”.

BÌNH: Người thời nay đều như vậy, đúng là bỏ vàng ròng, lượm ngói gạch. Chẳng chịu chân thật tham cứu, phóng túng tam muội đầu mồm. Như Hương Nghiêm, hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, chẳng phải là người thông đạt sao, mà ở trong Phật pháp không thấy gì cả, chỉ một câu “Trước khi cha mẹ chưa sanh”, không biết phải làm thế nào. Bọn học ngữ ngày nay hãy nói xem giúp được cái gì?



Thiền sư Thoại Lộc nói: Nếu là tham học, cần phải chân thật tham học mới được, lúc đi thì đi tham, lúc đứng thì đứng tham, lúc ngồi thì ngồi tham, lúc ngủ cũng tham, lúc nói cũng tham, lúc nín cũng tham, lúc đang làm công việc cũng tham. Lúc nào cũng tham như thế, hãy nói: Người tham là ai? Cái lời tham cái lời gì? Đến chỗ này, cần phải tự có chỗ minh bạch mới được. Nếu chẳng như vậy, gọi là bọn vội vàng hấp tấp át không có chỉ thú cứu cánh.

BÌNH: Cần nhất là phải tham cứu: cái lời tham là lời gì? Người tham là ai? Nếu chẳng tham cứu lời đó,

chẳng biết người tham đó, ấy là luống qua vô ích, chẳng phải tham học.



Ngài Ba Tiêu nói: Như người đi đường, chợt gặp trước mặt vực sâu muôn trượng, sau lưng lửa cháy gấp, hai bên là rừng gai góc. Nếu chạy về phía trước thì rơi xuống vực sâu, nếu lui về phía sau bị lửa đốt cháy, nếu chạy băng ra hai bên thì bị rừng gai góc làm chướng ngại. Ngay lúc ấy, làm sao khỏi được. Nếu khỏi được là có con đường xuất thân, nếu khỏi chẳng được thì mất mạng.

BÌNH: Cần phải chẳng màng nguy vong mới được cái chỗ triệt đầu, vừa do dự ắt tán thân mất mạng. Lời này của ngài Ba Tiêu rất là khẩn yếu cho việc tham thiền. Người học phần nhiều cầu tri giải rơi vào trong hang ổ của huyền ảo, chẳng lưu ý đến lời này thì luống uổng một đời.



Ngài Văn Môn nói: Có một bọn cướp giụt đồ hư giả, lượm đầm dãi của người, ghi nhớ được một mớ, một gánh đồ tạp nhạp, đi khắp nơi khua môi lửa, múa mỏ ngựa, nói năng lưu loát khoe rằng ta biết cách hỏi từ Thiện tri thức này đến Thiện tri thức khác. Dẫu cho ông từ sáng hỏi đến tối, trải qua nhiều kiếp thế ấy có từng mộng thấy chẳng?

BÌNH: Ngài Văn Môn đương thời chính là mắng

một hai người trong số mười người thôi. Ngày nay phần đông đều như thế, chưa từng nhầm dưới nạp y thể cứu. Hoặc giả có ngồi trong chốc lát chẳng hôn trầm cũng tán loạn, bởi vì một bụng tri giải mửa chẳng ra, cắt chẳng đứt. Nếu là người linh lợi, vừa nghe nói thế ấy, phải biết hổ thẹn mới được.



Ngài Văn Môn dạy chúng: Các huynh đệ chớ nên để duôi khiến thời gian trôi qua vô ích, rất cần phải kĩ lưỡng. Người xưa có nhiều phương tiện để dạy nhau; như ngài Tuyết Phong nói: “Cả đại địa là tự kỷ của ông”; Ngài Giáp Sơn nói: “Trên đầu ngọn cỏ tiến thủ lão Tăng, trong chợ ồn náo biết được Thiên tử”; Ngài Lạc Phổ nói: “Một hạt bụi vừa khởi dậy, đại địa toàn thâu, một đầu sợi lông hiện toàn thân sư tử”. Đều là chỗ ông nắm lấy, tham tới tham lui, lâu ngày chầy tháng tự nhiên có chỗ vào.

BÌNH: Ba đoạn ngữ lục này dắt ông vào cửa, song điều thiết yếu là ông phải chịu vào bằng không, thì đều ở trong hang quỷ làm kế sống. Ông nếu vào được cửa, tự nhiên xong xuôi, chẳng thấy có sơn hà đại địa, chẳng thấy có tự kỷ, tiến (Ngộ) cũng chẳng tiến (Chẳng ngộ) là lời nói hai đầu.



Ngài Văn Môn nói: Ánh sáng chẳng thấu thoát, có hai thứ bệnh: Một là tất cả chỗ chẳng rõ, trước

mắt có vật. Hai là thấu được tất cả pháp không, mơ hồ in tuồng có vật cũng là ánh sáng chẳng thấu thoát.

Lại, Phật thân cũng có hai thứ bệnh: Một là được đến Pháp thân, vì pháp chấp chưa quên, kiến giải của chính mình hay còn, nên chỉ ngồi bên cạnh Pháp thân. Hai là dẫu cho thấu được Pháp thân rồi song chẳng thể buông bỏ kiểm điểm kỹ lưỡng lại có chút khí tức gì cũng là bệnh.

BÌNH: Bệnh này toàn do ở bên cảnh lượng làm kế sống, chẳng từng tọa đoạn, chẳng từng thấu thoát, chẳng từng được chuyển thân nhả khí. Chỗ này nếu riêng sanh niệm khác ắt thành ma tác quái.



Ngài Huyền Sa nói: Bồ tát học Bát nhã cần phải có đủ đại căn khí, có đại trí huệ thì mới được. Nếu có trí huệ thì hiện tại liền được giải thoát.

BÌNH: Người đại căn khí một nghe ngàn ngộ được đại tổng trì. Nói hai chữ “Giải thoát” đã là lời phuơng tiện. Vì sao? Vì từ xưa đến nay chẳng từng trói buộc.



Ngài Huyền Sa nói: Nếu là người căn cơ chậm lụt cần phải siêng năng khắc khổ ngày đêm quên nhọc, bỏ ngủ, quên ăn như đưa ma mẹ, cấp thiết như thế suốt cả một đời đi, rồi được Thiện tri thức giúp đỡ thật sự khắc cốt tham cứu, thì lo gì chẳng được thành tựu, huống ngày nay ai là người có đủ tư cách học.

BÌNH: Người khắp quả đất này đều có đủ tư cách học, chỉ trừ người vô tri, chẳng đủ lòng tin, dấu cho đức Phật Thích Ca phóng quang động địa cũng không giúp ích được người ấy.



Ngài Huyền Sa nói: Này nhân giả! Chớ nên chỉ ghi nhớ ngôn ngữ giống in như niệm thần chú, đạp bước hướng tới trước miệng niệm lâm râm, bị người nắm đứng lại cật vấn, bí lối, bèn nổi giận nói: “Hòa thượng chẳng vì tôi đáp thoại”. Học như thế thì rất khổ biết không?

BÌNH: Ghi nhớ ngôn ngữ, bị gọi là tạp độc nhập tâm, chướng ngại chánh tri kiến. Người đọc sách ở thế gian ghi nhớ văn tự nhiều còn chẳng thể dung hóa, hà huống là người tham cứu pháp xuất thế mà chịu ăn đàm dãi của người khác u!



Ngài Huyền Sa nói: Có một bọn Hòa thượng ngồi thiền sàng xưng là Thiện tri thức, được hỏi đến thì lắc thân động tay, mở mắt lè lưỡi nhìn sững.

BÌNH: Bọn người này khắp thân là ma, toàn thân là bệnh, đến ngày ba mươi tháng chạp không khỏi bối rối.

Ngài Huyền Sa nói: Lại có một bọn nói cái linh dài trí tánh sáng rõ linh diệu hay thấy hay nghe, nhầm vào trong thân năm uẩn làm chủ tể. Thế ấy mà

làm Thiện tri thức thật là lừa gạt người.

Biết chăng, ta nay hỏi ông: Ông nếu nhận cái sáng rõ linh diệu ấy là cái chân thật của ông, tại sao lúc ngủ quên chẳng còn sáng suốt linh diệu nữa. Nếu lúc ngủ quên chẳng phải, thì tại sao có lúc sáng rõ. Ông có hội chăng? Đây gọi là nhận giặc làm con, là gốc sanh tử, là duyên khí của vọng tưởng.

BÌNH: Đây là người đùa tinh hồn, lúc ngủ quên đã làm chủ chẳng được, thì lúc sanh tử đến làm sao đổi phó, cả một đời lầm lẫn, chẳng những lừa gạt người, mà cũng là tự đổi gạt mình.

Ngài Huyền Sa nói: Ông nay muốn được ra khỏi cái thân do năm uẩn chủ tế kia, chỉ cần biết cái thể kim cương bí mật của ông. Cổ nhân nói với ông: “Viên thành chánh biến trùm khắp sa giới”.

BÌNH: Thể kim cương bí mật tức là “Viên thành chánh biến trùm khắp sa giới”. Nói rõ ràng với ông rằng: “Cần phải toàn thân ngộ nhập mới được”.



Ngài Huyền Sa nói: Phật đạo thênh thang không có lộ trình, không cửa là cửa giải thoát, không ý là đạo nhân, chẳng thuộc ba thời gian quá khứ, vị lai, hiện tại, cho nên chẳng thể thăng trầm. Hễ kiến lập thì trái với lý chân vì chẳng thuộc về tạo tác.

BÌNH: Nếu hội được ý này, chẳng phí mấy may công hạnh, lập tức thành Phật, hãy còn dư một chữ “Thành”.

Ngài Huyền Sa nói: Động ắt khởi cái gốc sanh tử. Tịnh ắt say đắm trong sự hôn trầm. Động tịnh đều bắt thì rơi vào không vong. Động tịnh đều thấu nhận thì mập mờ lầm lạc Phật tánh.

BÌNH: Người tu hành phần nhiều chán động cầu tịnh, tịnh lâu nghĩ lại muốn động. Cần phải nhuốm lông mày đậm vỡ hang ổ động tịnh mới là chỗ đạo nhân dụng tâm.



Ngài Huyền Sa nói: Cần phải đổi trán đổi cảnh như cây khô, tro lạnh, gấp lúc ứng dụng chẳng mất cơ nghi, như gương soi vật chẳng loạn ánh sáng, như chim bay trong hư không chẳng lẫn lộn không, sắc.

BÌNH: Như cây khô, tro lạnh, bởi vô tâm. Chẳng mất cơ nghi bởi ứng vật. Há cùng với người “Bặt tâm, diệt trí” như nhau ư? Chẳng loạn ánh sáng, chẳng lẫn lộn không, sắc v.v... tự nó chẳng làm gì đến mình.



Ngài Huyền Sa nói: Sở dĩ mười phương không bóng dáng, ba cõi tuyệt hành tung, chẳng rơi vào hai đầu, chẳng trụ nơi chặng giữa, trong ấy còn một mảy lông chẳng hết tức là quyền thuộc ma vương; Trước câu, sau câu, là chỗ khó của người học. Vì thế một câu giữa trời tâm muôn cửa dứt hẳn sanh tử.

BÌNH: Lời này quý ở chỗ “Một câu giữa trời tâm muôn cửa”, cả mười phương thế giới không một mảy

lông hở trống, không một mảy lông bóng dáng, không một mảy lông dấu vết, dáng gọi là xán lạn, hoạt bát; Phật Tổ, chúng sanh không có chỗ đặt để, hai chữ sanh tử là ai nói như thế.



Ngài Huyền Sa nói: Dẫu cho như bóng trăng dưới đầm nước thu trong treo, chạm đến nổi sóng chẳng tan, như tiếng chuông giữa đêm trường tịch mịch, động đến âm vang không thiếu, vẫn còn là việc bên bờ sanh tử.

BÌNH: Người tọa thiền muôn người không có một người đến chỗ này. Dẫu cho đến được đi nữa cũng còn là việc bên bờ sanh tử, cần phải tự tìm con đường sống mới được.



Ngài Huyền Sa nói: Chỗ tu hành của đạo nhân như lửa dốt tan băng, trọn không trở lại thành băng nữa; mũi tên đã lìa dây cung, không trở lại nữa. Vì thế, cùi lồng chẳng chịu ở, kêu gọi chẳng quay đầu, cổ thánh chẳng an bài, đến nay không xứ sở.

BÌNH: Tâm đạo nhân phải nêu như thế. Chỉ cần đem đoạn này, thực hành cho kỹ, tương lai tự nhiên ít phí sức, dính vào một chút chẳng được. Nếu đem thức tâm suy lý, thì chính đó là: Nhân địa chẳng chân thật, đưa đến kết quả cong queo.



Ngài Huyền Sa nói: Người thời nay chẳng nghĩ đạo lý trong ấy, dối tự lẩn vào trần lao thế sự, chỗ nào cũng đắm nhiễm, nơi nào cũng trói buộc. Dẫu ngộ đi nữa ắt trần cảnh rộn ràng, danh tướng chẳng thật.

BÌNH: Chỗ nào cũng đắm nhiễm, nơi nào cũng trói buộc là do vì tâm tham cứu chẳng thiết tha, mạng căn chẳng cắt đứt, chẳng chịu chết đi. Người chân chánh tham học, như đi ngang qua xứ có độc sâu cổ, chẳng được ném một giọt nước, mới được chỗ triệt đầu.



Ngài Huyền Sa nói: Toan muốn ngưng tâm thức niệm, nghiệp sự về không, nhấp mắt che con ngươi, vừa có niệm khởi mau mau phá trừ, vọng tưởng vi tế vừa sanh liền đè bếp. Kiến giải như thế là rơi vào ngoại đạo không vong, người chết mà hồn chưa tan, mờ mờ mịt mịt vô giác vô tri như bịt tai ăn cắp chuông, luống tự đối gạt.

BÌNH: Bệnh ở tại chẳng khởi nghi tình, chẳng tham cứu công án, chẳng chịu toàn thân nhập lý, chỉ đem thức tâm đè nén. Dẫu cho lóng lặng đi nữa mà rốt cuộc mạng căn chưa cắt đứt thì cũng chẳng phải là người tham thiền.



Ngài Huyền Sa nói: Nhân giả chớ nên lưu luyến lối ái sanh tử mà bị nghiệp thiện ác lôi đi không có

phần tự do. Dẫu cho ông luyện được thân tâm đồng hư không đi nữa, dẫu cho ông đến chỗ tinh minh lóng lặng chẳng lay động, cũng chẳng ra ngoài thức ấm. Cố nhân gọi nó như dòng nước chảy nhanh, người chẳng biết lầm cho nó là yên lặng.

BÌNH: Thức tâm chẳng đoạn dứt, dẫu cho luyện được thân tâm như hư không, rốt cuộc cũng bị nghiệp ác lôi đi. Chỗ tinh minh lóng lặng chẳng lay động, chính là thức ấm, thì làm sao khỏi được sanh tử. Nói tóm lại, chẳng tham cứu thấu suốt đại lý thì đều là hư vọng.



Ngài Huyền Sa nói: Tu hành thế ấy ra khỏi luân hồi chẳng được, thì y như thuở trước bị luân hồi kéo đi. Vì thế nói: “Các hành vô thường” ngay cả công quả của Tam thừa, như vậy thật là đáng sợ. Nếu không có con mắt đạo chẳng cứu cánh.

BÌNH: Tóm lại, mấy pháp ngũ ở trên đều chẳng phải cứu cánh. Người tu hạnh Tam thừa dẫu hành lục độ vạn hạnh cũng đều là pháp sanh diệt, đối với thật tế lý địa chẳng dính dáng gì!

Ngài Kính Sơn nói: Hiện nay có một bọn ngoại đạo mắt mình chẳng sáng, chỉ lo dạy người chết đi một cách ngoan cố, thôi đi, nghỉ đi. Nếu thôi nghỉ như thế, đến ngàn Phật ra đời cũng thôi nghỉ cũng chẳng được, càng khiến cho tâm mê muội mà thôi.

BÌNH: Chẳng chịu khởi nghi tình thì mạng căn chẳng cắt đứt. Mạng căn đã chẳng cắt đứt thì thôi cũng chẳng được, nghỉ cũng chẳng được. Chính hai chữ “Thôi nghỉ” này là cội gốc sanh tử rồi. Dẫu cho trăm kiếp ngàn đời trọn không có ngày xong việc.



Ngài Kính Sơn nói: Lại có một bọn người dạy người tùy duyên quán đời vong tình mặc chiếu, chiếu tới chiếu lui, đói qua đói lại, càng thêm mê muội không có ngày xong.

BÌNH: Đã có cái tâm năng đói, cảnh sở chiếu; năng sở đói lập, chẳng phải vọng là gì? Nếu lấy vọng tâm làm tham cứu thì đói với tự tâm chẳng được tự tại. Chỉ cần tọa đoạn hai đầu, năng sở chẳng lập ắt cái vật ngăn trong lồng ngực bị vỡ tan như thùng lủng đáy vậy.



Ngài Kính Sơn nói: Lại có một bọn người dạy người chớ lo việc gì cả, chỉ cần thế ấy thôi đi, thôi được đến chỗ tình niệm chẳng sanh, đến lúc ấy chẳng phải mờ mịt vô tri mà tinh tinh rõ ràng. Bọn này rất độc hại làm mù mắt người, chẳng phải là việc nhỏ.

BÌNH: Dẫu đến chỗ tinh tinh rõ ràng, đây là pháp đói dai với tịch, chẳng phải là tham cứu. Nếu tham cứu thì muốn phát minh ngay đại sự. Đã chẳng như vậy, há chẳng phải là kẻ độc hại sao?



Ngài Kính Sơn nói: Chẳng luận là bậc tiền bối tham cứu đã lâu, nếu muốn thật sự tịnh thì cần phải cái tâm sanh tử này vỡ. Và chẳng chấp trước công phu. Nếu tâm sanh tử vỡ thì tự nhiên được tịnh.

BÌNH: Nghi tình phát khởi được thì tâm sanh tử ngưng kết lại một chỗ. Nghi tình vỡ ắt tâm sanh tử vỡ. Ở chỗ vỡ này, cầu tương động trọn chẳng có thể được.



CHƯƠNG III

CẢNH NGỮ KHAI THỊ LÚC NGHĨ TÌNH CHẮNG KHỎI

Tham thiền, nghi tình phát chắng khởi bèn muốn tìm trong giấy mực kiểm thảo văn tự, rộng cầu tri giải, đem ngôn giáo Phật Tổ xâu vào một dây làm một cái ấn để ấn định, vừa nêu ra một tắc công án bèn cho là đạo lý, ở trên câu thoại đầu bốn tham chắng thể phát khởi nghi tình, gặp người nạn ván thì chắng vui, đây là tâm sanh diệt, chứ chắng phải thiền. Hoặc tùy hỏi liền đáp, dựng ngón tay, đưa nắm tay, cầm bút viết nhanh kệ tụng khai thị, khiến người tham cứu cũng có ý vị, tự cho rằng được đại ngộ. Trái lại, chắng biết nghi tình phát chắng khởi đều là thức tâm sai khiến như thế. Nếu chịu một niệm biết quấy, toàn thân buông bỏ, tìm gặp Thiện tri thức cầu con đường vào thì tốt. Bằng không, tâm sanh diệt thăng lướt lâu ngày thành ra ma dựa chắng có thể cứu.

Tham thiền nghi tình phát chắng khởi ở trên cảnh duyên sanh nhảm lìa, thích đến chõ tịch tịch không người để ngồi bèn thấy đắc lực, cảm thấy có ý tứ, vừa gặp chõ hơi động một chút, tâm liền chắng vui, đây là tâm sanh diệt, chứ chắng phải thiền. Ngồi lâu ắt cùng với tịnh cảnh tương ứng; mờ mịt vô tri, bắt dứt đối đãi, dấu được thiền định ngưng tâm bất

động, thì cũng đâu khác chi với Tiểu thừa. Vừa gặp cảnh duyên ắt chẳng tự tại, nghe tiếng thấy sắc ắt sanh sợ hãi. Lo vì sợ hãi nên ma có dịp khuấy rối. Do vì sức ma nêu làm các điều bất thiện, một đời tu hành trở thành vô ích, đều là do lúc ban đầu chẳng khéo dụng tâm, chẳng khéo khởi nghi tình, chẳng chịu gắp Thiện tri thức, chẳng chịu tin Thiện tri thức. Ở trong chỗ tình lặng gắng gượng mà làm chủ tể, dẫu gặp Thiện tri thức, chẳng chịu một niệm biết quấy, ngàn Phật ra đời cũng không làm sao cứu được!

Tham thiền nghi tình phát chẳng khởi, đem tâm tình thức vọng tưởng đè nén khiến vọng tâm chẳng khởi, đến chỗ chẳng khởi ắt lóng đứng lặng lặng thuần thanh tuyệt diêm. Cội nguồn của thức tâm này rốt cuộc chẳng thể phá, ở chỗ lóng lặng tuyệt diêm cho đó là công phu. Vừa gặp Thiện tri thức điểm nhầm chỗ đau như đè trái bầu trên mặt nước, đây là tâm sanh diệt chứ chẳng phải thiền. Bởi vì đầu tiên chẳng chịu tham thoại dầu khởi nghi tình, dẫu cho đè nén được đến mức thân tâm chẳng khởi thì cũng như đá đè cỏ. Nếu chết được thức tâm thành đoạn diệt rồi, chính là rơi vào ngoại đạo không vong.

Nếu đoạn diệt chẳng được, lúc gặp cảnh duyên liền dẫn khởi thức tâm, ở chỗ lóng lặng tuyệt diêm cho là chứng Thánh tự cho rằng được đại ngộ. Phóng tung thì thành điên cuồng, chấp trước thì thành ma, ở trong thế pháp lừa dối kẻ không biết, tạo ra tội

nặng là làm lui sụt lòng tin của người và chướng đạo Bồ đề.

Tham thiền nghi tình phát chẳng khởi, đem thân tâm thế giới thấy đều bỏ hết thành không. Không thì không có chỗ quản đón, không có chỗ nương tựa, chẳng có thân tâm, chẳng thấy có thế giới, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, đều là một cái không, cho cái KHÔNG là thiền, cho rằng KHÔNG là Phật. Ði cũng là KHÔNG, ngồi cũng là KHÔNG, nhất thiết đều không. Ði đứng nằm ngồi như đi trong hư không, đây là tâm sanh diệt chứ chẳng phải thiền. Chẳng chấp ắt thành ngoan không mờ mịt vô tri. Chấp trước ắt thành ma tự cho là đại ngộ. Trái lại, chẳng biết là không dính dáng gì với việc tham thiền. Nếu quả thật người tham thiền phát khởi nghi tình, một câu thoại đâu như thành Ý Thiên trường kiếm chạm nhầm mũi nhọn của nó thì tán thân mất mạng. Nếu chẳng như vậy, đâu cho được KHÔNG đến mức một niệm chẳng khởi, cũng chỉ gọi là không vô sở tri, chứ chẳng phải cứu cánh.

Tham thiền nghi tình phát chẳng khởi bèn đem thức tâm cân nhắc xuyên tạc bậy bạ công án cổ nhân cho đây là toàn đề, là bán đề, là hướng thượng, là hướng hạ, là quân, là thần, là lời kiêm đón, là lời bình thật, tự cho rằng kiến giải của mình không ai bằng. Dẫu mỗi mỗi nói được đạo lý, cùng với cổ nhân chung một miệng nhả khí, đây là tâm sanh diệt chứ chẳng

phải thiền. Trái lại, chẳng biết một ngôn một ngữ của cổ nhân như nhai cuộn tơ khiến người nuốt chẳng xuống, nhả chẳng ra, đâu để cho người ta sanh ra nhiều tri giải dẫn khởi thức tâm. Nếu nghi tình phát khởi, toàn thân ngộ nhập thì cái thức tâm tri giải này chẳng đợi ông chết đi tự nhiên cũng yên.

Tham thiền nghi tình phát chẳng khởi, xem thân tâm thuần là giả duyên, trong ấy tự có một vật qua lại hay động, hay tĩnh, không hình không tướng, ở đâu cửa sáu căn phóng quang động địa, buông ra ắt giáp sa giới, thâu lại ắt chẳng lập mảy trán, nhầm vào chỗ ấy nhận định, chẳng chịu khởi nghi tình, chẳng chịu tham cứu, rồi cho là người xong việc, đây là tâm sanh diệt chứ chẳng phải thiền.

Trái lại, chẳng biết tâm sanh tử chẳng vỡ, lấy những thứ này làm khoái ý, chính là đùa với thức thần, một mai nhẫn quang lạc địa, làm chủ chẳng được bị thức thần lôi đi theo nghiệp thọ báo. Nếu nghiệp thiện nhiều ắt sanh trong trời người, đến khi bốn tướng, ngũ suy kéo đến bức bách, bèn cho rằng Phật pháp không linh nghiệm. Do đây phỉ báng Phật pháp bị đọa vào trong đường địa ngục, ngạ quỷ biết bao nhiêu kiếp mới được trồi đầu. Do đó xét thấy, tham thiền cần phải gấp Thiện tri thức, nếu tự làm chủ tế đều dùng chẳng được.

Tham thiền nghi tình phát chẳng khởi, bèn nhận lấy cái mắt hay thấy, tai hay nghe, lưỡi hay nói, mũi

hay ngủi, tay hay nắm, chân hay đi cho là một chân tánh linh của mình. Nhầm vào trong ấy suy lường cho là cửa ngộ, gặp người thì trợn mắt, nghiêng tai, tay chỉ, chân đá cho đó là Phật pháp, đây là tâm sanh diệt chứ chẳng phải thiền; cổ nhân gọi là như người mắc bệnh kinh phong.

Lại nói: Ở trên thiền sàng tự như làm trò quỷ, diễn tới diễn lui, diễn tới lúc tứ đại phân tán, ắt diễn chẳng được. Còn có một bọn người ác kiến cho đó là kỳ đặc trao truyền cho nhau, thọ nhận sự cúng dường của người mà không biết hổ thẹn, gặp người hỏi pháp thì hét to một tiếng, cười to một tràng. Trái lại chẳng biết từ xưa đến nay chưa từng tham cứu, mạng căn chưa cắt đứt, dấu là việc thiện, đều là nghiệp ma, chẳng phải cứu cánh.

Tham thiền nghi tình phát chẳng khởi, bèn muốn làm công hạnh hữu vi, hoặc làm giải thoát, hoặc hành khổ hạnh, mùa đông chẳng hờ lửa, mùa hạ chẳng quạt mát. Người đến xin y phục liền cởi hết đem cho, cam tâm chết rét, cho đó là giải thoát. Người đến xin ăn, liền cho hết phần ăn của mình, cam tâm chết đói, cho đó là giải thoát. Còn nhiều điều nữa, chẳng thể nói hết. Tóm lại mà luận thì đều là bị cái tâm háo thang sai khiến lừa gạt kẻ không biết. Kẻ không biết kia cho người đó là Phật sống, là Bồ tát, rồi suốt đời hầu hạ cúng dường. Trái lại, chẳng biết trong giới Phật gọi là nghiệp ác luật tuy là trì giới mà mỗi

bước kết tội. Lại có một bọn người thiêu thân, đốt tay, lỗ Phật, cầu sám hối, cho đó là công khóa, đối với thế pháp thì đó cũng là việc tốt, song ở trong việc tham cứu chẳng có ích gì! Cố Đức nói: “Cốt đừng ở trên cơ cảnh khác cầu”. Lỗ Phật là cơ cảnh, cầu sám hối là cơ cảnh, tất cả những việc tốt ở trong Phật pháp đều là cơ cảnh. Chẳng phải tôi dạy ông chẳng làm tất cả việc thiện, song chỉ cần dụng tâm một chốc thì tất cả việc thiện này đều hay trợ phát vun bồi thiện căn, mai kia con mắt đạo chợt mở, thì đốt hương, quét đất đều là Phật sự.

Tham thiền nghi tình phát chẳng khởi, bèn muốn ngông nghênh, hoạt bát, gặp người thì tự ca, tự múa, tự mừng, tự vui. Hoặc bên suối dưới rừng, ngâm vịnh nói cười. Hoặc nơi chợ búa phố phường đi ngang đi dọc tự cho là người xong việc, thấy Thiện tri thức mở tòng lâm, lập quy cũ, hoặc tọa thiền, hoặc niệm Phật, hoặc làm tất cả việc thiện thì vỗ tay cười lớn, sanh tâm khinh mạn, phỉ báng. Tự chẳng thể hành đạo, lại làm chướng người hành đạo. Tự chẳng thể tụng kinh lễ sám, lại làm chướng người tụng kinh lễ sám. Tự chẳng thể tham thiền, lại làm chướng người tham thiền. Tự chẳng thể khai mở tòng lâm, lại làm chướng ngại người khai mở tòng lâm. Tự chẳng thể thuyết pháp, lại làm chướng người thuyết pháp. Phàm có Thiện tri thức xuất thế, bày ra vài câu vấn nạn ở trước chúng trời người, đáp hơn một câu, hỏi hơn một

câu, hét một tiếng, đánh một tát. Thiện tri thức thấy người đó tương tự như quỷ lộng, hoặc chẳng thèm biết tới, người đó bèn nói với mọi người rằng: “Thiện tri thức ấy chẳng hội cái đạo lý này. Khổ thay! Khổ thay!” Đây là tâm sanh diệt thăng lưới, lâu ngày ắt rơi vào đường ma tạo nghiệp lớn vô cùng, hưởng phước mà hết, bị đọa vào ngục vô gián. Tuy là nhân thiện mà chiêu lấy quả ác. Buồn thay!

Tham thiền nghi tình phát chẳng khởi, cảm thấy sống chung với chúng bất tiện, quá câu thúc, quá phiền phức, bèn muốn vào núi sâu chỗ không có người để tĩnh, hoặc nhập thất để tĩnh. Ban đầu còn gắng làm chủ tể, nhắm mắt ngưng tâm, ngồi kiết già chấp tay hạ thủ công phu hoặc một năm, hai năm, một tháng, hai tháng chẳng thấy kết quả. Lại có một bọn ngồi được hai ba ngày, ngồi chẳng nổi nữa, hoặc xem sách, hoặc ngông nghênh, hoặc làm kệ làm thơ, hoặc đóng cửa ngủ, ngoài hiện oai nghi, bên trong là trần tục. Lại có một bọn thiếu niên xấu, chẳng biết liêm sỉ, chẳng tin nhân quả, lén làm dâm dục, gắp người thì khua môi thả ý dối gạt kẻ không biết, tự nói: “Tôi đã từng gắp Thiện tri thức, tôi được pháp thượng nhân”. Kẻ không biết tin nhận, cùng bọn đó qua lại kết làm bạn đạo, hoặc dụ làm đồ đệ, người trên làm kẻ dưới bắt chước, tự chẳng biết quấy, chẳng chịu phản tinh. Chẳng chịu gắp Thiện tri thức, dối tự tôn tự đại thành ra tội đại vọng ngữ. Bọn này thật là người

đáng thương xót. Nay người chán đại chúng muốn ở thất riêng đâu chẳng kinh sợ ư! Nếu người chân chánh học đạo thận trọng chớ để nảy ra cái ý niệm này. Tốt nhất nên ở trong chúng tham cứu, huynh đệ cảnh giác nhau, dẫu chẳng ngộ đạo quyết cũng chẳng rơi vào lối này. Người học chẳng thể chẳng cảnh giác!



CHƯƠNG IV

CẢNH NGỮ KHAI THỊ LÚC NGHI TÌNH PHÁT KHỎI

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, thấy cả đại địa sáng suốt không có mảy lông chướng ngại bèn muốn thừa đương việc này, chẳng chịu buông tay, ngồi bên cạnh Pháp thân, do đây mạng căn chẳng cắt đứt, ở trong Pháp thân dường như có kiến địa, có thọ dụng. Trái lại, chẳng biết toàn là con chứ chẳng phải cha, cổ nhân gọi đó là “Câu cách thân”. Mạng căn chẳng cắt đứt, toàn thân là bệnh, chứ chẳng phải thiền. Đến chỗ này chỉ cần toàn thân ngộ nhập thừa đương cái việc lớn, cũng chẳng biết có người thừa đương. Cổ Đức nói: “Vực thẳm buông tay, tự nhận thừa đương, chết đi sống lại chẳng đổi được ai”. Nếu mạng căn chẳng cắt đứt, toàn là tâm sanh diệt. Nếu mạng căn cắt đứt rồi, chẳng biết chuyển thân nhả khí thì gọi là người chết, chứ chẳng phải cứu cánh. Mấy đạo lý này chẳng phải khó hiểu, chỉ tại hành giả chẳng chịu gấp Thiện tri thức. Nếu gấp Thiện tri thức dụng nhằm chỗ đau lập tức biết dường về, bằng không thì vùi thây muôn dặm.

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, khuấy đục thế giới được một đoạn thọ dụng như dậy sóng cuồn cuộn, hành nhân say đắm sự

thợ dụng này, xô chẳng tới, kéo chẳng lui. Do đây, chẳng được toàn thân ngộ nhập như người nghèo gắp được một tòa núi báu, rõ ràng biết đó là vàng, song chẳng thể lấy dùng. Cổ nhân gọi đó là người giữ kho báu, toàn thân là bệnh, chứ chẳng phải thiền. Đến chỗ này chỉ cần phải màng nguy vong mới cùng Pháp thân tương ứng. Ngài Thiên Đồng nói: "Khắp cùng Pháp giới thành cơm cá, tha hồ chuí mũi ních cho no". Nếu chẳng tha hồ chuí mũi thì như ngồi bên thùng cơm mà chịu chết đói, ở trong biển cả chết khát, giúp được việc gì ! Vì thế nói, sau khi ngộ cần phải gắp Thiện tri thức, như Cổ Đức sau khi ngộ cần phải gắp Thiện tri thức là điều rất gương mẫu. Nếu tự thừa đương việc này, chẳng chịu gắp Thiện tri thức nhổ định tháo chốt, đều là người tự dối vậy.

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, thấy núi chẳng phải núi, nước chẳng phải nước, cả đại địa lấp bít không một kẽ hở bằng mây lông, chợt sanh tâm suy lường dường như che chướng trước mặt, ngần ngại thân tâm, đề cung chẳng khởi, đập cung chẳng vỡ; Khi đề khởi dường như có, lúc buông xuống dường như không, mở miệng nhả khí chẳng được, dời thân đổi bước chẳng được, chính ngay lúc ấy cũng chẳng được, đến chỗ này toàn thân là bệnh chứ chẳng phải thiền. Trái lại, chẳng biết cổ nhân dụng tâm thuần nhứt, nghi tình phát khởi thấy núi chẳng phải là núi, nước chẳng phải là

nước, chẳng sanh tâm suy lường, chẳng khởi niêm
khác, cứng cỏi bức bách; Chợt một mai đập vỡ khối
nghi, toàn thân là mắt, thấy núi vẫn y nguyên là núi
cũ, nước vẫn y nguyên là nước cũ; sơn hà đại địa từ
chỗ nào đến, tìm một mảng lông dấu vết ngộ trọn
chẳng thể được. Đến chỗ ấy, cần phải gặp Thiện tri
thức. Nếu chẳng gặp Thiện tri thức thì cây khô trước
núi, trong đường té lại có đường té. Người nào đến
đây mà chẳng dần dà, chẳng bị cây khô làm vấp ngã,
thì Bác Sơn này cùng với người ấy kết bạn đồng tham.

Tham thiền tình phát khởi cùng lý Pháp
thân tương ứng, bèn trầm trầm, tịch tịch, thôi đi,
nghỉ đi, một niệm vạn niệm đi, đem nghi tình bỏ vào
trong lý Pháp thân chẳng được thọ dụng, luôn luôn
chết đi không hồi hổ, không quản đói, không khí tức
tòan bị tử thủy ngâm chết, tự cho là cực tắc, tòan
thân là bệnh chứ chẳng phải thiền. Dưới hội Thạch
Sương, người dụng công loại này rất nhiều, dẫu cho
ngồi tịch đứng chết cũng chẳng được thọ dụng. Nếu
nhận được kiền chùy, biết được đau ngứa, chuyển được
thân, nhả được khí mới là người tham thiền. Nếu
chẳng biết đau ngứa, tuy hội được câu Pháp thân, dẫu
tọa đoạn mười phương, có dùng được cái gì? Ngài
Thiên Đồng nói: "Tọa đoạn mười phương còn điểm
trán, thầm dời một bước thấy rồng bay". Cổ nhân có
nhiều cảnh ngữ dạy người, có nhiều cát đằng trao
phó, tự người ấy chẳng chịu tham đến thấu triệt mà

muốn bắt chước Thiện tri thức ở trong chỗ thiên quân vạn mã được ngàn tự do trăm tự tại, há chẳng phải là khó sao?

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, ngồi chỗ lóng lặng chẳng lay động, sạch trọi trơ, không thể nắm bèn buông thân đi, chẳng biết được chuyển vị xoay cơ, nhằm chỗ này gắng gượng lập chủ tể, kẹt bên cạnh Pháp thân, toàn thân là bệnh chớ chẳng phải thiền. Ngài Động Sơn nói: “Núi hiểm cảnh lạ, hạc chẳng dừng ở. Cây linh khác thường, phụng không nương gá”. Phải biết bốn chữ “Núi hiểm cây linh” rất là huyền áo, chẳng phải cứng nhắc. Bốn chữ “chẳng dừng không nương” rất là hoạt bát, chẳng phải chết cứng một chỗ. Nếu chẳng tham cứu đến chỗ huyền áo ắt chẳng biết chỗ sâu của sự nhập lý. Nếu chẳng đến chỗ diệu của xoay cơ. Đạo nhân dụng tâm, dụng đến chỗ chẳng thể dụng, tốt nhứt nên gặp Thiện tri thức đập vỡ thùng sơn được chỗ triệt ngộ, đâu nên ôm cái ngu như ôm cây đợi thỏ, kẹt ở một bên, cam tâm làm con hạc trong lồng, con phụng rụng lông u?

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, trước mặt mơ hồ dường như có vật. Dem cái chỗ mơ hồ này nghi tới nghi lui định chắc cái tiền cảnh rồi tự cho là nhập được lý Pháp thân, thấy được Pháp giới tánh. Chẳng biết những thứ này là do dụi mắt tạo thành, toàn thân là bệnh chứ chẳng

phải thiền. Nếu thật là người nhập lý thì thế giới rộng một trượng, gương xưa rộng một trượng, thân dọc ngang giữa vũ trụ, tìm căn, trần, khí thế giới trọn chẳng thể được. Lại lấy cái gì làm thân, lấy cái gì làm cảnh, lấy cái gì làm vật, lấy cái gì làm chỗ mơ hồ. Ngài Văn Môn cũng chỉ ra bệnh này trong một bài pháp ngữ dài. Nếu rõ được một bệnh này thì ba thứ bệnh kể trên đều tiêu hết. Bác Sơn tôi, thường bảo người học: Trong Pháp thân bệnh rất nhiều, chỉ cần bệnh nặng một phen mới biết được gốc bệnh, giả sử người khắp cả quả đất này tham thiền, chưa có một người nào chẳng bị bệnh Pháp thân, duy trừ người điếc, đui, câm, ngọng, mới chẳng ở trong phạm vi này.

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, thấy cổ nhân nói: “Cả đại địa là một mắt của Sa môn, cả đại địa là một điểm linh quang của chính mình”, lại dẫn lời trong Kinh nói: “Trong một hạt bụi bao hàm chân lý của vô biên pháp giới”, bèn nhầm vào chỗ này lanh hội, chẳng chịu cầu tiến, sống chẳng được, chết chẳng được, lấy cái tri giải này cho dó là ngộ, toàn thân là bệnh chứ chẳng phải thiền. Trái lại, chẳng biết dấu cùng với lý Pháp thân tương ứng, nếu chẳng thoát thoát thì toàn là lý chướng, đọa bên cạnh Pháp thân, hà huống bị cái tâm tri giải kéo dắt, chẳng thể nhập lý sâu xa, con khỉ này nắm chẳng chết nó chẳng chết đi thì làm sao

được chết rồi sống lại! Phải biết, ban đầu phát khởi nghi tình cần phải cùng lý tương ứng, đã cùng lý tương ứng cần được chỗ thâm nhập; Đã được chỗ thâm nhập cần phải hướng trên đầu núi muôn trượng nhào lộn, buông thảng tay xuống tận đáy sông Chương mới là bậc đại nhân dụng tâm. Bằng không, đều là kẻ nấm lấy sự hư vọng, chứ chẳng phải người gieo giống nhà thiền.

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, đi, đứng, ngồi, nằm như ở trong ánh sáng mặt trời, như ở trong bóng đèn, lạt lẽo không mùi vị. Hoặc toàn thân buông bỏ, ngồi đến lúc nước lóng ngọc sáng, lúc gió mát trăng trong, chính ngay lúc ấy, trong y báo, chánh báo đều thành một phiến cảnh thanh tịnh linh lợi, tự cho đó là cứu cánh, chẳng được chuyển thân nhả khí, chẳng được thảng tay vào chợ, lại chẳng chịu cầu người quyết trạch. Hoặc hướng vào trong chỗ bạch tịnh riêng sanh ra niệm khác cho đó là ngộ, toàn thân là bệnh chứ chẳng phải thiền. Ngài Thiên Đồng nói: “Ánh sáng thanh tịnh chiếu vào mắt tự như không biết đường về nhà, rõ ràng chuyển thân hãy còn rơi vào địa vị”. Bởi vì ánh sáng thanh tịnh chiếu vào mắt, há chẳng phải nước lóng ngọc sáng, gió mát trăng trong ư? Rõ ràng chuyển thân còn tiến được một bước chỉ cần bốn chữ “Tợ mê, đọa vị” một ấn ấn định, hành nhân đến chỗ này, làm sao xử trí, chỉ cần có cuộc chuyển biến lớn, cầm một

cộng cỏ dùng làm thân vàng một trượng sáu, cũng chưa là ngoài bốn phận. Bằng không, là đóng cọc trên đất chèo ghe, leo cây bắt cá, gọi là người không khí huyết, dẫu có đánh chết ngàn người muôn người cũng không có tội lỗi gì!

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, ở bên cạnh Pháp thân sanh ý tưởng kỳ đặc, thấy ánh sáng, thấy bông hoa, thấy các thứ tướng lạ, bèn cho là chứng Thánh, đem những việc lạ này khoe khoang mê hoặc người, tự cho rằng mình đại ngộ, chẳng dè toàn thân là bệnh, chứ chẳng phải thiền.

Phải biết những cảnh tượng lạ này hoặc là vọng tâm của mình ngưng kết mà thành, hoặc là cảnh ma thừa sơ hở mà vào, hoặc là trời Đế Thích biến hóa hiện ra để thử. Vọng tâm ngưng kết, như người tu Tịnh Độ quán tưởng chẳng dời niệm chợt thấy tượng Phật, tượng Bồ tát v.v... như trong kinh Thập Lục Quán nói, đều cùng với lý Tịnh Độ hợp, chẳng phải là yếu môn tham thiền. Thừa sơ hở mà nhập, như trong kinh Lăng Nghiêm lúc năm uẩn không, tam hành nhân có chỗ chấp trước, ma liền theo ý mà hiện. Biến hóa hiện ra để thử, như lúc Bồ tát tu hành, trời Đế Thích hóa thân hiện ra quý không đầu, quý không ngũ tạng, Bồ tát tâm không sợ hãi. Đế Thích hiện thân mỹ nữ, Bồ tát không có tâm ái nhiễm. Lại hiện thân Đế Thích lẽ bái rằng: “Núi thái có thể sụp, nước

biển có thể can, khó có thể làm động tâm bậc thượng nhân kia". Cho nên nói: "Tôi khéo của bọn người tà đạo kia có tận, còn cái chẳng thấy chẳng nghe của lão Tăng vô cùng tận". Nếu người thật sự tham học dẫu đao bén gí trước mặt, không chút động niệm, hà huống cảnh tướng chẳng thật trong định ư? Đã cùng lý tương ứng át ngoài tâm không có cảnh, tâm nǎng quán, cảnh sở hiện còn đặt để ở chỗ nào?

Tham thiền nghi tình phát khởi cùng lý Pháp thân tương ứng, cảm thấy thân tâm khinh an, động chuyển thi vi chẳng ngăn ngại nhau. Đây là đạo chánh thiền giao nhau, từ đại diều hòa thơ thới chốc lát như vậy, chẳng phải cứu cánh. Người không biết kia bèn buông bỏ nghi tình, chẳng chịu tham cứu tự cho là được đại ngộ. Trái lại, chẳng biết mạng cẩn chẳng cắt dứt, dẫu có thể nhập lý song toàn là thức tâm, vì dùng thức tâm suy lường, toàn thân là bệnh chứ chẳng phải thiền. Vì nhập lý chẳng sâu, chuyển thân quá sớm, tuy có tri giải sâu song chẳng được thật dụng. Dẫu được hoạt cú, tốt nhất nên đến bên suối dưới rừng bão dưỡng hàm súc, điều thiết yếu là chẳng nên nóng nảy, muốn dạy người, dối trá tự tôn tự đại. Phải biết đầu tiên dụng tâm nghi tình phát khởi, lúc kết thành một khối chỉ đợi nó tự vỡ tung ra mới được thọ dụng. Bằng không hơi có tri giải nhập lý liền buông bỏ nghi tình, chỗ này quyết định là chết chẳng được, quyết định là tham chẳng triệt; Một đời

luống qua chỉ có cái danh tham thiền mà không thật tham thiền. Dẫu cho đến mức thồng tay vào chợ đi nữa cũng chẳng ngại gì gặp Thiện tri thức. Bậc Thiện tri thức là đại y vương có khả năng chữa được bệnh nặng, là đại thí chủ hay cho như ý bảo châu. Điều thiết yếu là nên sanh cái ý tưởng tự đủ, chẳng muốn gặp Thiện tri thức. Phải biết chẳng chịu gặp Thiện tri thức là chấp cái kiến giải của mình. Bệnh lớn trong thiền không bệnh nào nguy hại hơn bệnh này.



CHƯƠNG V

CẢNH NGỮ KHAI THỊ THIỀN GIẢ THAM CÔNG ÁN



KHAI THỊ THIỀN GIẢ ĐỒNG NHAM ĐẠT KHÔNG

Thông đạt hư không ngược sóng bạt
Khéo đem gia sản đều phá sạch
Có mắt chẳng thấy, có tai diếc
Cục thịt đỏ lòm đánh mạnh thêm.
Để cho meo trắng đầy khóe miệng
Phật pháp trần lao cùng bình đẳng
Chánh niệm, mũi kim đâm chẳng lọt
Da mặt sắt đúc, không nhân tình.
Phi lẽ chớ dạy, nhẹ bước chân
Cử chỉ an tường phải hồi hổ
Dối đem tri kiến, vọng thân sơ
Đập nát khói nghi, phải diệu ngộ.
Chẳng vỡ khói nghi, thê chẳng thôi
Thả ra trâu cổ của Qui Sơn
Một mai xỏ mũi dắt trở về
Lấp đất che trời một con này.

KHAI THỊ THIỀN GIẢ PHONG ĐỈNH TRÍ KIẾN THAM CÔNG ÁN CHỮ “VÔ”

Con chó Phật tánh không?
 Ngay đó tuyệt thân sơ
 Như vào sóng ngàn tầm
 Chỉ tìm cá đỏ đuôi
 Có sừng chẳng phải nó
 Không râu chẳng phải y
 Hữu, vô đều dẹp sạch
 Dò kiếm ngọc ly long.
 Lại như lửa bốn phía
 Phía trước một con đường
 Lùi bước bị đốt chết
 Chạy ngang cũng tan thân.
 Lửa dữ chẳng đình chỉ
 Muốn sống chờ chần chờ.
 Như đi trên miệng vực
 Bể sâu một muôn trượng
 Dụng ý phải như thế
 Giữ lấy cái chốt linh
 Có lộ trình phía trước
 Nước đến tự thành ngòi.



KHAI THỊ THIỀN GIẢ TRÍ BẠCH THAM CÔNG ÁN “CỤC CỨT KHÔ”

Thế nào là Phật? - Cục cứt khô
 Đại thiền thế giới một cục sắt
 Toàn thân ngồi ở trong cục sắt
 Lúc chẳng được ra, nói với ai?

Trí Bạch lẽ bái.

Sư nói: Chớ lẽ bái, dẫu cho lúc ra được cũng ăn ba mươi gậy.

KHAI THỊ THIỀN GIẢ TRÍ BẬT THAM CÔNG ÁN “MỘT CÂU THOẠI ĐẦU KHỞI TỪ CHỖ NÀO”

Một câu thoại đầu từ đâu khởi
 Biển sâu khiến cho cạn tới đáy
 Một câu thoại đầu đi về đâu
 Gió xuân thổi chạm cây sen hồng
 Chẳng xét đi, chỉ xét khởi
 Đá sụp, vực lở, điếc hai tai
 Trong mươi hai thời bước chặng dời
 Như muôn dừng ở trên dao nhọn
 Chỉ cần lộn ngược một phen xem
 Lục địa bình nguyên cứ cất bước
 Nam nhi lập chí nên như thế
 Ai nói bắt rồng, vượt râu cọp
 Hỏi đường Đài Sơn như thế nào?
 Chỉ ở thôn xa hãy đi thẳng.

**KHAI THỊ CỦ SĨ TÂM DƯƠNG THAM
CÔNG ÁN “KHÔNG TUNG TÍCH”**

Không tung tích, chớ ẩn thân
 Dựng thẳng xương sống, hành như thế
 Vách sắt, núi bạc đều dựa ngã
 Mây lân hoan hỷ, mây lân sân.
 Chỗ ẩn thân không tung tích
 Đứng hướng hư không tìm dấu chim
 Buông bỏ mặt sắt của mẹ sanh
 Tật lê đổ ra nước vàng ròng
 Xem qua xét lại, chẳng dạy nhiều.
 Lo gì chúng sanh với Phật, ma
 Chỉ cần một ngụm đều nuốt hết
 Giọt nước trở thành sóng mấy trượng
 Đi cũng tham, ngồi cũng cứu
 Đá vỗ ngón tay đều phương tiện
 Cõi ngược ngựa sắt lên Tu di
 Suốt đời chẳng nên theo sau người.



**KHAI THỊ GIÁM VIỆN CHIẾU KHÁN
CÔNG ÁN “MUÔN PHÁP QUY VỀ MỘT”**

Muôn pháp quy về một, một quy về chỗ nào?
 Nhường đôi lông mày như đống lửa lớn
 Sống cùng nó đồng sống, chết cùng nó đồng chết

Đi cùng nó đồng đi, đứng cùng nó đồng đứng
 Chóng khởi nghi tình, chớ sanh sợ hãi
 Như gặp địch thủ dữ dằn chẳng rảnh
 màng đến việc gì khác
Gặp cảnh thuận nghịch cần phải khéo hồi hổ
Chẳng biết chỗ về thì theo việc khác
Đập vỡ núi Thiết vi, ngồi xổm trong kho báu
Chớp mắt cùng nhường mày toàn cơ bày
 lộ liễu
Áo vải Thanh Châu nặng bảy cân
Trước cửa ngàn cây đào như cũ.



KHAI THỊ THIỀN GIẢ PHỐ CHÂU THAM CÔNG ÁN “NIỆM PHẬT”

Một câu A Di Đà
 Như Châu bỏ vào nước đục
 Châu bỏ vào nước tự trong
 Phật niệm, vọng tâm liền dứt
 Nước tự trong râu ria soi thấy
 Bặt máy trân, mường tượng biết được mặt
 mẹ sanh
 Dang cắp lông mày để làm gì?
 Vọng liền dứt, đầm sâu muôn dặm chẳng
 thấy đáy

KHAI THỊ THIỀN GIẢ QUÁN NHƯ KHÁN CÔNG ÁN “TRƯỚC KHI CHA MẸ CHUA SANH”

Trước khi cha mẹ chưa sanh
Ai là bản lai diện mục?
Buông bỏ tâm can sắt
Đề khởi kiếm xuy mao (*Thổi lồng*)
Thế pháp và trần duyên
Như mồi vào ngon lửa

Dám nói: linh minh hiển hiện, ánh sáng nuốt
muôn cảnh, cảnh chẳng phải ánh sáng.
Lại cười: sông lặng sạch như dây lụa mà chẳng
phải lụa
Chỉ một đường lại phải vào lửa để trui luyện.
Lỗ kim nhỏ lúc kim vàng lộ lỗ tròn.
Vái Tô Châu cũng là lụa Dương Châu.
Tham!

KHAI THỊ THIỀN GIẢ TÔNG DIỆU NGUYỄN THAM CÔNG ÁN “SUỐT MỘT NGÀN NGÀY”

**Người khéo tẩn đao ngàn ngày công
Xu hướng như nuốt lật cước bồng
Trong chõ thanh tịnh vừa mõng niệm
Núi Tu Di cách ở bên trong**

Một câu thoại đâu như cục sắt
 Phật pháp trần lao đều ngăn dứt
 Hôn trầm tán loạn thành khối đi!
 Chỉ cần khẩn thiết thêm khẩn thiết.
 Ngàn ngày đồng như trong khoảnh khắc
 Đường tâm nèo ý tuyệt lại qua
 Dang cả hai chân vượt lên trên
 Lửa nóng, băng lạnh không xá kể
 Toàn thân xông vào nước vô sanh
 Khéo thoát ra ngoài quy tắc hữu vô
 Lấp bít hư không, chẳng mang người
 Mới biết đại địa như dầu hắc
 Trở mình cầm gậy sống như rồng
 Thấu biển xuyên núi chấn cổ phong
 Đây là chuyển động sức tam muội
 Pháp giới, dầu lông dùng chẳng cùng
 Còn việc rốt sau phải hướng thượng
 Huyền diệu cơ vi đều chẳng phải
 Chẳng hành chõ của Như Lai hành
 Nam nhi tự có xung thiên chí.

Đáp Quan Chủ Lục hỏi: Hành nhân tham công án, thoại đâu chân thiết, chẳng rơi vào ngũ ấm ma và ngoại đạo của kinh Lăng Nghiêm.

Xem kỹ năm mươi thứ ma kể trong kinh Lăng Nghiêm chẳng ra ngoài một chữ CHẤP. Như sắc ấm minh bạch tiêu tan các niệm cho đến người này siêú

viết được kiếp trước. Xét nguyên do của nó lấy kiên cố vọng tưởng làm gốc, tức là kiên cố vọng tưởng này chẳng thể dung hòa, ở trong vọng tưởng tinh nghiên thấy việc lạ lùng hiếm có bèn cho đó là chứng Thánh, há chẳng phải là chấp ư? Như chẳng cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành, chẳng cho là chứng Thánh tức là chẳng chấp.

Lại trong ngũ uẩn đều lấy hai chữ vọng tưởng để kết thúc. Một chữ chấp này đầu tiên chẳng thể phá thì vọng tưởng này là gốc rễ của ma, gốc rễ chẳng trừ, bẻ nhánh, lá không cho nó chẳng sanh có được chẳng? Thậm chí lợi dụng sự hư minh ăn tinh khí kia đều do vọng tưởng dẫn dắt, chứ chẳng phải ma bên ngoài đến. Ví như cẩn thận giữ gìn cũng chỉ là trên tuyết thêm sương, đổ dầu vào lửa mà thôi.

Như hư minh vọng tưởng ở trong thọ ám, hư minh cũng là vọng tưởng. Bởi vì đầu tiên chưa đến chỗ tìm tâm chẳng có, chẳng phải vọng là cái gì?

Như dung thông vọng tưởng ở trong tưởng ám chương đầu tiên nói: Tâm ưa thích viên minh tức là gốc vọng trước cùng cảnh dung thông bèn sanh nhiễm trước. Mười loại đều nói “Tâm ưa thích v.v...” Bởi vì Thiên ma từng trong cảnh viên minh đến cùng với tâm ưa thích ngẫu hợp làm ra vô biên nghiệp ma, đâu thể cứu được. Bởi vì hành nhân đầu tiên tọa một niệm này, vô tâm tức không thích, không thích thì một chữ chấp làm sao có! Như chương thứ chín nói

“Tâm thích nhập diệt, tham cầu cái rỗng không, sâu nhiệm v.v...” đều là nghiệp ma, cũng là vì ban đầu vọng tâm chẳng phá, đúng là nấu cát thành cơm, cát chẳng phải là gốc của cơm.

Như u ẩn vọng tưởng trong hành ấm. Bởi hành ấm lấy trôi chảy đổi dời chẳng dừng làm tánh, cho nên nói: “Căn nguyên sanh diệt từ đó hiển lộ”. Vì tưởng ấm hết, thấy suốt căn nguyên trong hành ấm là niệm niệm sanh diệt chẳng dừng. Hành nhân chẳng theo sự sanh diệt trôi chảy đổi dời, cho nên được chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Bấy giờ Thiên ma chẳng được cơ hội thuận tiện khuấy phá. Nhưng ở trong tánh viễn nguyên lại mống tâm so đo cho nên xét đâu đuôi có nhân, không nhân v.v... Đã có so đo thì mất chánh biến tri. Hai chữ so đo từ trong u ẩn ra. Văn kinh nói: “Xét cái u thanh kia chẳng thể thấy suốt nguồn đáy”.

Như điên đảo vọng tưởng trong thức ấm nghĩa là cái then chốt lay động u ẩn chung, sanh ra các loài thế gian, bỗng được xóa bỏ, sáu căn rỗng lặng không còn rong ruổi nữa, rỗng lặng vì không rong ruổi, không rong ruổi vì hành ấm hết. Hành ấm đã hết, thấy nghe thông nhau hỗ dụng thanh tịnh. Cho nên nói: “Cùng tột các hành không còn nương vào thức nguyên nhẫn đến tinh diệu chưa viên bèn sanh thăng giải”. Muời thứ này đều do thức tâm mà sanh thăng giải.

Đã sanh thăng giải, trái xa với viễn thông sanh ra các chủng loại.

Trong thiền môn, người khéo dụng tâm các thứ ma đều chẳng dính dáng. Ngài Tư Đại nói: “Mười phương chư Phật bị ta một miếng nuốt ráo, chỗ nào còn có chúng sanh để độ”. Đây là trong địa vị Phật Tổ lưu lại nó còn chẳng được, huống là tà ma ngoại đạo làm gì được ông. Muốn được chẳng bị ma phá, chỉ cần toàn thân nhập lý, chẳng đợi khiển trừ, chẳng đợi gìn giữ, niệm vọng tưởng hết thì nghiệp ma tự hết. Cổ Đức nói: “Tốt nhất ngay gốc hạ một búa, khởi cho ngoài đốt lại sanh cảnh”.

Đáp: Chẳng chấp tu chứng, chẳng bỏ tu chứng.

Môn hạ của Tông ta không luận lợi độn, hiền ngu, chỉ cần dùng lòng tin mà vào. Đã phát khởi tâm dũng mãnh như ngồi tại vách sắt núi bạc chỉ cầu thoát ra, các tâm vọng tưởng đều không thể xâm nhập, công hạnh quán chiếu không cần phải nhớ. Nếu được một niệm vỡ tung như vẹt mây thấy trời, như được lại vật cũ, thì công hạnh quán chiếu cũng không có chỗ dùng. Chỉ quý cái niệm tham cứu khẩn thiết, tham cứu cũng liên quan đến công hạnh, song chẳng dùng hai chữ “Công hạnh” đặt tên. Như khám phá thế duyên, tham cứu chí đạo cũng liên quan đến quán chiếu, song chẳng dùng hai chữ “Quán chiếu” đặt tên. Như kinh Viên Giác nói: “Duy trừ người đốn giáo cùng pháp chẳng tùy thuận”. Nếu cho quán chiếu là sự tu hành

thì có tâm năng quán năng chiếu, ắt có cảnh sở quán sở chiếu, năng sở đối lập, chẳng phải vọng là gì? Vì thế Thiền tông nói: “Tự mình đứng trong hư không rộng lớn, ngoài tâm không có cảnh, đem mười phương thế giới cùng thân tâm cha mẹ sanh dung thành một khối, tọa đoạn hai đầu mới được vào cửa. Một con đường hướng thượng lại cần phải tự khán, bằng không đều là kế sống của nhà quý, đâu có thể nói đồng với tu chứng. Nếu mập mờ lầm lạc chẳng đến chỗ này, thì gọi là tự dối. Bọn người này là bọn người đáng thương xót, thật đâu đáng kể. Ngài Nam Nhạc nói: “Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được”. Tu ngay cái chẳng nhiễm ô này, mới gọi là viên tu, còn có chấp được chữ tu này chẳng? Chúng ngay cái chẳng nhiễm ô này, mới gọi là viên chứng, còn có chấp được chữ chứng này chẳng? Như thế thì suốt ngày tu mà không tu, quét đất, đốt hương cho đến vô lượng Phật sự đâu nên bỏ phế, chỉ cần chẳng chấp tu chứng mà thôi. Bồ tát Cửu Địa còn vô công dụng hạnh, huống là hàng Thập Địa. Cho đến hàng Bồ tát Đẳng Giác thuyết pháp như mưa như mây còn bị ngài Nam Tuyên quở là cùng với đạo hoàn toàn trái, huống là hàng Thập Địa còn quán chiếu, mà có thể so sánh sự hơn kém với Thiền tông được hay sao?



MƯỜI BÀI KỆ THAM THIÊN

1. Tham thiền phải người sắt
Không luận đến kỳ hạn
Cắn chặt hai hàm răng
Chỉ cốt xong đại sự.
Lửa mạnh vạc dầu sôi
Hư không đều nấu nhừ
Một mai chợt đập vỡ
Buông xuống gánh ngàn cân.
2. Tham thiền chớ luận lâu
Chẳng cùng trần duyên hợp
Nhường cao cắp lông mày
Hư không lật lộn ngược
Tu Di dãm thành bụi
Ngay đây tham bốn hữu
Sắt sống chảy vàng ròng
Mới khỏi cái lối trước.
3. Tham thiền chớ cẩu thả
Ngôn hạnh hợp gương xưa
Tâm thảng như dây đàn
Chẳng khổ vì lối té.
Đập nát cửa Hoàng Long
Ném tuốt lời Vân Môn
Ông Tăng nghèo nàn này
Từ nay chẳng ra cửa.

4. Tham thiền không chủ tể
Chỉ cầu tâm chẳng đổi
Muôn thứ và trần lao
Bụi lốc ai biết tới
Cứng cỏi dở trời cao
Mạnh dạn tát biển cả
Tuy nhiên chưa triệt đầu
Chắc chắn được đường trước.
5. Tham thiền phải xét kỹ
Chớ tính kể công trình
Có điều thì vin điều
Không điều thì kéo lệ
Chẳng thân Phật cùng Tổ
Lo chi kinh với kê
Một ngum đều nuốt hết
Tâm không mới thi đậu.
6. Tham thiền phát chánh tín
Tín chánh động cung ma
Mảnh tuyết vào lò hồng
Thân trần chơi dao bén
Chỉ tìm lên đường sống
Chớ ngâm trong nước chết
Cửa lớn chợt mở toang
Nhào qua Tỳ Lô ấn.

7. Tham thiền chẳng phải chơi
Thời giờ qua nhanh chóng
Chí lý rất huyền áo
Đời Tân, dùi mạ vàng
Dốt thay! Tâm trượng phu
Vào tay cần tự phán
Chớ đợi chết bối rối.
8. Tham thiền không khéo, vụng
Một niệm quy siêu việt
Biết bóng trên ngón tay
Tìm thấy trăng trên trời
Bổ ngực ra lấy tim
Cạo sạch lông có máu
Thuật rõ lại ông nghe
Chẳng ngộ nói với ai.
9. Tham thiền phải nê sờm
Chờ đợi tuổi già nua
Tai điếc, mắt lờ mờ
Sáng còn, tối khó giữ
Việc vui sướng nhất đời
Đến đây đều bỏ hết
Phật pháp vốn không nhiều
Chỉ cần hiện tại ngộ.

10. Tham thiền chớ trị vọng
 Trị vọng vẫn thành chướng
 Như muốn được cá kình
 Quần chi sóng gió lớn
 Chí thế tuyệt mây trần
 Vọng tâm là gì chứ!
 Thưa cùng người tham thiền
 Môn này thật đáng quý!



PHỤ LỤC

THIỀN SƯ BÁC SƠN KHAI THỊ VỀ GIẢI NGỘ VÀ CHỨNG NGỘ

Một chữ NGỘ, môn hạ Tổ Sư gọi là thuốc độc, hãy còn chẳng lưu lại, huống là ngộ ư? Nay chẳng tránh phạm húy, mà nói đến chữ NGỘ, khiến trí ngu có chỗ so chọn, tông giáo có chỗ phân chia, hành giả chẳng sa vào con đường hiềm trở, thật là sự giúp ích trên đường tu hành.

Luận về Thiền có hai thứ ngộ môn: Một là từ trong văn tự ngữ ngôn được giải ngộ. Hai là từ trên phân minh tham cứu được triệt ngộ. Người giải ngộ sức yếu. Người triệt ngộ sức mạnh. Người giải ngộ như nghe người nói vật. Người triệt ngộ như chính con mắt mình thấy vật. Nghe, thấy tuy một, mà nghi

và chẳng nghi, thật cách xa nhau như trời với đất. Người từ trong văn tự giải chưa được triệt ngộ có hai thứ chướng: Một là văn tự chướng, hai là lý chướng. Văn tự chướng như người ăn mệt, càng ăn càng thấy ngọt; Tìm cầu chân lý sâu mâu ở trong mười hai phần giáo, không dính dáng gì với việc thoát ly sanh tử, cho nên gọi là chướng. Lý chướng nghĩa là đối với thật tế lý địa in tuồng rõ ràng, như toàn thân là châu báu song chẳng được thật dụng, đối với việc sanh tử cũng không dính dáng, cho nên gọi là chướng.

Người từ trong văn tự giải chưa được triệt ngộ, có hai thứ mạn: Một là ngã mạn, hai là Tăng thương mạn. Ngã mạn nghĩa là cho rằng ta đã ngộ, chúng sanh ở trong mê, như chỗ ta thấy, người khác chẳng biết, do đây khởi mạn. Tăng thương mạn nghĩa là cho rằng ta đã vào địa vị Thánh, trên không có Phật để cầu, dưới không có chúng sanh để độ, một chữ Phật ta chẳng thích nghe, do đây khởi mạn.

Người từ trong văn tự giải chưa được triệt ngộ có hai thứ tâm khiếp nhược: Một là ta thấy lý đã tột, mà hạnh chẳng theo kịp, ở trong địa vị Hiền Thánh chưa được chỗ thực tiễn, do đây khởi tâm khiếp nhược. Hai là chỗ thấy của ta cùng Phật đồng mà thật chẳng được quả dụng Phật, nên ta không có diệu dụng thân thông quang minh, do đây khởi tâm khiếp nhược.

Người từ trong văn tự giải chưa được triệt ngộ, có

hai thứ tưởng an ổn: Một là cho rằng thật tế lý địa chǎng thọ nhút trắn, núi sông đất đai chǎng ngại nhãnh quang; lại nói: “Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư”, trong thể đại viên tìm sự sanh tử qua lại trọn chǎng thể được, do đây khởi tưởng an ổn. Hai là thấy lý tuy rõ mà chǎng thể thân chứng. Trong các giáo thừa phần đồng quy hướng Tịnh Độ, cho rằng chỉ có niệm Phật vãng sanh là ổn đáng hơn hết, do đây khởi tưởng an ổn.

(Từ trên đến đây đều là Thiền bệnh)

Người quả thật triệt ngộ chǎng lấy văn tự làm giải cho hai thứ thật thọ dụng: Một là được chư Phật hóa nghi. Hai là được chư Phật quả dụng. Hóa nghi nghĩa là trong cõi tịnh, cõi uế của chư Phật, quyến thuộc Bồ tát, quyến thuộc Thanh Văn, mây hương, mây hoa, mây tràng phan bảo cái và thiên long bát bộ cùng ta đồng đẳng không khác. Nếu chǎng như thế là chưa triệt ngộ, vì lý ấy có chừng ngần. Hai là được chư Phật quả dụng, nghĩa là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp cho đến chín mươi bảy thứ và Pháp thân thanh tịnh và thần thông quang minh, thuyết pháp v.v... cùng ta đồng đẳng, không hai, không khác. Nếu chǎng như thế là chưa triệt ngộ, vì lý ấy có chừng ngần.

Người quả thật triệt ngộ chǎng lấy văn tự làm giải, đầy đủ diệu hạnh của các Bồ tát nghĩa là chư Bồ

tát quá khứ, chư Bồ tát vị lai, chư Bồ tát hiện tại, diệu hạnh các Ngài đã làm trong số kiếp bất khả thuyết thời đồng, xứ đồng, thân đồng, hạnh đồng, trong khoảng một sát na, một vị trần thấy đều đầy đủ. Nếu chẳng như thế là chưa triệt ngộ, vì lý ấy có chừng ngắn.

Người quả thật triệt ngộ chẳng lấy văn tự làm giải, cùng mười hai loại chúng sanh đồng một thể tánh, thân mình nhập vào thân người, thân người nhập vào thân mình, một thân nhập vào nhiều thân, nhiều thân nhập vào một thân, thế giới kia nhập vào thế giới này, thế giới này nhập vào thế giới kia, thế giới nhập vào tự thân, tự thân nhập vào thế giới, nhập vào tự thân chẳng thấy có thế giới, nhập vào thế giới chẳng thấy có tự thân, nghiệp lẫn nhau, dung lẩn nhau, không hoại, không tạp. Lại ở trong phần chúng sanh đồng một BI nguõng. Lại ở trong phần chúng sanh khởi đồng thể ĐẠI BI, nghĩa là Thiện và Ác đều không tự tánh, đều là tự tâm hiện lượng, đã không có cảnh ngoài tâm, dùng vô tác để hứng từ vận bi chẳng ngại ở trong cái thế vô tánh mà giải thoát chúng sanh vô tánh. Nếu chẳng như thế là chưa triệt ngộ, vì lý ấy có chừng ngắn.

Người quả thật triệt ngộ không lấy văn tự làm giải, cùng mười hai loài chúng sanh đồng một huyền hóa, nghĩa là duyên sanh vô tánh, sanh vốn vô sanh; vô tánh duyên sanh, chúng sanh đâu có thật như

huyền hóa, ta cùng với chúng sanh ở chung. Nếu chẳng như thế chưa triệt ngộ, vì lý ấy có chừng ngần. (*Đoạn trên là nói sự thọ dụng của người ngộ tâm, chẳng phải người giải có thể biết*).

Lại nữa, người từ trong ngũ ngôn giải nén không được triệt ngộ sanh ra vô biên cuồng giải; có người lấy “Hằng ngày việc không khác, chỉ ta tự biết hay” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Theo dòng nhận được tánh, không mừng cũng không lo” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Thần thông và diệu dụng, gánh nước và bửa củi” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nho” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Đối cảnh tâm luôn khởi, Bồ Đề làm sao lớn” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Núi sông và đất đai, toàn lộ thân pháp vương” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Thật tánh vô minh tức Phật tánh, thân không, huyền hóa tức pháp thân” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Vào cửa liền đánh” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Cơ phong đáp hỏi đầu môi lanh lợi” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Chẳng cần tham cứu, ngay đó lập tức gánh vác” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Vào cửa liền mừng” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Tập học thi phú từ chương, công xảo, kỹ nghiệp” mà sanh cuồng giải. Có người lấy “Buông bỏ lại buông bỏ, mở miệng tức là sai lầm” mà sanh cuồng giải.

Than ôi! Món ngon đê hồ được thế gian trân quý,

gặp bọn người này trở thành thuốc độc. Do vì chánh pháp suy đồi, tà ma hung thạnh quyến thuộc nối nhau đầy cả thế gian; Người lưu tâm tới việc sanh tử chẳng thể chẳng trước tiên soi thấu cảnh giới hư vọng này.

Lại có ba câu Cát đằng chẳng thể chẳng nói tráng ra cho cư sĩ rõ. Cổ Đức nói:

- 1 - Thế nào là Thiền?
- Con khỉ leo cây quơ cái đuôi.
- 2 - Thế nào là Thiền?
- Lửa hực đốt thêm dầu.
- 3 - Thế nào là Thiền?
- Cục gạch.

Những lời này là cát đằng của Tổ Sư truyền, tuy nhiên phân minh như thế song nói với ông tướng cũng rất khó.

(Đáp Thái sư Ngô Quán Ngã hỏi về sự khác nhau giữa Tông và Giáo)



MUC LUC

Trang

> PHẬT PHÁP VỚI THIỀN TÔNG	07	
> ĐẠI HUỆ NGŨ LỤC	25	
- Lời dịch giả	27	
- Tiểu sử	28	
- Lược sử	44	
- Phổ thuyết	46	
- Khám xét	65	
- Cơ duyên	86	
- Thư đáp	107	
> THAM THIỀN CẢNH NGŨ	199	
Tựa	201	
Lược truyện tác giả	205	
CHƯƠNG I	: CẢNH NGŨ KHAI THỊ NGƯỜI MỚI PHÁT TÂM THAM THIỀN	212
CHƯƠNG II	: BÌNH LUẬN CẢNH NGŨ CỦA CỔ NHÂN KHAI THỊ	233
CHƯƠNG III	: CẢNH NGŨ KHAI THỊ LÚC NGHI TÌNH PHÁT CHẮNG KHỎI	249
CHƯƠNG IV	: CẢNH NGŨ KHAI THỊ LÚC NGHI TÌNH PHÁT KHỎI	257
CHƯƠNG V	: CẢNH NGŨ KHAI THỊ THIỀN GIẢ THAM CÔNG ÁN KHAI THỊ	266
	MƯỜI BÀI KỆ THAM THIỀN	278
PHỤ LỤC	: THIỀN SƯ BÁC SƠN KHAI THỊ VỀ GIẢI NGÔ VÀ CHỨNG NGÔ	281

PHẬT PHÁP VỚI THIỀN TÔNG

Dịch giả: **THÍCH DUY LỰC**

(Tái bản lần thứ ba có chỉnh sửa)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04.37822845 - Fax: 04.37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - tổng biên tập

NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập:

LÊ HỒNG SƠN

Sửa bản in:

HT. MINH HIỀN

Trình bày và bìa:

TRƯỜNG THỊNH

In số lượng 1.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

Số 9-11 Đường CN1, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, Tp.HCM - ĐT: (08) 38.164.415

Số Đăng ký KHXB: 457-2014/CXB/06-35/TG

QĐXB: 146/QĐ-TG ngày 21/03/2014 Số ISBN: 978-604-61-1055-2

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2014